TS. YÊN NGỌC TRUNG

TRIẾT LÝ HÀNH ĐỘNG HỒ CHÍ MINH

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

TS. YÊN NGỌC TRUNG

TRIẾT LÝ HÀNH ĐỘNG HỒ CHÍ MINH

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội - 2020

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Chủ tịch Hồ Chí Minh là hiện thân của sự thâu thái, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa của văn hóa nhân loại, các hệ tư tưởng, trường phái triết học trên thế giới, trên nền tảng của triết lý truyền thống dân tộc để hình thành tư tưởng cứu nước, giải phóng dân tộc và triết lý phát triển đất nước. Triết lý hành động Hồ Chí Minh biểu hiện bằng nhiều hình thức khác nhau, chủ yếu là qua hành động thực tiễn, bài nói, bài viết, qua phong cách, lối sống, cách đối nhân xử thế, thái độ, cử chỉ của Người. Triết lý hành động Hồ Chí Minh mang đặc điểm riêng có của Chủ tịch Hồ Chí Minh, toát lên triết lý uyên bác, tinh tế, sâu sắc riêng biệt của một con người có cốt cách truyền thống mà cũng rất hiện đại, cộng sản mà vô cùng yêu nước, bình dị mà vô cùng vĩ đại.

Vận dụng triết lý hành động Hồ Chí Minh, đi theo con đường do Người lựa chọn, lãnh đạo, định hướng, trong những năm qua, công cuộc đổi mới đất nước do Đảng lãnh đạo đã đạt được những thành tựu quan trọng, có ý nghĩa lịch sử, đội ngũ cán bộ, đảng viên được rèn luyện, trưởng thành, có ý thức trách nhiệm,... Tuy nhiên, bên cạnh đó, một số cán bộ, đảng viên đã xuất hiện tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, làm ảnh hưởng đến uy tín, vai trò

lãnh đạo của Đảng. Do đó, triết lý hành động Hồ Chí Minh có ý nghĩa quan trọng, giúp cán bộ, đảng viên phấn đấu rèn luyện bản lĩnh chính trị vững vàng, có năng lực, động cơ và trách nhiệm đúng đắn, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân.

Nhằm cung cấp tài liệu cho bạn đọc, các nhà nghiên cứu tìm hiểu những vấn đề lý luận, giá trị dân tộc và thời đại của triết lý hành động Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách ***Triết lý hành động Hồ Chí Minh*** của TS. Yên Ngọc Trung - Giảng viên Học viện Chính trị khu vực I.

Cuốn sách gồm 3 chương:

Chương I: Khái niệm, cơ sở hình thành, bản chất triết lý hành động Hồ Chí Minh.

Chương II: Nội dung cơ bản của triết lý hành động Hồ Chí Minh.

Chương III: Giá trị dân tộc và thời đại của triết lý hành động Hồ Chí Minh.

Mặc dù đã cố gắng trong quá trình biên tập, xuất bản, song đây là đề tài nghiên cứu mới, do vậy nội dung cuốn sách khó tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để nội dung cuốn sách được hoàn thiện hơn trong lần xuất bản sau.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 01 năm 2020

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

LỜI NÓI ĐẦU

Tư tưởng Hồ Chí Minh là hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Nghiên cứu, vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ góp phần lý giải những vấn đề của thực tiễn đặt ra, đồng thời còn cung cấp cơ sở lý luận cho công cuộc đổi mới, phát triển đất nước. Tuy nhiên, ở góc độ Hồ Chí Minh học, nghiên cứu về triết lý Hồ Chí Minh còn chưa nhiều, mới chỉ dừng lại ở việc nghiên cứu về triết lý phát triển Hồ Chí Minh.

Vấn đề đặt ra là, phải chăng khi nghiên cứu về triết lý phát triển Hồ Chí Minh, các nhà khoa học nhận thấy lôgích phát triển của triết lý có một sợi chỉ đỏ xuyên suốt nội dung nghiên cứu? Sợi chỉ đó là tư tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, một nội dung xuyên suốt các vấn đề của cách mạng, của yêu cầu giải phóng và phát triển ở Việt Nam. Còn các triết lý khác của Chủ tịch Hồ Chí Minh chưa có sự liên kết thành hệ thống? Có phải chăng các triết lý của Chủ tịch Hồ Chí Minh không có một mẫu số chung? Và như vậy, nghiên cứu các triết lý của Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ có thể

làm rõ từng triết lý với những nội dung khác nhau, và mỗi triết lý chỉ có thể vận dụng vào một vấn đề cụ thể.

Có khi nào, ở một người có tư tưởng và hành động thủy chung như nhất, với nhiều triết lý sâu sắc mà các triết lý lại rời rạc, không có sợi dây liên kết, không nằm trong một lôgích, sự thống nhất nào đó? Quả thật là có khó khăn, phức tạp hơn khi đi tìm một mẫu số chung cho tất cả những triết lý tưởng như rời rạc này. Nhưng không phải là không thể, bởi điều mà bất kỳ ai nghiên cứu về Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng thừa nhận: tư tưởng, phương pháp cũng như phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh thấm sâu trong từng hành động, việc làm của Người. Tất cả mọi hành động, việc làm của Người đều hướng tới một mục đích là giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người.

Bằng hành động thực tiễn, trải qua rất nhiều gian khổ hy sinh, vô cùng cao thượng, trong sáng và đẹp đẽ, triết lý hành động của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hình thành từ rất sớm, trở thành chủ đề nhất quán xuyên suốt đến tận cuối đời. Cùng với tư tưởng, đạo đức, phong cách, phương pháp cách mạng, triết lý hành động của Chủ tịch Hồ Chí Minh được thực hiện trên thực tế, đem lại những thắng lợi vĩ đại cho cách mạng Việt Nam. Những thắng lợi đó đưa nhân dân một nước nghèo nàn, lạc hậu, bị thực dân, đế quốc đô hộ trở thành người làm chủ, được tự do, hạnh phúc, đất nước độc lập, hòa bình.

Triết lý hành động Hồ Chí Minh được hình thành do nhu cầu lựa chọn con đường để giải phóng dân tộc. Đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Triết lý hành động Hồ Chí Minh chỉ ra rằng: độc lập dân tộc là thiêng liêng, bất khả xâm phạm và tự do, hạnh phúc cho nhân dân là mục tiêu của mọi hành động. Triết lý về mục tiêu hành động của Chủ tịch Hồ Chí Minh còn nguyên giá trị, góp phần định hướng hành động cho Đảng, Nhân dân ta trong sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước hiện nay.

Nghiên cứu triết lý hành động của Chủ tịch Hồ Chí Minh để tìm ra câu trả lời cho những vấn đề đang đặt ra, tìm ra sợi dây liên kết cho những triết lý của Người là một việc làm có ý nghĩa, đặc biệt trong việc xác định một triết lý hành động chung cho đất nước trước những biến chuyển nhanh chóng của tình hình thế giới. Xác định một triết lý hành động trong xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên góp phần hình thành nên một đội ngũ cán bộ, đảng viên có đức, có tài, có tâm.

Qua lăng kính chủ nghĩa Mác - Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ chọn lọc được các giá trị triết lý của dân tộc, của phương Đông, phương Tây mà còn nhận thấy và phát triển các động lực cho hành động cách mạng. Triết lý về sức mạnh của quần chúng, vai trò của quần chúng nhân dân được quán triệt trong hành động.

Dân là điểm mấu chốt, cốt lõi của mọi hành động, điều đó tạo nên sự nhất quán giữa lời nói và việc làm, giữa tư tưởng và hành động của Chủ tịch Hồ Chí Minh: tất cả đều hướng đến dân, vì quyền lợi của dân, tự do, hạnh phúc của nhân dân. Tinh thần yêu nước của nhân dân được Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định *như các thứ của quý*. Bằng hành động cụ thể, thiết thực, Người đã khơi dậy và phát huy các thứ của quý đó để phục vụ cho sự nghiệp cách mạng. Lòng yêu nước được phát huy bằng *thi đua*, cùng tinh thần *đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết* dân tộc và quốc tế, tạo ra động lực hành động mạnh mẽ quyết định cho những thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Triết lý về động lực hành động thể hiện trong triết lý hành động Hồ Chí Minh có cơ sở lý luận khoa học, được những thắng lợi về nhiều mặt trong thực tiễn khẳng định.

Triết lý về phương pháp hành động của Chủ tịch Hồ Chí Minh được thể hiện trong sự nghiệp cách mạng phong phú và cao cả của Người. Triết lý "Dĩ bất biến ứng vạn biến" là phương pháp chỉ đạo hành động của Hồ Chí Minh. Quán triệt triết lý này trong hành động bảo đảm kiên định mục tiêu độc lập của dân tộc, tự do, hạnh phúc của nhân dân, đồng thời thể hiện tính linh hoạt, sáng tạo trong phương pháp hành động cụ thể nhằm đạt được các mục tiêu mà cách mạng đặt ra.

Trước thực trạng suy thoái về tư tưởng, đạo đức, nói không đi đôi với làm, nói một đằng, làm một nẻo,... của

một bộ phận cán bộ, đảng viên hiện nay, các triết lý về phương pháp hành động *miệng nói tay làm*, *đảng viên đi trước, làng nước theo sau*, đảng viên là *đầu tàu gương mẫu* trong triết lý hành động Hồ Chí Minh càng khẳng định giá trị sâu sắc, cần được vận dụng, thực hành phát triển, trở thành các tiêu chí quan trọng trong đánh giá phẩm chất đạo đức, tư tưởng của cán bộ, đảng viên.

Với những kết quả đạt được trong thực tiễn cách mạng Việt Nam, triết lý hành động Hồ Chí Minh đã góp phần bổ sung triết lý hành động có trong chủ nghĩa Mác - Lênin, phát triển triết lý hành động của dân tộc lên tầm cao mới. Triết lý hành động Hồ Chí Minh đã và đang định hướng cho hành động của Đảng trong quá trình xây dựng chủ trương, hoạch định chính sách; góp phần định hướng chuẩn mực hành động cho cán bộ, đảng viên; đồng thời cổ vũ mạnh mẽ phong trào cách mạng thế giới. Thực hiện triết lý hành động của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho thấy tấm gương của người chiến sĩ cộng sản trong sáng, thủy chung, đồng thời khẳng định triết lý hành động nhân văn của dân tộc Việt Nam.

Với ý nghĩa khoa học và thực tiễn, tác giả mong muốn góp phần nghiên cứu, làm sáng rõ những nội dung trong triết lý hành động Hồ Chí Minh cũng như sự vận dụng của Đảng ta trong giai đoạn hiện nay. Đây là một đề tài hấp dẫn, nhưng cũng rất khó trong việc

tìm ra những điểm mới, sáng tạo; trong cách tiếp cận vấn đề, cách nhìn nhận và đánh giá vấn đề, do vậy cuốn sách khó tránh khỏi hạn chế, thiếu sót. Tác giả mong muốn nhận được sự góp ý của các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu và đông đảo bạn đọc để cuốn sách được hoàn thiện hơn.

Xin trân trọng cảm ơn.

Hà Nội, tháng 12 năm 2019

TAC GIA

Chương 1

KHÁI NIỆM, CƠ SỞ HÌNH THÀNH, BẢN CHẤT TRIẾT LÝ HÀNH ĐỘNG HỒ CHÍ MINH

I- MỘT SỐ KHÁI NIỆM

1. Khái niệm "triết học" , "triết lý"

"Triết học" là thuật ngữ có gốc xuất phát từ tiếng Hy Lạp, chữ "Philosophia" có nghĩa là "yêu mến sự thông thái, anh minh". Theo truyền thuyết, Pythagoras là người đầu tiên sử dụng khái niệm "triết học", nhưng ở thời kỳ này các nhà triết học không gọi học thuyết của mình là triết học mà gọi là sử học. Đến thế kỷ IV trước Công nguyên, các học trò của Socrates mới sử dụng danh từ "triết học". Trong quá trình phát triển của khoa học triết học, ở phương Tây và phương Đông, *triết học* được dùng với nghĩa phổ biến là môn khoa học nghiên cứu những vấn đề chung nhất của tự nhiên, xã hội và con người, mối quan hệ của con người nói chung, của tư duy con người nói riêng với thế giới xung quanh. Triết học trang bị thế giới quan và phương pháp luận cho các khoa học khác.

Về hình thức, "triết học" là một dạng đặc biệt của ý thức và nhận thức, được thể hiện bằng một hệ thống các nguyên lý, quan điểm có tính trừu tượng, tính khái quát cao với lôgích nội tại tương đối chặt chẽ. Nó là hệ thống tri thức về cơ sở và nguyên tắc cơ bản của mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, xã hội và đời sống tinh thần, là sự biểu thị một kiểu nhận thức duy lý đặc biệt về hệ thống những vấn đề cơ bản của tồn tại người.

Theo *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, "Triết học một trong những hình thái ý thức xã hội, hệ thống các quan điểm chung nhất của con người về thế giới và sự nhận thức thế giới ấy"[1].

"Triết lý" sinh ra trong tư tưởng, trong sự suy ngẫm, đúc kết, tổng kết những điều cơ bản nhất về các mối quan hệ trong đời sống của cộng đồng xã hội. Do đó, nghiên cứu về triết học hay triết lý xét đến cùng là nghiên cứu về tư tưởng. Điểm khác biệt có chăng là ở phương cách tiếp cận, nhu cầu tìm hiểu vấn đề, cách thức biểu hiện của vấn đề và của chủ thể sản sinh ra nó.

Triết lý là một khái niệm được bàn luận nhiều trong các công trình nghiên cứu liên quan đến nhân sinh và xã hội. Nhưng cho đến nay, chưa có một công trình chuyên biệt nào nghiên cứu về khái niệm triết lý, từ góc

---

1. Xem Hội đồng quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam: *Từ điển bách khoa Việt Nam*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2005, t.4.

độ là đối tượng nghiên cứu riêng biệt. Khái niệm triết lý chỉ được luận bàn trong mối quan hệ với triết học, minh triết, hoặc có thể được nhắc đến trong các nghiên cứu liên quan đến một số triết lý cụ thể như: triết lý phát triển, triết lý giáo dục, triết lý nhân sinh,...

Nghiên cứu khái niệm triết lý, có thể kể đến tiểu luận bàn về *Những dị biệt giữa hai nền triết lý Đông Tây* của tác giả Kim Định, trong tiểu luận này, tác giả đã so sánh ba khái niệm triết lý, minh triết và triết học. Từ nghiên cứu, so sánh, ông đưa ra những kiến giải cho rằng, triết lý và minh triết giống nhau ở đối tượng phản ánh, cả hai lấy cứu cánh con người làm trọng tâm suy nghĩ, lấy sự thực hiện đến rốt ráo cái tính bản nhiên của con người làm mục tiêu. Triết lý và minh triết khác nhau ở phương pháp, minh triết nhìn thẳng trực nghiệm không đưa ra lý sự biện chứng, bàn giải như triết lý. Và kết luận, xét về nội tại triết lý thấp hơn minh triết, nhưng lại có giá trị hơn minh triết ở chỗ nó gần với quảng đại quần chúng nhân dân, phần nào giúp quần chúng nhân dân hiểu được minh triết.

So sánh triết lý và triết học, tác giả Kim Định đi đến kết luận, triết học khác triết lý ở ba điểm: *Thứ nhất*, triết học không lấy con người mà lấy thiên nhiên, sự vật làm trung tâm suy tư. *Thứ hai*, triết học theo lối khoa học phê phán và phân tích, cố gắng tìm ra những ý niệm độc đáo và tích lũy sự kiện để kết thành những

hệ thống mạch lạc chặt chẽ. Về mục tiêu, triết học lấy tri thức làm cùng đích, vì thế nó không nhằm thực hiện vào bản thân như triết lý mà nhằm tìm biết sự khách quan. *Thứ ba*, phương Đông thiên về minh triết và triết lý còn phương Tây thiên về triết học[1].

Trong *Từ điển Tiếng Việt*, khái niệm "triết lý" được hiểu theo ba nghĩa: là "lý luận triết học", "quan niệm chung của con người về những vấn đề nhân sinh và xã hội", "thuyết lý về những vấn đề nhân sinh và xã hội". Trong *Từ điển từ và ngữ Việt Nam* định nghĩa "triết lý" theo kiểu chiết tự: "triết" là sự sáng suốt, "lý" là lẽ, lý lẽ, ví dụ, lý luận về triết học. Như vậy, có thể hiểu "triết lý" là lý lẽ sáng suốt phù hợp với quy luật của tự nhiên, xã hội.

Trong *Đại từ điển Tiếng Việt*, "triết lý" cũng được coi là "lý luận triết học" và còn được hiểu là "quan niệm chung và sâu sắc nhất của con người về những vấn đề nhân sinh và xã hội"[2],... Các cách định nghĩa này đúng về một khía cạnh nào đó của triết lý nhưng vẫn không làm thỏa mãn những đòi hỏi cần lý giải của các nhà nghiên cứu. Vì vậy, khi nghiên cứu về triết lý còn có

---

1. Xem Kim Định: *Những dị biệt giữa hai nền triết lý Đông Tây*, 1960 (http://www.vietnamvanhien.net/nhungdibietgiuahainentrietlydongtay.pdf).

2. Nguyễn Như Ý (Chủ biên): *Đại từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1999.

nhiều cách hiểu, cách lý giải không giống nhau ở các nhà khoa học.

Trong các công trình nghiên cứu có liên quan đến triết lý, các nhà khoa học có những cách lý giải khá phong phú xoay quanh khái niệm "triết lý". Giáo sư Trần Văn Giàu cho rằng, triết học và triết lý không giống nhau, "triết học chủ yếu là lý luận về nhận thức... Còn triết lý chủ yếu hướng về đạo lý; hướng về đạo lý, chứ không chỉ là đạo lý"[1]. Triết lý chủ yếu đặt vấn đề tốt hay xấu, nên hay không nên chứ không đặt vấn đề đúng hay sai, phải hay không phải.

Giáo sư Vũ Khiêu cho rằng, "*Triết lý* là *triết học* khiêm tốn nói về mình. *Triết lý* không thể hiện tầm khái quát vũ trụ quan và nhân sinh quan mà thể hiện ý nghĩ và hành vi có ý nghĩa chỉ đạo cuộc sống con người".

Như vậy, triết lý cũng giống như triết học, đều đề cập những vấn đề thuộc phạm trù tư tưởng, nhưng triết lý ở mức độ *khiêm tốn* hơn triết học về tầm khái quát. Triết lý không thể hiện là một hệ thống như triết học nhưng chứa đựng những giá trị quan trọng, cốt lõi của tư tưởng, của đạo lý làm người, trực tiếp chỉ đạo cuộc sống của con người.

---

1. Dẫn theo Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia - Phạm Xuân Nam (Chủ biên): *Triết lý phát triển ở Việt Nam: Mấy vấn đề cốt yếu*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002, tr.20-21.

Cũng bàn về vấn đề này, Giáo sư Hoàng Trinh cho rằng, "*Triết lý* là những nguyên lý đầu tiên, những ý tưởng cơ bản được dùng làm nền tảng cho sự tìm tòi và suy lý của con người về cội nguồn, bản chất và các hình thái tự nhiên, xã hội và bản thân, làm phương châm cho sự xử thế và xử sự của con người trong các hành động sống hằng ngày,... Có những dân tộc đã có những *triết lý* từ lâu mặc dầu chưa có *triết học* với hệ thống các khái niệm của nó"[1].

Trong bài viết *Mấy suy nghĩ về triết học và triết lý* , Giáo sư Hồ Sỹ Quý cho rằng triết lý và triết học là hai khái niệm khác nhau, "nếu có thể đem so sánh với triết học thì triết lý luôn luôn ở trình độ thấp hơn về tính hệ thống, độ toàn vẹn và khả năng nhất quán trong việc giải quyết vấn đề mối quan hệ giữa tồn tại và tư duy"[2]. Quan điểm trên thống nhất với quan điểm của các nhà nghiên cứu khác khi so sánh về tính hệ thống, đặc điểm hình thức của triết học và triết lý. Tuy nhiên, khi chỉ ra trong "đa số các trường hợp, triết lý thường thiếu chặt chẽ hơn, phiến diện hơn và có nhiều khả năng chứa đựng mâu thuẫn hơn so với triết học"[3], thì đã cho thấy

---

1. Hoàng Trinh: *Bản sắc dân tộc và hiện đại hóa trong văn hóa*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.8.

2, 3. Hồ Sỹ Quý: "Mấy suy nghĩ về triết học và triết lý", Tạp chí *Triết học*, số 3/1998, tr.57.

một cách đánh giá vừa có sự thống nhất, vừa có sự khác biệt với quan điểm của Giáo sư Vũ Khiêu hay Giáo sư Hoàng Trinh.

Về mặt hình thức thể hiện của triết lý, Giáo sư Hồ Sỹ Quý cho rằng "triết lý có thể và nên được hiểu là những tư tưởng, quan điểm hay quan niệm,... mang tính khái quát cao; được phản ánh một cách cô đúc dưới dạng các mệnh đề hoặc các cách phán đoán thường là trau chuốt về mặt ngữ pháp"[1]. Triết lý có giá trị định hướng cho hoạt động của con người trong đời sống xã hội về mặt thế giới quan, phương pháp luận hoặc nhân sinh quan. Quan điểm này hoàn toàn đồng nhất với quan điểm của các nhà khoa học khi nghiên cứu về hình thức của triết lý.

Trong cuốn sách *Triết lý phát triển ở Việt Nam: Mấy vấn đề cốt yếu*, trên cơ sở kế thừa quan điểm của các nhà khoa học, các tác giả chỉ ra triết lý "là kết quả của sự suy ngẫm, chiêm nghiệm và đúc kết thành những quan điểm, luận điểm, phương châm cơ bản và cốt lõi nhất về cuộc sống cũng như về những hoạt động thực tiễn rất đa dạng của con người trong xã hội"[2]. Đưa

---

1. Hồ Sỹ Quý: "Mấy suy nghĩ về triết học và triết lý", *Tlđd*, tr.57.

2. Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia - Phạm Xuân Nam (Chủ biên): *Triết lý phát triển ở Việt Nam: Mấy vấn đề cốt yếu*, *Sđd*, tr.31.

đến một cách hiểu về triết lý như vậy, các tác giả cũng cho thấy sự phù hợp trong quá trình phát triển của triết học và triết lý. Rõ ràng, dù triết học phát triển, được phổ biến sâu rộng nhưng không làm hạn chế hay đánh mất cơ hội ra đời của triết lý, các triết lý vẫn tiếp tục được đúc kết, ra đời và phát huy giá trị của nó trong đời sống xã hội.

Trong cuốn sách *Triết lý phát triển Hồ Chí Minh - giá trị lý luận và thực tiễn* do Phạm Ngọc Anh chủ biên, các tác giả vừa hệ thống và bổ sung các đánh giá, vừa đưa ra nhận định về triết lý: "Triết lý là kết quả của sự kết tinh trên cơ sở những nguyên lý triết học, hay cơ sở thực tiễn của con người, được thể hiện dưới dạng những luận điểm, những mệnh đề, những tư tưởng được coi là cốt lõi nhất về cuộc sống, về con người và về xã hội, được nhiều người thừa nhận, coi đó là nguyên tắc xử thế, phương châm sống và hành động"[1].

Từ những quan điểm về triết lý, cùng với những luận giải của các nhà khoa học trong các công trình nghiên cứu, chúng ta có thể hiểu: *Triết lý là những quan điểm, tư tưởng được cô đúc từ sự trải nghiệm, chiêm nghiệm của con người, thể hiện dưới dạng luận điểm, mệnh đề mang tính định hướng nhằm xử lý mối*

---

1. Phạm Ngọc Anh (Chủ biên): *Triết lý phát triển Hồ Chí Minh, giá trị lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, tr.27-28.

quan hệ giữa con người với con người, con người với tự nhiên, con người với xã hội, trở thành phương châm sống và hành động trong thực tiễn của con người.

Cách hiểu triết lý như vậy thể hiện mối quan hệ giữa triết lý với triết học được xem xét là những bộ phận, những cách thể hiện khác nhau của tư tưởng. Triết học ở mức độ nào đó thể hiện nội dung tư tưởng về thế giới quan theo cách có hệ thống, lớp lang, lôgích nội tại chặt chẽ. Ngược lại triết lý thể hiện nội dung tư tưởng về nhân sinh quan ở mức độ cô đúc, khái quát sâu sắc. Cách hiểu này lý giải cho việc nghiên cứu *triết lý* luôn đặt trong mối quan hệ với *triết học*. Mối quan hệ giữa triết lý và triết học cần phải được xem như hai mặt của một vấn đề, hai hình thức thể hiện của tư tưởng.

2. Khái niệm "triết lý hành động Hồ Chí Minh"

Chủ tịch Hồ Chí Minh là điển hình của sự thâu thái, nắm bắt tư tưởng các trường phái triết học trên thế giới và hình thành cho mình tư tưởng cứu nước, giải phóng và phát triển dân tộc một cách hết sức biện chứng, hợp quy luật thời đại. Chủ tịch Hồ Chí Minh thực hành triết học trong chính quá trình lãnh đạo Nhân dân đấu tranh giải phóng và phát triển đất nước, và cũng chính trên cơ sở ấy mà Người có

nhiều triết lý sâu sắc định hướng, chỉ đạo phong trào cách mạng.

Triết lý của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện không chỉ có nền tảng triết lý Việt Nam, phương Đông, phương Tây mà còn có cả những tinh túy của triết học thế giới, đặc biệt là triết học Mác - Lênin. Triết lý của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện sự thâu thái tất cả những gì hữu ích cho lý tưởng đấu tranh giành độc lập, tự do, những gì phù hợp cho phát triển xã hội Việt Nam trên nền tảng cơ bản và chủ đạo là phương pháp, tinh thần chủ nghĩa Mác - Lênin. Nghiên cứu triết lý của Chủ tịch Hồ Chí Minh hay nghiên cứu tư tưởng triết học của Chủ tịch Hồ Chí Minh là những cách tiếp cận cụ thể để làm sáng tỏ giá trị di sản tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Khi nghiên cứu về tư tưởng, phương pháp, phong cách cũng như sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, các nhà khoa học đều khẳng định tư duy Hồ Chí Minh là tư duy cách mạng, đổi mới. Trong hoạt động tìm đường cứu nước và lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh trở thành nhà lý luận, mặc dù Người chưa bao giờ cho mình là nhà lý luận. Bởi lý luận cách mạng được Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện trong hành động, bằng hành động để nói lên lý luận, tuyên truyền lý luận sâu rộng vào quần chúng cách mạng, xây dựng lực lượng cách mạng nhằm giải phóng và phát triển đất nước. Lý luận cách mạng của

Chủ tịch Hồ Chí Minh không có mục đích tự thân, mà lý luận cốt để vận dụng vào thực tế, làm thay đổi thực tế, đạt được cái ham muốn vì dân, vì nước của mình. Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhà lý luận hành động, nhà triết học ứng dụng, triết học hành động chính từ những hoạt động của mình.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nghiên cứu triết học, lý luận cổ, kim, Đông, Tây nhằm mục đích vận dụng sáng tạo sao cho phù hợp với hoàn cảnh cách mạng Việt Nam, giành độc lập cho dân tộc, hạnh phúc cho Nhân dân, làm cho đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành. Mọi hành động của Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn *ăn nhập với triết học*. Cả cuộc đời hoạt động cách mạng hết sức phong phú là quá trình Người thực hành các nguyên lý, quy luật nhằm cải tạo và phát triển xã hội theo tinh thần triết học Mác - Lênin. Hành động của Người mang đặc điểm triết lý truyền thống dân tộc nhưng được bổ sung, phát triển bằng triết lý hành động của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận xét: "Nếu đưa một lý luận rất đúng ra nói, rồi xếp nó lại một xó, không đưa ra thực hành, thì lý luận ấy thành lý luận suông"[1]. Nghiên cứu lý luận không chỉ dừng lại ở nhận thức, chiêm ngưỡng mà điều cốt yếu là phải chuyển thành

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.7, tr.127.

hành động. Lấy cái đích là hành động, thúc đẩy hành động, mọi kiến thức, kinh nghiệm mà Chủ tịch Hồ Chí Minh thâu thái được, đúc rút ra đều được thực tiễn kiểm nghiệm, đánh giá. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Lý luận sở dĩ quan trọng là vì nó dạy ta *hành động*"[1]. Thông qua hành động, Chủ tịch Hồ Chí Minh gắn lý luận với thực tiễn, thực tiễn hóa lý luận và lý luận hóa thực tiễn. Lấy kết quả của hành động trong thực tiễn là cái cuối cùng, duy nhất kiểm tra tính đúng đắn của tư tưởng, của lý luận. Thủ tướng Phạm Văn Đồng nhận định: "Hồ Chủ tịch bao giờ cũng khái quát lý luận từ trong thực tiễn. Do đó, Người không chỉ vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin mà còn phát triển và làm phong phú chủ nghĩa Mác - Lênin một cách thiết thực"[2].

Chủ tịch Hồ Chí Minh thấm nhuần sâu sắc quan điểm lịch sử cụ thể và chú trọng hành động thực tiễn. Người luôn chủ trương hành động và bằng hành động cụ thể để cải tạo thực tiễn, nói luôn đi đôi với làm. Bản thân Chủ tịch Hồ Chí Minh là một tấm gương sáng có sức thuyết phục, là người truyền lửa hành động, người đi thức tỉnh quần chúng công nông, thức tỉnh người nô

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.127.

2. Phạm Văn Đồng: *Chủ tịch Hồ Chí Minh - Tinh hoa khí phách của dân tộc, lương tâm của thời đại*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1970, tr.23.

lệ bị áp bức, bóc lột. Làm cho quần chúng noi theo và hành động vì kết quả và tác dụng của những việc làm thiết thực mà "tấm gương sống" - Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thể hiện.

Trong hành động, Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện sự nhất quán giữa động cơ với hành động, từ việc lớn đến việc nhỏ, từ việc gần đến việc xa tất cả đều rõ ràng, cụ thể, thấu đáo với kế hoạch, chương trình, biện pháp, cách làm, bước đi hợp lý. Hành động của Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ nhằm giải quyết những vấn đề đặt ra trước mắt, những đòi hỏi bức thiết của cách mạng, mà còn trù tính cho tương lai phát triển của dân tộc. Thông qua hành động thực tiễn, Chủ tịch Hồ Chí Minh hoàn thiện lý luận, phát triển lý luận, đặt nền móng lý luận cho quá trình phát triển lâu dài của dân tộc.

Triết lý hành động của Chủ tịch Hồ Chí Minh trên mọi lĩnh vực luôn đặt vị trí của dân lên trên hết, xem lực lượng của dân là quan trọng nhất, quyết định sự tồn vong của đất nước. Dân là chủ của nước và là chủ xã hội, là chủ vận mệnh của chính mình. Từ đó, Đảng và Nhà nước trong mọi hành động phải được lòng dân, luôn yêu dân, tin dân, kính dân, đặt quyền lợi của dân lên trên hết, phải có tinh thần chí công vô tư, phải làm lợi cho dân, tránh việc có hại đối với dân.

Triết lý hành động của Chủ tịch Hồ Chí Minh được biểu hiện qua nhiều hình thức khác nhau, chủ yếu nhất

là qua những hoạt động thực tiễn, cùng các bài viết, bài nói, tác phẩm thơ ca, ký họa, qua tác phong, phong cách, lối sống, thái độ, cử chỉ, cách đối nhân xử thế của Người. Với những hình thức cụ thể của hành động đều toát lên triết lý uyên sâu, tinh tế rất riêng của một tâm hồn có cốt cách truyền thống mà hiện đại, yêu nước mà rất cộng sản, bình dị mà vô cùng vĩ đại - Hồ Chí Minh.

Triết lý hành động của Chủ tịch Hồ Chí Minh phát triển trên nền tảng triết lý của dân tộc, được bổ sung, hoàn thiện bằng triết lý hành động có trong chủ nghĩa Mác - Lênin. Triết lý hành động Hồ Chí Minh mang đặc điểm riêng có của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đặc thù nhưng không cá biệt.

Tóm lại, triết lý hành động Hồ Chí Minh là sự cô đúc, khái quát sâu sắc về mục tiêu, động lực, nguyên tắc, phương pháp hành động trong cuộc đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng và phát triển đất nước thể hiện dưới dạng mệnh đề có trong các bài viết, bài nói và thông qua hành động của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Với cách hiểu khái niệm như trên, triết lý hành động Hồ Chí Minh được tiếp cận ở phạm vi rộng nhất, mang tính chỉnh thể, một đối tượng nghiên cứu độc lập và chỉ ra những nội dung cơ bản của triết lý hành động Hồ Chí Minh.

Thứ nhất, triết lý hành động Hồ Chí Minh là những mệnh đề được cô đúc, khái quát sâu sắc từ những hành động, việc làm của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện mục

tiêu, động lực, nguyên tắc, phương pháp hành động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Thứ hai, triết lý hành động Hồ Chí Minh vì sự nghiệp giải phóng và phát triển của đất nước, sự nghiệp vĩ đại đó là duy nhất, sự thể hiện các mệnh đề, các khái quát của Chủ tịch Hồ Chí Minh xuyên suốt, thống nhất trong cả sự nghiệp, do đó có thể sắp xếp các mệnh đề triết lý thành hệ thống với những nội dung tương đối chỉnh thể để hiểu rõ hơn giá trị triết lý hành động Hồ Chí Minh.

Thứ ba, triết lý hành động Hồ Chí Minh thể hiện trong sự nghiệp cách mạng, trong thực tế dẫn dắt, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên, vì thế để hiểu rõ triết lý cần khai thác toàn bộ di sản thành văn cũng như không thành văn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng.

Thứ tư, nội dung triết lý thể hiện mục tiêu, động lực, nguyên tắc, phương pháp hành động Hồ Chí Minh vì thế không nằm ngoài việc thể hiện tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, làm rõ tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ở mức độ là triết lý phản ánh cô đúc và khái quát sâu sắc giá trị tư tưởng trên những nội dung này. Từ những triết lý nhất định, có thể mở rộng nội dung để hiểu tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhưng không phải tư tưởng nào của Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng được thể hiện thành triết lý. Triết lý hành động Hồ Chí Minh

thống nhất với tư tưởng, thuộc loại triết lý giải phóng và phát triển đất nước.

II- CƠ SỞ HÌNH THÀNH TRIẾT LÝ HÀNH ĐỘNG HỒ CHÍ MINH

1. Cơ sở khách quan

a) Triết lý hành động trong tư tưởng, truyền thống văn hóa Việt Nam

Điều kiện ra đời, xuất hiện nền văn hóa, văn minh ở mỗi khu vực trên thế giới quyết định đến phong cách sống, lối tư duy, phương thức tổ chức xã hội của chính những con người sinh ra trên mảnh đất đó. Mỗi nền văn hóa, văn minh khác nhau yêu cầu con người phải có phương pháp hành động riêng, phù hợp với điều kiện tự nhiên, phù hợp với lối sống và cách tư duy của cộng đồng xã hội nơi đó.

Về cơ bản, cư dân Việt định cư ở lưu vực các con sông lớn, có đồng bằng rộng, phì nhiêu, điều kiện khí hậu nhiệt đới nóng ẩm, thuận tiện cho cây trồng, vật nuôi phát triển. Với sự ưu đãi của thiên nhiên, đất đai phì nhiêu, canh tác thuận lợi, cư dân Việt thường sống tập trung, hình thành các xóm, làng, cộng đồng đông người để cùng nhau sản xuất, đắp đê, làm thủy lợi, chinh phục thiên nhiên. Các sản phẩm của tư duy vì thế cũng mang tính quần chúng, tập thể, còn vai trò

của cá nhân thường mờ nhạt. Tư duy cá nhân, vai trò của cá nhân không được đánh giá cao và thường không xuất hiện nhiều như những sản phẩm của tư duy cộng đồng, tập thể.

Trong điều kiện sinh tồn của mình, tư duy truyền thống của người Việt Nam thường thiên về thể hiện kinh nghiệm, sự chiêm nghiệm về một vấn đề cụ thể, được đúc kết lại dưới dạng ca dao, tục ngữ, châm ngôn,... mang tính sản phẩm tập thể, có tác dụng định hướng hành động của con người, nổi trội là các vấn đề về đạo đức, nhân sinh.

Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp nhận và ảnh hưởng từ truyền thống tư tưởng, triết lý, văn hóa của dân tộc đến việc hình thành những triết lý của mình trên cả hai chiều cạnh. *Một là*, ảnh hưởng từ những yếu tố tự nhiên, xã hội tác động đến hình thành lối sống, cách tư duy, phương thức tổ chức xã hội của người Việt có từ ngàn đời, ảnh hưởng này ẩn sâu trong tiềm thức của cộng đồng, của con người nhưng vẫn biểu hiện ra ngoài qua các hành động, ứng xử của con người. *Hai là*, ảnh hưởng có tính trực tiếp từ những triết lý, triết lý hành động có trong truyền thống tư tưởng - văn hóa Việt Nam mà Chủ tịch Hồ Chí Minh được lĩnh hội thông qua các quan điểm, luận điểm, mệnh đề về triết lý sống cũng như hành động của cha, anh, những danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc và quần chúng nhân dân.

Và những triết lý, triết lý hành động có trong truyền thống tư tưởng - văn hóa Việt Nam tác động đến sự hình thành triết lý hành động của Chủ tịch Hồ Chí Minh theo hai tầng nấc cơ bản:

Thứ nhất, ảnh hưởng triết lý hành động ở tầng dân gian, là những triết lý được lưu truyền trong dân gian. Triết lý về *ở đời* và *làm người* là điều nhân lõi nhất của triết lý nhân sinh truyền thống Việt Nam đã trở thành nền tảng cho mọi quan điểm và hành động của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Điều này thể hiện, tư tưởng - văn hóa Việt Nam, luân lý, đạo lý Việt Nam có ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự hình thành triết lý hành động Hồ Chí Minh. Chủ tịch Hồ Chí Minh chiêm nghiệm: "Nghĩ cho cùng, mọi vấn đề... là vấn đề ở đời và làm người. Ở đời và làm người là phải thương nước, thương dân, thương nhân loại đau khổ bị áp bức"[1]. Điều này hoàn toàn không xa lạ với những triết lý sống được thể hiện dưới dạng những câu tục ngữ, ca dao mà ông cha lưu truyền từ đời này sang đời khác như: "Bầu ơi thương lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn"; "Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ"; "Thương người như thể thương thân", "Thuận vợ thuận chồng, tát biển Đông cũng cạn",...

Lấy yêu nước, thương dân làm lẽ sống, trước cảnh "nước mất, nhà tan", Nhân dân lầm than dưới sách đô

---

1. Hồ Chí Minh: *Nhà nước và pháp luật Việt Nam*, Nxb. Pháp lý, Hà Nội, 1990, tr.174.

hộ của thực dân Pháp, Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân. Trong quá trình đó, Người kiên trì học hỏi, thâu thái kiến thức, tích lũy hiểu biết, kinh nghiệm, lao động và đấu tranh không mệt mỏi để tìm đường, lựa chọn con đường và thực hiện mục tiêu đất nước được độc lập, nhân dân được tự do, hạnh phúc. Mọi hành động, từ việc nhỏ đến việc lớn, Chủ tịch Hồ Chí Minh đều hướng tới lợi ích của nhân dân, tận tụy, trung thành với nhân dân.

Thứ hai, ảnh hưởng từ triết lý hành động của các nhà tư tưởng lớn trong lịch sử dân tộc. Từ những triết lý về chủ nghĩa yêu nước, độc lập, tinh thần tự tôn dân tộc của cha ông như Lý Thường Kiệt với *Nam quốc sơn hà*, Trần Quốc Tuấn với *Hịch tướng sĩ* đã trở thành quyết tâm hành động thể hiện trong *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, Lời kêu gọi chống Mỹ, cứu nước* của Chủ tịch Chủ tịch Hồ Chí Minh với tinh thần: *Thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ; bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc; dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập; không có gì quý hơn độc lập, tự do.*

Tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi được thể hiện trong *Đại cáo bình Ngô* với triết lý "việc nhân nghĩa cốt ở an dân", "đánh kẻ có tội, cứu vớt dân, là thánh nhân làm việc đại nghĩa". Những giá trị của tư tưởng này ở mức độ nhất định thể hiện sự vượt trước, mang tính định hướng cho đường lối và nguyên tắc trong việc quản lý, lãnh đạo đất nước. Tư tưởng nhân nghĩa, vì dân mà còn thể hiện ở đường lối chính trị, ngoại giao nhằm gìn giữ hòa bình, không những "mở đức hiếu sinh" khi kẻ thù thất bại mà còn cấp phương tiện, lương thực cho quân địch rút lui. Đây không chỉ là vấn đề của đạo đức mà trở thành một triết lý hành động, triết lý chính trị. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, tư tưởng nhân nghĩa thể hiện ở việc Người coi nhân dân là gốc của cách mạng, sự nghiệp cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân hay trong cách Người nói chuyện, xưng hô, đối xử với hàng binh, tù binh, hay trong cách luôn nỗ lực hết sức để cứu vãn một cuộc chiến tranh nhằm tránh những hy sinh và xương máu của nhân dân.

Tư tưởng lập thế, chờ thời của Nguyễn Trãi cũng thấy trong hành động của Hồ Chí Minh. Người phân tích thời, thế để lựa chọn con đường cứu nước, giải phóng dân tộc đúng đắn, phù hợp với thời đại, với quy luật phát triển của lịch sử loài người. Người hiểu thời thế, phân tích thời thế một cách khách quan, khoa học

để xác định và lựa chọn những phương pháp hành động phù hợp, đánh giá đúng vai trò, vị trí của các lực lượng tham gia vào phong trào cách mạng. Tư tưởng thời thế của Nguyễn Trãi được Hồ Chí Minh phát triển thông qua việc Người không thụ động, chờ thời mà tích cực, chủ động chuẩn bị lực lượng, xây dựng lực lượng, rèn luyện qua từng thử thách, từng cao trào cách mạng để khi thời cơ đến thì tiến hành tổng khởi nghĩa giành chính quyền, giải phóng dân tộc.

Hồ Chí Minh tiếp nhận tư tưởng duy tân, cải cách, phong trào đòi dân sinh, dân chủ, khai dân trí,... của các trí thức nho học như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, nhưng không phải là tiền đề đấu tranh giành lại độc lập mà là trong công cuộc củng cố, bảo vệ nền độc lập của đất nước khi đã giành được chính quyền. Chủ tịch Hồ Chí Minh hiểu sâu sắc rằng dân trí, dân quyền, dân sinh là nền tảng để giữ vững nền độc lập, nhưng điều đó cũng chỉ có thể thực hiện được khi cách mạng đã giành thắng lợi, giành được chính quyền về tay nhân dân. Nếu như Phan Bội Châu quan niệm: "Người dân ta; của dân ta; Dân là dân nước, nước là nước dân", vai trò, vị trí của nhân dân được đặt ngang hàng với nước thì Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng hiểu rất rõ: đất nước được độc lập rồi mà nhân dân vẫn chết đói, chết rét thì nền độc lập ấy cũng chẳng có nghĩa lý gì; dân chỉ hiểu rõ giá trị của độc lập, tự do khi họ có cơm ăn, áo mặc, được học hành.

Phan Bội Châu với tinh thần "đồng lòng", "đồng tâm", "đồng chí hướng", "đồng văn", "đồng chủng",... để xác định "mười hạng người đồng tâm" trong xã hội. Tiếp thu quan điểm này, Chủ tịch Hồ Chí Minh bằng lý luận mácxít đã mở ra những nhận thức quan trọng trong tư tưởng và hành động. Hồ Chí Minh thấy rõ vai trò của những người cùng khổ nhất trong xã hội, từ đó tập hợp họ, đoàn kết họ thành một khối thống nhất, thành lực lượng để mưu hành động giành chính quyền, giành độc lập, tự do cho nhân dân, cho đất nước.

Tóm lại, trước khi ra đi tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã có thời gian quan sát, phân tích về xu hướng và nguyên nhân dẫn đến thất bại của các phong trào yêu nước, đấu tranh chống thực dân Pháp. Từ thực tế đó, Người nhận thấy không thể cứu nước, giải phóng dân tộc bằng các con đường cũ, phương pháp cũ, lực lượng lãnh đạo cách mạng cũ mà phải tìm một con đường mới, một phương pháp cách mạng mới. Trên hành trình tìm đường cứu nước, Người đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm thấy con đường cứu nước giải phóng dân tộc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh mang trong mình chủ nghĩa yêu nước, là sản phẩm tinh thần cao quý nhất của dân tộc, thứ tình cảm thiêng liêng, thứ chuẩn mực đạo đức cao nhất để đánh giá về một con người. Lòng yêu nước hay chủ nghĩa yêu nước ở Người không phải sinh ra đã có, vốn có mà qua thực tiễn hoạt động, chứng kiến sự áp

bức, bóc lột, sự dã man, tàn bạo của thực dân, đế quốc, lòng yêu nước ở Người ngày càng thể hiện mạnh mẽ và sâu sắc, cùng với sự thấm nhuần lý luận cách mạng khoa học đã biến lòng yêu nước trở thành chủ nghĩa yêu nước và cách mạng. Chủ nghĩa yêu nước trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một sản phẩm của lịch sử, được hun đúc trong tiến trình cách mạng, gắn liền với hoạt động cách mạng, quá trình hình thành nhân cách Hồ Chí Minh.

b) Triết lý phương Đông và phương Tây

** Triết lý phương Đông:*

Thứ nhất, những tác động từ triết lý Khổng giáo và triết lý phát triển trên nền tảng Khổng giáo ở Trung Quốc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh sinh ra trong một gia đình nhà nho yêu nước, Người có am hiểu sâu sắc về những triết lý Nho giáo, triết lý về nguồn gốc, bản chất, sức mạnh của con người và về vai trò của những triết lý trong việc tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.

Trong lãnh đạo, giáo dục cán bộ, đảng viên, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên sử dụng những phạm trù đạo đức Nho giáo như: trung, hiếu, nhân, nghĩa,... tuy nhiên, tên gọi những phạm trù đạo đức được giữ nguyên nhưng phổ nghĩa của nó được Hồ Chí Minh mở rộng, bổ sung thêm nội dung, hoặc nêu ra quan điểm thay đổi cho phù hợp với hoàn cảnh mới, yêu cầu mới. Bởi theo Hồ Chí Minh, quan niệm đạo đức của Khổng

Tử "là hoàn hảo, nhưng nó không thể dung hợp được với các trào lưu tư tưởng hiện đại, giống như một cái nắp tròn làm thế nào để có thể đậy kín được cái hộp vuông?"[1]. Vì thế, Người đã thay đổi nó để khai thác cho được những giá trị tích cực nhất, vận dụng vào trong giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên. Người thấy rằng đạo đức cũ, đạo đức phong kiến như người đầu ngược xuống đất chân chổng lên trời, còn đạo đức mới, đạo đức cách mạng mà Người dày công vun đắp như "người hai chân đứng vững dưới đất, đầu ngửng lên trời"[2]. Chẳng hạn, chuẩn mực "ngũ thường" của Nho giáo là "Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín" được Chủ tịch Hồ Chí Minh phát triển thành "Nhân, Nghĩa, Trí, Dũng, Liêm". Người thường nói: Người đảng viên, người cách mạng thực hành được chí công vô tư thì ngày càng có các đức tính tốt và các tính tốt ấy gồm năm điều: Nhân, Nghĩa, Trí, Dũng, Liêm.

Theo Hồ Chí Minh, chữ *Nhân* không chỉ là tình yêu thương với Tổ quốc, đồng bào, những lao động, với các dân tộc thuộc địa bị áp bức,... *nhân* không chỉ là phạm trù đạo đức thuần túy, thể hiện bằng lời nói mà chủ yếu thể hiện ở việc làm, ở hành động cụ thể, thiết thực. Người thể hiện tình yêu, lòng nhân ái bằng những hành động, việc làm cụ thể, đem tài trí và sức lực lãnh đạo sự

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.2, tr.562.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.7, tr.220.

nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, vì độc lập, tự do, ấm no, hạnh phúc cho tất cả mọi người dân, người "cùng khổ" không chỉ ở Việt Nam mà trên khắp thế giới.

Nếu trong quan niệm Nho giáo, *Nghĩa* được hiểu một cách chung chung là lời nên nói, việc nên làm,... thì *nghĩa* được Chủ tịch Hồ Chí Minh khai thác ở góc độ là việc mà con người nên làm trong từng trường hợp, hoàn cảnh với các hành động cụ thể. Người nói: "NGHĨA là ngay thẳng, không có tâm tư, không làm việc bậy, không có việc gì phải giấu Đảng. Ngoài lợi ích của Đảng, không có lợi ích riêng phải lo toan. Lúc Đảng giao việc, bất kì to nhỏ, đều ra sức làm cẩn thận. Thấy việc phải thì làm, thấy việc phải thì nói. Không sợ người ta phê bình mình, mà phê bình người khác cũng luôn luôn đúng đắn"[1].

Nếu như Nho giáo cho rằng, *tín* là lòng tin tuyệt đối vào chính đạo, vào đạo lý thánh hiền,... thì Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định, *tín* là "không lừa dối, thưởng phạt công bình, tài chính phân minh"[2], "Nói cái gì phải cho tin - nói và làm cho nhất trí - làm thế nào cho dân tin - cho bộ đội tin ở mình"[3].

Ngay cả đối với đức *trung* và *hiếu* - những chuẩn mực cơ bản đạo đức Nho giáo, trong quan niệm của

---

1, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.5, tr.292, 260.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.4, tr.259.

Hồ Chí Minh cũng có nhiều thay đổi cho phù hợp với thời đại. Nếu như với lễ giáo đạo Nho, *trung, hiếu* phản ánh bổn phận, trách nhiệm của dân đối với vua, con cái đối với cha mẹ thì Chủ tịch Hồ Chí Minh sử dụng những khái niệm này với nội dung mới phù hợp với tinh thần đạo đức cách mạng. *Trung, hiếu* không phải chỉ với những cá nhân cụ thể như đạo đức cũ mà được Người mở rộng ra thành "trung với nước, hiếu với dân". Trung với nước là đòi hỏi đầu tiên, lớn nhất ở mỗi công dân; *trung* ở đây còn phải là trung với Đảng, "quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng"[1]. Người cách mạng cần phải biết mở rộng lòng hiếu của mình đối với cha mẹ thành hiếu với nhân dân, tôn trọng nhân dân, vì nhân dân mà phục vụ. Người khẳng định: "Người kiên quyết cách mạng nhất lại là người đa tình, chí hiếu nhất. Vì sao? Nếu không làm cách mạng thì chẳng những bố mẹ mình mà hàng chục triệu bố mẹ người khác cũng bị đế quốc phong kiến giày vò. Mình không những cứu bố mẹ mình mà còn cứu bố mẹ người khác, bố mẹ của cả nước nữa. Phải hiểu chữ hiếu của cách mạng rộng rãi như vậy"[2].

Không chỉ tiếp thu câu chữ đạo Nho mà Hồ Chí Minh còn tiếp thu cả tinh thần của đạo. Người viết ít, chú trọng

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.603.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.99.

hành động để thực hiện tư tưởng, quan điểm cũng như triết lý sống. Đa số các triết gia Trung Quốc không cho tự thân tri thức là tốt, cho nên không vì tri thức mà cầu tri thức, mà những tri thức có thể làm con người tăng thêm hạnh phúc thì họ cũng muốn đem ra thực hành để con người tăng thêm hạnh phúc chứ không muốn thảo luận suông, vì thế, người Trung Quốc không xem trọng việc viết sách, lập thuyết... coi việc viết sách và lập thuyết là chuyện bất đắc dĩ[1].

Mặc Tử xem "ích nước lợi dân" là tiêu chuẩn để đánh giá mọi việc. Mọi sự vật đều phải hữu dụng. Lời nói mà thực hiện được thì mới có giá trị. Sách *Mặc Tử* chép: "Lời nói có thực hành được thì hãy nói; không thực hành được thì đừng nói. Không thực hành được mà cứ nói hoài thì chỉ mỏi miệng thôi"[2].

Chủ tịch Hồ Chí Minh cả đời hành động, lời nói gắn với việc làm, lý luận gắn với thực tiễn, thiết thực vì dân, vì nước chính bởi một phần từ sự thấm nhuần sâu sắc các quan điểm này.

Trong quá trình phát triển của văn hóa Trung Quốc, quan điểm nói đi đôi với làm còn được Tôn Dật Tiên phát triển thêm nhiều ý nghĩa, giá trị mới. Triết lý Tôn Dật Tiên về *tri hành hợp nhất* có ảnh hưởng

---

1, 2. Xem Phùng Hữu Lan: *Lịch sử triết học Trung Quốc*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2013, tập 1: Thời đại Tử học, tr.30, 136.

mạnh mẽ đến sự hình thành triết lý hành động của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Vấn đề *tri* và *hành* là cống hiến quan trọng trong lý luận nhận thức của Tôn Dật Tiên. Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp nhận thuyết *tri hành hợp nhất* và thể hiện sâu sắc trong triết lý hành động của mình. Cốt lõi của thuyết tri hành hợp nhất là biết (tri) và thực hành (hành), phải thực hành rồi mới biết, chỉ qua thực hành thì cái biết mới trở nên đầy đủ. Tôn Dật Tiên cho rằng: chưa từng có tri mà không hành; tri mà chưa hành thì không phải là tri. Tri là chủ ý của hành; hành công phu của tri. Tri là khởi đầu của hành; hành là kết quả của tri. Trong quan hệ đó, tuy người ta chỉ nói một chữ tri thôi nhưng tự trong đó đã có hành; chỉ nói một chữ hành thôi nhưng tự trong đó đã có tri[1].

Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh là *làm việc gì học việc ấy, việc gì cũng phải làm từ việc dễ đến việc khó*, bởi *thực hành sinh ra hiểu biết, hiểu biết tiến lên lý luận, lý luận lãnh đạo thực hành*, về phương pháp thống nhất tư tưởng - hành động trong triết lý hành động Hồ Chí Minh, có phần cơ sở từ chính những triết lý này.

Chủ nghĩa tam dân của Tôn Dật Tiên với nội dung *Dân tộc độc lập - Dân quyền tự do - Dân sinh hạnh*

---

1. Xem Phùng Hữu Lan: *Lịch sử triết học Trung Quốc, Sđd*, tập 2: Thời đại Kinh học, tr.664.

phúc là một cống hiến mang tính triết lý, ảnh hưởng không chỉ đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh mà còn với nhiều nhà cách mạng Việt Nam trước Hồ Chí Minh. Trong đó, *dân tộc độc lập* là vấn đề mà cả dân tộc Việt Nam đang theo đuổi, là động lực để Hồ Chí Minh bôn ba khắp năm châu bốn biển đi tìm con đường, phương pháp để thực hiện, là mục tiêu, trở thành cái bất biến trong tư tưởng và hành động của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Các giá trị dân quyền, dân sinh là những giá trị phổ quát của nhân loại mà triết lý của người Pháp nêu ra trong khẩu hiệu Tự do - Bình đẳng - Bác ái. Đây là những giá trị mà Chủ tịch Hồ Chí Minh theo đuổi, thực hiện, từ đó hình thành nên triết lý hành động của Người. Bản *Tuyên ngôn độc lập* khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc với thông điệp *Độc lập - Tự do - Hạnh phúc* là sự cụ thể hóa những giá trị thu nhận được và thể hiện trong triết lý hành động Hồ Chí Minh.

Thứ hai, những tác động từ triết lý của Phật giáo.

Từ thuở thiếu thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh sống trong không gian văn hóa Phật giáo, được tiếp xúc tự nhiên với giáo lý Phật giáo qua những lần cùng bà ngoại đi lễ chùa, vãn cảnh chùa. Qua những chiêm nghiệm thấm đẫm triết lý Phật giáo của cụ Nguyễn Sinh Sắc trước hoàn cảnh của thân phận nô lệ dưới sách cai trị thực dân đã đặt ra cho Hồ Chí Minh những câu hỏi, những suy nghĩ về thế sự, vận nước. Quan niệm thứ nhất tu tại gia,

thứ hai tu chợ, thứ ba tu chùa hay tu đâu cho bằng tu nhà, thờ cha kính mẹ mới là chân tu là kết quả của những kinh nghiệm, của sự tiếp biến triết lý Phật giáo của người Việt Nam. Bản thân cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc dù là một nhà nho nhưng có đời sống gần gũi với những người lao động, sau này Cụ cũng tích cực tham gia vào phong trào chấn hưng Phật giáo[1]. Điều đó có ảnh hưởng không nhỏ đến Hồ Chí Minh.

Trong gần ba thập kỷ bôn ba qua nhiều châu lục, Người đi qua nhiều nước, tiếp xúc với nhiều hạng người nhưng nhiều nhất vẫn là những người bị áp bức, bóc lột, hạng cùng đinh trong xã hội. Người lấy cái mong muốn của nhân dân làm mong muốn của mình, cái tâm của Người hòa với tâm của chúng sinh.

Trong triết lý Phật giáo Ấn Độ, triết lý "tuỳ duyên nhi bất biến" hay nói ngắn gọn là triết lý tuỳ duyên. Đức Phật dạy trong kinh tạng Nikàya đại ý rằng: Phật đến một hội chúng nào thì ứng xử theo cung cách, ngôn ngữ của hội chúng đó. Nói chuyện với bác tiều phu, đức Phật sử dụng ngôn ngữ thường nhật gần gũi với bác tiều phu, không phải vì thế mà đức Phật đánh mất mình. Bởi bản chất của việc làm đó là để phổ biến cho mọi người, mọi đối tượng trong xã hội về con đường giải thoát khỏi nỗi

---

1. Xem thêm: https://thuvienhoasen.org/a17455/pho-bang-nguyen-sinh-sac-trong-phong-trao-chan-hung-phat-giao-tt-thich-hue-thong.

khổ. Và như vậy, phải chăng tất cả những hành động của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với nhân dân, với cách mạng, đất nước đều là sự hành thiền giáo lý Phật giáo.

Chủ tịch Hồ Chí Minh học được đức tính thường giữ im lặng, ít nói, ít bàn đến những vấn đề không thiết thực của Đức Phật. Nếu giáo lý của Đức Phật thể hiện trong một chữ là "giải thoát" thì mọi hành động, triết lý, quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ tập trung trong một chữ "Dân", vì Dân. "Đức Phật cũng không dạy tất cả những điều ông biết, mà chỉ dạy những điều cần thiết, có lợi cho việc tu luyện đạo đức và trí tuệ để giác ngộ, giải thoát"[1]. Chủ tịch Hồ Chí Minh với gần ba thập kỷ bôn ba đi qua nhiều nơi trên thế giới, thông thạo nhiều ngoại ngữ, có kho kinh nghiệm và khối tri thức học vấn đồ sộ nhưng Người chỉ nhằm một mục tiêu cao nhất là giải phóng nhân dân và phát triển đất nước.

Nghiên cứu về Chủ tịch Hồ Chí Minh, đặc biệt là nghiên cứu về triết lý hành động Hồ Chí Minh, cần có những khái quát từ hoạt động thực tiễn của Người, bởi "Cuộc đời Chủ tịch Hồ Chí Minh là một bộ phận cấu thành học thuyết của ông. Bộ phận cấu thành chứ không phải là hiện tượng độc lập để minh họa"[2]. Trong

---

1. Doãn Chính: *Lịch sử tư tưởng triết học Ấn Độ cổ đại*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, tr.274.

2. Vũ Ngọc Khánh: *Minh triết Hồ Chí Minh*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, 1999, tr.117.

nghiên cứu văn bản học cũng cần có sự mở rộng liên hệ, so sánh để thấy được những giá trị văn hóa, tư tưởng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh lĩnh hội được nhưng chưa có điều kiện thể hiện rõ ràng hơn. Những gì Chủ tịch Hồ Chí Minh viết chỉ là những điều cần thiết, hữu ích, giải đáp ngay cho những vấn đề cách mạng đang đặt ra, một tình thế chính trị, một vấn đề xã hội cần giải quyết. Có nhiều vấn đề Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ nói, viết một lần duy nhất nhưng đang là vấn đề mà chúng ta phải quan tâm, giải quyết. Điều đó hẳn là từ vốn tri thức, kinh nghiệm phong phú Chủ tịch Hồ Chí Minh có được trong gần ba thập kỷ bôn ba nhưng chưa có điều kiện thể hiện.

Muốn hiểu hết được những tầng nghĩa, lớp nghĩa sâu xa của triết lý hành động Hồ Chí Minh, muốn hiểu được Chủ tịch Hồ Chí Minh, mỗi người cần phải ra sức thực hành theo những điều Người đã chỉ bảo, thực hiện theo để đi đến hoàn thiện mình. Muốn hiểu được những triết lý của Hồ Chí Minh, có con đường nào khác con đường thực hành những điều Người đã dạy, đã tự mình làm gương. Đó cũng là con đường mà Đức Phật đã làm và dạy cho chúng sinh.

Thứ ba, những giá trị triết lý của Lão giáo.

Triết lý của đạo Lão chủ yếu chứa đựng trong hai cuốn sách *Đạo đức kinh* và *Trang Tử*, nội dung cơ bản là tư tưởng sống hài hòa với tự nhiên, không quá coi trọng vật chất, không màng danh lợi, địa vị.

Kế thừa, phát triển tư tưởng gắn bó với thiên nhiên, hòa đồng với thiên nhiên, thoát mọi ràng buộc danh lợi của Lão Tử, quan điểm sống của Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng tuyệt nhiên không ham muốn vật chất hay công danh phú quý. Người làm Chủ tịch vì đồng bào ủy thác, "như một người lính vâng mệnh lệnh của quốc dân ra trước mặt trận. Bao giờ đồng bào cho tôi lui, thì tôi rất vui lòng lui"[1]. Về phần mình chỉ mong muốn "làm một cái nhà nho nhỏ, nơi có non xanh, nước biếc để câu cá, trồng hoa, sớm chiều làm bạn với các cụ già hái củi, em trẻ chăn trâu, không dính líu gì với vòng danh lợi"[2]. Điều này được thể hiện thống nhất, xuyên suốt trong hành động của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đặc biệt rõ khi Người gặp muôn vàn khó khăn nơi chốn lao tù, nhưng luôn vững niềm tin, niềm lạc quan yêu đời, Người rèn luyện đạt đến trạng thái tự nhiên, thanh thoát trong tâm hồn, trạng thái của một thiền sư, để có những vần thơ bất hủ, để có những tứ thơ chỉ có thể thấy trong *Nhật ký trong tù*. Trong những giờ phút quan trọng của cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn giữ được trạng thái tinh thần chủ động, tích cực, sẵn sàng đối phó với những tình huống khó khăn xảy ra. Khi giữ những cương vị, trách nhiệm quan trọng của Đảng và Nhà nước, Người vẫn luôn giữ nếp sống thanh bạch, giản dị,

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.187.

hòa đồng với nhân dân, với mọi người xung quanh, gần gũi thiên nhiên, hòa mình với thiên nhiên.

* *Triết lý phương Tây*

Trong quá trình bôn ba sống và làm việc ở nhiều nơi trên thế giới, đặc biệt Người có thời gian sống ở những trung tâm văn hóa, khoa học, chính trị, văn minh bậc nhất của thế giới phương Tây như Pari, Luân Đôn, Niu Oóc, Mátxcơva,... tiếp xúc với những nhà cách mạng, chính khách, nhà văn, nhà báo,... những con người xuất sắc của phương Tây, Chủ tịch Hồ Chí Minh học hỏi, tích lũy được vốn kinh nghiệm, tri thức thực tiễn phong phú, làm cho vốn sống, vốn hiểu biết trở nên sâu sắc về nhiều mặt. Trong gần ba thập kỷ sống và làm việc trong môi trường văn hóa phương Tây, qua tiếp xúc hằng ngày lối sống, cách tư duy, phong cách làm việc, không gian văn hóa tác động đến phong cách, triết lý sống, triết lý hành động của Người. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn tranh đấu vì sự nghiệp giải phóng con người, luôn tư duy về sự vật, hiện tượng ở tận cùng ý nghĩa của nó để phân tích, so sánh, lựa chọn, kế thừa và phát triển vốn tri thức, kinh nghiệm của nhân loại. Vốn hiểu biết thực tiễn của Người thu nhận được từ phương Tây góp phần làm cho tư tưởng của Người hình thành và phát triển ngày càng sâu sắc, toàn diện. Những giá trị tốt đẹp của văn hóa phương Tây góp phần hình thành nên tư duy, phong cách, phương pháp làm việc, triết lý hành động Hồ Chí Minh.

Hồ Chí Minh là người ham hiểu biết, tích cực học hỏi, lấy thực tiễn làm điểm tựa và cơ sở cho sự sáng tạo. Nếu như khẩu hiệu Tự do - Bình đẳng - Bác ái thúc đẩy Người hướng sang phương Tây, đến với nước Pháp, thì chính trên đất Pháp, Người có được nhiều bài học sâu sắc. Người nhận thấy đằng sau khẩu hiệu Tự do - Bình đẳng - Bác ái đời sống nhân dân lao động Pháp vẫn cực khổ, khẩu hiệu đó chỉ dành cho một số ít người ở tầng lớp trên. Qua các tác phẩm thời kỳ Phục hưng, thế kỷ Ánh sáng, của các đại văn hào nổi tiếng như Vônte, Môngtétxkiơ, Điđơrô, J.J. Rútxô,... Chủ tịch Hồ Chí Minh hiểu rõ hơn về những tư tưởng mới mẻ, giá trị thực sự của tư tưởng Tự do - Bình đẳng - Bác ái. Để rồi với bản lĩnh, với nền tảng văn hóa tích lũy được trước đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh lựa chọn tiếp nhận, và chỉ tiếp nhận những gì là hữu ích, là khoa học, tốt đẹp cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng nhân dân, phát triển của đất nước.

Trong quá trình làm việc ở phương Tây, tư duy phân tích của Hồ Chí Minh được củng cố qua những bài học từ những người bạn, người đồng chí, những đảng viên Đảng Xã hội, đảng viên Đảng Cộng sản Pháp. Trong các buổi thảo luận, tham dự các buổi nói chuyện của các nhà hoạt động chính trị hay học viết báo, Người được rèn luyện và học được lối phân tích sắc sảo, cách diễn đạt, cách viết làm cho khả năng phân tích, lựa chọn ý tưởng, khả năng lập luận lôgích của Hồ Chí

Minh được nâng cao. Người có thể diễn đạt ý hết sức cô đọng, ngắn gọn, súc tích, cũng có thể phát triển ý tưởng và trình bày cụ thể, mạch lạc, chi tiết những khi cần thiết, phù hợp với từng đối tượng giao tiếp. Thậm chí, trong những tác phẩm kịch, truyện ngắn được viết trên đất Pháp, Hồ Chí Minh còn sử dụng lối châm biếm, ẩn dụ đúng như văn phong của người Pháp.

Tư duy lý tính đặt mọi suy nghĩ và hành động của con người trong mạch lôgích, sự kết nối giữa các sự vật, hiện tượng, sự kiện để hiểu rõ bản chất của nó. Hồ Chí Minh có được tư duy phân tích, cách lập luận sắc sảo, đanh thép một phần là những ảnh hưởng từ phương Tây. Lối tư duy đó đưa đến nhận định của Hồ Chí Minh về những giá trị tích cực, tiến bộ của cách mạng dân chủ tư sản ở phương Tây. Giá trị nhân văn của các cuộc cách mạng tư sản khi giải phóng con người khỏi sự thống trị của thần quyền và quan hệ phong kiến được ghi nhận, được đánh giá tích cực, nhưng đồng thời Người cũng phân tích và chỉ ra những hạn chế của các cuộc cách mạng đó. Người nhận định, cách mạng Mỹ tuy đã thành công hơn 150 năm "nhưng công nông vẫn cứ cực khổ, vẫn cứ lo tính cách mệnh lần thứ hai. Ấy là vì cách mệnh Mỹ là cách mệnh tư bản, mà cách mệnh tư bản là chưa phải cách mệnh đến nơi"[1]. Hay cách mạng Pháp cũng như

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.291-292.

cách mạng Mỹ, cũng là cách mạng tư bản nhưng "cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hòa và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lục công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa"[1]. Hồ Chí Minh chỉ rõ: "đã hy sinh làm cách mệnh, thì nên làm cho đến nơi, nghĩa là làm sao cách mệnh rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người. Thế mới khỏi hy sinh nhiều lần, thế dân chúng mới được hạnh phúc"[2]. Với tư duy duy lý, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt tất cả mọi việc, trong suy nghĩ cũng như trong hành động trên những quy luật khách quan để xem xét và đánh giá, từ đó hiểu rõ bản chất của vấn đề và chọn ra phương thức hành động phù hợp nhằm đạt được mục tiêu cách mạng đã định.

Triết lý sống của người phương Tây luôn lấy "con người là trung tâm" của vũ trụ, luôn tìm cách để khẳng định, đề cao vai trò cá nhân; cá nhân luôn tìm mọi cách để khẳng định mình. Khoa học kỹ thuật cũng vì thế mà phát triển hơn so với các nền văn minh khác.

Sự phát triển của khoa học - kỹ thuật làm xuất hiện một nền văn minh công nghiệp và lối sống công nghiệp ở phương Tây với đặc điểm rõ nhất là mọi hoạt động xã hội được quy định theo giờ giấc, làm việc có kế hoạch, chi tiết, cụ thể. Kế hoạch đến từng chi tiết và cụ thể đến từng thao tác trong lao động, sản xuất trở

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.296, 292.

thành một đặc điểm của phong cách công nghiệp, trở thành nếp sống của người phương Tây. Tư duy và phong cách này ảnh hưởng rất rõ đối với Hồ Chí Minh. Trong thực tiễn cách mạng, Người làm việc gì cũng có chương trình, kế hoạch cụ thể, sắp xếp khoa học, giải quyết vấn đề trước mắt cũng như lâu dài. Chủ tịch Hồ Chí Minh coi trọng thời gian, Người đã thẳng thắn góp ý khi đến dự lễ tốt nghiệp khóa V Trường Huấn luyện cán bộ Việt Nam: "Trong giấy mời tới đây nói 8 giờ bắt đầu, bây giờ 8 giờ 10 phút rồi mà nhiều người chưa đến. Cách tôi làm việc đúng giờ. Tôi khuyên anh em làm việc phải cho đúng giờ, vì thời gian quý báu lắm"[1].

Một đặc điểm nổi bật của phong cách, triết lý của phương Tây có ảnh hưởng mạnh mẽ đến Hồ Chí Minh đó là tôn trọng phụ nữ, trẻ em. Văn hóa truyền thống Việt Nam, ảnh hưởng của Nho giáo nên có tư tưởng trọng nam, khinh nữ, coi thường phụ nữ, ngược với văn hóa phương Tây, đặc biệt văn hóa Pháp. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ "*Phải kính trọng phụ nữ*. Chúng ta làm cách mạng là để tranh lấy bình quyền bình đẳng, trai gái đều ngang quyền như nhau"[2]. Người khẳng định: Phụ nữ là một nửa thế giới, chưa giải phóng được phụ nữ là chưa giải phóng được một nửa thế giới. Người luôn dành tình cảm đặc biệt, sự tiếp đón nồng hậu nhất có

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.4, tr.115.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,*t.15, tr.260.

thể cho các chiến sĩ nữ, các bạn bè quốc tế thuộc phái nữ. Người trân trọng phụ nữ và bằng nhiều cách khác nhau như thường xuyên viết thư động viên, nói chuyện với phụ nữ các địa phương, thăm hỏi, tặng quà,... đề ra các chủ trương, chính sách riêng đối với phụ nữ để động viên, khuyến khích phát triển, chăm lo cho "những phụ nữ khuyên chồng con đi tòng quân mà mình thì xung phong giúp việc vận tải, cho đến các bà mẹ chiến sĩ săn sóc yêu thương bộ đội như con đẻ của mình"[1]. Những người vợ, những người mẹ hăng hái sản xuất và chiến đấu, xây dựng hậu phương vững mạnh để người chồng, người cha ngoài mặt trận luôn chắc tay súng bảo vệ độc lập của Tổ quốc.

Có thể thấy những nét phương Tây trong triết lý hành động Hồ Chí Minh, đó là phong cách làm việc khoa học, có kế hoạch và biện pháp thực hiện cụ thể. Một triết lý hành động mà con người - nhân dân được đặt vào vị trí trung tâm, quyền con người - nhân dân được quan tâm và khẳng định.

Đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, đứng vững trên lập trường, quan điểm, nắm được tinh thần Mác - Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh chọn lọc tinh hoa của các học thuyết tư tưởng, giáo lý, đạo lý của các bậc thánh hiền, vĩ nhân ở cả hai nền văn hóa Đông, Tây nhằm mục đích giải phóng dân tộc, giải phóng nhân dân, như Đại tướng Võ Nguyên

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.38.

Giáp nhận xét: "Phải chăng, phương pháp tư duy, phương pháp xem xét và hành động của Người đã kết hợp tính cách nặng về lý tính và sự phân tích khoa học của tư duy phương Tây và tính cách nặng về cảm tính, trực giác, tổng hợp của tư duy phương Đông và Việt Nam".

c) Chủ nghĩa Mác - Lênin

Chủ nghĩa Mác - Lênin đóng vai trò quyết định trong việc hình thành tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Triết học mácxít đã chỉ đạo, hướng dẫn hành động của Chủ tịch Hồ Chí Minh, hình thành triết lý hành động của Người.

Xuất phát từ nhận thức vai trò cải tạo thế giới của chủ nghĩa Mác, xây dựng một xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa, tiến bộ và công bằng, Hồ Chí Minh lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm kim chỉ nam cho hành động của mình, của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đúng với tinh thần của C. Mác, Hồ Chí Minh không đề ra một học thuyết về xây dựng xã hội mới nhưng dành cả đời hành động, cả đời làm theo triết lý của chủ nghĩa Mác - Lênin. Trên cơ sở của chủ nghĩa Mác - Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh tìm thấy con đường dẫn dắt hành động cho mình, cho dân tộc. Người thực hành, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh, điều kiện Việt Nam, nhằm giành lại độc lập, tự do, lãnh đạo nhân dân xây dựng một xã hội mới tiến bộ

và công bằng hơn. Thông qua hành động cụ thể, quá trình vận dụng lý luận, phát triển lý luận phù hợp điều kiện thực tiễn, Hồ Chí Minh đặt nền móng cho xây dựng, phát triển đất nước.

Triết học Mác - Lênin chỉ ra tiêu chuẩn cao nhất của tính khoa học, tính đúng đắn là sự phù hợp của lý luận với các quá trình thực tế của sự phát triển lịch sử. V.I. Lênin khẳng định: "một trong những thiếu sót chính của chủ nghĩa duy vật cũ là không hiểu được những điều kiện và cũng không đánh giá được ý nghĩa của hoạt động thực tiễn cách mạng"[1]. Và "Chúng ta đã thực tế bắt tay vào giải quyết những nhiệm vụ mà trước kia người ta đã đặt ra một cách trừu tượng và trên lý luận"[2]. Nhiều đóng góp to lớn cho cách mạng Việt Nam của Người xuất phát từ những hoạt động, những hành động thực tế và thiết thực để đưa cách mạng Việt Nam vào quỹ đạo chung của phong trào cách mạng thế giới. V.I. Lênin chỉ ra rằng chủ nghĩa Mác đề ra các vấn đề "cũng chính trên cơ sở lịch sử ấy,... không phải chỉ để giải thích quá khứ, mà còn để dự kiến tương lai một cách mạnh dạn và thực hiện dự kiến ấy bằng một hành động dũng cảm"[3]. Thấm nhuần

---

1, 3. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.26, tr.91, 88.

2. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Sđd, t.36, tr.473.

triết lý ấy: "Sự cống hiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh được cả thế giới công nhận, một phần không nhỏ là do Người đã *đạt được sự thống nhất trong nhận thức về thời đại và hành động theo xu thế chung, hợp quy luật của thời đại*"[1].

Sự hiểu biết về thời đại, bao hàm những tri thức về các sự kiện, hiện tượng đang xảy ra, là một nhân tố quan trọng trực tiếp ảnh hưởng đến tư tưởng và hành động của Chủ tịch Hồ Chí Minh. V.I. Lênin chỉ ra: "Chỉ có dựa trên cơ sở hiểu biết những đặc điểm cơ bản của một thời đại, chúng ta mới có thể tính đến những đặc điểm chi tiết của nước này nước nọ"[2]. Thấm nhuần điều đó, Hồ Chí Minh khẳng định: "Lý luận cách mạng không phải là giáo điều, nó là kim chỉ nam cho hành động cách mạng; và lý luận không phải là một cái gì cứng nhắc, nó đầy tính chất sáng tạo; lý luận luôn cần được bổ sung bằng những kết luận mới rút ra từ trong thực tiễn sinh động"[3].

Nhận thức về sự tác động của hoàn cảnh khách quan đối với con người, Hồ Chí Minh nhận thấy cần phải phán xét con người không chỉ theo tuyên ngôn, lời

---

1. Phan Ngọc Liên: *Hồ Chí Minh từ nhận thức lịch sử đến hành động cách mạng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, tr.62.
2. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.26, tr.174.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.95.

nói mà phải theo hành động, việc làm. Chỉ có hành động mới nói lên được chân thực nhất, là minh chứng cho lời nói của con người. Khi đánh giá về một con người không chỉ căn cứ vào người đó nói và viết như thế nào mà chủ yếu là xem người đó làm như thế nào. Và cũng không chỉ đánh giá con người trong một việc, xem xét trong một mối quan hệ mà cần đánh giá trong nhiều việc với nhiều mối quan hệ đan xen cả trong hiện tại, cũng như trong quá khứ.

Suốt cuộc đời, trong nhận thức cũng như trong hành động, Hồ Chí Minh luôn quán triệt nguyên tắc lý luận gắn liền với thực tiễn, lý luận liên hệ với thực tiễn, nói đi đôi với làm và thường xuyên tổng kết rút kinh nghiệm từ thực tiễn để bổ sung, phát triển, làm phong phú lý luận. Người cũng xem lý luận gắn liền với thực tiễn, nói đi đôi với làm là phương pháp, cách thức để đạt được thống nhất trong nhận thức, trong tư tưởng và trong hành động của Đảng, cũng như trong đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng.

Lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin hướng con người đến những hành động, cụ thể và thiết thực để giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Chủ nghĩa Mác - Lênin hóa giải cho Chủ tịch Hồ Chí Minh những vấn đề đặt ra đối với cách mạng Việt Nam. Người tìm thấy ở đây những chỉ dẫn - như cuốn *cẩm nang thần kỳ*, để tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng nhân dân lao động. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ ra "Lênin

dạy chúng ta đối với mọi việc phải xem xét *kỹ lưỡng mọi mặt*, không nóng nảy, hấp tấp. Song khi đã định kế hoạch hẳn hoi rồi thì phải *quả quyết thực hiện* cho kỳ được. Lênin dạy chúng ta *giản đơn* và *khiêm tốn*, *trong sạch* và *chính trực*"[1]. "*Đối với nhân dân*, phải yêu kính quần chúng, gần gũi quần chúng, tin tưởng lực lượng vĩ đại và đầu óc thông minh của quần chúng, học hỏi quần chúng,... *Đối với kẻ địch*..., thì phải kiên quyết, dũng cảm chống lại,... *Đối với công việc*, phải thấy trước, lo trước, tính trước"[2]. Những chỉ dẫn đó là cơ sở lý luận, là nền tảng quan trọng hình thành nên triết lý hành động Hồ Chí Minh.

Tóm lại, Hồ Chí Minh tiếp thu, chọn lọc triết lý nhân loại qua lăng kính lập trường, quan điểm Mác - Lênin, cùng tư duy phân tích sắc sảo của mình hình thành nên lý luận cách mạng, hình thành triết lý hành động nhằm giải phóng và phát triển đất nước. Thực hiện triết lý hành động Hồ Chí Minh là hiện thực hóa chủ nghĩa Mác - Lênin vào phong trào cách mạng Việt Nam, mở ra con đường cứu nước, giải phóng dân tộc cho Nhân dân Việt Nam. Những thắng lợi của triết lý trên thực tế đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, đưa Nhân dân Việt Nam từ tăm tối tù đày, đói nghèo, lạc hậu tiến lên làm chủ, xây dựng và

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.288.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.12.

phát triển đất nước, từng bước sánh vai với các quốc gia giàu mạnh trên thế giới.

2. Nhân tố chủ quan

Thời đại sinh ra anh hùng và anh hùng là hiện thân của thời đại. Mỗi cá nhân đều là sản phẩm của một hoàn cảnh lịch sử, một quá trình lịch sử nhất định. Do nhân tố chủ quan nên mức độ chiếm lĩnh các giá trị xã hội, làm chủ các giá trị xã hội ở mỗi người là khác nhau. Chỉ có những người dự kiến được một tương lai mà lịch sử sẽ trải qua, tìm được phương pháp để vượt qua những thử thách của lịch sử, mới làm nên lịch sử, trở thành anh hùng của thời đại. Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ nhận thức đúng hiện thực, quy luật khách quan, lựa chọn được con đường cứu nước, giải phóng dân tộc mà còn có được triết lý hành động để thay đổi hoàn cảnh khách quan. Trên cơ sở triết lý ấy mà lựa chọn hình thức, biện pháp phù hợp, từng bước vận dụng lý luận cách mạng, lý luận mácxít vào thực tiễn Việt Nam.

Là vĩ nhân, anh hùng giải phóng dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện những phẩm chất cá nhân đặc biệt trong suốt quá trình từ khi ra đi tìm đường cứu nước, lựa chọn con đường cứu nước, truyền bá lý luận mácxít về trong nước, thúc đẩy phong trào cách mạng, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam để lãnh đạo Nhân

dân đứng lên đấu tranh giành độc lập, đi đến thống nhất đất nước.

Với Chủ tịch Hồ Chí Minh, mỗi quan điểm tư tưởng, mỗi hành động đều thể hiện rõ phẩm chất cá nhân đặc biệt của mình. Phẩm chất ấy làm cho hành động, quan điểm của Người vừa dễ hiểu, vừa gần gũi mộc mạc nhưng cũng cực kỳ sâu sắc, cách mạng và hiện đại.

a) Hồ Chí Minh có lòng yêu nước, thương dân sâu sắc, có hoài bão cứu nước, cứu dân và luôn tin tưởng vào sức mạnh của Nhân dân

Sinh ra trong cảnh nước mất, Nhân dân chịu cảnh một cổ hai tròng của thực dân, phong kiến, Hồ Chí Minh chứng kiến ách áp bức, bóc lột, sự dã man, tàn bạo của thực dân đối với Nhân dân Việt Nam. Đồng thời, Người thấy các phong trào yêu nước, đấu tranh chống thực dân Pháp theo các khuynh hướng khác nhau của cha ông lần lượt thất bại. Câu hỏi được Người trăn trở là "phải làm gì để cứu nước, cứu dân?". Để trả lời câu hỏi đó, Người đi sang phương Tây với mục tiêu "Tôi muốn đi ra ngoài, xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta"[1]. Khát vọng, hoài bão giải phóng dân tộc trở

---

1. Hồ Chí Minh: *Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, t.1, tr.28.

nên cháy bỏng hơn bất cứ điều gì khác thúc đẩy Chủ tịch Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân.

Đặt chân đến nước Pháp, nơi sinh ra khẩu hiệu "Tự do - Bình đẳng - Bác ái", một khẩu hiệu đồng thời là một triết lý sống đề cao giá trị làm người, giá trị nhân văn, nhân ái và quyền con người, Hồ Chí Minh mong muốn tìm ra cái thật sự đằng sau khẩu hiệu đó, tìm ra nguyên nhân để giải thích, tìm ra cách thức, con đường để giải phóng cho dân tộc Việt Nam, giải phóng con người khỏi kiếp nô lệ, được tự do, hạnh phúc thực sự.

Và sự thật đằng sau khẩu hiệu đó được Hồ Chí Minh nhận ra qua một thời gian sống, học tập, hoạt động ở Pháp. Người thấy: Nhân dân Pháp cũng có nhiều người tốt, không giống với những người Pháp ở Đông Dương. Nước Pháp tuy đề ra khẩu hiệu rất hay, nhưng chỉ những người Pháp ở tầng lớp trên, có học vấn mới có được quyền này còn những người cùng khổ, những người lao động nghèo cũng bị khinh rẻ. Hơn thế, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận thấy cũng không chỉ ở nước Pháp còn có sự bất công, mà là ở khắp nơi trên thế giới, kể cả ở các nước được cho là tiến bộ, văn minh khác. Tại những vùng đất mà thực dân xâm chiếm khắp châu Á, châu Phi, Mĩ Latinh, Người tận mắt thấy sự "tàn bạo không thể tưởng tượng" của bọn thực dân, lũ cướp nước. Bôn ba qua nhiều nơi, Người nhận thấy "dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống

người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột"[1]. Cuộc đấu tranh của người bị bóc lột chống lại bọn đi bóc lột phải dựa trên cơ sở đoàn kết giai cấp, đại đoàn kết dân tộc, xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp, đồng thời phải đoàn kết dân tộc với quốc tế mới có thể mang đến tự do, bình đẳng, bác ái, ấm no trên quả đất.

Ở khắp các thuộc địa, nơi Người đi qua, hình ảnh của "con người biết mùi hun khói", người bị chôn đến cổ và phơi nắng cho đến chết, người "phải hiến thân cho chó", những người phải chịu trò quái ác mà một tên thực dân da trắng đi "khai hóa văn minh" nghĩ ra được; những người lao động bị áp bức, bóc lột bởi "chính sách ăn cướp và bóc lột" tàn bạo,... cho đến cảnh người dân sống trong những khu ổ chuột ngay dưới chân Nữ thần Tự do hay bên trong Pari hoa lệ đã luôn nhắc Người về nỗi khổ đau của đồng bào nơi quê nhà.

Đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh được soi sáng bởi quan điểm, lập trường khoa học cách mạng. Người tìm thấy con đường để thực hiện lý tưởng cứu nước, cứu dân của mình - một con đường luôn xem cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, do quần chúng và vì quần chúng. Cùng với những kiến thức lịch sử tích

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.287.

lũy được từ khi còn ở trong nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh luận giải về sức mạnh vô địch của quần chúng nhân dân trong đấu tranh cách mạng, đồng thời Người nghiên cứu sức mạnh của quần chúng nhân dân trong các cuộc cách mạng ở phương Tây. Càng chứng kiến, càng nghiên cứu, Chủ tịch Hồ Chí Minh càng hiểu rõ về vai trò của khối đại đoàn kết toàn dân, về sức mạnh của quần chúng nhân dân trong đấu tranh cách mạng. Vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh thực hành triệt để mọi cách thức, phương pháp nhằm phát huy vai trò quần chúng nhân dân, để quần chúng nhân dân ý thức về vị trí của mình trong cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do. Kết hợp giá trị dân tộc với giá trị thời đại, triết lý dân tộc với triết lý Mác, Lênin Người chỉ ra: "*Nhiễu điều phủ lấy giá gương, Người chung giai cấp phải thương nhau cùng*!"[1].

Thấm nhuần triết lý hành động Mác - Lênin, Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến quyền, lợi ích của số đông quần chúng, những người lao động. Người thấy rõ sự bất công giữa quyền và lợi ích của số đông người lao động với số ít bọn đi bóc lột. Lòng thương yêu con người khiến Hồ Chí Minh "không chỉ đấu tranh cho một lá cờ, cho một sự giải phóng ở bề mặt bên ngoài,

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.14, tr.192.

Người muốn tiến hành một cuộc chiến đấu cho phẩm giá con người, cho sự giải phóng và phúc lợi toàn dân"[1]. Hồ Chí Minh hướng đến việc làm cho con người tự đứng lên giải phóng bằng chính sự phát triển và hoàn thiện của mình. Quần chúng đứng lên tự giải phóng bằng chính sức mạnh của họ, vươn lên hoàn thiện mình qua đấu tranh, học tập và lao động là chiều sâu triết lý hành động Hồ Chí Minh, mục tiêu hành động Hồ Chí Minh.

Trong chủ trương và hành động, Chủ tịch Hồ Chí Minh không ngừng giáo dục quần chúng, lãnh đạo quần chúng, đưa quần chúng nhân dân đến với con đường cách mạng, con đường của độc lập, tự do, hạnh phúc. Nhưng không phải là giáo dục một cách khó hiểu mà Chủ tịch Hồ Chí Minh học hỏi từ quần chúng, lắng nghe ý kiến quần chúng, sẵn sàng tiếp thu phê bình của quần chúng; nói tiếng nói của quần chúng để giáo dục, lãnh đạo quần chúng. Bản thân Chủ tịch Hồ Chí Minh trong hành động luôn mực thước, nêu gương để quần chúng tin cậy, làm theo và để xứng đáng với sự tin cậy của quần chúng. Phong cách, hành động của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với quần chúng không đứng trên quần

---

1. Chương trình KX.02 "Tư tưởng Hồ Chí Minh", Đề tài KX.02.09: *"Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay (Qua sách báo nước ngoài)"*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Viện Thông tin khoa học xã hội - Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội, 1993, tr.112.

chúng mà luôn đứng trong quần chúng, đứng cùng quần chúng, tôn cao vị thế, vai trò của quần chúng, hướng quần chúng đến tự giải phóng.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, những khó khăn, thách thức còn nhiều, đế quốc, thực dân vẫn xem Việt Nam là miếng mồi béo bở, có vị trí địa chính trị quan trọng trong âm mưu thống trị thế giới của chúng. Đất nước giành được độc lập trong thời gian ngắn ngủi, lại phải đối mặt với hai cuộc chiến tranh do thực dân, đế quốc gây ra với vô vàn khó khăn thách thức đối với sự nghiệp cách mạng. Chủ tịch Hồ Chí Minh trong các hoạt động ngoại giao cấp nhà nước, cũng như trong việc thiết lập mối quan hệ hữu nghị vô sản giữa cá nhân các lãnh tụ cách mạng, Người luôn tìm kiếm sự ủng hộ, giúp đỡ của bạn bè, đồng chí, của những con người, dân tộc yêu chuộng hòa bình, ủng hộ hòa bình về cả vật chất và tinh thần cho cuộc đấu tranh cứu nước của Nhân dân Việt Nam. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, lựa chọn hành động của Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng thể hiện tấm lòng yêu nước, thương dân, hoài bão, lý tưởng cứu nước, cứu dân của mình.

Đất nước giành được độc lập, triết lý chỉ đạo hành động đổi mới, phát triển của Chủ tịch Hồ Chí Minh là "Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà

dân được ăn no, mặc đủ"[1]. "Dân dĩ thực vi thiên" dân lấy ăn làm trời, nếu không có ăn là không có trời. Người chỉ ra loài người ai cũng "dĩ thực vi tiên", "Có thực mới vực được đạo" không có ăn thì chẳng làm được việc gì cả, dân "bụng no thì lo học". Vì thế, "hết sức chăm nom đến đời sống của nhân dân" là vấn đề được quan tâm nhất, xuyên suốt trong quá trình đổi mới và phát triển đất nước.

Giáo dục, giác ngộ Nhân dân đứng lên làm cách mạng, tổ chức lại đời sống cho Nhân dân trở thành vấn đề trung tâm trong mục tiêu hành động Hồ Chí Minh. Lời Người căn dặn trước lúc đi xa: "Công việc đầu tiên là công việc đối với con người" chính là sự tổng kết, là đúc rút từ sự nghiệp cách mạng của Người. Lời căn dặn đó đã và đang là kim chỉ nam cho hành động của Đảng và Nhân dân ta trong sự nghiệp đổi mới, hội nhập và phát triển của đất nước.

b) Hồ Chí Minh có trí tuệ siêu việt, tư duy phân tích sắc sảo, độc lập, sáng tạo, tiếp thu nhanh nhạy cái mới, tích cực cải tạo cái cũ

Từ thực tiễn các phong trào cách mạng ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, Chủ tịch Hồ Chí Minh sớm có nhận định về xu hướng phát triển của các

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.175.

khuynh hướng cứu nước, giải phóng dân tộc dưới sự lãnh đạo của các lực lượng cách mạng cũ. Khi phong trào Đông du sôi nổi nhất, Người từ chối không sang Nhật như một số thanh niên Việt Nam yêu nước khác. Bởi theo Người, dựa vào Nhật để đánh Pháp, chẳng khác gì "đưa hổ cửa trước rước beo cửa sau", điều đó rất nguy hiểm. Với trí tuệ siêu việt, sự phân tích sắc sảo, nhạy bén chính trị, Hồ Chí Minh nhận thấy không thể cứu nước bằng con đường theo ý thức hệ phong kiến, tư sản mà phải tìm một con đường khác. Người quyết định lựa chọn cho mình một hướng đi khác, tìm con đường đúng với quy luật phát triển, thuận với lòng dân, hợp với thời đại nhằm giải phóng và phát triển đất nước.

Đi sang phương Tây, Hồ Chí Minh nhận rõ bộ mặt thật ẩn giấu đằng sau khẩu hiệu "Tự do - Bình đẳng - Bác ái" của giai cấp tư sản, nhưng không vì thế mà Người không tìm hiểu tư tưởng Tự do, Bình đẳng, Bác ái. Người tìm đọc các tác phẩm của Vônte, Môngtétxkiơ, Điđơrô, J.J. Rútxô,...; nghiên cứu Cách mạng tư sản Pháp năm 1789, cũng như những nội dung thể hiện trong *Tuyên ngôn Nhân quyền và dân quyền*, Người lựa chọn, tiếp thu các giá trị tích cực, hữu ích, nhân văn, bổ sung và phát triển hoàn chỉnh cho nhận thức của mình, biến thành tư tưởng, thành hành động trong sự nghiệp giải phóng và phát triển dân tộc.

Chỉ trên cơ sở sự hiểu biết về thời đại, bao hàm những tri thức về các sự kiện, hiện tượng đã và đang

xảy ra, Chủ tịch Hồ Chí Minh mới có thể đánh giá và lựa chọn được cho mình, cho dân tộc mình một con đường, một phương hướng đúng đắn để giải phóng, đổi mới và phát triển. Hồ Chí Minh vận dụng lý luận cách mạng của Mác và Lênin không giáo điều, cứng nhắc, mà cso sự sáng tạo, phát triển. Lấy tinh thần, phương pháp Mác - Lênin làm kim chỉ nam cho hành động trong thực tiễn, Người thường xuyên tổng kết rút kinh nghiệm để bổ sung, làm phong phú lý luận cách mạng trong thời đại mới. Đây là vấn đề mang ý nghĩa quyết định cho những thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Với tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, điều quan trọng nhất ở Chủ tịch Hồ Chí Minh là trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin ở chỗ Người nắm vững lập trường, quan điểm, phương pháp, tinh thần Mác - Lênin. Chủ nghĩa Mác - Lênin đối với Người không phải là kinh thánh mà là kim chỉ nam hành động. Người thấy rõ các yếu tố tích cực trong các học thuyết tư tưởng, sử dụng nó, bổ sung làm phong phú lý luận Mác - Lênin. Cũng từ sự phân tích sắc sảo, nhanh nhạy tiếp thu cái mới, cải tạo cái cũ mà những điểm hạn chế của các học thuyết tư tưởng được nhận thức rõ. Những nhận thức đó tác động mạnh mẽ đến tư tưởng và hành động của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thực tiễn cách mạng. Nếu hạn chế lớn nhất của tư tưởng Nho giáo coi thường lao động chân tay, khinh miệt phụ nữ,... thì trên cơ sở quan điểm Mác - Lênin và sự bổ sung từ các

học thuyết tư tưởng tiến bộ khác, Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng hành động trong thực tiễn, nói đi đôi với làm và Người cũng luôn giành những tình cảm trân quý đối với phụ nữ. Người chỉ ra, *"Nói phụ nữ là nói phân nửa xã hội. Nếu không giải phóng phụ nữ thì không giải phóng một nửa loài người"*[1]. Không chỉ lĩnh hội được các giá trị tiến bộ, những điều tốt đẹp đúng đắn, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn nhận thức rõ những học thuyết bịp bợm, hay những quan điểm tư tưởng "đầu ngược xuống đất chân chổng lên trời", rút ra bài học từ thất bại của những cuộc "cách mệnh không đến nơi" để hành động cho đúng đắn, đến nơi và giành thắng lợi cho sự nghiệp giải phóng đất nước.

Trong ba thập niên đầu thế kỷ XX, hàng loạt các Đảng Cộng sản được thành lập ở khu vực châu Á như: Đảng Cộng sản Inđônêxia (1920), Đảng Cộng sản Trung Quốc (1921), Đảng Cộng sản Nhật Bản (1922), Đảng Cộng sản Triều Tiên (1925), Đảng Cộng sản Ấn Độ (1928),... cho thấy con đường cách mạng vô sản đã trở thành xu hướng của thời đại, khẳng định sự lựa chọn đúng đắn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về con đường cách mạng giải phóng dân tộc.

Quán triệt nguyên tắc lý luận gắn liền với thực tiễn, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn khẳng định: "lý luận cách mạng không phải là giáo điều, nó là kim chỉ nam cho

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.300.

hành động cách mạng; và lý luận không phải là một cái gì cứng nhắc, nó đầy tính chất sáng tạo, lý luận luôn luôn cần được bổ sung bằng những kết luận mới rút ra từ trong thực tiễn sinh động"[1]. Và điều này được minh chứng rõ ràng nhất thông qua quá trình hoạt động, chuẩn bị các điều kiện cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

V.I. Lênin khẳng định: "Tất cả các nước đều đã trải qua một thời kỳ trong đó phong trào công nhân và chủ nghĩa xã hội tách rời nhau, mỗi bên đi theo một ngả, và trong tất cả các nước, sự tách rời này đã làm suy yếu chủ nghĩa xã hội và phong trào công nhân; trong tất cả các nước, chỉ có sự kết hợp giữa chủ nghĩa xã hội với phong trào công nhân mới xây dựng được một cơ sở vững chắc cho cả hai. Nhưng trong mỗi nước, sự kết hợp ấy lại là một sản phẩm của lịch sử, lại được thực hiện bằng những con đường đặc biệt, tùy theo điều kiện không gian và thời gian"[2]. Ở Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước, sự kết hợp này tạo sự vững chắc cho cả ba, đặc biệt cho phong trào yêu nước. Vì chủ nghĩa Mác - Lênin là vũ khí của giai cấp công nhân, qua sự kết hợp của Chủ tịch Hồ Chí Minh nó trở thành vũ khí của cả dân tộc.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.95.
2. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.470-471.

Nếu không được chủ nghĩa Mác - Lênin soi sáng thì phong trào yêu nước vẫn còn trong bế tắc. Ngược lại thiếu phong trào yêu nước thì chủ nghĩa Mác - Lênin sẽ thiếu một mảng rất lớn về nhận thức và lực lượng. Bằng sự kết hợp này Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa chủ nghĩa yêu nước phát triển lên một tầm cao mới.

Tiếp thu, vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện thực tiễn Việt Nam, Hồ Chí Minh tập hợp lực lượng cách mạng, tổ chức các lớp huấn luyện cho thanh niên Việt Nam yêu nước, giác ngộ họ thấm nhuần lý luận của chủ nghĩa xã hội khoa học, lý luận về vai trò, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Để sau khi huấn luyện, họ được đưa về nước, đi sâu trong phong trào công nhân, hướng dẫn, tổ chức phong trào, làm cho tư tưởng cách mạng tiến bộ được phổ biến rộng rãi ở Việt Nam, tạo điều kiện cần thiết, đầy đủ cho sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam. Sự ra đời của Đảng thể hiện rõ nhất tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo của Hồ Chí Minh - một tư duy có được từ trí tuệ mẫn tiệp, khả năng phân tích sâu sắc tình hình thực tiễn trên nền tảng tri thức, kinh nghiệm được trang bị qua thực tiễn và quá trình hành động phong phú, đa dạng của Người.

Sự chuẩn bị toàn diện và kỹ lưỡng về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, đặc biệt là những hoạt động tạo sự chuyển biến trong nhận thức về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công

nhân Việt Nam đã đảm bảo đầy đủ điều kiện để giai cấp công nhân Việt Nam có thể lĩnh hội được chủ nghĩa Mác - Lênin, giác ngộ sâu sắc sứ mệnh giai cấp, sứ mệnh lịch sử của mình. Chỉ có thể với sự định hướng của một triết lý hành động đúng đắn khi đã xác định rõ mục tiêu, động lực, phương pháp hành động mới khiến Chủ tịch Hồ Chí Minh không nóng vội để thành lập Đảng, thay vào đó là những hành động cụ thể nhằm chuẩn bị kỹ lưỡng về mọi mặt cho sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam khi điều kiện chín muồi. Nhờ vậy, dù ra đời muộn hơn các Đảng Cộng sản anh em nhưng Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo Nhân dân Việt Nam làm nên những thắng lợi vĩ đại, đồng thời góp phần thúc đẩy sự nghiệp cách mạng của các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc trên thế giới trong thế kỷ XX.

Có thể thấy, bằng trí tuệ và tư duy phân tích sắc sảo, ý chí độc lập, tự chủ, sáng tạo, Hồ Chí Minh mới có thể vượt lên tầm trí tuệ và nhận thức cũng như xu thế đương thời để tìm thấy con đường cách mạng đúng đắn cho dân tộc Việt Nam. Và cũng chính trí tuệ đó, tư duy đó đưa lý tưởng cách mạng, mục tiêu cách mạng của Hồ Chí Minh vượt qua thử thách, vượt qua những tình huống hiểm nghèo để giành thắng lợi. Trí tuệ sáng suốt, tự chủ, sáng tạo trong hành động cách mạng đã biến lý tưởng, hoài bão thành hiện thực, đất nước có độc lập, tự do, Nhân dân được ấm no, hạnh phúc.

c) Hồ Chí Minh là con người có ý chí, nghị lực, bản lĩnh kiên cường

Ý chí, nghị lực, bản lĩnh của Hồ Chí Minh không chỉ có được qua thực tế rèn luyện, qua tích lũy tri thức, kinh nghiệm từ bản thân và kinh nghiệm thế giới mà còn xuất phát từ tấm lòng yêu nước, thương dân sâu sắc, từ lòng tin mãnh liệt vào sức mạnh vô địch, khả năng vô tận của quần chúng nhân dân.

Hồ Chí Minh tiếp thu, làm chủ được khối lượng tri thức văn hóa nhân loại đồ sộ, kinh nghiệm ứng xử phong phú, nhờ đó Người luôn nắm bắt, hiểu sâu được cảm xúc, chiều sâu văn hóa của nhiều hạng người với nhiều màu da và quốc tịch, niềm tin tôn giáo khác nhau để có những hành động, ứng xử khôn khéo, hiệu quả. Khi giao tiếp với các chính khách, nhà báo, nhà ngoại giao trên khắp thế giới, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn thể hiện bản lĩnh, sự tự tin, ý chí và quyết tâm hành động vì Nhân dân, vì đất nước của mình. Đôi mắt của Người luôn ngời sáng, tràn đầy tự tin, với phong thái hấp dẫn, đầy lôi cuốn. Còn khi tiếp xúc với đồng bào, với nông dân, với các cháu thiếu niên, nhi đồng,... Người lại trìu mến, thân thương, gần gũi như người trong gia đình. Còn với những người trước đó họ đã từng là kẻ thù của Nhân dân Việt Nam, nay ăn năn hối cải, Người lại đối xử bằng tấm lòng nhân hậu, ánh mắt bao dung, "đánh kẻ chạy đi, không đánh người chạy lại". Bản lĩnh kiên cường của Hồ Chí Minh còn được thể hiện ngay cả khi

Người trong chốn lao tù, tay chân bị gông cùm, xiềng xích, bị mất tự do, nhưng vẫn toát lên phong thái ung dung, tự tại, niềm lạc quan, tin tưởng ở mục tiêu, con đường mình đã lựa chọn:

"Hôm nay xiềng sắt thay dây trói,
Mỗi bước leng keng tiếng ngọc rung;
Tuy bị tình nghi là gián điệp,
Mà như khanh tướng vẻ ung dung"[1].

Là một chiến sĩ cách mạng, Người cũng là một thi sĩ, yêu cái đẹp của thiên nhiên cảnh vật và vượt lên trên tất cả là của một người có bản lĩnh, có nghị lực, biết chờ thời, lập thế để hành động:

"Trong tù không rượu cũng không hoa,
Cảnh đẹp đêm nay, khó hững hờ;
Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ,
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ"[2].

Hay:

"Phải nhìn cho rộng, suy cho kỹ,
Kiên quyết, không ngừng thế tấn công;
Lạc nước, hai xe đành bỏ phí,
Gặp thời, một tốt cũng thành công"[3].

Trong cả khi gặp tình huống khó khăn nhất, đối diện với cả sự an nguy về tính mạng, Hồ Chí Minh vẫn luôn thể hiện triết lý sống, triết lý hành động, niềm tin mãnh liệt vào ngày mai tươi sáng của sự nghiệp cách mạng:

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.3, tr.364, 327, 326.

"Ví không có cảnh đông tàn,
Thì đâu có cảnh huy hoàng ngày xuân;
Nghĩ mình trong bước gian truân,
Tai ương rèn luyện tinh thần thêm hăng"[1].

Nắm giá trị cốt lõi, tri thức tiến bộ của nhân loại, cùng vốn kinh nghiệm văn hóa phong phú, đa dạng có được từ sự trải nghiệm rộng lớn tạo nên bản lĩnh của Hồ Chí Minh. Đồng thời, Người không ngừng học hỏi, nắm bắt những kiến thức mới; tổng kết thực tiễn, rút ra kinh nghiệm, bài học từ thực tiễn để định hướng cho hành động, bảo đảm cho hành động luôn khoa học, đúng đắn. Đó là bản lĩnh của người nắm được quy luật vận động và quy luật phát triển của lịch sử, niềm tin mãnh liệt vào thắng lợi của sự nghiệp cách mạng, tin tưởng vững chắc vào khoa học cách mạng, tin vào lý luận, bảo vệ và phát triển lý luận.

Ý chí, nghị lực, bản lĩnh có được còn do Chủ tịch Hồ Chí Minh không tìm lợi ích cho cá nhân mà là đi tìm và tạo ra lợi ích cho Nhân dân, cho đất nước. Cho đến những phút cuối đời, Người cũng "không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa"[2]. Tất cả vì nhân dân, vì dân tộc tạo nên ý chí, bản lĩnh, nghị lực kiên cường trong hành động của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.3, tr.326.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.15, tr.615.

d) Khả năng tổ chức và hoạt động thực tiễn đa dạng

Những hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong quá trình tìm đường cứu nước, truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào trong nước, chuẩn bị mọi điều kiện cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam đã cho thấy quyết tâm cao độ trong thực hiện lời nói đi đôi với việc làm, đưa lý luận vào thực tiễn phong trào, từ đó triết lý hành động Hồ Chí Minh trở nên sâu sắc hơn, phát huy giá trị trong thực tiễn.

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam ghi nhận công lao to lớn và khắc sâu dấu ấn cá nhân của Hồ Chí Minh. Ngay khi ra đời, Đảng đã lãnh đạo cách mạng Việt Nam giành được nhiều thắng lợi, từng bước đưa Nhân dân Việt Nam từ địa vị nô lệ, bị áp bức, bóc lột trở thành người tự do, thành người chủ của đất nước, chủ vận mệnh của mình. Chủ tịch Hồ Chí Minh trên cương vị là Chủ tịch Đảng, Chủ tịch nước đã hướng dẫn, rèn luyện, xây dựng đội ngũ cán bộ của Đảng, của Chính phủ ngày càng lớn mạnh, đáp ứng được yêu cầu mới, nhiệm vụ mới, lãnh đạo Nhân dân đấu tranh, kháng chiến đảm bảo quyền độc lập, tự do, hướng tới thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ.

Những hoạt động thực tiễn phong phú, đa dạng là cơ sở để Chủ tịch Hồ Chí Minh tích lũy cho triết lý hành động thêm sâu sắc. Đặc biệt trong bối cảnh,

điều kiện của nước ta lúc bấy giờ "một ngày bằng 20 năm"[1] lại càng làm cho triết lý hành động Chủ tịch Hồ Chí Minh trở nên rõ ràng, sâu sắc hơn, phát huy giá trị tức thời.

Thực tiễn là cơ sở cho sự trưởng thành mọi mặt, để rồi đến một mức độ nhất định đạt được sự nhảy vọt, thăng hoa. Ở vị trí là người đứng đầu Đảng và Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ hoạt động thực tiễn nhiều mà còn viết nhiều để hướng dẫn, rèn luyện cán bộ, để chỉ ra cách thức xây dựng đất nước, phát triển xã hội. Trải qua thực tiễn lãnh đạo, xây dựng và bảo vệ đất nước mà tư tưởng, phương pháp, phong cách, triết lý hành động Hồ Chí Minh được định hình rõ ràng và sâu sắc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh phê phán các loại nghị quyết để trong tủ kính, bởi Người cho rằng "trăm bài diễn văn tuyên truyền" không bằng một tấm gương sống. Người nhận thức rõ, lời nói chỉ có tác dụng mạnh mẽ khi nó được quán triệt trong hành động thực tế, bằng những việc làm, hành động cụ thể. Chủ thể của lời nói phải bằng những hành động, những việc làm thật sự cần mẫn và siêng năng, hiệu quả mới chứng tỏ, thuyết phục được cho người khác về lời nói của mình: "Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức. Muốn

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.12, tr.288.

hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước"[1].

Người dặn: "chớ đặt những chương trình, kế hoạch mênh mông, đọc nghe sướng tai nhưng không thực hiện được. Việc gì cũng cần phải thiết thực, nói được, làm được. Việc gì cũng phải từ nhỏ dần dần đến to, từ dễ dần dần đến khó, từ thấp dần dần đến cao. Một chương trình nhỏ mà thực hành được hẳn hoi, hơn là một trăm chương trình to tát mà làm không được"[2].

Xem xét mục đích và hành động trên cơ sở thực tiễn, làm từ việc nhỏ tiến dần dần đến việc to, làm từ việc dễ tiến dần dần đến việc khó là phương pháp mà Chủ tịch Hồ Chí Minh được học, được rèn luyện từ rất sớm ngay trong quá trình tìm đường cứu nước. Việc học làm báo, viết báo của Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng bắt đầu từ dễ đến khó, từ viết dài đến viết ngắn, gọn, dễ hiểu. Việc chuẩn bị các điều kiện, tiền đề cho sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam từ lý luận dẫn đường, đến xây dựng tổ chức, hợp nhất các tổ chức, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm từng bước một, rất cẩn trọng, chu đáo, kỹ lưỡng với kế hoạch rõ ràng để ngay khi ra đời Đảng lãnh đạo và lãnh đạo thắng lợi các phong trào, cao trào cách mạng, đi đến giành độc lập tự do cho dân tộc, giải phóng cho Nhân dân. Sau khi giành độc lập, trong kế

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.16.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.217.

hoạch xây dựng, phát triển đất nước, Người chỉ ra: "Việc gì cũng phải từ việc dễ đến việc khó, từ việc gấp đến việc hoãn, từ việc ít tốn tiền đến việc tốn nhiều tiền. Nói tóm lại: kế hoạch phải *thiết thực*, phải làm được. Chớ làm kế hoạch đẹp mặt, to tát, kể hàng triệu nhưng không thực hiện được"[1].

Trong hành động, Hồ Chí Minh luôn chú trọng đến cách làm, đến biện pháp thực hiện để làm sao cho dân chúng hiểu đúng và làm ngay. Người chú trọng làm mẫu và yêu cầu cán bộ, đảng viên phải làm việc thực tế, và gương mẫu thực hiện trước, làm "mực thước" cho nhân dân. Người chú trọng sự thiết thực, hiệu quả, nhiều chỉ dẫn mang tính chất "cầm tay chỉ việc" chi tiết, cụ thể. Người chỉ bảo rất rõ ràng: Muốn làm dân vận tốt thì phải làm như thế nào? Muốn thực hành đoàn kết, tự phê bình và phê bình phải gì? Muốn đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm thì phải bắt đầu ra sao? Muốn xây dựng hợp tác xã thì phải bắt đầu từ đâu? Muốn xây dựng tổ đổi công, hay làm mương dẫn nước chống hạn thì phải vận động nhân dân như thế nào? v.v.. Và khẩu hiệu hành động mà Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu là "làm việc gì học việc ấy" để tạo ra hiệu quả thiết thực phục vụ Nhân dân, phục vụ đất nước.

Khi thăm hỏi nông dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh ít đề cập các vấn đề chính trị, xã hội mà nói với bà con về

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.5, tr.81.

cách thức, phương pháp để xây dựng đời sống mới, hay làm sao để đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm,... Người nói về những vấn đề hết sức cụ thể, chi tiết, thiết thực và gắn liền với cuộc sống của nông nông như làm phân bón, cách gieo trồng và chăm bón, hướng dẫn kỹ thuật canh tác. Người hướng dẫn, chỉ bảo cụ thể về cách để bảo vệ rừng, phát triển rừng, hướng khai thác gỗ để đổi lấy máy móc, phương tiện sản xuất thay thế sức con người,... Nhiều lần Người còn cùng thực hành sản xuất với nông dân, thử dùng máy cấy, cùng đạp cọn lấy nước, phát động trồng cây gây rừng và tự tay Người trồng cây đều đặn hằng năm. Khi làm việc với công nhân, Người không chỉ giác ngộ ý thức giai cấp, tinh thần làm việc tập thể, hăng hái lao động sản xuất mà Người còn chỉ ra phương pháp thi đua, thi đua giữa các cá nhân với cá nhân, giữa các tổ sản xuất với nhau.

Với Chủ tịch Hồ Chí Minh, mỗi việc làm cần phải có một phương pháp nhất định, cụ thể để tác động làm biến đổi nó theo hướng đã định. Từ nhiều việc nhỏ, hành động nhỏ với vô vàn các cách thức và phương pháp hành động thực tiễn thì mới có thể đi đến một kết quả to lớn, mới có thể làm cho đất nước, con người đều đổi mới, phát triển.

Ở Hồ Chí Minh, bất kỳ một hành động, một việc làm nào, từ những hành động, việc làm cần kíp cho trước mắt cho tới những hành động, việc làm mà Người

trù tính cho tương lai phát triển của dân tộc đều phản ánh triết lý hành động Hồ Chí Minh. Từ việc nhỏ như thực hành việc "mười ngày nhịn ăn một bữa", cho đến hành động để cứu vãn một nền hòa bình, tranh thủ hòa hoãn để chuẩn bị mọi mặt cho cuộc trường kỳ kháng chiến của dân tộc cũng đều thể hiện triết lý hành động ấy.

Triết lý hành động Hồ Chí Minh được hình thành và thể hiện ngày càng sâu sắc, đặc biệt qua thực tiễn Người xây dựng và chỉnh đốn Đảng, rèn luyện đội ngũ đảng viên. Điều đó không chỉ được thể hiện trong hành động thực tế mà còn thông qua các bài viết, bài nói của Người. Trong xây dựng Đảng, từ chính trị, tư tưởng, tổ chức cho đến rèn luyện đội ngũ đảng viên, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn yêu cầu phải có những hành động cụ thể và thiết thực. Bản thân Người bằng hành động cụ thể để nêu tấm gương sáng cho cán bộ, đảng viên cấp dưới noi theo.

Người hiểu rất rõ và yêu cầu, muốn tổ chức thực tiễn giỏi thì cán bộ, đảng viên chẳng những phải có khả năng tuyên truyền, vận động quần chúng mà còn phải là người lính xung kích, người cán bộ, đảng viên rất gương mẫu, tiên phong trong hành động. Nếu chỉ nói mà không làm, không nêu gương bằng hành động cụ thể thì không thể nào động viên, tổ chức được quần chúng thực hiện thắng lợi mọi chủ trương, đường lối của Đảng. Muốn quần chúng, đảng viên cấp dưới làm theo

thì cán bộ, đảng viên cấp trên phải gương mẫu làm trước, thực hiện trước, đó mới thực sự là phương pháp tuyên truyền có hiệu quả cao. Tuyên truyền, giáo dục không thể chỉ bằng lời nói khô khan, bằng lý thuyết chung chung, những khẩu hiệu trừu tượng mà phải bằng hành động thực tế, bằng sự gương mẫu đến mực thước của người cán bộ, đảng viên. Chỉ có bằng những việc làm thực tế, những hành động gương mẫu, người ta mới có thể làm cho lời nói của mình có độ tin cậy và sức thuyết phục mạnh mẽ.

Tóm lại, triết lý hành động Hồ Chí Minh không chỉ được hình thành trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, mà còn có lăng kính Mác - Lênin để lựa chọn những giá trị tích cực trong triết lý dân tộc, triết lý phương Đông, phương Tây, triết lý của nhân loại để trở nên khoa học và sâu sắc. Triết lý hành động Hồ Chí Minh thể hiện sự tiếp nối truyền thống văn hóa, tư tưởng, tinh thần đấu tranh của cha ông, trên nền tảng của lý luận cách mạng và khoa học để đem đến thành công cho cách mạng Việt Nam.

III- BẢN CHẤT CỦA TRIẾT LÝ HÀNH ĐỘNG HỒ CHÍ MINH

1. Bản chất khoa học

Không phải là người đề ra học thuyết về cải tạo xã hội, nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh là người hành động

cải tạo xã hội theo triết lý của học thuyết Mác - Lênin, một nền tảng triết lý cách mạng và khoa học. Chủ tịch Hồ Chí Minh tìm thấy ở chủ nghĩa Mác - Lênin những chỉ dẫn cho hành động cách mạng. Người dùng lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin làm kim chỉ nam cho hành động và không ngừng vận dụng sáng tạo, phát triển nó trong điều kiện thực tiễn Việt Nam. Mọi hành động của Người không nằm ngoài các nguyên lý, quy luật, những quan điểm mang tính triết lý của triết học Mác - Lênin.

Triết lý là những đúc rút từ sự trải nghiệm, kinh nghiệm sống về những điều nên hay không nên làm, hướng về đạo lý, định hướng hành động. Việc lựa chọn triết lý nào làm định hướng trong cuộc sống hoàn toàn mang tính chủ quan. Triết lý không thể hiện tính đúng - sai mà thể hiện sự hợp lý tương đối theo quan điểm của chủ thể hành động, bởi nếu so sánh đánh giá thì trong đa số các trường hợp, triết lý còn chứa đựng những mâu thuẫn, thiếu lôgích. Tuy nhiên, triết lý hành động Hồ Chí Minh được thể hiện thống nhất, xuyên suốt trên một nền tảng lý luận khoa học, là một lựa chọn tất yếu cho những hành động nhằm đạt tới mục tiêu giải phóng và phát triển đất nước.

Triết lý hành động Hồ Chí Minh mang bản chất khoa học, bởi nó là kết quả của sự vận dụng lý luận khoa học, kết quả của sự thực hành phép biện chứng duy vật trong thực tiễn.

GS. Trần Văn Giàu cho rằng: "một chủ nghĩa, một học thuyết hay hay dở một phần quan trọng cũng là ở chỗ nó giúp được hay không giúp được cá nhân, đoàn thể, giai cấp, dân tộc giải quyết một cách thành công những vấn đề cần yếu"[1], hiểu như vậy để vận dụng khoa học mácxít, Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ giải quyết các vấn đề cần yếu của cách mạng Việt Nam mà còn làm cho khoa học cách mạng mácxít trở nên khoa học hơn.

GS. Trần Văn Giàu còn nhận định: "Cụ Hồ là mácxít, thế giới quan của Cụ là duy vật biện chứng. Nhưng chủ nghĩa Mác chưa hề cấm cản người mácxít uyên bác đóng góp tư tưởng triết lý vào vũ trụ quan mácxít cho nó phong phú thêm lên. Một chiến sĩ cách mạng Đông phương sao lại không thể, trong lúc mình là mácxít hay chính vì mình là mácxít có kế thừa triết lý Đông phương cổ đại, đóng góp vào duy vật biện chứng cho duy vật biện chứng càng có tác dụng tích cực trong nhận thức lý luận và hành động thực tiễn ở Đông phương?"[2].

GS. Hoàng Chí Bảo cũng nhận định: "Người là nhà mácxít sáng tạo mà một trong những phương diện sáng

---

1. Trần Văn Giàu: *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng Tháng Tám*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tập I: Hệ ý thức phong kiến và sự thất bại của nó trước các nhiệm vụ lịch sử, tr.53.

2. Trần Văn Giàu: *Sự hình thành về cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr.153.

tạo đặc sắc của Hồ Chí Minh là *thực hành phép biện chứng*"[1]. "Coi thống nhất lý luận với thực tiễn là nguyên tắc tối cao của chủ nghĩa Mác - Lênin, Người đã sớm nhận ra cái đích, tính hướng đích là hành động, là thực hành sự lãnh đạo của lý luận. Người đã từng nhấn mạnh: "Thực hành sinh ra hiểu biết, hiểu biết tiến lên lý luận, lý luận lãnh đạo thực hành""[2].

Không chỉ quán triệt phép biện chứng duy vật trong thực tiễn, mà trong triết lý hành động của mình Hồ Chí Minh còn vận dụng và phát triển sáng tạo lý luận cho phù hợp với thực tiễn, hoàn cảnh Việt Nam. Biến những lý luận khoa học trở nên khoa học hơn trong thực tiễn hay chính là cải tạo thực tiễn theo lý luận khoa học để áp dụng được lý luận khoa học. Hồ Chí Minh có nhiều hành động nhằm phát huy, động viên sức mạnh, sự đoàn kết của các giai cấp, tầng lớp, của toàn dân tộc, sự đoàn kết, giúp đỡ của các nước anh em, bạn bè quốc tế,... trong công cuộc đấu tranh giành độc lập tự do, mà nếu như không có những hành động đó thì lý luận của Mác - Lênin cũng trở thành giáo điều, không thể trở thành hiện thực ở Việt Nam, không thể tìm thấy chỗ đứng và thắng lợi ở Việt Nam. Người cho rằng: "Đặc điểm của người đảng viên cách mạng là: Có lý tưởng rất to lớn, có mục đích rất

---

1, 2. Hoàng Chí Bảo: *Tìm hiểu phương pháp Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.9, 10.

vĩ đại; đồng thời lại có tinh thần rất thiết thực, và công tác rất thiết thực. Nếu chỉ có lý tưởng, mà không có tinh thần thiết thực và công tác thực tế thì không phải là người đảng viên tốt. Như thế chỉ là người không tưởng, người nói khoác. Nếu chỉ có công tác thực tế, mà không có lý tưởng cách mạng, thì cũng không phải là người đảng viên tốt. Như thế, chỉ là người sự vụ chủ nghĩa tầm thường. Có lý tưởng lại có tinh thần thiết thực và công tác thực tế hợp lại, mới là người đảng viên tốt"[1].

Chủ tịch Hồ Chí Minh lấy chủ nghĩa Mác - Lênin để hoạch định, hình thành con đường cứu nước, giải phóng và phát triển dân tộc, làm cơ sở phương pháp luận để thâu thái, tiếp thu, chọn lọc những giá trị tiến bộ, tích cực trong tư tưởng, văn hóa truyền thống dân tộc, phương Đông, phương Tây và của nhân loại. Sự không biệt phái của triết lý chính từ việc tiếp nhận những giá trị tinh túy nhất trong mọi học thuyết tư tưởng, triết lý của nhân loại. Thực hành, thực hiện triết lý hành động Hồ Chí Minh đưa đến những thắng lợi cho cách mạng Việt Nam, khẳng định giá trị khoa học của triết lý trên thực tiễn.

Triết lý của Chủ tịch Hồ Chí Minh được hình thành từ góc nhìn của lý luận khoa học, dùng lý luận khoa học

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.289.

để đánh giá, lựa chọn, trải nghiệm rồi đúc kết thành những mệnh đề, luận điểm. Triết lý đó không phải là những khái quát từ sự mò mẫm, mà là sự đúc kết có được từ quá trình đưa lý luận gắn liền với thực tiễn, từ tổng kết thực tiễn, hiểu biết thực tiễn một cách khoa học. Hình thành từ nhận thức khoa học, có khoa học dẫn dắt, triết lý hành động Hồ Chí Minh khám phá được những quy luật khách quan của đời sống chính trị, kinh tế, xã hội, đi đến giải thích được các hiện tượng, các quy luật xã hội và tiến hành *cải tạo thế giới*, giải phóng dân tộc và phát triển đất nước, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Tinh thần, phương pháp Mác - Lênin cùng với thực tiễn cách mạng được kết hợp nhuần nhuyễn đưa đến những bước sáng tạo đột phá trong tư duy lý luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Là một *nhà biện chứng thực hành*, *nhà triết học hành động* ở Chủ tịch Hồ Chí Minh, không chỉ có biện chứng giữa lý luận và thực hành, mà còn là biện chứng của tư duy và hành động. Thực tiễn khách quan là ngọn nguồn của tư duy và hành động của Chủ tịch Hồ Chí Minh, thực hành lý luận là cơ sở thực tiễn để đánh giá lý luận, phát triển lý luận. Người nói ít, viết ít, đặc biệt ít viết lý luận mà thể hiện lý luận trong hành động, lấy hành động làm chủ yếu. Người thực hành phép biện chứng duy vật mácxít trong đấu tranh cách mạng, cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Triết lý hành động Hồ Chí Minh là sự thống nhất

giữa nhận thức với hành động, giữa lý luận và thực tiễn một cách chặt chẽ.

Trải qua cuộc đấu tranh cách mạng, với sự vận động của lịch sử, những thắng lợi của cách mạng đưa Chủ tịch Hồ Chí Minh đến những thực tiễn lịch sử, bối cảnh xã hội phong phú. Chính vì vậy, trong triết lý hành động của Chủ tịch Hồ Chí Minh còn thể hiện tính biện chứng giữa không gian và thời gian, giữa quá khứ và hiện tại, giữa cũ kỹ, lạc hậu với cái mới mẻ; giữa cá nhân với tập thể, cộng đồng; giữa lợi ích cá nhân và lợi ích quốc gia; giữa lợi ích dân tộc và lợi ích quốc tế,... Nó là triết lý được hình thành trong quá trình lâu dài, được kiểm nghiệm trong thực tiễn cách mạng. Thông qua đó, phép biện chứng duy vật mácxít được bổ sung, trở nên thực tiễn hơn, phương Đông hơn, khoa học và toàn diện.

Triết lý hành động Hồ Chí Minh là những mệnh đề được cô đúc, khái quát sâu sắc thể hiện quan điểm tư tưởng cốt lõi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, thống nhất và xuyên suốt trong sự nghiệp cách mạng. Từ góc độ tiếp cận khoa học hành động, triết lý hành động Hồ Chí Minh thể hiện mục tiêu, động lực, nguyên tắc, phương pháp hành động. Nội dung đó thể hiện mối quan hệ có thứ tự, lớp lang, trước sau chứ không tùy tiện xếp đặt theo ý muốn chủ quan. Để hành động, trước hết phải xác định được mục tiêu, mọi hành động phải thể hiện hướng tới những mục tiêu nhất định, chứ không phải là những hành động không thống nhất, mất phương

hướng. Trên cơ sở mục tiêu để định ra nguồn lực, vật chất, tinh thần và tổ chức hành động, hoạt động có kết quả. Đồng thời, để đạt kết quả còn cần phải tuân thủ các nguyên tắc và có các phương pháp hành động phù hợp, chỉ đạo mới có thể bảo đảm cho những thắng lợi.

Nội dung triết lý hành động Hồ Chí Minh thể hiện ở mục tiêu, động lực, nguyên tắc và phương pháp hành động. Trong mỗi nội dung là những mệnh đề, luận điểm thể hiện sự đúc rút, sự chiêm nghiệm sâu sắc từ hành động, kinh nghiệm thực tiễn của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chủ tịch Hồ Chí Minh không bàn về triết lý hành động, nhưng những luận điểm, mệnh đề thể hiện triết lý hành động của Chủ tịch Hồ Chí Minh có sự thống nhất, xuyên suốt và hệ thống trong toàn bộ sự nghiệp của người.

Triết lý hành động Hồ Chí Minh mang tư tưởng chính trị sâu sắc, nhưng được diễn đạt bằng ngôn ngữ dung dị, dễ nhớ, dễ hiểu, dễ làm, phù hợp với quảng đại quần chúng. Ngôn ngữ Hồ Chí Minh sử dụng là ngôn ngữ hình ảnh, chính là hình ảnh giản dị, gần gũi của Người từ trong hành động thực tiễn. Chủ tịch Hồ Chí Minh diễn đạt triết lý, những tư tưởng chính trị vào trong cuộc sống bằng hành động của mình đối với mình, cũng như của mình đối với người, của người lãnh đạo đối với cấp dưới, đối với Nhân dân. Sức thuyết phục, cảm hóa đối với người khác không phải từ lời nói mà chủ yếu từ hành động, việc làm. Đó là

một cách thức khoa học, phù hợp để đưa lý luận vào thực tiễn, biến thành hành động của quần chúng, thức tỉnh quần chúng.

Cùng với việc thể hiện lý luận, triết lý bằng hành động, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn sử dụng ngôn ngữ của quần chúng, lối nói của Nhân dân để nói với Nhân dân. Người sử dụng phong cách nói, viết của quần chúng và cũng yêu cầu cán bộ, đảng viên phải nâng cao ý thức, phát huy, học hỏi cách nói của quần chúng để vận động quần chúng, để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Người yêu cầu tránh sử dụng các từ ngữ quá khoa học, to tát, lối nói tầm chương trích cú nhưng sáo rỗng, không giúp cho quần chúng nhân dân hiểu đúng để làm đúng, làm ngay. Người chỉ rõ, "Không nên lúc nào cũng trích Các Mác, cũng trích Lênin, làm cho đồng bào khó hiểu. Nói thế nào cho đồng bào hiểu được, đồng bào làm được, đó là nói được chủ nghĩa Mác - Lênin"[1].

Chủ tịch Hồ Chí Minh truyền tải giá trị căn cốt của lý luận mácxít bằng những ngôn từ thuần Việt, ngôn ngữ dân gian. Quan niệm về hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin, Người cho rằng phải sống với nhau có tình có nghĩa. Phạm trù tình nghĩa là rất quen thuộc trong lối nói dân gian truyền thống. Nói sống với nhau có tình có nghĩa ai là người Việt Nam đều hiểu, mà về bản chất diễn đạt được giá trị căn cốt của chủ nghĩa Mác - Lênin. Chủ tịch

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.14, tr.161.

Hồ Chí Minh định nghĩa chính trị là đoàn kết và thanh khiết từ to đến nhỏ. Diễn đạt tinh thần đoàn kết vô sản quốc tế của Mác, Lênin, Người dùng *"Nhiễu điều phủ lấy giá gương, Người chung giai cấp phải thương nhau cùng!"*[1], hay *"Lọ là thân thích ruột rà, Công nông thế giới đều là anh em"*[2]. Người sử dụng những yếu tố quan trọng trong triết lý sống của truyền thống văn hóa dân tộc để diễn đạt, diễn giải cho các thuật ngữ chính trị luôn là phức tạp khó hiểu đối với quần chúng nhân dân.

Không chỉ chuyển tải các thuật ngữ phức tạp khó hiểu sang ngôn ngữ dân gian, truyền thống dễ hiểu mà Chủ tịch Hồ Chí Minh còn luôn thực hành chính những lý luận chính trị mới mẻ đó trong thực tế công tác của mình. Thông qua hành động, Chủ tịch Hồ Chí Minh giải thích cho mọi người hiểu rõ, hiểu sâu hơn về lý luận cách mạng. Người thực hành, thực hiện chính những điều Người đã lý giải trong thực tiễn cách mạng để làm minh chứng thuyết phục, cảm hóa quần chúng.

Triết lý hành động Hồ Chí Minh mang bản chất khoa học từ cơ sở, cách thức hình thành, nội dung cho đến hình thức biểu đạt các nội dung của triết lý.

2. Bản chất cách mạng

Xét trong sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, giải phóng con

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.14, tr.192, 312.

người ở Việt Nam, triết lý hành động Hồ Chí Minh hình thành là một tất yếu lịch sử. Hoàn cảnh lịch sử, điều kiện kinh tế - xã hội Việt Nam quyết định việc lựa chọn mục tiêu, nguyên tắc và phương pháp hành động trong triết lý hành động Hồ Chí Minh.

Lý luận cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin áp dụng ở mỗi quốc gia, mỗi dân tộc là khác nhau. Điều kiện, hoàn cảnh kinh tế - văn hóa - xã hội của Việt Nam cũng không giống bất kỳ quốc gia nào trên thế giới. Việt Nam không có sẵn các điều kiện cần và đủ để có thể áp dụng lý luận Mác - Lênin cho những mục tiêu cách mạng đã định. Quán triệt nguyên tắc lý luận gắn liền với thực tiễn trong hành động, Chủ tịch Hồ Chí Minh phản ánh đúng thực tiễn, khắc phục được thực trạng của các điều kiện thực tiễn còn yếu ở Việt Nam, bảo đảm cho cách mạng thành công, đưa cách mạng Việt Nam phát triển phù hợp với quy luật phát triển của thế giới.

Nếu không nhận thức rõ ràng về các điều kiện cho một cuộc cách mạng xã hội nổ ra thì sẽ không thể tiến hành cách mạng. Đồng thời, dù có nhận thức được con đường cách mạng, nhưng không nhận thức được các điều kiện thực tiễn, các điều kiện cần và đủ để áp dụng lý luận cách mạng, vẫn tiến hành thực hiện cách mạng, cách mạng cũng thất bại. Sự thống nhất giữa nhận thức lý tính với hành động thực tiễn của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện ở việc Người nắm chắc lý luận, nhận thức lý luận rõ ràng, đồng thời nắm chắc điều kiện thực tiễn,

cải tạo thực tiễn bằng lý luận cách mạng khoa học để đi đến một điều kiện đầy đủ cho việc áp dụng toàn bộ lý luận khoa học cách mạng, bảo đảm sự thắng lợi của hành động cách mạng.

Không chỉ nhận thức về những vấn đề lý luận và hành động nhằm hướng tới bảo đảm các điều kiện áp dụng của lý luận, làm nên cuộc cách mạng giải phóng dân tộc mà trong nhận thức của Chủ tịch Hồ Chí Minh khái niệm "cách mạng" có ý nghĩa rộng lớn hơn, nó là một cuộc cách mạng không ngừng, là cuộc đấu tranh thường xuyên, liên tục giữa cái tiến bộ, tốt đẹp với cái cũ kỹ, lạc hậu. Chính trên ý nghĩa đó, sau khi hoàn thành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, ngay trong những ngày độc lập đầu tiên, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có những hành động nhanh chóng để triển khai công cuộc cách mạng mới chống lại đói nghèo, lạc hậu, nạn mù chữ. Sự thống nhất giữa nhận thức lý tính và hành động thực tế của Chủ tịch Hồ Chí Minh không bị bó buộc bởi bất kỳ giới hạn nào theo quan điểm cách mạng, trong nhận thức lý tính của Người.

Không có hành động nào là không tuân theo một triết lý nhất định, nhưng cũng không phải tất cả mọi triết lý hành động đều là lẽ phải, là sự đúng đắn, là hiển nhiên và được công nhận. Chỉ có những triết lý hành động nào nhằm mục tiêu thúc đẩy sự phát triển hoàn thiện của con người, đưa con người vươn tới những giá trị cao đẹp nhất, tốt đẹp nhất và cho tất cả mọi

người mới là lẽ phải, một sự đúng đắn hiển nhiên được công nhận, cũng có nghĩa là giữa nhận thức về cái đúng, đi đến hành động đúng cần phải có sự thống nhất gắn bó. Triết lý hành động Hồ Chí Minh là điển hình mẫu mực của việc nhận thức đúng đắn và hành động khoa học. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận thức những vấn đề đặt ra đối với quốc gia, dân tộc, Nhân dân trên cơ sở khoa học và tiến hành, hành động trong thực tế nhằm cải tạo những vấn đề nhận thức đặt ra theo đúng lý luận khoa học đã được nhận thức.

Chủ tịch Hồ Chí Minh tìm đường cứu nước khi phong trào cách mạng dưới sự dẫn dắt của các lực lượng, giai cấp xã hội cũ ở Việt Nam liên tiếp thất bại. Đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, tiếp thu lý luận Mác - Lênin, Hồ Chí Minh tiếp tục khẳng định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh giải phóng giai cấp, giải phóng con người, đưa con người tới bến bờ tự do, hạnh phúc, được làm chủ và là người làm chủ trong thực tiễn cách mạng. Vận dụng lý luận Mác - Lênin trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng và phát triển dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hình thành nên một triết lý hành động cách mạng.

Tinh thần cách mạng trong triết lý hành động Hồ Chí Minh là cuộc cách mạng không ngừng, một cuộc cải biến tất cả những gì cũ kỹ, lạc hậu từ trong cách thức tổ chức, quản lý xã hội cho đến gột rửa những vết tích cũ kỹ, lạc hậu trong tư tưởng từng cá nhân. Đó là cuộc

cách mạng trước hết để giành độc lập dân tộc, tiếp đó là cuộc cách mạng đổi mới về tư tưởng, chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học, kỹ thuật,... cuộc cách mạng nhằm làm thay đổi tất cả, xóa bỏ tất cả những gì cản trở sự phát triển của con người, cho con người, vì con người. Trong thực tiễn, chủ thể lãnh đạo, Đảng và Nhà nước phải luôn ý thức rất rõ về mục tiêu, nguyên tắc và phương pháp hành động. Đó cũng chính là tinh thần cách mạng, giải phóng và phát triển trong chính hành động của mỗi người, vì mọi người.

Mục tiêu triết lý hành động Hồ Chí Minh là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Để thực hiện mục tiêu đó, hoàn thành sự nghiệp độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kế thừa tư tưởng cách mạng triệt để của học thuyết Mác - Lênin, Hồ Chí Minh tiến hành cuộc cách mạng để giải phóng dân tộc, giải phóng Nhân dân. Cuộc cách mạng đó diễn ra trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội từ chính trị, kinh tế, văn hóa,... và có được những kết quả cụ thể, sinh động. Thông qua thực tiễn, triết lý hành động Hồ Chí Minh được biểu đạt đầy đủ, phong phú và khẳng định tính thống nhất, xuyên suốt, rõ ràng, mạnh mẽ. Ngược lại, triết lý hành động Hồ Chí Minh có ý nghĩa nền tảng, giá trị định hướng cho hành động trên các lĩnh vực của đời sống xã hội trong quá trình cách mạng, quá trình phát triển đất nước.

Triết lý hành động của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện rõ chủ thể quan trọng của hành động, của thực hiện triết lý là Đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên. Mục tiêu, động lực, nguyên tắc, phương pháp hành động được Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định cho thấy chủ thể hành động, lãnh đạo hành động là giai cấp vô sản, giai cấp tiên phong lãnh đạo, dẫn dắt phong trào cách mạng. Triết lý thể hiện chủ thể lãnh đạo trong khi phấn đấu cho lợi ích chung xã hội, cho sự giải phóng và phát triển con người thì cũng chính là quá trình đạt được các lợi ích chính đáng của mình. Hay nói khác, triết lý hành động Hồ Chí Minh thể hiện lợi ích của giai cấp công nhân, của chủ thể lãnh đạo hành động cách mạng là đem lại lợi ích cho nhân dân lao động, giải phóng và phát triển đất nước. Triết lý cũng cho thấy, cuộc cách mạng giải phóng và phát triển mà chủ thể hành động lựa chọn không chỉ trong phạm vi quốc gia, dân tộc mà nó còn có ý nghĩa trên phạm vi thế giới, đó là những giá trị, mục tiêu nhân loại hướng tới vì hòa bình và phát triển.

Thực hiện, thực hành triết lý hành động Hồ Chí Minh đưa con người tiến đến tự giải phóng, con người tận hưởng những giá trị thực sự của độc lập, tự do, hạnh phúc. Đây chính là chiều sâu giá trị văn hóa, giá trị triết lý hành động Hồ Chí Minh. Tính cách mạng trong triết lý hành động Hồ Chí Minh thể hiện chính ở giải phóng con người theo nghĩa phát triển hoàn thiện

con người. Cách mạng bằng văn hóa, từ trong phát triển văn hóa, tư tưởng của mỗi con người. Đó là cuộc cách mạng đưa nhân dân, đưa con người đến cái đích cao nhất làm chủ chính mình, làm chủ vận mệnh của mình, dân tộc mình và không ngừng góp phần ngày càng lớn vào xây dựng, phát triển đất nước.

3. Bản chất nhân văn

Triết lý hành động Hồ Chí Minh là một triết lý hành động khoa học, cách mạng vì con người, cho con người, triết lý đó tất yếu mang bản chất nhân văn. Hơn nữa, nhân văn, nhân ái là một đặc điểm nổi bật của truyền thống văn hóa, đạo đức Việt Nam. Trong suốt quá trình tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh trên cơ sở truyền thống nhân văn của dân tộc để lĩnh hội các giá trị nhân văn của nhân loại, đặc biệt tinh thần nhân văn cộng sản. Do vậy, triết lý hành động Hồ Chí Minh là triết lý nhân văn cộng sản, triết lý hành động vì độc lập, tự do, hạnh phúc của con người với mục tiêu cụ thể, động lực rõ ràng và phương pháp phù hợp.

Tư tưởng và hành động của Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn thể hiện nhất quán là sự nghiệp của Nhân dân; nhân dân vừa là mục tiêu vừa là động lực cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

Lĩnh hội chủ nghĩa Mác - Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh hiểu rằng tiến hành cách mạng trong văn hóa,

trong phát triển đời sống văn hóa tinh thần, giáo dục đạo đức, nhân cách và lối sống, thay đổi tất cả những gì là cũ kỹ, lạc hậu, không chỉ khoa học, cách mạng mà còn là nhân văn. Chủ nghĩa Mác - Lênin hướng đến cuộc cách mạng trong tư tưởng và văn hóa, xây dựng đạo đức mới, đạo đức cách mạng, xây dựng lối sống mới, con người mới xã hội chủ nghĩa. Một triết lý hành động được hình thành trên nền tảng những giá trị, những triết lý nhân văn sâu sắc và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành nên chủ nghĩa nhân văn hành động mới của dân tộc, chủ nghĩa nhân văn hành động Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Đồng thời, từ tinh thần nhân văn, nhân ái của chủ nghĩa Mác - Lênin, với cách nhìn biện chứng vốn có của nó, Chủ tịch Hồ Chí Minh thu nhận được các giá trị nhân văn, nhân ái có trong tư tưởng văn hóa của nhân loại từ Đông sang Tây, từ cổ chí kim. Điều đó làm cho truyền thống nhân văn, nhân ái của dân tộc không chỉ được nâng lên tầm cao mới mà còn chia sẻ, hòa quyện với các nền văn hóa có truyền thống nhân văn, tiến bộ trên thế giới. Mục tiêu của triết lý hành động Hồ Chí Minh hướng tới giá trị nhân văn cao cả nhất mà con người, loài người tiến bộ hướng tới và đang hành động vì mục tiêu đó.

Triết lý hành động của Chủ tịch Hồ Chí Minh mang bản chất chủ nghĩa nhân văn hành động, nó chỉ ra

nguyên tắc, phương pháp để biến tình cảm yêu thương con người, ý chí cách mạng thành hành động thực tiễn khoa học, hiệu quả. Thông qua hành động có nguyên tắc, có phương pháp mà giải phóng cho con người, giải phóng cho xã hội, đem lại hạnh phúc, tự do thật sự và sự phát triển không ngừng của con người.

Tính nhân văn, hay bản chất triết lý không những được thể hiện ở mục tiêu hành động mà còn được thể hiện trong việc xác định các động lực, nguyên tắc, phương pháp hành động. Trong việc xác định động lực hành động cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá cao vai trò của quần chúng nhân dân. Người nhận thức rõ mang tài dân, sức dân mà làm lợi cho dân, cách mạng dựa vào nhân dân, nhân dân giúp đỡ nhiều thì thắng lợi nhiều, nhân dân giúp đỡ ít thì thắng lợi ít. Cũng như vậy, khi xác định các phương pháp hành động, phương pháp số một được xác định chính là thực tiễn đời sống của nhân dân, tình cảnh của nhân dân. Trên cơ sở thực tiễn đời sống của nhân dân, tình cảnh của nhân dân, của đất nước mà lựa chọn con đường cách mạng, lựa chọn cách thức hành động cho phù hợp. Trong việc xác định phương pháp hành động cách mạng, bên cạnh các phương pháp mang tính bao quát, mang tính phương pháp luận thì Người cũng rất chú ý đến việc hướng dẫn một cách cụ thể, tỉ mỉ đến từng chi tiết nhỏ nhất để cán bộ, quần chúng nhân dân có thể hiểu được ngay, làm được ngay.

Bản chất vì dân trong triết lý hành động Hồ Chí Minh thể hiện rõ nhất trong mục tiêu hành động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhưng bản chất vì dân trở nên sâu sắc hơn chính trong việc xác định động lực, phát huy động lực, quán triệt nguyên tắc và lựa chọn phương pháp hành động. Dân là điểm đồng quy của mọi suy tư và hành động, để hình thành nên triết lý hành động Hồ Chí Minh. Triết lý thể hiện nhất quán chân lý, cách mạng là sự nghiệp của dân, do dân, vì dân. Trong chiều sâu của triết lý hành động, chữ dân được mở rộng hướng đến chữ nhân, nhân dân, nhân loại. Trong xây dựng kế hoạch hành động, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt chú trọng đến nhân hòa, xem nhân hòa là yếu tố quan trọng trong chỉnh thể các yếu tố quyết định hành động hiệu quả. Người nhận thức rõ về quy luật phát triển khách quan của xã hội, giải thích các hiện tượng vận động về mọi mặt của đời sống xã hội và hành động theo quy luật để cải tạo xã hội vì con người, vì nhân dân và nhân loại. Phát huy sức mạnh con người trong triết lý hành động Hồ Chí Minh là phát huy sức mạnh làm chủ của con người tự do chứ không phải con người nô lệ. Con người vươn tới làm chủ trong hành động, trong quá trình phát triển, đạt tới tự do, hạnh phúc thực sự là mục tiêu sâu xa của triết lý.

Triết lý hành động Hồ Chí Minh hình thành chính trong yêu cầu của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc,

giải phóng giai cấp và giải phóng con người ở Việt Nam. Nhưng triết lý hành động Hồ Chí Minh không chỉ hình thành từ những giá trị triết lý về nhân văn, nhân ái của dân tộc, mà còn trên cơ sở của các triết lý hành động nhân văn, tiến bộ của các học thuyết, chủ thuyết phát triển xã hội, giải phóng con người cả phương Đông và phương Tây. Triết lý hành động Hồ Chí Minh mang bản chất nhân văn sâu sắc bởi nó còn mang trong mình những giá trị nhân văn của nhân loại, phản ánh những khát vọng chung nhất về tình thương yêu con người, về sự cảm thông với những số phận khổ đau không phân biệt màu da, dân tộc, tôn giáo trên khắp thế giới. Nó còn sâu sắc hơn ở chỗ hướng con người đến hành động cách mạng để tự giải phóng mình và giải phóng cho dân tộc mình. Triết lý đó không chỉ truyền cảm hứng mà còn hướng con người hành động có mục tiêu, nguyên tắc và phương pháp để giải phóng dân tộc mình, giải phóng giai cấp mình, đưa mình lên địa vị làm chủ.

Triết lý hành động Hồ Chí Minh phản ánh bản chất nhân văn sâu sắc khi xem động lực hành động về cơ bản chính xuất phát từ con người và vì con người. Mục tiêu hành động có thể hiểu là tất cả là vì Dân, nhưng Dân trong triết lý hành động Hồ Chí Minh ở mức độ sâu sắc hơn phải hiểu là con người, tất cả những con người thực đang sống trên quả đất này. Tinh thần nhân văn được thể hiện bằng hành động, qua hành động, đó không

phải là thứ nhân văn được giao giảng, được viết trong sách. Yêu nước, thương dân, thương nhân loại đau khổ thì phải hành động, phải đấu tranh để giành lại độc lập, giành lại tự do. Triết lý hành động Hồ Chí Minh động viên, thúc đẩy con người đứng lên chiến đấu để giải phóng và phát triển, để hoàn thiện mình.

Bản chất nhân văn của triết lý hành động Hồ Chí Minh còn thể hiện ở chỗ khi thực hành, thực hiện triết lý này thì giá trị cận biên của nó ngày càng gia tăng. Điều đó thể hiện rõ ràng: "Khi cách mạng đã đạt một tầm mức nhắm tới, thì lại còn phải tiếp tục có những chương trình và hành động cách mạng để đưa tới những tầm mức cao hơn cho toàn thể xã hội. Thay đổi đời sống để tới cuộc sống tốt hơn trong một thế giới tốt hơn, không thể ngừng và cũng không thể thôi làm cách mạng cho một tương lai thịnh vượng..."[1]. Giải phóng và phát triển trong triết lý hành động Hồ Chí Minh xoay quanh điểm mấu chốt, cốt lõi là vì Nhân dân. Thực hiện cuộc cách mạng, giải phóng để phát triển, nhưng là sự phát triển được đánh giá bằng thước đo về đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân. Đất nước được độc lập mà Nhân dân vẫn đói khổ thì độc lập đó cũng chẳng có nghĩa gì. Độc lập chỉ thực sự có ý nghĩa khi cuộc sống

---

1. Chương trình KX.02 "Tư tưởng Hồ Chí Minh", Đề tài KX.02.09: *Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay (Qua sách báo nước ngoài)*, *Tlđd*, tr.65.

của Nhân dân ngày càng tốt đẹp hơn, no ấm hơn, đất nước phát triển, giàu mạnh hơn.

Không phải mọi triết lý đều là lẽ phải, định hướng cho hành động đúng đắn, được lựa chọn làm kim chỉ nam cho hành động. Chỉ có những triết lý nào nhằm mục tiêu thúc đẩy sự phát triển, hoàn thiện của con người, đưa con người vươn tới những giá trị cao đẹp nhất, tốt đẹp nhất và cho tất cả mọi người mới là đúng đắn. Đặc biệt, giữa nhận thức về cái đúng, đi đến hành động đúng phải thống nhất, gắn bó, liên tục. Hồ Chí Minh nhận thức những vấn đề đặt ra đối với quốc gia, dân tộc, Nhân dân trên cơ sở khoa học và hành động trong thực tế nhằm cải tạo những vấn đề đặt ra theo đúng lý luận khoa học. Triết lý hành động Hồ Chí Minh là điển hình mẫu mực của việc thống nhất giữa nhận thức đúng đắn và hành động vì con người, cho con người, không chỉ của hiện tại mà cả trong tương lai. Triết lý hành động Hồ Chí Minh phản ánh đúng điều đó, bởi mục tiêu của nó là tự do và phát triển của con người. Sự phát triển hoàn thiện các giá trị làm người là cuộc cách mạng không ngừng và cũng là cuộc cách mạng vì tương lai thịnh vượng, sự phát triển bền vững không chỉ của một dân tộc mà còn của cả thế giới.

Triết lý hành động Hồ Chí Minh không chỉ là triết lý về cách sống ở đời và làm người của một cá nhân mà nó còn có ý nghĩa thời đại, chứa đựng những giá trị nhân văn cao cả. Và quan trọng hơn, triết lý hành

động Hồ Chí Minh chỉ ra động lực, nguyên tắc, phương pháp để thực hiện cho được các giá trị nhân văn ấy trong hiện thực phát triển của lịch sử loài người. Với bản chất nhân văn sâu sắc như vậy, triết lý hành động Hồ Chí Minh không ngừng được thực hiện và ngày càng mở rộng, không chỉ mang tính quốc gia, dân tộc mà còn mang tính quốc tế, vì sự phát triển tốt đẹp cho nhân loại tiến bộ.

Tóm lại, triết lý hành động Hồ Chí Minh hình thành trong quá trình lãnh đạo sự nghiệp giải phóng và phát triển dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trên nền tảng khoa học Mác - Lênin, thông qua lăng kính Mác - Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh lựa chọn một cách khoa học các giá trị tích cực triết lý hành động của nhân loại để hình thành nên triết lý hành động của mình. Thông qua hành động trong thực tiễn cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh không ngừng bổ sung phát triển triết lý hành động, mài sắc vũ khí lý luận cách mạng Mác - Lênin. Triết lý hành động Hồ Chí Minh là triết lý hành động cách mạng, hành động để giải phóng và phát triển. Sự nghiệp cách mạng mà triết lý hành động Hồ Chí Minh hướng tới là giải phóng nhân dân, đặc biệt là nhân dân lao động ở thuộc địa, đưa nhân dân từ địa vị nô lệ lên địa vị làm chủ. Những thắng lợi của cách mạng Việt Nam cũng là những thắng lợi trong thực tiễn của triết lý hành động Hồ Chí Minh, thắng lợi đó không chỉ đưa Nhân

dân Việt Nam đến độc lập, tự do, hạnh phúc mà còn cổ vũ, động viên nhân dân bị áp bức, bóc lột ở các thuộc địa trên khắp thế giới đứng lên làm cách mạng giải phóng cho mình. Khoa học, cách mạng và nhân văn vừa là bản chất vừa là giá trị của triết lý hành động Hồ Chí Minh.

*

* *

Triết lý hành động Hồ Chí Minh được hình thành trên cơ sở kế thừa và phát triển các giá trị triết lý của dân tộc, của phương Đông, đặc biệt triết lý có trong chủ nghĩa Mác - Lênin. Trên nền tảng phương pháp luận, tinh thần biện chứng Mác - Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh chọn lọc và phát triển các giá trị văn hóa, tư tưởng, triết lý, làm cho triết lý hành động Hồ Chí Minh thể hiện bản chất cộng sản. Triết lý thể hiện phương pháp duy vật biện chứng Mác - Lênin nhưng rất Việt Nam, gần gũi với cách hiểu của người Việt Nam. Các phạm trù, quy phạm, giá trị triết lý Phật giáo, Nho giáo, truyền thống đạo lý, văn hóa dân tộc đã truyền tải được những giá trị cốt lõi triết lý mácxít, rất khoa học và cách mạng.

Quá trình hình thành triết lý hành động Hồ Chí Minh đồng thời với quá trình Người lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam. Trong quá trình này, nội dung triết lý hành động Hồ Chí Minh ngày càng được

hoàn thiện, bản chất khoa học, cách mạng, nhân văn của triết lý ngày càng sâu sắc. Các nội dung triết lý thể hiện trong thực tiễn, được thực tiễn cách mạng kiểm nghiệm, đánh giá và khẳng định giá trị. Triết lý hành động Hồ Chí Minh phản ánh một triết lý sống có tầm cỡ, có ý nghĩa thời đại, chứa đựng những giá trị nhân văn phổ quát và sâu sắc.

Triết lý hành động Hồ Chí Minh chỉ ra mục tiêu, động lực, phương pháp hành động để thực hiện các giá trị nhân văn trong quá trình phát triển lịch sử. Triết lý hành động Hồ Chí Minh không ngừng được thực hiện và ngày càng mở rộng các giá trị, không chỉ mang tính quốc gia, dân tộc mà còn mang tính quốc tế, vì sự phát triển tốt đẹp của nhân loại.

Chương 2

NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TRIẾT LÝ HÀNH ĐỘNG HỒ CHÍ MINH

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: "Khi cần làm một việc gì (vô luận việc gì cũng vậy) mà chưa có phương châm, phương pháp, kế hoạch, hoặc là chính sách, thì định rõ phương châm, phương pháp, kế hoạch - là *chính*"[1]. Trong công tác phát động quần chúng, Người cũng chỉ ra rằng: "Phát động quần chúng là một việc rất quan trọng và cũng rất phức tạp, cho nên phải chuẩn bị rất kỹ càng, phải có phương châm rõ ràng, kế hoạch đầy đủ, cách làm chắc chắn"[2]. Với sự chỉ dẫn như vậy, ta cũng có thể hiểu rằng khi làm việc gì cũng phải xác định mục tiêu - phương châm cần đạt tới, phương pháp thực hiện và kế hoạch hành động, khi hành động thì cần phải lưu ý có chính sách - nguyên tắc để hoàn thành công việc.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.7, tr.588.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.8, tr.43.

I- TRIẾT LÝ VỀ MỤC TIÊU HÀNH ĐỘNG

1. Triết lý về nền độc lập, thống nhất của Tổ quốc

Sinh ra trong cảnh nước mất, Nhân dân rên riết dưới ách áp bức, bóc lột của thực dân, đế quốc, lại chứng kiến các phong trào yêu nước chống thực dân Pháp lần lượt thất bại, Hồ Chí Minh nung nấu ý chí giành độc lập cho dân tộc và tự do cho Nhân dân. Khát vọng giải phóng dân tộc cháy bỏng hơn bất cứ điều gì khác thúc đẩy Chủ tịch Hồ Chí Minh đi tìm con đường cứu nước, cứu dân.

Ngay từ những ngày đầu tiên bôn ba tìm đường cứu nước, cũng như trong suốt cuộc đời cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn phấn đấu cho ham muốn tột bậc là nước ta được hoàn toàn độc lập, Nhân dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành. Đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh tìm thấy con đường giải phóng dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Thực hiện con đường giải phóng dân tộc bằng sự kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chủ nghĩa yêu nước chân chính với sức mạnh của lý luận mácxít, lý luận tiên phong của giai cấp công nhân, phong trào công nhân.

Nắm chắc đường lối cách mạng mà Mác - Lênin chỉ ra, Hồ Chí Minh cả đời chiến đấu vì độc lập, tự do của

Tổ quốc. Trong hành động, luôn đặt Tổ quốc trên hết và Không có gì quý hơn độc lập, tự do, Người tranh đấu với tinh thần cương quyết kháng chiến, tranh cho kỳ được thống nhất độc lập mới thôi. Tinh thần cương quyết kháng chiến giành kỳ được độc lập, thống nhất còn được thể hiện bằng một quyết tâm bền bỉ, lâu dài: "Để giành lại nền độc lập dân tộc và sự thống nhất đất nước của mình, nhân dân Việt Nam sẵn sàng đấu tranh 10 năm, 15 năm, 20 năm hoặc hơn nữa, nếu cần thiết!"[1]. Người xác định rõ: "Càng gần đến thắng lợi, chúng ta càng gặp nhiều khó khăn. Nhưng chúng ta đã quyết tâm khắc phục tất cả những khó khăn và chịu đựng mọi hy sinh để đạt mục đích của mình: Đánh đuổi tất cả bọn xâm lược và giải phóng Tổ quốc của chúng ta"[2]. Chiến tranh có thể tàn phá một số thành phố, xí nghiệp, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ. "Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn!"[3].

Triết lý hành động của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện mục tiêu hướng đến phải xây dựng nền *thống nhất và độc lập thực sự* của dân tộc. Điều này được thể hiện ngay trong tiêu ngữ của nước và trên mọi văn bản hành chính nhà nước từ khi lập quốc với khẳng định: Việt

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.6, tr.339.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.15, tr.131.

Nam Dân chủ Cộng hòa: Độc lập - Tự do - Hạnh phúc như một tôn chỉ hành động của quốc gia, dân tộc; đồng thời thể hiện qua hành động, quyết tâm của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong quá trình lãnh đạo Đảng, Chính phủ thực hiện cuộc đấu tranh giành độc lập. Để giữ vững nền độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: Muốn giữ vững nền độc lập, muốn làm cho dân mạnh nước giàu, mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà[1]. Người coi dốt nát, mù chữ cũng là một loại giặc, mỗi người phải biết đọc, biết viết, bởi một dân tộc dốt là một dân tộc yếu.

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: Văn hóa soi đường cho quốc dân đi. Cuộc cách mạng do Người phát động, được thực hiện bởi chính những con người trước đây bị áp bức, bóc lột, nhờ được trang bị vũ khí lý luận, trang bị kiến thức văn hóa đã đứng lên tranh đấu, giải phóng dân tộc và tự giải phóng mình. Hồ Chí Minh đã tích cực truyền bá lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin về trong nước, thức tỉnh quần chúng công nông, thức tỉnh nhân dân bị áp bức đứng lên làm cách mạng. Cuộc cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa dưới sự dẫn dắt của Chủ tịch Hồ Chí Minh thực chất là sự nghiệp văn hóa vĩ đại, mà khởi đầu của nó là độc lập,

---

1. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.4, tr.40.

tự do của dân tộc. Trên cơ sở độc lập dân tộc con người được tự do phát triển và không ngừng hoàn thiện mình. Đó là cuộc cách mạng văn hóa để đưa con người đến hạnh phúc thực sự.

Rõ ràng, khi nước mất độc lập, mục tiêu hành động hàng đầu, bất biến là phải giành lại độc lập cho dân tộc, cho đất nước. Nhân dân tự do mới có thể dựng xây, phát triển được đất nước, thực hiện được những mục tiêu tốt đẹp, và cũng chỉ trong độc lập, tự do của dân tộc, nhân dân mới có điều kiện thụ hưởng, cũng như phát huy, hoàn thiện các giá trị làm người khác.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, không chỉ tìm thấy con đường cách mạng giải phóng dân tộc mà còn tìm thấy con đường phát triển, đảm bảo nền độc lập thực sự và bền vững cho dân tộc, đó là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội: "cách mạng giải phóng dân tộc phải phát triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa thì mới giành được thắng lợi hoàn toàn"[1]. Triết lý hành động này định hướng mọi hành động của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Đảng và Chính phủ trong lãnh đạo, trong xây dựng và thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ, sau khi đánh đổ thực dân, phong kiến, đế quốc cách mạng giải phóng dân tộc phải phát triển

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.15, tr.392.

thành cách mạng xã hội chủ nghĩa, "vì có tiến lên chủ nghĩa xã hội thì nhân dân mình mỗi ngày một no ấm thêm, Tổ quốc mỗi ngày một giàu mạnh thêm"[1].

Triết lý hành động Hồ Chí Minh về mục tiêu vì nền độc lập, thống nhất của Tổ quốc phát triển thêm một bước, tiến đến chiều sâu của văn hóa, đạo đức. Triết lý đó xem hành động trang bị các giá trị văn hóa cho con người, xây dựng con người có văn hóa như một cách thức hữu hiệu đảm bảo cho nền độc lập, tự do của dân tộc. Sức mạnh văn hóa, sức mạnh của sự tự hoàn thiện cá nhân một cách có văn hóa tạo nên sức mạnh vô địch để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Mục tiêu triết lý hành động Hồ Chí Minh còn thể hiện tầm vóc quốc tế khi xác định rõ độc lập, thống nhất, sự phát triển bền vững của một dân tộc phải đặt trong mối quan hệ, trong sự phát triển bền vững của các quốc gia, các dân tộc trên thế giới. Chủ nghĩa yêu nước chân chính kết hợp với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân phù hợp điều kiện Việt Nam, đem tới thắng lợi công cuộc giải phóng đất nước. Điều này đã được tiến hành trong thực tế, với sự đoàn kết của nhân dân ba nước Đông Dương, với sự giúp đỡ của nhân dân tiến bộ và các dân tộc yêu chuộng hòa bình trong cuộc đấu tranh giành độc lập, thống nhất đất nước.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.11, tr.401.

Trong tư tưởng và hành động của Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn thể hiện rõ cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, "vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới và đặc biệt là vận mệnh của giai cấp vô sản ở các nước đi xâm lược thuộc địa gắn chặt với vận mệnh của giai cấp bị áp bức ở các thuộc địa"[1]. Giải quyết vấn đề dân tộc và dân tộc thuộc địa là một mũi tiến công, là một mắt xích quan trọng của phong trào cách mạng thế giới. Người phân tích: Chủ nghĩa đế quốc như "con đỉa có hai cái vòi", một cái bám chặt, hút máu giai cấp vô sản và nhân dân lao động ở chính quốc, còn cái vòi kia vươn khắp, sục sạo, tìm kiếm, hút máu nhân dân ở các thuộc địa. Vì vậy, cách mạng ở chính quốc và thuộc địa cần có sự phối hợp chặt chẽ với nhau để đồng thời cắt cả hai vòi của con đỉa. Có lúc Người nhận thấy chủ nghĩa đế quốc như con rắn độc, trong đó nọc độc và sức sống của nó tập trung ở các thuộc địa nhiều hơn là ở chính quốc. Người cho rằng: Những người khinh thường cách mạng thuộc địa, đề cao cách mạng chính quốc là người muốn đánh chết rắn đằng đuôi. Với Chủ tịch Hồ Chí Minh, cách mạng giải phóng dân tộc là một bộ phận của cách mạng thế giới. Cách mạng giải phóng dân tộc không thể tách rời cách mạng thế giới, chúng như "hai cánh của một con chim", thiếu cánh nào cũng không tìm thấy sự cân bằng, thắng lợi cho cách mạng giải phóng

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.295.

dân tộc. Chính vì vậy, cùng với nỗ lực phát huy sức mạnh nội sinh của dân tộc, Người nhiều lần khẳng định phải tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân thế giới, nhất là sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa, đồng thời cùng nỗ lực vì lợi ích chung của cộng đồng khu vực và thế giới.

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa theo một chính sách ngoại giao hòa bình và hữu nghị giữa các dân tộc. Nhân dân Việt Nam đã từng sống đau khổ dưới ách áp bức của thực dân, đã đổ máu hy sinh giành lấy tự do và độc lập dân tộc, vì vậy nhân dân Việt Nam kiên quyết chống chủ nghĩa thực dân, kiên quyết bảo vệ hòa bình, chống chiến tranh. Khẩu hiệu của chúng tôi là: Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh"[1].

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, trong *Lời kêu gọi Liên hợp quốc*, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: "nước Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực" trên cơ sở "toàn vẹn lãnh thổ cho Tổ quốc và độc lập cho đất nước", "bình đẳng tuyệt đối giữa các nước có chủ quyền"[2]. Người nhiều lần khẳng định Việt Nam là một "bộ phận trong phe hòa bình và dân chủ thế giới", triết lý hành động được xác

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.285.
2. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.522-523.

định, Việt Nam sẵn sàng: "Làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai"[1]. Thực hiện triết lý hành động Hồ Chí Minh, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã kiên trì, bền bỉ thiết lập và xây dựng quan hệ với các nước dân chủ, hòa bình trên thế giới, đặc biệt các nước xã hội chủ nghĩa. Sự công nhận, thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước hòa bình, dân chủ trên thế giới mở ra cơ hội khẳng định vị thế độc lập, tự do, có chủ quyền cũng như cơ hội nhận được sự giúp đỡ của các nước về vật chất, tinh thần trong cuộc đấu tranh vì độc lập và thống nhất của Tổ quốc.

Quyền độc lập, tự do của dân tộc trong triết lý hành động Hồ Chí Minh không bó hẹp trong phạm vi quốc gia, dân tộc mà được mở rộng ra là quyền của mọi dân tộc trên thế giới. Trong khi khẳng định quyền độc lập của dân tộc mình, Tổ quốc mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do"[2]. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát triển triết lý về quyền cá nhân thành quyền dân tộc và bằng hành động cách mạng để khẳng định triết lý đó. Trong hành động thực tiễn, khi giải quyết mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với cách

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.5, tr.526.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.4, tr.1.

mạng thế giới, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn khẳng định triết lý về quyền dân tộc mình và quyền của mọi dân tộc khác trên thế giới. Mệnh đề triết lý đó khẳng định giá trị, tầm vóc quốc tế, ý nghĩa thời đại triết lý hành động Hồ Chí Minh.

Đó là những quan điểm mang tính triết lý định hướng hành động cho Đảng, Chính phủ và Nhân dân ta, góp phần xây dựng nền hòa bình thế giới, thúc đẩy, tăng cường hiểu biết lẫn nhau giữa Việt Nam và các quốc gia, dân tộc trên thế giới. Trong thế giới hòa bình và định hướng xây dựng thế giới hòa bình, quyền tự quyết dân tộc là thiêng liêng bất khả xâm phạm. Các vấn đề trong quan hệ được giải quyết bằng thương lượng, hòa giải. Triết lý hành động Hồ Chí Minh về mục tiêu độc lập, tự do của Tổ quốc đặt trong yêu cầu "công bình và lý tưởng dân chủ - phải thay cho chiến tranh, rằng tự do, bình đẳng, bác ái phải thực hiện trên khắp các nước không phân biệt chủng tộc và màu da"[1], nhân dân các nước phải nhận lấy trách nhiệm bảo vệ hòa bình thế giới.

Triết lý hành động Hồ Chí Minh về mục tiêu thể hiện quyết tâm vì hoà bình và hữu nghị giữa các dân tộc, vì sự giải phóng và phát triển của toàn nhân loại. Một giá trị nhân văn được thể hiện thông qua hành động, hình thành nên chủ nghĩa nhân văn hành động, chủ nghĩa nhân văn chiến đấu, chủ nghĩa nhân đạo

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.77.

hiện thực Hồ Chí Minh. Triết lý hành động về mục tiêu xây dựng một thế giới hòa bình còn mang ý nghĩa quốc tế, giá trị thời đại sâu sắc.

2. Triết lý về tự do, hạnh phúc của Nhân dân

Chính lòng yêu nước, thương dân là động lực để Chủ tịch Hồ Chí Minh trải qua gần 30 năm bôn ba, đi qua nhiều nơi trên thế giới, làm đủ mọi nghề để sống, để đấu tranh và học tập. Trong quá trình đó, Người tận mắt chứng kiến tình cảnh khổ đau của những người lao động, của nhân dân cần lao trên khắp thế giới trước sự bóc lột, áp bức của thực dân, đế quốc, của giới tư bản tàn bạo. Điều đó làm cho Người càng thêm trăn trở trong nỗi đau về tự do, hạnh phúc của nhân dân chưa giành lại được.

Trong niềm nung nấu về dân, về nước, độc lập dân tộc là mục tiêu đầu tiên mà Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định. Người hiểu rõ độc lập dân tộc là điểm khởi đầu, là điều kiện tiên quyết để đem đến tự do, dân chủ và hạnh phúc cho nhân dân. Nhưng khi nước được độc lập rồi thì tự do, hạnh phúc, dân chủ lại trở thành mục tiêu tập trung của mọi hành động. Bởi không phải cứ có độc lập là có ngay tự do, hạnh phúc, dân chủ. Ở những nước tư bản, đất nước tự do nhưng nhân dân vẫn đau khổ, vẫn bị áp bức, bóc lột. Rõ ràng, những giá trị của tự do, hạnh phúc, dân chủ bất kể ai cũng có thể cảm nhận được ở một mức độ nhất định ngay sau khi đất nước

giành được độc lập, tự do, nhưng thực sự để thụ hưởng hết những giá trị của tự do, hạnh phúc, dân chủ có thể đem lại, con người cần phải có một quá trình nâng mình lên, nâng cao trình độ hiểu biết, nâng cao khả năng hưởng thụ hạnh phúc. Mỗi người cần tiếp tục đấu tranh và tự hoàn thiện mình trong học tập và lao động. Không có hiểu biết, không có trình độ văn hóa, con người cũng không thể hưởng thụ được các giá trị văn hóa, giá trị làm người.

Vì thế, triết lý hành động Hồ Chí Minh về mục tiêu tự do, hạnh phúc cho nhân dân là vấn đề được quan tâm nhất, tập trung, xuyên suốt nhất và Người dồn tất cả tâm huyết, sức lực để giành lấy tự do, hạnh phúc cho nhân dân, những người đang chịu áp bức, bóc lột. Chủ tịch Hồ Chí Minh vì nhân sinh, nhân quần, vì nhân dân mà hành động. Mọi hành động đều nhằm mục đích giải phóng toàn dân, giải phóng triệt để nhân dân khỏi áp bức, bất công, sự nô dịch. Triết lý chỉ đạo hành động của Chủ tịch Hồ Chí Minh là "Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ"[1]. "Dân dĩ thực vi thiên" dân lấy ăn làm trời, nếu không có ăn là không có trời. Người chỉ ra loài người ai cũng "dĩ thực vi tiên", "Có thực mới vực được đạo" không có ăn thì chẳng làm

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.175.

được việc gì cả, dân "bụng no thì lo học". Vì thế, trong hành động, mục tiêu Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định: "*phải hết sức chăm nom đến đời sống của nhân dân*"[1] xem đây là vấn đề tập trung, xuyên suốt nhất. Giáo dục Nhân dân, giác ngộ Nhân dân đứng lên làm cách mạng, tổ chức lại đời sống cho Nhân dân trở thành vấn đề trung tâm trong mục tiêu triết lý hành động Hồ Chí Minh. Chính sự quan tâm đến con người đang chịu áp bức, bất công đã hình thành nên triết lý hành động Hồ Chí Minh.

Vì tự do, hạnh phúc của Nhân dân, ngay sau thắng lợi Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ ra, chúng ta phải thực hiện ngay:

"1. Làm cho dân có ăn.

2. Làm cho dân có mặc.

3. Làm cho dân có chỗ ở.

4. Làm cho dân có học hành.

Cái mục đích chúng ta đi đến là bốn điều đó. Đi đến để dân nước ta xứng đáng với tự do độc lập và giúp sức được cho tự do độc lập"[2]. Mục tiêu hành động Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt ra cho hành động của Đảng, Chính phủ là hết sức rõ ràng. Mục tiêu đó chuyển hóa thành mục tiêu hành động của Đảng, Chính phủ. Thực hiện

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.9, tr.518.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.175.

mục tiêu đó được đặt trong mối quan hệ hành động của Đảng, Chính phủ đối với Nhân dân, đồng thời là trách nhiệm hành động của Nhân dân đối với Đảng, Chính phủ trong sự nghiệp xây dựng tự do, hạnh phúc của Nhân dân, xây dựng đất nước giàu mạnh.

Người yêu cầu từng cán bộ, đảng viên phải xác định:

"Bao nhiêu lợi ích đều *vì dân*.

Bao nhiêu quyền hạn đều *của dân*.

Công việc đổi mới, xây dựng là *trách nhiệm của dân*.

Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là *công việc của dân*.

Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương *do dân cử ra*.

Đoàn thể từ Trung ương đến xã *do dân tổ chức nên*.

Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng *đều ở nơi dân*"[1].

Rõ ràng, Đảng lãnh đạo Nhân dân giành chính quyền, chính quyền thuộc về Nhân dân. Triết lý hành động Hồ Chí Minh trong mục tiêu hành động cho thấy quyền tối cao của nhân dân đối với Nhà nước, Nhà nước của dân, do dân quyết định và xây dựng nên. Quyền lợi, quyền hạn, công việc đổi mới, xây dựng, kiến thiết, lực lượng đều của dân. Vị trí của Nhân dân là cao nhất, là tối thượng, "ý dân là ý trời", dân là "thánh hiền", mà "thánh hiền ngày nay bao gồm hàng

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.6, tr.232.

triệu con người có thật trong nhân dân Việt Nam ta, ở trong nhà hay ra ngõ đều có thể gặp được"[1]. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là nhân dân là người chủ, mà Chính phủ là người đày tớ trung thành của nhân dân. Chính phủ chỉ có một mục đích là: Hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân"[2]. "Chính phủ, từ Hồ Chủ tịch cho đến các vị uỷ ban đây, rồi các bộ trưởng, đến các cán bộ thôn, xã, gọi là chính quyền, gọi là Chính phủ, đều là đày tớ của nhân dân. Không phải như khi trước nói hoàng đế, bệ hạ, rồi có những quan này, quan khác cao cao tại thượng. Bây giờ chúng ta là dân chủ. Dân chủ là thế nào? Là dân làm chủ. Dân làm chủ thì Chủ tịch, bộ trưởng, thứ trưởng, ủy viên này khác là làm gì? Làm đày tớ. Làm đày tớ cho nhân dân, chứ không phải là làm quan cách mạng"[3]. Xác định mục tiêu hành động Chính phủ là người đày tớ trung thành của Nhân dân, Chính phủ hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân. Triết lý hành động vì tự do, hạnh phúc của nhân dân, quy định, ràng buộc mọi hành động của Đảng, Chính phủ, cán bộ, đảng viên phải phù hợp với địa vị của mình, tức là phải đáp ứng quyền,

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.15, tr.673.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.9, tr.382-383.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.10, tr.571-572.

địa vị của Nhân dân, luôn đặt quyền và địa vị của Nhân dân lên vị trí cao nhất, tối thượng.

Người khẳng định, đã là cán bộ thì phải phục vụ nhân dân, "Nếu cán bộ không phục vụ nhân dân thì phục vụ ai? Muốn phục vụ nhân dân thì phải đi đến nhân dân mà phục vụ;... Phục vụ nhân dân mà không vẻ vang, thì cái gì là vẻ vang? Được phục vụ nhân dân là rất vẻ vang. Chúng ta đều là đày tớ nhân dân, phải hết lòng hết sức phục vụ nhân dân"[1]. Từ đó, Người nêu yêu cầu: *"Cán bộ phải chân đi, mắt thấy, tai nghe, miệng nói, tay làm, óc nghĩ"*[2]. Có như vậy mới nắm bắt được tình hình thực tiễn, thiết thực kiểm soát, giúp đỡ cũng như rút kinh nghiệm cho những hoạt động của mình. Và quan trọng hơn, chính trong quá trình đó người cán bộ học hỏi được những điều thiết thực từ Nhân dân, hiểu Nhân dân để điều chỉnh hành động của mình, góp phần hoạch định chủ trương, chính sách đúng đắn để phục vụ Nhân dân được tốt hơn, hiệu quả hơn. Những người nào mà tư tưởng và hành động có ích cho nước, lợi cho dân thì là bạn, còn ngược lại, những người có tư tưởng và hành động trái với lợi ích của nước, ngược nguyện vọng của Nhân dân là kẻ thù. Người khẳng định: "trung thành thẳng thắn với Đảng, với nhân dân là đạo đức cốt yếu của mỗi người cách mạng.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.9, tr.306.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.6, tr.249.

Trái lại, giấu giếm sai lầm tức là dối trá với Đảng, với nhân dân, là trái với đạo đức cách mạng"[1]. "Đảng viên, cán bộ ta từ nhân dân anh hùng mà ra, phải sống cho xứng với nhân dân và Đảng anh hùng"[2].

Trong hành động, Đảng và Chính phủ yêu cầu: "Cán bộ và đảng viên càng phải nâng cao tinh thần phụ trách trước Đảng và trước quần chúng, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân. *Phải* yêu kính nhân dân. *Phải* thật sự tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân. Tuyệt đối không được lên mặt "quan cách mạng" ra lệnh ra oai. *Phải* nắm vững quan điểm giai cấp, đi đúng đường lối quần chúng, thành tâm học hỏi quần chúng, kiên quyết dựa vào quần chúng, giáo dục và phát động quần chúng tiến hành mọi chủ trương, chính sách của Đảng và của Nhà nước. *Phải* thật thà, ngay thẳng; không được giấu dốt, giấu khuyết điểm, sai lầm. *Phải* khiêm tốn, gần gũi quần chúng, không được kiêu ngạo; phải thực sự cầu thị, không được chủ quan. *Phải* luôn luôn chăm lo đến đời sống của quần chúng. Phải "*chí công vô tư*", và có tinh thần "*lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ*". Đó là đạo đức của người cộng sản"[3].

Chủ tịch Hồ Chí Minh với Nhân dân không nên nói nhiều, nói dài dòng mà quan trọng là cần phải làm

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.11, tr.209.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.15, tr.671.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.13, tr.67.

gương, làm mẫu. Thậm chí nói nhiều, nói dài dòng còn làm cho dân khó hiểu hoặc hiểu không đúng, làm sai. Vì thế, trong mục tiêu hành động vì tự do, hạnh phúc cho Nhân dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn chủ trương phải nói ít, làm nhiều. Chủ trương, chính sách được thể hiện bằng hành động cụ thể, thiết thực, nêu gương làm sao cho quần chúng hiểu đúng để làm ngay, làm đúng để giành lấy tự do, hạnh phúc và thấy mình thực sự tự do, hạnh phúc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh thường khuyên "Lấy gương tốt trong quần chúng nhân dân và cán bộ đảng viên để giáo dục lẫn nhau"[1], điều đó vừa sinh động, vừa gần gũi nên dễ hiểu và dễ làm theo. Người quán triệt từ việc nhỏ đến việc lớn cái gì cũng phải cụ thể, rõ ràng, làm gì cũng phải có chương trình, biện pháp phù hợp, thiết thực. Người nhấn mạnh phải bắt đầu từ việc nhỏ: "Còn những việc nhỏ, bình thường thôi, nhưng ích nước lợi dân, thì hay bị xem thường. Hình như các chú cũng chưa coi trọng những việc nhỏ như thế"[2]. Với Chủ tịch Hồ Chí Minh, tất cả mọi hành động của cán bộ, đảng viên từ việc nhỏ nhất đều phải xuất phát từ lợi ích của dân, hướng tới dân, vì quyền lợi của dân, hạnh phúc của dân, trung thành, tận tụy, suốt một đời vì nước, vì dân mới là người cách mạng.

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.665, 663.

Như vậy, có thể thấy triết lý vì tự do, hạnh phúc của Nhân dân cốt yếu lại là xác định các *quyền* và *lợi ích* của Nhân dân để cán bộ, đảng viên hành động cho phù hợp với trách nhiệm của mình. Các công việc xây dựng, kiến thiết đất nước là *do Nhân dân*; Đảng, Chính phủ, mọi cán bộ, đảng viên phải *vì Nhân dân* mà phục vụ. Triết lý đó được tiếp tục khẳng định và quán triệt mạnh mẽ trong xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân. Đó không chỉ là sự tiếp nối, cụ thể hóa về mục tiêu triết lý hành động Chủ tịch Hồ Chí Minh, vì tự do, hạnh phúc của Nhân dân, mà còn khẳng định giá trị triết lý hành động Chủ tịch Hồ Chí Minh trong định hướng hành động của Đảng.

II- TRIẾT LÝ VỀ ĐỘNG LỰC HÀNH ĐỘNG

Theo *Từ điển tiếng Việt*, động lực là cái thúc đẩy, làm cho phát triển[1]. Như vậy, có thể hiểu động lực hành động trong triết lý hành động Hồ Chí Minh là những nhân tố tác động, thúc đẩy hành động của cá nhân cán bộ, đảng viên, của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân trong sự nghiệp đấu tranh vì độc lập của dân tộc, vì tự do, ấm no, hạnh phúc của Nhân dân.

---

1. Xem Viện Ngôn ngữ học: *Từ điển tiếng Việt* , Nxb. Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học, 2005, tr.346.

Triết lý hành động Hồ Chí Minh cho thấy có cả một hệ động lực, trong đó có những yếu tố vừa là động lực, vừa là mục tiêu cách mạng.

Trước hết phải hiểu rằng, triết lý hành động Hồ Chí Minh về các động lực cho hành động xét trong sự hợp lý của nó phải là những động lực thúc đẩy hành động của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận thấy động lực thúc đẩy hành động cho mình và sau đó là phát hiện ra những động lực hành động cho cách mạng. Triết lý hành động Hồ Chí Minh trước hết là triết lý hành động của một người yêu nước, một chiến sĩ cách mạng, đồng thời cũng là triết lý hành động của một nhà lãnh đạo cách mạng, một thủ lĩnh chính trị. Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ phát hiện ra các động lực thúc đẩy hành động của con người, cho con người, mà quan trọng hơn Người đã chỉ ra cách thức để phát huy những động lực hành động. Điều đó phản ánh quá trình hình thành và phát triển của triết lý hành động Hồ Chí Minh. Chỉ trong quá trình lãnh đạo cách mạng, khi ở trên cương vị Chủ tịch Đảng, Chủ tịch nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh mới có điều kiện làm cho triết lý về động lực hành động cách mạng được hoàn thiện và sâu sắc.

Về cơ bản các động lực có mối quan hệ mật thiết với nhau, tác động với nhau tạo thành một hệ động lực. Có những động lực mang tính vĩ mô, tác động gián tiếp, bao quát thúc đẩy lâu dài hành động cách mạng trên

tất cả các lĩnh vực, nhưng cũng có những động lực tác động trực tiếp thúc đẩy hành động cách mạng trên một lĩnh vực, trong một phong trào, một công việc cụ thể, những động lực đó bổ sung, hỗ trợ lẫn nhau, vì mục tiêu cao nhất là thắng lợi của sự nghiệp cách mạng, sự nghiệp giải phóng dân tộc, sự nghiệp xây dựng đất nước, mục tiêu vì tự do, hạnh phúc và sự phát triển không ngừng của Nhân dân.

Có những triết lý về động lực hành động nằm trong chiều sâu tư tưởng triết lý của Chủ tịch Hồ Chí Minh như văn hóa phải ở trong kinh tế, đạo đức ở trong chính trị,... hay chỉ riêng tên gọi Chủ tịch Hồ Chí Minh, hình ảnh về Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã là một động lực, nhiều khi là động lực tuyệt đối thúc đẩy hành động quên mình của những chiến sĩ cách mạng.

1. Động lực từ lòng yêu nước và tinh thần dân tộc

Con người dường như không bao giờ hành động mà không nhằm đạt được một lợi ích cụ thể nào, có thể đó là lợi ích trước mắt, cũng có thể đó là lợi ích lâu dài, cũng có thể đó là lợi ích cho người khác, lợi ích cho nhân dân, cho dân tộc. Người này khác người kia, được đánh giá hay không được đánh giá, vĩ đại hay tầm thường phải chăng chỉ ở chỗ hành động của người đó phục vụ ai, cá nhân hay cộng đồng, vì bản thân hay vì dân tộc mà thôi. Nhưng không phải ai cũng có thể nhìn thấy rõ

lợi ích thực sự của mình, của dân tộc mình, nhiều người vẫn còn mơ hồ về lợi ích thực sự, chỉ thấy lợi ích trước mắt mà không thấy lợi ích lâu dài. Ngược lại, có những người có khả năng xác định rõ những lợi ích của mình, của dân tộc mình, biết hy sinh lợi ích trước mắt vì lợi ích lâu dài, hy sinh lợi ích cá nhân vì lợi ích của tập thể, của dân tộc.

Ai cũng có mục đích tự thân, động lực tự thân, nhưng chỉ có những mục đích, những động lực hành động không làm tổn hại, ảnh hưởng đến lợi ích của người khác của dân tộc mà có lợi cho nước, ích cho dân mới là động lực tự thân chân chính. Đối với những người chưa có được động lực hành động chân chính, cần tạo động lực cho họ. Và rõ ràng, đối với những người này cần chỉ ra lợi ích, khơi gợi ham muốn, đặt ra quyền, lợi ích thiết thân đối với họ để họ hành động.

Xóa bỏ chế độ phong kiến, đánh đuổi thực dân, giành lại độc lập, tự do, hạnh phúc cho Nhân dân, cho dân tộc Việt Nam; đưa Nhân dân, dân tộc Việt Nam từ địa vị nô lệ lầm than lên địa vị làm chủ vận mệnh của mình, làm chủ vận mệnh của dân tộc, để Nhân dân sống trong giàu mạnh, văn minh là mục tiêu mà suốt cuộc đời mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phấn đấu, hy sinh. Những ham muốn đó không chỉ là mục tiêu mà còn là động lực thôi thúc mọi suy nghĩ và hành động của Người, trở thành lẽ sống "ở đời" và "làm người", trở thành triết lý sống.

Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ có một khát vọng, một ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta hoàn toàn được độc lập, Nhân dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành. Người đặt khát vọng, đặt ham muốn của mình trong khát vọng của Nhân dân, ham muốn của Nhân dân, của dân tộc. Một khát vọng lớn lao thúc đẩy những hành động lớn lao, với quyết tâm cao độ và bằng những phương pháp khi thì mềm mỏng nhưng kiên quyết, khi thì cứng rắn, quyết liệt nhưng hết sức nhân văn, nhân đạo.

Chủ tịch Hồ Chí Minh lấy con người làm "trung tâm của mọi suy tư, làm chủ đích của mọi sự hành động"[1], lấy giải phóng dân tộc, giải phóng Nhân dân; lấy cơm ăn, áo mặc, học hành của Nhân dân làm mục tiêu và lẽ sống của đời mình. Động lực để Chủ tịch Hồ Chí Minh hành động như vậy không thể là một động lực xuất phát từ bên ngoài, đây chỉ có thể là động lực tự thân, động lực từ bên trong. Và cũng chỉ có động lực tự thân được xuất phát từ tấm lòng yêu nước, thương dân, thương nhân loại đau khổ, Người dành cả cuộc đời phấn đấu hy sinh, không một phút sờn lòng, không một giây nao núng. Người cho rằng: "Lúc đầu, chính là chủ nghĩa yêu nước, chứ chưa phải chủ nghĩa cộng sản đã đưa tôi tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba.

---

1. Trần Văn Giàu: *Sự hình thành về cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr.160.

Từng bước một, trong cuộc đấu tranh, vừa nghiên cứu lý luận Mác - Lênin, vừa làm công tác thực tế, dần dần tôi hiểu được rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ"[1].

Trong suốt tiến trình lịch sử, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam luôn tiêu biểu cho giá trị bền vững, đứng đầu trong hệ giá trị truyền thống và được coi là tiêu chí cao nhất của đạo lý, phẩm giá của dân tộc, của con người Việt Nam. Biểu hiện cao nhất của chủ nghĩa yêu nước là coi độc lập dân tộc, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, chủ quyền quốc gia là thiêng liêng, bất khả xâm phạm và sẵn sàng từ bỏ mọi lợi ích cá nhân, không ngại gian khổ, hy sinh, dám xả thân vì nước. Chủ nghĩa yêu nước là sợi chỉ đỏ xuyên suốt tiến trình lịch sử, là tư tưởng tình cảm chủ đạo của con người Việt Nam, luôn tồn tại cùng với con người, xã hội, văn hóa và non sông đất nước Việt Nam. Nó quy định hành vi của con người trong đời sống thường nhật, là chất keo để gắn kết cộng đồng. Nó trở thành nội lực tinh thần, là động lực hành động của con người Việt Nam mỗi khi đất nước bị xâm lăng, Nhân dân bị áp bức.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đúc kết lại: "Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.563.

báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước"[1]. Tinh thần yêu nước của dân ta được chứng minh qua những trang sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung, v.v. các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng. Sống, chiến đấu, hành động xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước, các thế hệ người Việt Nam trong sự nghiệp giải phóng và phát triển đất nước, ở mỗi vị trí, độ tuổi, giới tính khác nhau đều thể hiện một lòng nồng nàn yêu nước.

Triết lý về động lực lòng yêu nước và tinh thần dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh phát hiện ra, tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý, các thứ quý đó "Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy. Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm. Bổn phận của chúng ta là làm cho những của quý kín đáo ấy đều được đưa ra trưng bày"[2]. Trong quá trình vừa đấu tranh vừa nghiên cứu lý luận Mác - Lênin, sức mạnh khoa học lý luận mácxít đưa tinh thần yêu nước ở Chủ tịch Hồ Chí Minh lên một tầm cao mới, hình thành chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh.

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.7, tr.38.

Nhận thức rõ giá trị của tinh thần yêu nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh "ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến"[1], mang những của quý kín đáo trưng bày ra trong sự nghiệp giải phóng và phát triển đất nước.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quán triệt nhằm bảo đảm: "Đảng ta luôn luôn giương cao ngọn cờ của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội, kiên quyết lãnh đạo toàn dân đấu tranh xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh"[2]. Thể hiện rõ tinh thần nước Việt Nam ta là một, dân tộc Việt Nam ta là một[3], "Sông có thể cạn, núi có thể mòn song chân lý đó không bao giờ thay đổi"[4]. Mệnh đề này thể hiện triết lý về động lực hành động căn bản, cao nhất mà bất kể một người dân Việt Nam yêu nước nào cũng hành động vì triết lý đó. Trong từng hành vi, hành động, trong từng lời nói, việc làm của Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn thể hiện động lực đó và cũng luôn tìm cách để phát huy và bồi dưỡng làm cho động lực đó ngày càng mạnh mẽ góp phần thúc đẩy thực hiện mục tiêu chung.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.38-39.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.419.
3. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.14, tr.12.
4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.280.

Người nhận thấy: "Sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị đất rồi: Chủ nghĩa xã hội chỉ còn phải làm cái việc là gieo hạt giống của công cuộc giải phóng nữa thôi"[1]. Triết lý hành động này của Người chỉ rõ cơ hội, thời cơ, nó không chỉ kêu gọi Nhân dân Việt Nam đoàn kết đứng lên đấu tranh giải phóng, giành độc lập, thống nhất mà còn thúc đẩy một cuộc đấu tranh giải phóng rộng lớn trên khắp thế giới.

Lòng căm thù mạnh mẽ đối với bọn xâm lược dã man, tàn bạo cũng là thứ tình cảm tự nhiên, xuất phát từ bên trong mỗi người. Lòng thương yêu gia đình, quê hương, tình cảm máu mủ ruột già là một thứ tình cảm tự nhiên, có trước. Từ lòng thương yêu gia đình, quê hương phát triển trở thành lòng yêu nước, hình thành nên chủ nghĩa yêu nước Việt Nam. Người nhận thấy, trong cuộc chiến tranh yêu nước hiện nay của chúng tôi,... Trước hết đó là do chủ nghĩa yêu nước, tình cảm đối với Tổ quốc. Sau đó là lòng căm thù mạnh mẽ đối với bọn xâm lược dã man "đã kéo tới chọc tiết vợ và con cái chúng ta ngay trong vòng tay chúng ta"[2]. Khéo khơi dậy lòng căm thù, biến lòng căm thù trở thành động lực của cách mạng là việc Chủ tịch Hồ Chí Minh làm trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình. Người đã tố cáo mạnh mẽ, phơi bày tội ác "trời không

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.1, tr.40.
2. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.7, tr.525.

dung đất không tha" của bè lũ thực dân, đế quốc không chỉ bằng ngòi bút chiến đấu, mà còn bằng những hành động thực tế để nghị tội, kết án và đi tới xóa bỏ sự áp bức, bóc lột mang đến tự do, hạnh phúc và phát triển cho dân, cho nước.

2. Động lực đại đoàn kết toàn dân tộc

Dân tộc Việt Nam hình thành và phát triển trong sự đoàn kết, gắn bó thành cộng đồng, làng xóm. Từ trong những bước đầu tiên hình thành nhà nước thời sơ khai, đó là sự đoàn kết, gắn kết để chinh phục thiên nhiên, cùng nhau làm thủy lợi, tiến hành sản xuất, sinh hoạt. Các hình thức sinh hoạt cộng đồng hết sức phong phú, đa dạng của cư dân bắt nguồn từ yêu cầu đoàn kết trong sản xuất, sau đó là sự đoàn kết, gắn kết cộng đồng trong chiến đấu bảo vệ quê hương, đất nước trước các thế lực xâm lược.

Trong chinh phục thiên nhiên và đặc biệt trong chiến đấu bảo vệ và xây dựng đất nước, tư tưởng đoàn kết được thể hiện rõ rệt. Nếu trong dân gian, tư tưởng "Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ", "Lá lành đùm lá rách", "Thương người như thể thương thân", "Nhiễu điều phủ lấy giá gương, người trong một nước phải thương nhau cùng", "Tướng chuộng nhiều quân, dân chuộng nhiều người",... thì trong tư tưởng của các anh hùng dân tộc, của các bậc minh quân là: "trên dưới một lòng, dân không chia", "vua tôi đồng lòng, anh em

hòa mục", "khoan thư sức dân để làm kế sâu gốc bền rễ, đó là thượng sách giữ nước", "Tướng sĩ một lòng phụ tử, hòa nước sông chén rượu ngọt ngào",... thể hiện đa dạng các mối quan hệ, làm nên khối đoàn kết thống nhất, sự tương thân tương ái giữa mọi con dân đất Việt.

Chủ tịch Hồ Chí Minh kế thừa triết lý về đoàn kết, đại đoàn kết của dân tộc, trên cơ sở tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin, với cái nhìn biện chứng, khoa học, Người đánh giá về sức mạnh của quần chúng nhân dân và nâng nhận thức về sức mạnh đại đoàn kết dân tộc lên một tầm mới. Người khẳng định: "Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân"[1]. Và triết lý dễ mười lần không dân cũng chịu, khó trăm lần dân liệu cũng xong, đã định hướng hành động, định hướng giải quyết những vấn đề khó khăn của sự nghiệp cách mạng. Mỗi khi sự nghiệp cách mạng gặp khó khăn, nhờ sự giúp đỡ, góp sức của Nhân dân, các khó khăn bị đẩy lùi, để kẻ thù nào cũng đánh thắng, khó khăn nào cũng vượt qua.

Từ thực tiễn hành động, Hồ Chí Minh chỉ ra:

"Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết.
Thành công, thành công, đại thành công"[2].

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.10, tr.453.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.13, tr.119.

Đây là một tổng kết, một triết lý về động lực hành động. Người dẫn chứng: "Những thắng lợi chúng ta giành được trong mấy năm qua đã chứng thực điều đó"[1]. Triết lý về đoàn kết, đại đoàn kết trở thành tư tưởng chỉ đạo chiến lược, quán xuyến mọi hành động, xuyên suốt cả quá trình cách mạng Việt Nam.

Thực hiện triết lý về đoàn kết, đại đoàn kết, nhận thức rõ "cách mệnh là việc chung cả dân chúng chứ không phải việc một hai người"[2], Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương thành lập Hội phản đế đồng minh, xây dựng Mặt trận dân tộc dân chủ, thành lập Mặt trận Việt Minh, Mặt trận Liên - Việt, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Các tổ chức này nhằm mục tiêu tập hợp, đoàn kết tất cả mọi lực lượng yêu nước để thống nhất hành động, vì độc lập, thống nhất cho Tổ quốc, hạnh phúc, tự do cho mọi người.

Bằng những hành động cụ thể trong thực tiễn cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định đoàn kết dân tộc là một động lực lớn, là nhiệm vụ chiến lược, là chính sách lớn của dân tộc. Trong chủ trương và hành động Người luôn hướng tới sự đoàn kết thật sự, đoàn kết lâu dài. Người khẳng định: "Đoàn kết là một chính sách dân tộc, không phải là một thủ đoạn chính trị. Ta đoàn

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr.120.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.283.

kết để đấu tranh cho thống nhất và độc lập của Tổ quốc; ta còn phải đoàn kết để xây dựng nước nhà"[1].

Chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ ra rằng con người là mục tiêu và động lực của sự tiến bộ và phát triển, giải phóng và phát triển con người là động lực của chủ nghĩa xã hội, cách mạng thành công hay thất bại chính ở chỗ có huy động được quần chúng nhân dân tham gia cách mạng hay không. Tính khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin là ở chỗ không chỉ huy động sức mạnh cách mạng từ quần chúng, hay xem cách mạng là việc của một hai người mà coi cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân. Phát hiện ra sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, truyền bá thức tỉnh giai cấp công nhân, nhân dân lao động đứng lên đấu tranh hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình, làm chủ vận mệnh của mình, giải phóng mình và giải phóng các giai cấp, tầng lớp nhân dân lao động khác là cống hiến vĩ đại của C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin.

Tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin, trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định "công nông là gốc cách mệnh"[2], còn những lực lượng, tầng lớp khác là "bầu bạn cách mệnh của công nông"[3]. Vậy nên, "Lực lượng chủ yếu trong khối đoàn

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.9, tr.244.

2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.2, tr.288.

kết dân tộc là công nông, cho nên liên minh công nông là nền tảng của Mặt trận dân tộc thống nhất"[1]. Xác định rõ lực lượng chủ yếu trong khối đoàn kết để có chính sách và hành động phù hợp nhưng chủ trương chung vẫn là: "Đại đoàn kết tức là trước hết phải đoàn kết đại đa số nhân dân, mà đại đa số nhân dân ta là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác"[2]. Người coi đoàn kết đại đa số nhân dân "Đó là *nền gốc* của đại đoàn kết. Nó cũng như cái nền của nhà, gốc của cây"[3].

Xác định rõ *nền* và *gốc*, Người khẳng định: "Muốn đoàn kết rộng rãi thì cái gốc phải vững, tức là công nông liên minh, có vững chắc mới đoàn kết được các giai cấp khác"[4]. Trên cơ sở đó, trong chiến lược đại đoàn kết: "Bất kỳ ai mà thật thà tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ thì dù những người đó trước đây chống chúng ta, bây giờ chúng ta cũng thật thà đoàn kết với họ"[5]. "Ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân thì ta đoàn kết với họ"[6].

Đoàn kết chỉ trở thành động lực của cách mạng khi lấy lợi ích tối cao của dân tộc và quyền lợi cơ bản của nhân dân lao động làm nền tảng, làm mục tiêu. Đoàn kết

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.417.

2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.9, tr.244, 244.

4, 5, 6 Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.9, tr.69, 244.

không thể trở thành động lực hành động khi lợi ích cá nhân không phù hợp với lợi ích tập thể, lợi ích địa phương không phù hợp với lợi ích dân tộc, lợi ích quốc gia không phù hợp lợi ích quốc tế, đi ngược lại với sự vận động phát triển của nhân loại.

Triết lý về động lực đoàn kết, đại đoàn kết của Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ dừng lại ở đoàn kết trong nước, với công nông là gốc, không chỉ là giữ vững sự đoàn kết thống nhất trong Đảng "như giữ gìn con ngươi của mắt mình", mà còn là đoàn kết quốc tế, đoàn kết với các phong trào cách mạng tiến bộ trên thế giới, với nhân dân tiến bộ thế giới với tinh thần "*Bốn phương vô sản đều là anh em!*"[1]. Đây là sự phát triển mệnh đề triết lý, tư tưởng chỉ đạo hành động của C. Mác, V.I. Lênin về đoàn kết quốc tế "*Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại*", nhưng đã được thể hiện ở mức độ sâu sắc hơn, như tình anh em ruột thịt và cũng gần gũi với cách hiểu của người Việt Nam.

Hồ Chí Minh kết luận: "Xét về nguyên tắc, tiến bộ chung phụ thuộc vào việc phát triển chủ nghĩa quốc tế; và văn minh chỉ có lợi khi các quan hệ quốc tế được mở rộng và tăng cường"[2]. Trong chiến lược đại đoàn kết, hành động của Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn khẳng định: "Cách mệnh An Nam cũng là một bộ phận trong

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.670.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.14.

cách mệnh thế giới. Ai làm cách mệnh trong thế giới đều là đồng chí của dân An Nam cả"[1]. Đồng thời quán triệt, tinh thần độc lập tự chủ, tự lực, tự cường "đem sức ta mà tự giải phóng cho ta"[2], Người luôn nhắc nhở: "phải củng cố tình đoàn kết hữu nghị giữa nhân dân ta và nhân dân các nước bạn, nhân dân Pháp, nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới, trước hết là với nhân dân châu Á"[3] và khẳng định: "*trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, ở một nước thuộc địa nhỏ, với sự lãnh đạo của giai cấp vô sản và đảng của nó, dựa vào quần chúng nhân dân rộng rãi trước hết là nông dân và đoàn kết được mọi tầng lớp nhân dân yêu nước trong mặt trận thống nhất, với sự đồng tình và ủng hộ của phong trào cách mạng thế giới, trước hết là của phe xã hội chủ nghĩa hùng mạnh, nhân dân nước đó nhất định thắng lợi*"[4].

Đoàn kết với nhân dân tiến bộ trên thế giới, với các nước tiến bộ trên thế giới trong cuộc đấu tranh chống lại áp bức, bóc lột, chống lại sự bá quyền của chủ nghĩa thực dân, đế quốc vừa tạo ra động lực gián tiếp, vừa tạo ra động lực trực tiếp cho hành động của Đảng và Nhân dân ta. Thắng lợi của Cách mạng

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.2, tr.329.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.3, tr.596.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.9, tr.70.
4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.12, tr.31-32.

Tháng Mười Nga vĩ đại, cùng với những thành tựu mà nhân dân Nga xây dựng dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, một đất nước của tự do, sung sướng và hạnh phúc đã gián tiếp thúc đẩy, động viên nhân dân các dân tộc bị áp bức hành động theo ngọn cờ chủ nghĩa Mác - Lênin. Đồng thời, đoàn kết với nhân dân tiến bộ thế giới, cách mạng Việt Nam còn nhận được sự giúp đỡ không chỉ về tinh thần mà còn về vật chất, trực tiếp quyết định, thúc đẩy quá trình cách mạng. Người chỉ rõ: "do sự giúp đỡ của Liên Xô, mà chúng ta đã giành được nhiều thắng lợi. Sự đoàn kết, nhất trí giữa các đảng anh em và giữa các nước anh em là sức mạnh vô địch của phe xã hội chủ nghĩa"[1].

Đoàn kết trong hành động, bằng sự phát huy và nuôi dưỡng của Chủ tịch Hồ Chí Minh mãi mãi là sức mạnh, động lực cho hành động để làm nên thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong lịch sử cũng như trong tương lai phát triển của đất nước.

3. Động lực từ thực hiện quyền dân chủ của Nhân dân

Luận điểm dân là gốc của nước thể hiện sâu đậm trong tư tưởng, hành động của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Vì dân là điểm mấu chốt, động lực, mục tiêu cho hành động; từ dân mà lựa chọn phương pháp, hình thức để

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.729.

huy động lực lượng, sức mạnh nơi dân, đem tài dân, sức dân mà giải phóng Nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn ý thức rằng quần chúng nhân dân là chủ thể sáng tạo ra lịch sử, lịch sử là lịch sử của quần chúng nhân dân. Nhân dân là lực lượng quyết định bước tiến của lịch sử. Lực lượng lãnh đạo dù lựa chọn con đường cách mạng, phương pháp cách mạng nào, nhưng Nhân dân là người lựa chọn cuối cùng, quyết định làm nên lực lượng của cách mạng. Lịch sử đấu tranh cách mạng, giải phóng dân tộc của Nhân dân Việt Nam, theo con đường cách mạng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định, dưới sự lãnh đạo của Đảng là minh chứng thuyết phục khẳng định vị trí, vai trò của Nhân dân.

Tiếp cận quyền dân chủ của Nhân dân ở góc độ là động lực hành động, trong triết lý hành động Hồ Chí Minh, điều đã thôi thúc Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước là đòi lại quyền độc lập của dân tộc, quyền tự do, dân chủ của Nhân dân. Trong suốt cuộc đời mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã "ra sức phấn đấu để giữ gìn quyền tự chủ của nước nhà, quyền tự do của dân tộc, quyền dân chủ của đồng bào"[1]. Từ những ngày đầu tham gia phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Hồ Chí Minh bằng nhiều hình thức khác nhau đã đấu tranh đòi "quyền dân chủ cho người bản xứ". Trong cuộc đấu tranh giành lại độc lập dân tộc, Người chỉ rõ:

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.270.

"Vấn đề hòa bình, thống nhất, độc lập dân tộc và dân chủ là những vấn đề có liên quan chặt chẽ với nhau"[1]. Đây vừa là mục tiêu cách mạng, vừa là động lực thôi thúc Hồ Chí Minh trong hành động, trong lãnh đạo cách mạng, cũng như yêu cầu đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng trong đấu tranh giành độc lập dân tộc, đấu tranh bảo vệ quyền tự do, dân chủ của Nhân dân.

Cách mạng Tháng Tám thành công, đất nước giành được độc lập. Tuy nhiên, chính quyền non trẻ, gặp vô vàn khó khăn, thách thức vì trình độ, khả năng làm chủ của Nhân dân vẫn còn hạn chế do hậu quả của chính sách "ngu dân" của thực dân, đế quốc. Chính vì vậy, khi tiến hành tổ chức tổng tuyển cử, có ý kiến cho rằng trình độ của dân ta còn kém, không nên vội tổ chức tổng tuyển cử, "Nhưng Đảng ta kiên quyết nói: Đồng bào ta phải được hưởng quyền dân chủ, chúng ta phải *tổ chức tổng tuyển cử*"[2]. Với nỗ lực của Đảng, Chính phủ và Nhân dân ta, những khó khăn, vướng mắc đã được giải quyết. Ngày 06/01/1946, là "ngày đầu tiên trong lịch sử Việt Nam mà nhân dân ta bắt đầu hưởng dụng quyền dân chủ của mình"[3], "là ngày vui sướng của đồng bào ta", là ngày quyền làm chủ của Nhân dân lần đầu tiên được thực hiện.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.9, tr.415.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.12, tr.622.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.4, tr.166.

Chỉ có sự thôi thúc của triết lý: "*Dân chủ* là của quý báu nhất của nhân dân"[1] và "*thực hành dân chủ* là cái chìa khóa vạn năng có thể giải quyết mọi khó khăn"[2], mới tạo nên động lực để Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta vượt qua những khó khăn "ngàn cân treo sợi tóc" ngay sau khi giành được chính quyền, để khẳng định và thực hiện quyền dân chủ của Nhân dân.

Khi Nhân dân có điều kiện tham gia trực tiếp vào việc đưa ra các quyết sách, chủ trương, của Đảng và Chính phủ với tư cách là người làm chủ, đồng thời thấy được tiếng nói của mình, thấy rõ những quyền và lợi ích của mình trong mỗi chủ trương, chính sách là cơ sở tiếp thêm động lực để Nhân dân hăng hái đóng góp và thực hiện quyền cũng như nghĩa vụ đối với Đảng và Chính phủ. Ngay sau khi giành được chính quyền, Nhân dân được bỏ lá phiếu, được khẳng định quyền làm chủ của mình, việc làm này trong chủ trương của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là thực hành quyền dân chủ của Nhân dân mà còn là phương pháp dân chủ, nghệ thuật tạo động lực từ quyền dân chủ. Đó không chỉ là bài học trong quyết tâm lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ, trong phát huy động lực dân chủ của Nhân dân mà còn là dấu mốc cho phong cách lãnh đạo dân chủ của Đảng trong mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân. Là cơ sở khoa học,

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.10, tr.457.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.15, tr.325.

là triết lý hành động để củng cố ngày càng bền chặt mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân.

Trong thực tiễn cách mạng, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên, Người luôn yêu cầu: "Mọi công việc đều vì lợi ích của dân mà làm"[1], bởi: "Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ"[2], "Nước ta là nước dân chủ, nghĩa là nước nhà do nhân dân làm chủ"[3], "Chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là nhân dân là người chủ"[4]. Đồng thời, Người chỉ ra: "Khắp nơi có đoàn thể nhân dân, như Hội đồng nhân dân, Mặt trận, Công đoàn, Hội Nông dân cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc, v.v.. Những đoàn thể ấy là tổ chức của dân, phấn đấu cho dân, bênh vực quyền của dân, liên lạc mật thiết nhân dân với Chính phủ. Khi ai có điều gì oan ức, thì có thể do các đoàn thể tố cáo lên cấp trên. Đó là *quyền dân chủ* của tất cả công dân Việt Nam. Đồng bào cần hiểu rõ và khéo dùng quyền ấy"[5]. Quyền làm chủ của Nhân dân thể hiện rõ trong mối quan hệ với Đảng và Chính Phủ: "Dân làm chủ thì Chủ tịch, bộ trưởng, thứ trưởng, uỷ viên này khác là làm gì? Làm đày tớ. Làm đày tớ cho nhân dân, chứ không phải là làm quan cách mạng"[6].

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.6, tr.397.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.7, tr.434.
3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.9, tr.258, 382.
5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.6, tr.397.
6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.10, tr.572.

Xác định rõ mối quan hệ giữa lợi ích và trách nhiệm, quyền hạn và bổn phận của mỗi người dân để khơi dậy và phát huy sức mạnh của Nhân dân trong việc đề ra những chủ trương, quyết sách quan trọng đối với vận mệnh của đất nước, Người chỉ rõ: "Dân chúng rất khôn khéo, rất hăng hái, rất anh hùng. Vì vậy, chúng ta phải học dân chúng, phải hỏi dân chúng, phải hiểu dân chúng. Vì vậy, mỗi một khẩu hiệu, mỗi một công tác, mỗi một chính sách của chúng ta, phải dựa vào ý kiến và kinh nghiệm của dân chúng, phải nghe theo nguyện vọng của dân chúng.... Việc gì cũng hỏi ý kiến dân chúng, cùng dân chúng bàn bạc. Giải thích cho dân chúng hiểu rõ. Được dân chúng đồng ý. Do dân chúng vui lòng ra sức làm"[1]. Nhưng Người cũng lưu ý, "dân chúng không nhất luật như nhau. Trong dân chúng, có nhiều tầng lớp khác nhau, trình độ khác nhau, ý kiến khác nhau. Có lớp tiền tiến, có lớp chừng chừng, có lớp lạc hậu"[2]. Vì vậy, phải phát huy được quyền dân chủ của đa số quần chúng, để đa số quần chúng được nói lên ý kiến của mình, nguyện vọng của mình, để "đem các ý kiến khác nhau *so sánh*. So đi sánh lại, sẽ lòi ra một ý kiến mà mọi người đều tán thành, hoặc số đông người tán thành. Ý kiến đó, lại bị họ so sánh tỉ mỉ từng đoạn, họ thêm điểm hay vào, bỏ điểm dở đi. Ý kiến đó trở nên ý kiến đầy đủ, thiết thực"[3]. "Theo ý kiến đó mà làm, nhất định thành công"[4].

1, 2, 3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.333-334, 336.

Từ khẳng định dân là gốc của nước, đến phát huy quyền dân chủ của Nhân dân trong thực tiễn cách mạng đã nâng cao năng lực làm chủ, biết hưởng quyền, dùng quyền làm chủ cho Nhân dân; Nhân dân đã dám nói lên nguyện vọng, yêu cầu của mình với Đảng, Chính phủ, đã thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ làm chủ, quyền làm chủ của mình trong sự nghiệp cách mạng. Đảng và Chính phủ lắng nghe ý kiến của nhân dân, thực hiện quyền của Nhân dân, đã huy động được sức mạnh, lực lượng của dân, tài dân, để làm lợi cho dân, thực hiện tốt những nhiệm vụ cách mạng do Đảng, Chính phủ đề ra, bảo đảm giành và giữ vững quyền tự quyết dân tộc, quyền dân chủ của Nhân dân. Đó là động lực từ quyền dân chủ của Nhân dân, từ phát huy quyền làm chủ của Nhân dân.

Tóm lại, dân chủ là mục tiêu, là động lực của hành động cách mạng, phát huy tốt quyền dân chủ sẽ khơi dậy được sức mạnh nội lực còn tiềm tàng và vô tận trong Nhân dân. Trong mọi công việc, "chương trình nội chính của Chính phủ", luôn nhớ "ba điều" mà Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: Tăng gia sản xuất để làm cho dân ai cũng đủ mặc, đủ ăn; mở mang giáo dục; thực hành dân chủ để làm cho dân ai cũng được hưởng quyền dân chủ tự do. Đó chính là quyền dân chủ của Nhân dân trong kinh tế, văn hóa và chính trị. Phát huy quyền dân chủ của Nhân dân cũng là phát huy động lực để phát triển kinh tế, văn hóa,

củng cố nền tảng chính trị, là cơ sở cho sự phát triển nhanh, toàn diện và bền vững của đất nước.

4. Động lực lợi ích

Hành động không chỉ là kết quả của một động lực nhất định mà còn là nguyên nhân sinh ra động lực. Nếu kết quả của hành động đó đáp ứng những lợi ích mà chủ thể hành động mong muốn thì thúc đẩy chủ thể tích cực hành động nhằm đạt được kết quả to lớn hơn. Tức là cảm hứng tạo nên động lực để hành động, kết quả cụ thể của hành động tạo ra một cảm hứng tiếp theo lớn hơn cảm hứng ban đầu, tiếp thêm động lực để chủ thể hành động tiếp tục hành động. Hành động càng đúng đắn, khoa học, đạt mục tiêu và chủ thể hành động có thêm kinh nghiệm, sự hiểu biết thì ham muốn hành động càng gia tăng để có những hành động tiếp theo.

Khi bàn về động lực lợi ích trong triết lý hành động Hồ Chí Minh, có hai loại lợi ích là lợi ích vật chất và lợi ích tinh thần. Đồng thời, động lực lợi ích không chỉ tác động lên mỗi cá nhân mà còn tác động đến hoạt động, hành động của tập thể, dân tộc. *Đối với dân tộc*, lợi ích - quyền thiêng liêng, động lực hành động khi bị đô hộ, bị bóc lột là giành lại độc lập của dân tộc, tự do, hạnh phúc của nhân dân. Đó chính là động lực - mục tiêu của chủ nghĩa dân tộc, nó động lực cơ bản, nhân tố đầu tiên quyết định cho việc phát huy các nhân tố khác, động lực khác vì sự phát triển của dân tộc, nó

quyết định cho việc đạt được hay không đạt được các lợi ích khác. *Đối với cá nhân*, lợi ích thể hiện trên cả hai mặt, tinh thần và vật chất. Lợi ích tinh thần thể hiện trong sự động viên, khen thưởng, khích lệ hay sự tin tưởng, tin cậy, giao vị trí, trọng trách quan trọng trong thực hiện nhiệm vụ cách mạng.

Đối với dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước. Chính nó đã gây nên cuộc nổi dậy chống thuế năm 1908, nó dạy cho những người culi biết phản đối, nó làm cho những người "nhà quê" phản đối ngầm trước thuế tạp dịch và thuế muối. Cũng chủ nghĩa dân tộc đã thúc đẩy các nhà buôn An Nam cạnh tranh với người Pháp và người Trung Quốc; nó đã thúc giục thanh niên bãi khoá, làm cho những nhà cách mạng trốn sang Nhật Bản, làm vua Duy Tân mưu tính khởi nghĩa năm 1917"[1]. Tuy nhiên, khái niệm chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh được một số người cố tình hiểu nhầm, cho rằng đó là chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, không phải chủ nghĩa dân tộc chân chính, chủ nghĩa dân tộc mácxít. Để tránh những hiểu nhầm không đáng có, Người ít dùng khái niệm này khi nói, khi viết nhưng luôn bằng hành động cụ thể để khơi nguồn động lực mạnh mẽ từ chủ nghĩa dân tộc chân chính của Nhân dân Việt Nam, những người luôn yêu chuộng hòa bình,

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr. 511.

đấu tranh cho độc lập, hòa bình của dân tộc mình và nền hòa bình của thế giới.

Với việc Chủ tịch Hồ Chí Minh chuẩn bị các điều kiện cho sự ra đời, trực tiếp tiến hành hợp nhất các tổ chức Cộng sản để thành lập và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam trong thực tế lãnh đạo cách mạng là minh chứng rõ ràng nhất của sự thống nhất từ tư tưởng đến hành động cho quan điểm về động lực của chủ nghĩa dân tộc chân chính. Sự ra đời và lãnh đạo của Đảng đã chấm dứt khủng hoảng về đường lối cứu nước, giải phóng dân tộc. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào cách mạng phát triển, Nhân dân ta liên tiếp giành được những thắng lợi đi đến giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước. Đảng là chủ thể lãnh đạo, tập hợp những công dân ưu tú nhất, yêu nước nhất, cách mạng nhất, đại diện cho giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc để lãnh đạo, hành động nhằm phát huy động lực chủ nghĩa dân tộc vào cuộc đấu tranh bảo vệ và phát triển đất nước. Trong các bài viết, bài nói của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều lần khẳng định: "Ngoài lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc, thì Đảng không có lợi ích gì khác"[1]; "trước sau như một, ngoài lợi ích của nhân dân, Đảng không có lợi ích nào khác"[2]; hoặc "Thực ra không có cái lợi ích nào

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.5, tr.290.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.13, tr.221.

của Đảng mà không phải là lợi ích của nhân dân, hay ngược lại không có lợi ích nào của nhân dân mà không phải là lợi ích của Đảng, vì Đảng phải phục vụ quyền lợi của nhân dân"[1],... Đây là những mệnh đề có ý nghĩa triết lý về mục tiêu, động lực hành động của Đảng, là cơ sở để khơi nguồn động lực của chủ nghĩa dân tộc chân chính. Vì lợi ích của Nhân dân, dân tộc, của Đảng là một, hành động của Đảng tất cả là vì lợi ích của Nhân dân và dân tộc. Độc lập, phát triển của dân tộc, của đất nước là sự nghiệp của Đảng, lợi ích của Đảng.

Chính vì vậy Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Chúng ta, ai nấy đều vì quốc gia dân tộc, chớ không phải vì lợi ích cá nhân. Như vậy, bất luận thế nào, chúng ta cũng phải đoàn kết"[2], "Chúng ta, người cách mệnh đều quyết hy sinh cá nhân tư ý, mà tôn trọng công ý của nhân dân và đặt lợi ích của dân tộc lên trên lợi ích của các đảng phái, thế thì, quyết không cho chúng ta được lầm và làm lung lay tiền đồ của quốc gia"[3]. Người yêu cầu: "mỗi người trong Đảng phải hiểu rằng: lợi ích của cá nhân nhất định phải phục tùng lợi ích của Đảng. Lợi ích của mỗi bộ phận nhất định phải phục tùng lợi ích của toàn thể. Lợi ích tạm thời nhất định phải phục tùng lợi ích lâu dài. Nghĩa là phải đặt lợi ích của Đảng lên trên hết,

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.6, tr.370.

2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.4, tr.132.

lên trước hết. Vì lợi ích của Đảng tức là lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc. Vô luận lúc nào, vô luận việc gì, đảng viên và cán bộ phải đặt lợi ích của Đảng ra trước, lợi ích của cá nhân lại sau"[1]. Rõ ràng với những người không ham, không sợ, không e ngại, sẵn sàng ngồi tù, hoặc lên máy chém, những người tự nguyện, tự giác đứng vào trong hàng ngũ của Đảng để đấu tranh cho quyền lợi của Nhân dân thì quyền lợi của nhân dân, của dân tộc là động lực mạnh mẽ thôi thúc họ hành động.

Và cứ mỗi khó khăn của cách mạng được vượt qua, thắng lợi của cách mạng đạt được thì hành động của họ lại được bổ sung thêm kiến thức, kỹ năng, bài học kinh nghiệm, làm cho lòng hăng hái đấu tranh, cống hiến của họ được nâng cao, động lực hành động càng trở nên mạnh mẽ và quyết liệt. Bởi hành động đó đã được trang bị thêm kiến thức, niềm tin vào sự tất thắng của cách mạng, vào quy luật phát triển của xã hội, vào tiền đồ phát triển của dân tộc, của nhân dân. Đó là lúc động lực hành động của cá nhân đã đặt lợi ích của tập thể, lấy lợi ích của tập thể làm mục tiêu phấn đấu.

Đối với cá nhân, về lợi ích vật chất, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định, dân "dĩ thực vi thiên", vì vậy "nhân dân cần trông thấy lợi ích thiết thực (lợi ích gần và lợi ích xa, lợi ích riêng và lợi ích chung, lợi ích bộ phận và

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.5, tr.290-291.

lợi ích toàn cuộc). Đối với nhân dân, không thể lý luận suông, chính trị suông"[1], chỉ có lợi ích thiết thực mới là động lực thúc đẩy nhân dân hành động. Để cho Nhân dân nhận thức được lợi ích thiết thực của mình thì theo Chủ tịch Hồ Chí Minh là phải giáo dục và tuyên truyền, phải bằng những bằng chứng đơn giản và rõ ràng, làm cho quần chúng hiểu rõ lợi ích thật sự của mình. Từ nhận thức về lợi ích mà dẫn đến những hành động cần thiết nhằm thay đổi chế độ xã hội bóc lột, xây dựng xã hội mới, công bằng, dân chủ hơn.

Trong công tác lưu thông phân phối, triết lý về động lực lợi ích mà Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận thấy là: Không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng; không sợ nghèo, chỉ sợ lòng dân không yên[2]. Người yêu cầu, "phải chú ý phân phối cho công bằng. Muốn phân phối cho công bằng, cán bộ phải chí công vô tư, thậm chí có khi cán bộ vì lợi ích chung mà phải chịu thiệt một phần nào. Chớ nên cái gì tốt thì dành cho mình, xấu để cho người khác"[3]. Phân phối công bằng trong lao động, trên cơ sở đóng góp của mỗi cá nhân được Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh nhiều lần, Người chỉ rõ: Làm cho người nghèo thì đủ ăn. Người đủ ăn thì khá giàu Người

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.176.
2. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.224.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.316.

khá giàu thì giàu thêm[1]. Đây có thể coi là một triết lý chỉ đạo hành động nhằm bảo đảm công bằng cho người lao động.

Sự công bằng theo chiều dọc, bảo đảm động lực về lợi ích được duy trì. Người nghèo thì phấn đấu đủ ăn, người khá vươn lên giàu, người khá giàu thì giàu thêm mà không lo bị cào bằng, hay công bằng theo chiều ngang làm triệt tiêu đi động lực vươn lên của mình. Đối với những người yếu thế trong xã hội, những gia đình có công với nước có hoàn cảnh khó khăn thì những chính sách hỗ trợ của Nhà nước bảo đảm sự công bằng theo chiều ngang, tạo điều kiện cần thiết cho họ ổn định cuộc sống, mở ra những cơ hội cho họ vươn lên trong cuộc sống, làm chủ cuộc sống của mình. Đó cũng là một động lực từ lợi ích, sự quan tâm, giúp đỡ của Đảng và Chính phủ là điều kiện để tất cả mọi tầng lớp đều có thể phát huy sức mạnh của mình vào đổi mới và phát triển đất nước.

Người phê phán những người mang nặng chủ nghĩa cá nhân, việc gì cũng chỉ lo cho lợi ích riêng của mình, của gia đình mình mà không quan tâm đến lợi ích chung của tập thể, "Miễn là mình béo, mặc thiên hạ gầy"[2]. Đồng thời, Người cũng chỉ ra cần tránh bệnh địa phương chủ nghĩa, óc hẹp hòi, trong hành động, những

---

1. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.81.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr.90.

người có bệnh này luôn "Miễn là cơ quan mình, bộ phận mình, địa phương mình được việc. Còn các cơ quan, bộ phận, địa phương khác ra sao cũng mặc kệ"[1]. Họ không hiểu được rằng lợi ích nhỏ phải phục tùng ích lợi to, ích lợi bộ phận phải phục tùng lợi ích toàn thể, lợi ích địa phương phải phục tùng lợi ích quốc gia, dân tộc.

Để phát huy được động lực từ mỗi cá nhân, Người yêu cầu người cán bộ cách mạng phải chủ động trong hành động: "Bao nhiêu cách tổ chức và cách làm việc, đều vì lợi ích của quần chúng, vì cần cho quần chúng. Vì vậy, cách tổ chức và cách làm việc nào không hợp với quần chúng thì ta phải có gan đề nghị lên cấp trên để bỏ đi hoặc sửa lại. Cách nào hợp với quần chúng, quần chúng cần, thì dù chưa có sẵn, ta phải đề nghị lên cấp trên mà đặt ra. Nếu cần làm thì cứ đặt ra, rồi báo cáo sau, miễn là được việc"[2]. Đối với Đảng, cần phải căn cứ theo lợi ích của Nhân dân trong từng giai đoạn cách mạng để đề ra những khẩu hiệu mới, khẩu hiệu cụ thể để làm mục đích, vạch ra đường lối cho quần chúng đấu tranh, huấn luyện, giáo dục quần chúng đấu tranh giành lấy kết quả tốt đẹp.

Như vậy, trong triết lý hành động Hồ Chí Minh, lợi ích là một động lực để con người hành động. Động lực đó có thể đến từ ham muốn làm lợi cho dân tộc, cho đất nước, đòi quyền lợi cho dân tộc, cho đất nước, đó là động

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.5, tr.296, 286.

lực từ chủ nghĩa dân tộc chân chính. Động lực đó có thể đến từ những ham muốn của cá nhân cho cá nhân, đáp ứng những nhu cầu lợi ích của cá nhân. Trong triết lý Hồ Chí Minh, lợi ích cá nhân phải phục tùng, phù hợp với lợi ích tập thể, lợi ích địa phương phù hợp với lợi ích quốc gia, lợi ích trước mắt phải phù hợp với lợi ích lâu dài. Việc tuyên truyền, giáo dục để Nhân dân hiểu được lợi ích của mình và mối quan hệ giữa lợi ích của mình với lợi ích của tập thể, của đất nước tạo ra động lực hành động chân chính cho Nhân dân trong công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước, làm cho gia đình ấm no, hạnh phúc, đất nước giàu mạnh.

5. Động lực văn hóa

Văn hóa là nhân tố căn bản để hoàn thiện nhân cách, để dẫn dắt con người đi tới tự giải phóng và hoàn thiện mình. Thức tỉnh và hoàn thiện con người, hướng con người đến tự giải phóng bằng chính sự phát triển, hoàn thiện về mọi mặt là cách thức mà Chủ tich Hồ Chí Minh tạo nên một động lực hành động vô cùng mạnh mẽ. Động lực này không ngừng được bổ sung bằng chính sự phát triển và hoàn thiện của con người. Thông qua hành động, con người ngày càng tích lũy được cho mình thêm nhiều kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, củng cố vững chắc tư tưởng, đó là cơ sở, là động lực cho những hành động mạnh mẽ hơn, quyết liệt hơn và cũng hiệu quả hơn.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từ khát vọng độc lập cho dân tộc, tự do cho Nhân dân, đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, truyền bá lý luận cách mạng về trong nước, khơi lên khát vọng về độc lập, tự do cho Nhân dân, cho dân tộc. Trang bị lý luận Mác - Lênin cho những người Việt Nam yêu nước chính là trang bị vũ khí để giải phóng, giai cấp, giải phóng dân tộc, phát triển theo con đường mới, nền văn hóa mới mang tính dân tộc, tính nhân dân. Không có lý luận dẫn đường cũng như tàu không có bàn chỉ nam, không thể đi đúng hướng. Lý luận cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh là kết tinh giá trị văn hóa của dân tộc và nhân loại. Sự sâu sắc và tính cách mạng triệt để, động lực hành động trong triết lý hành động Hồ Chí Minh chính là ở đó.

Trong nhận thức, cũng như trong thực tiễn hành động, triết lý Hồ Chí Minh khẳng định văn hóa soi đường cho quốc dân đi. Thực hiện triết lý đó, trong hành động, Chủ tịch Hồ Chí Minh tìm mọi cách để bồi dưỡng kiến thức văn hóa, lý luận cách mạng cho cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân. Hoàn thiện và phát triển con người bằng văn hóa, có văn hóa, trên nền tảng văn hóa là nhiệm vụ quan trọng của cách mạng. Con người tiến tới giải phóng bằng tự giải phóng, tự hoàn thiện và phát triển về mọi mặt thì đó mới là giải phóng thực sự, là động lực hành động thực sự, cao nhất và triệt để nhất.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận thức rõ: một dân tộc dốt là một dân tộc yếu và Người chỉ ra: "Sự dốt nát là một chỗ dựa chủ yếu của chế độ thực dân"[1]. Đây là những mệnh đề, được đúc rút từ thực tế lịch sử, là triết lý về sự yếu kém của trình độ văn hóa, sự dốt nát, lạc hậu của nhân dân ở những nước thuộc địa, phụ thuộc. Trên cơ sở nhận thức sâu sắc điều đó, trong sự nghiệp văn hóa, sự nghiệp cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh bằng hành động cụ thể và quyết liệt chiến đấu chống giặc dốt, xóa nạn mù chữ. Người dùng sức mạnh văn hóa, của trình độ học vấn để đẩy lùi kẻ thù của đói nghèo, lạc hậu, giải quyết tận gốc rễ nguyên nhân của việc nước mất độc lập, nhân dân không được tự do, hạnh phúc.

Với Chủ tịch Hồ Chí Minh "Văn hóa phải gắn liền với lao động, sản xuất. Văn hoá xa đời sống, xa lao động là văn hoá suông. Nhiệm vụ của người cán bộ văn hoá là phải dùng văn hoá để tuyên truyền cho việc cần kiệm xây dựng nước nhà, xây dựng chủ nghĩa xã hội"[2]. Người hiểu rõ nông dân "bụng no thì lo học", vì thế, "Văn hóa, nghệ thuật cũng như mọi hoạt động khác, không thể đứng ngoài, mà phải ở trong kinh tế và chính trị"[3]. Với mệnh đề triết lý này, văn hóa trong tư

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.15, tr.585.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.12, tr.470.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.7, tr.246.

tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là động lực để hành động mà còn là mục tiêu hành động, một yêu cầu mà chủ thể hành động phải hướng tới trên mọi phương diện, nhằm phát triển xã hội. Sự sâu sắc của triết lý ở chỗ, văn hóa là động lực, là cơ sở để phát triển kinh tế, ổn định chính trị, là cơ sở để phát triển toàn diện và bền vững của đất nước.

Trong quá trình phát triển xã hội, khả năng làm chủ của con người được thể hiện trong chính khả năng chiếm lĩnh các tri thức, vốn văn hóa của loài người. Tiếp thu được vốn văn hóa rộng lớn và tiến bộ, tri thức khoa học và chính trị hiện đại, con người hoàn toàn có quyền lựa chọn cho mình con đường phát triển theo ý muốn. Nền tảng văn hóa dân tộc cùng với kiến thức văn hóa được tích lũy phong phú, rộng lớn và sâu sắc là động lực quan trọng để Chủ tịch Hồ Chí Minh lựa chọn con đường cứu nước, giải phóng dân tộc, lựa chọn con đường phát triển đúng đắn, hợp quy luật cho dân tộc, đem hạnh phúc, tự do cho Nhân dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh hướng đến giải phóng con người bằng chính sức mạnh con người, đó chính là sức mạnh của văn hóa và đạo đức. Chỉ có bằng văn hóa, đạo đức mới có thể giải phóng hoàn toàn con người; đó là phương thức để phát huy động lực hành động không ngừng cho những mục tiêu vì con người trong triết lý hành động Hồ Chí Minh.

Tóm lại, trên cơ sở quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin về con đường cách mạng, động lực cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh tổ chức lực lượng, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc để giành lại độc lập, tự do của dân tộc. Trong sự nghiệp cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh thông qua nhiều hành động đã phát huy chủ nghĩa yêu nước, kết hợp được sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, đưa cách mạng Việt Nam đến thắng lợi. Con người là trung tâm của sự phát triển và cũng là cội nguồn của mọi động lực cách mạng. Mỗi động lực cách mạng có cách thức thể hiện, biểu đạt, phát huy riêng, nhưng luôn thống nhất chặt chẽ là sự kết hợp nhuần nhuyễn của đạo đức cách mạng và tri thức văn hóa cách mạng trong mỗi con người.

III- TRIẾT LÝ VỀ NGUYÊN TẮC HÀNH ĐỘNG

1. Thống nhất giữa lý luận và thực tiễn

Theo quan điểm của C. Mác và Ph. Ăngghen, tư tưởng dù có siêu việt đến mấy, tự nó cũng không làm nên một cái gì cả, ngoài việc đối lập nó với một tư tưởng khác. Muốn thực hiện một tư tưởng phải sử dụng những sức mạnh thực tiễn, trong đời sống hiện thực. V.I. Lênin, khẳng định: Cái hợp lý sẽ không còn là hợp lý nữa mà trở thành cái phi lý, một khi nó vượt quá cái độ, cái giới hạn cho phép nó. Khuyết điểm, do đó chẳng qua

chỉ là ưu điểm được sử dụng quá mức cần thiết mà thôi, và không bao giờ được giải quyết những nhiệm vụ mới của ngày hôm nay, trong những tình hình và điều kiện mới chỉ bằng những hiểu biết và kinh nghiệm của ngày hôm qua. Sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là quan điểm thống nhất và xuyên suốt trong tư tưởng, hành động của các nhà sáng lập chủ nghĩa cộng sản khoa học. Thông qua việc đưa lý luận vào thực tiễn, các ông đã từng bước biến tư tưởng, lý luận cách mạng của mình trở thành hiện thực và lý luận ngày càng trở nên đầy đủ hơn, khoa học hơn do được thực tiễn soi sáng, đồng thời thực tiễn được cải biến theo đúng quy luật phát triển của xã hội mà các ông đã phát hiện ra.

Thấm nhuần quan điểm, nắm được tinh thần cốt lõi, phương pháp biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là một nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Thực tiễn không có lý luận hướng dẫn thì thành thực tiễn mù quáng. Lý luận mà không liên hệ với thực tiễn là lý luận suông"[1]. Trong quan niệm của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Lý luận là đem *thực tế* trong lịch sử, trong kinh nghiệm, trong các cuộc tranh đấu, xem xét, so sánh thật kỹ lưỡng rõ ràng, làm thành kết luận. Rồi lại đem nó chứng minh với thực tế. Đó là lý luận chân chính... Lý luận cốt để áp dụng vào

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.11, tr.95.

công việc thực tế. Lý luận mà không áp dụng vào công việc thực tế là *lý luận suông*. Dù xem được hàng ngàn vạn quyển lý luận, nếu không biết đem ra thực hành, thì khác nào một cái hòm đựng sách"[1]. Hiểu lý luận như vậy, có nghĩa là tất cả những gì có trong "thực tế", "được kết luận" có giá trị "như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế", đều là lý luận. Người còn khẳng định cụ thể: "*Lý luận* là sự tổng kết những kinh nghiệm của loài người, là tổng hợp những tri thức về tự nhiên và xã hội tích trữ lại trong quá trình lịch sử"[2].

Chủ tịch Hồ Chí Minh dẫn lời của Xtalin để nói về khoa học lý luận mácxít như một minh chứng cụ thể hơn cho quan điểm của mình: "Lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin là sự tổng kết kinh nghiệm của phong trào công nhân từ trước đến nay của tất cả các nước. Nó là: "Khoa học về các quy luật phát triển của tự nhiên và xã hội; khoa học về cách mạng của quần chúng bị áp bức và bị bóc lột; khoa học về thắng lợi của chủ nghĩa xã hội ở tất cả các nước; khoa học về xây dựng chủ nghĩa cộng sản" (Xtalin)"[3].

Trong bài phát biểu khai mạc lớp học lý luận khóa I trường Nguyễn Ái Quốc, Người cũng khẳng định: "Việc học tập lý luận của các đồng chí không phải nhằm biến

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.273-274.
2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.96.

các đồng chí thành những người lý luận suông, mà nhằm làm thế nào cho công tác của các đồng chí tốt hơn, nghĩa là các đồng chí phải học tập tinh thần của chủ nghĩa Mác - Lênin; học tập lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin để áp dụng lập trường, quan điểm và phương pháp ấy mà giải quyết cho tốt những vấn đề thực tế trong công tác cách mạng của chúng ta. Như thế chúng ta học tập lý luận là cốt để áp dụng vào thực tế"[1]. Người khẳng định học tập "lý luận chính trị" mà là học tập lý luận, học tập lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin, học tinh thần Mác - Lênin để áp dụng vào những vấn đề thực tế trong công tác của mình. Rõ ràng lý luận chính trị Mác - Lênin chỉ có thể giải quyết được một số công việc cụ thể trong thực tế, nhưng nếu học lý luận là nắm lấy phương pháp, quan điểm, lập trường của Mác - Lênin thì có thể giải quyết mọi vấn đề gặp phải trong thực tiễn. Trả lời mọi câu hỏi về lý luận từ yêu cầu đa dạng của thực tiễn để giải phóng và phát triển.

Người khẳng định: "Lý luận phải đem ra thực hành. Thực hành phải nhằm làm theo lý luận. Lý luận cũng như cái tên (hoặc viên đạn). Thực hành cũng như cái đích để bắn. Có tên mà không bắn hoặc bắn lung tung, cũng như không có tên. Lý luận cốt để áp dụng vào thực

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.95.

tế. Chỉ học thuộc lòng, để đem *lòe* thiên hạ thì lý luận ấy cũng vô ích. Vì vậy chúng ta phải *gắng học*, đồng thời học thì phải *hành*"[1].

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhận thức mà không gắn với hành động, lý luận mà không đem ra thực hành là lý luận suông. Hành động mà thiếu nhận thức đúng đắn cũng như không có lý luận soi đường thì sẽ dẫn đến hành động mù quáng. Cả hai trường hợp đó đều là biểu hiện của việc tách rời nhận thức khỏi hành động, tách lý luận khỏi thực tiễn, đều có hại cho sự nghiệp cách mạng, cần khắc phục.

Người cho rằng, nếu chỉ có kinh nghiệm mà không có lý luận như chỉ có một mắt sáng, một mắt mờ. Trong khi nhấn mạnh và khẳng định tầm quan trọng của lý luận, Người thấy lý luận phải liên hệ với thực tiễn, lý luận là kim chỉ nam cho hành động cách mạng, không được cứng nhắc mà phải đầy tính chất sáng tạo và cần được bổ sung thường xuyên bằng những kết luận mới được rút ra từ thực tiễn vận động của cách mạng.

Người làm cách mạng nếu chỉ biết đến tri thức thuần túy, tách biệt với cuộc sống của nhân dân, thực tiễn của cách mạng thì dễ rơi vào chủ nghĩa kinh nghiệm, sách vở, quan liêu và kiêu ngạo. Nếu chỉ biết đến hành động, làm theo kinh nghiệm, theo thói quen mà không nâng cao nhận thức về lý luận thì dễ rơi vào

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.275.

tình trạng thực dụng, thiển cận, sẽ dẫn tới khinh lý luận, coi thường lý luận. Căn bệnh này thường mắc ở những người ít học, ngại học lý luận, trong hành động dễ mù quáng, phiêu lưu, ảo tưởng hoặc dễ sinh ra bảo thủ, trì trệ.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận thức sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là một nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Mọi hành động của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin về Việt Nam, ở Việt Nam, chuẩn bị mọi điều kiện cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam chính là thực hành sự lãnh đạo của lý luận Mác - Lênin. Từ đó mà Người phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin phù hợp với điều kiện Việt Nam. Lý luận cách mạng, tư tưởng cách mạng Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam sâu sắc và triệt để đem đến cho cách mạng những thắng lợi. Thực hành sinh ra hiểu biết, hiểu biết tiến lên lý luận, lý luận lãnh đạo thực hành[1] là như vậy.

Với Chủ tịch Hồ Chí Minh, lý luận phải thể hiện trong hành động, bằng việc làm. Phải thực hành lý luận trong điều kiện thực tiễn của cách mạng. Người nhận thức rõ: "Muốn thay đổi xã hội thì không thể xa lìa thực tế hiện tại, không thể không nhìn vào thực tế hiện tại, càng không thể trốn tránh thực tế hiện tại,

---

1. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.120.

mà cũng không thể đầu hàng thực tế hiện tại"[1]. Với tư duy khoa học, trí tuệ độc lập, sắc bén của Hồ Chí Minh, lý luận Mác - Lênin trở nên thực tế ở Việt Nam, chứng minh được tính đúng đắn, tính khoa học và không ngừng được bổ sung, phát triển. Cả đời thực hành lý luận mácxít trong thực tiễn cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã minh chứng nhuần nhuyễn, nhất quán nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn.

Trong hành động của bản thân mình cũng như trong yêu cầu với cán bộ, đảng viên, Người luôn quan tâm đến tính thực tế. Bất cứ hành động gì cũng phải xuất phát từ thực tế, phải thiết thực, có ích, không phù phiếm, khoa trương, hình thức. Tình trạng tách rời lý luận với thực tiễn, nhận thức với hành động, học không đi với hành, lời nói không đi đôi với việc làm là những biểu hiện của sự suy thoái, không nhất quán, gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đối với cả lĩnh vực tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống.

Về tư tưởng chính trị, sự không nhất quán giữa nhận thức và hành động, giữa lý luận và thực tiễn gây ra nguy cơ mất niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, làm cho lực lượng cách mạng giảm sút. Đối với mỗi cán bộ, đảng viên, sự không nhất quán giữa lý luận và thực tiễn là biểu hiện của sự suy thoái về đạo đức, lối sống. Căn nguyên của nó

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.6, tr.289.

chính là việc không gần gũi với quần chúng nhân dân, không lắng nghe và học hỏi Nhân dân, từ đó sẽ dẫn đến sự suy thoái về tư tưởng, chính trị. Theo Hồ Chí Minh, sự không nhất quán này không chỉ do hạn chế về trình độ học vấn, mà còn là sự yếu kém của tư tưởng chính trị và suy thoái đạo đức cách mạng mà nguồn gốc sâu xa là chủ nghĩa cá nhân - một căn bệnh gốc đẻ ra mọi căn bệnh khác làm cho cán bộ, đảng viên sa sút, thoái hóa, biến chất.

Trên cơ sở thực tiễn của phong trào cách mạng trong nước và thế giới, Hồ Chí Minh đã tổng kết: Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc phải đi theo con đường cách mạng mà chủ nghĩa Mác - Lênin đã vạch ra. Sự hiểu biết về thời đại, về những sự kiện đang xảy ra, đồng thời nắm được cốt lõi, tinh thần của lý luận Mác - Lênin là nhân tố quan trọng, trực tiếp tác động đến hành động Chủ tịch Hồ Chí Minh. Từ quan điểm, lập trường cách mạng triệt để, sức mạnh của lý luận cách mạng khoa học, từ nguyên tắc thống nhất giữa lý luận với thực tiễn của chủ nghĩa Mác - Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vừa thực hành lý luận, vừa tổng kết thực tiễn để đánh giá lý luận, vận dụng và phát triển làm phong phú lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin. Lý luận mácxít thống nhất với thực tiễn Việt Nam, được thực tiễn bổ sung, đã trở thành kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng và Nhân dân ta, để làm nên thắng lợi.

2. Nguyên tắc kiên định mục tiêu hành động

Trong xã hội, quy luật phát triển xã hội là bất biến, không ai, không lực lượng nào, thế lực nào có thể ngăn cản được bước tiến của lịch sử. Lý luận đúng chỉ khi lý luận xuất phát từ thực tiễn, chỉ ra được quy luật phát triển xã hội, bước tiến của lịch sử. Từ những nhận thức cơ bản về bước tiến của lịch sử, theo quy luật của nó, Chủ tịch Hồ Chí Minh lựa chọn con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Đây là mục tiêu được thể hiện xuyên suốt trong tư tưởng và hành động của Người. Trong triết lý hành động Hồ Chí Minh, các mục tiêu cách mạng, mục tiêu hành động về nền độc lập, thống nhất của Tổ quốc, về tự do, hạnh phúc của Nhân dân chính là những nội dung bất biến. Độc lập, thống nhất của dân tộc Việt Nam cũng như của các dân tộc bị áp bức, bóc lột trên thế giới là xu thế, là yêu cầu phù hợp với quy luật phát triển xã hội, của lịch sử loài người. Tự do, hạnh phúc, sự phát triển của con người, của Nhân dân Việt Nam cũng như của mọi người trên thế giới là một tất yếu. Bởi xét đến cùng, mọi hành động, việc làm, mọi khoa học đều hướng tới con người, vì con người. Hành động nào, việc làm nào trái với quyền và lợi ích, trái với tự do và phát triển con người là đi ngược lại quy luật, chống lại quy luật, tất yếu sẽ bị xóa bỏ.

Trên cơ sở xác định các mục tiêu cơ bản của cách mạng Việt Nam, trong hành động của mình, cũng như trong yêu cầu hành động đối với Đảng, Chính phủ, cán bộ,

đảng viên, Người luôn yêu cầu phải quán triệt, kiên định nguyên tắc hành động này. Triết lý của Người "Không có gì quý hơn độc lập, tự do"[1], "TỔ QUỐC TRÊN HẾT"[2]. Vì vậy, với Đảng và Chính phủ trong mọi hành động phải "hết lòng hết sức chăm nom đến đời sống của nhân dân"[3], "Nhân dân là chủ. Chính phủ là đầy tớ"[4] là công bộc của nhân dân,... Kiên định thực hiện những mục tiêu đó, trong hành động khi cần thiết phải có sự vạn biến về mục tiêu trước mắt, thay đổi sách lược trong ngắn hạn với các phương pháp cụ thể, biến hóa để khắc chế, đi đến xóa bỏ những hành động, những lực lượng đang cố níu kéo làm chậm bước tiến của lịch sử, làm sai lệch quy luật phát triển của xã hội, xa dời mục tiêu cách mạng.

Độc lập cho dân tộc, tự do, hạnh phúc cho Nhân dân là mục tiêu của cách mạng Việt Nam dưới sự dẫn dắt của Hồ Chí Minh, là cội nguồn của mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Trong *Chính cương vắt tắt* của Đảng, *Sách lược vắn tắt* của Đảng và *Điều lệ vắn tắt*, Hồ Chí Minh xác định mục tiêu cuối cùng là: Xây dựng chủ nghĩa cộng sản ở Việt Nam. Người cụ thể hoá mục tiêu: Làm cho Việt Nam hoàn toàn độc lập, giải phóng công nông khỏi áp bức của đế quốc và phong kiến, thiết lập nền dân chủ

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.15, tr.627.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.2, tr.513.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.8, tr.336.
4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.9, tr.90.

mới trên tất cả các lĩnh vực, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, thực hiện giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người và tạo ra những điều kiện phát triển mới vì lợi ích dân tộc và con người Việt Nam.

Độc lập dân tộc phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội, bởi "chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ"[1]; "Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hoà bình, hạnh phúc"[2]. Chủ nghĩa xã hội là bước phát triển tất yếu của độc lập dân tộc, là quy luật phát triển của lịch sử, phù hợp với yêu cầu của đất nước, của Nhân dân. Hồ Chí Minh khẳng định: "Trong thời đại ngày nay,... cách mạng giải phóng dân tộc phải phát triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa thì mới giành được thắng lợi hoàn toàn"[3].

Chủ nghĩa xã hội, theo Hồ Chí Minh là một chế độ xã hội do nhân dân lao động làm chủ, kinh tế phát triển trên cơ sở công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiện đại, khoa học - kỹ thuật tiên tiến, "sản xuất ngày càng tiến, vật chất ngày càng tăng", không còn áp bức, bất công,

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.12, tr.563.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.1, tr.496.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.15, tr.392.

xã hội bình đẳng, vui tươi, lành mạnh, quyền làm chủ của Nhân dân được bảo đảm và phát huy, các giá trị nhân văn được đề cao.

Kiên định con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là cái bất biến trong tư tưởng, hành động Hồ Chí Minh và kim chỉ nam cho hành động của Đảng và Nhân dân Việt Nam. Cái bất biến đó thể hiện mục tiêu, lý tưởng cách mạng, sự nghiệp của quần chúng nhân dân; thể hiện tính quy luật, kế thừa và phát triển của xã hội Việt Nam, cách mạng Việt Nam; phản ánh xu thế phát triển của thời đại, xu thế phát triển của lịch sử loài người. Nó là nguyên tắc hành động số một được xác định, thể hiện trong thực tiễn hành động cách mạng Việt Nam, cũng như trong chủ trương, bài học kinh nghiệm mà Đảng Cộng sản Việt Nam luôn quán triệt, khẳng định trong các kỳ Đại hội.

3. Nguyên tắc đồng thuận, thống nhất trong hành động

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "*thống nhất ý chí, thống nhất hành động, thống nhất kỷ luật, tập trung lãnh đạo là việc cực kỳ cần thiết và cực kỳ quan trọng*. Nhiệm vụ của Đảng ta là một lòng, một dạ phụng sự Tổ quốc và nhân dân. Ngoài lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân, Đảng ta không có lợi ích gì khác. Để làm tròn nhiệm vụ nhân dân giao phó cho Đảng, toàn thể cán bộ và đảng viên phải tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo

của Trung ương, phải tuyệt đối chấp hành mọi chính sách và nghị quyết của Đảng"[1].

Rõ ràng, hành động bao giờ cũng được diễn ra trên cơ sở định hướng từ nhận thức thực tiễn. Nhận thức đúng là cơ sở dẫn đến hành động đúng. Trong quá trình hành động, có thể có những yếu tố nhận thức mới tác động làm chệch hướng, dẫn đến kết quả hành động không đúng. Vì vậy, nhận thức đúng, nắm chắc cốt lõi vấn đề, cốt lõi mục tiêu, hiểu được tinh thần là điều kiện tiên quyết dẫn đến hành động đúng. Nhưng muốn hành động đúng thì ngoài điều kiện có nhận thức đúng, còn cần có bản lĩnh, ý chí để thực hiện mục tiêu nhận thức đặt ra. Đồng thời, đây cũng là trách nhiệm chính trị, quyết tâm chính trị và nghĩa vụ đạo đức của cán bộ, đảng viên trước Đảng, của Đảng trước Nhân dân, do đó "công tác lãnh đạo *tư tưởng là quan trọng nhất*. Trong Đảng và ngoài Đảng có nhận rõ tình hình mới, hiểu rõ nhiệm vụ mới, thì tư tưởng mới thống nhất, tư tưởng thống nhất thì hành động mới thống nhất. Nếu trong Đảng và ngoài Đảng từ trên xuống dưới, từ trong đến ngoài đều tư tưởng thống nhất và hành động thống nhất thì nhiệm vụ tuy nặng nề, công việc tuy khó khăn phức tạp, ta cũng nhất định thắng lợi"[2]. Người chỉ rõ: "Việc gì khó

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.9, tr.31.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.554-555.

cho mấy, quyết tâm làm thì làm chắc được, ít người làm không nổi, nhiều người đồng tâm hiệp lực mà làm thì phải nổi. Đời này làm chưa xong thì đời sau nối tiếp làm thì phải xong.

Muốn đồng tâm hiệp lực, muốn bền gan thì trước ai ai cũng phải hiểu rõ vì sao mà phải làm, vì sao mà không làm không được, vì sao mà ai ai cũng phải gánh một vai, vì sao phải làm ngay mà không nên người này ngồi chờ người khác. Có như thế mục đích mới đồng; mục đích có đồng, chí mới đồng; chí có đồng, tâm mới đồng, tâm đã đồng, lại phải biết cách làm thì làm mới chóng"[1].

Và để có được sự đồng thuận, thống nhất về nhận thức trong hành động, Hồ Chí Minh chú trọng phương pháp nhận thức lý luận, cách thức tìm ra lý luận đúng đắn, Người chỉ rõ: "Lý luận là đem *thực tế* trong lịch sử, trong kinh nghiệm, trong các cuộc tranh đấu, xem xét, so sánh thật kỹ lưỡng rõ ràng, làm thành kết luận. Rồi lại đem nó chứng minh với thực tế. Đó là lý luận chân chính"[2]. Đó là phương pháp để nhận biết và cũng là phương pháp để hình thành lý luận khoa học. Vận dụng phương pháp đó, dù các chủ thể khác nhau nhưng trên cùng một thực tế sẽ có nhận thức giống nhau để hành động, tạo nên sự thống nhất, nhất trí trong hành động. Tức là "ai ai cũng phải hiểu rõ vì

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.282.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.273.

sao mà phải làm, vì sao mà không làm không được"[1], khi đã hiểu rõ thì "phải làm ngay", phải mang lý luận, hiểu biết đó áp vào thực tế. Tránh lý luận suông, lý luận không được áp dụng vào công việc thực tế, không góp phần cải tạo thực tế. Chỉ có thực tế mới là cơ sở để xem xét, đánh giá và khẳng định giá trị của lý luận.

Theo Hồ Chí Minh, nhận thức phải gắn với hành động, lý luận phải đem ra thực hành. Thực hành là cơ sở, là phương pháp, cách thức để đánh giá sự đúng đắn của lý luận. Hành động thiếu nhận thức đúng đắn cũng như không có lý luận soi đường sẽ dẫn đến hành động mù quáng. Nhận thức đúng, hành động đúng mới đóng góp được cho sự nghiệp cách mạng.

Hơn nữa cũng cần phải tránh tình trạng, cán bộ, đảng viên luôn cho rằng mình nói đi đôi với làm, nhưng mỗi lúc lại nói một kiểu, làm một kiểu không thống nhất thì cũng không mang lại hiệu quả. Bởi, "Đảng ta là một tập thể lớn, tư tưởng nhất trí, hành động nhất trí"[2], có như vậy mới lãnh đạo được cách mạng, bảo vệ được chủ trương, đường lối của Đảng, bảo vệ được Đảng. Để tư tưởng nhất trí, hành động thống nhất thì mọi cán bộ, đảng viên phải tuân theo quy định của "Đảng

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.2, tr.282.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.12, tr.335.

cương" vì: "*Đảng cương* là lý luận nền tảng, Đảng dùng để lãnh đạo cách mạng. Nó đảm bảo cho *chính trị thống nhất, tư tưởng thống nhất* của Đảng"[1]. Mỗi cán bộ, đảng viên thấm nhuần tư tưởng, chủ trương, chính sách và thực hiện đúng, thực hiện triệt để là cơ sở để tránh tư tưởng rối loạn, ý kiến lung tung, hành động rời rạc, "trống đánh xuôi, kèn thổi ngược". Không thấm nhuần tư tưởng, chủ trương, chính sách của Đảng thì không thể lãnh đạo quần chúng, nhân dân, không thể làm cách mạng.

Người khẳng định: "Sở dĩ Đảng ta có thể lãnh đạo giai cấp công nhân và toàn dân tiến lên chủ nghĩa xã hội, là vì Đảng ta có chính sách đúng đắn và lãnh đạo thống nhất. Mà lãnh đạo thống nhất là vì toàn thể đảng viên tư tưởng nhất trí và hành động nhất trí"[2]. Sự thống nhất tư tưởng và hành động của toàn thể cán bộ, đảng viên tạo nên sức mạnh của Đảng. "Đảng ta mạnh vì Đảng ta tư tưởng nhất trí, hành động nhất trí, suốt từ trên xuống dưới"[3]. Nhờ có tư tưởng nhất trí, hành động nhất trí mà Đảng ta khắc phục được khó khăn, phát huy được thuận lợi trong hành động cách mạng, làm trọn nhiệm vụ của Đảng. "Nhờ chính sách đúng, lãnh đạo chắc, kỷ luật nghiêm, nhờ tư tưởng thống

---

1, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.8, tr.282, 514.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.11, tr.606.

nhất, mà Đảng ta và dân tộc ta được những thắng lợi vẻ vang ngày nay"[1].

Trong thực tiễn cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: thống nhất không chỉ thể hiện trong tư tưởng mà trên tất cả các lĩnh vực. Các lĩnh vực đều phải thực hiện theo một mục tiêu mà chủ trương, chính sách của Đảng đã chỉ ra để tạo nên sự thống nhất trong hành động. Có được mục tiêu là có căn cứ để xây dựng các chủ trương, chính sách cụ thể trong hành động thực tiễn. Người chỉ rõ: "Cuộc đấu tranh kinh tế, chính trị và tư tưởng nhất trí với nhau. Nhiệm vụ của cán bộ là cần phải nhận rõ để khắc phục mọi trở lực"[2]. Đặt Tổ quốc, Nhân dân lên trên hết, trước hết, vì sự phát triển chung của cả dân tộc là mục tiêu triết lý hành động Hồ Chí Minh, cũng là cơ sở để xây dựng và thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước được thống nhất. Bất kể lĩnh vực kinh tế, chính trị, tư tưởng hay văn hóa, đạo đức,... đều phải đặt trong mục tiêu vì nước, vì dân để hành động, để xây dựng chính sách cụ thể phù hợp mục tiêu chung vì phát triển đất nước.

Mệnh đề "Chủ nghĩa Mác - Lênin không phải ở đâu người ta cũng làm cộng sản, cũng làm Xôviết"[3], thể hiện

---

1, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.5-6, 369.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.66.

triết lý, phương pháp của Người trong vận dụng, quán triệt nguyên tắc đồng thuận, thống nhất theo chỉ dẫn của nghĩa Mác - Lênin, nắm tinh thần của chủ nghĩa Mác - Lênin, vận dụng sáng tạo vào thực tế chứ không dập khuôn máy móc. Đây là sự đúc rút của Hồ Chí Minh trong thực tiễn hoạt động cách mạng, thống nhất với tinh thần, lập trường Mác - Lênin trong chiều sâu của nhận thức và hành động để đạt được sự đồng thuận, thống nhất với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Mọi hành động của Chủ tịch Hồ Chí Minh trước sau như một, thủy chung như nhất bởi Người đã nắm chắc các nguyên tắc hành động, cho một mục tiêu duy nhất là độc lập của dân tộc, tự do, hạnh phúc của Nhân dân. Mỗi cán bộ, đảng viên, cũng như mỗi cá nhân trong xã hội để cho lời nói của mình luôn thống nhất, trước sau như một trước hết phải xác định cho được mục tiêu phấn đấu, mục tiêu hành động rõ ràng. Cá nhân mỗi con người có thể có một mục tiêu hành động riêng mà mình theo đuổi, nhưng đứng trước các khó khăn, thách thức, cơ hội phát triển của dân tộc, của đất nước thì chỉ có thực hiện các mục tiêu mà Đảng và Nhà nước đã đề ra cụ thể trong chủ trương, chính sách mới là người cán bộ, đảng viên chân chính, là người yêu nước và cách mạng.

Các biểu hiện của việc nói không đi đôi với làm, nói một đằng làm một nẻo, đương chức nói một kiểu, nghỉ

hưu nói một kiểu,... là những biểu hiện của sự suy thoái về tư tưởng và đạo đức. Không có sự thống nhất trong hành động, việc làm, lời nói không chỉ hại đến uy tín, danh dự, bộc lộ rõ bản chất của chính cá nhân mà còn làm ảnh hưởng đến uy tín, vai trò lãnh đạo của tổ chức, của Đảng, làm Nhân dân mất niềm tin vào đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

4. Nguyên tắc nói đi đôi với làm

C. Mác khẳng định: mỗi bước tiến của phong trào thực tế còn quan trọng hơn là cả một tá cương lĩnh, V.I. Lênin cho rằng: "... Đã đến một thời kỳ lịch sử mà lý luận biến thành thực tiễn, trở nên sinh động nhờ thực tiễn, được sửa chữa bằng thực tiễn, được kiểm tra lại trong thực tiễn", "Mỗi biện pháp thực tiễn... tốt hơn là một tá những bài nghị luận hay ho về chủ nghĩa xã hội"[1]. Tránh trường hợp như V.I. Lênin đã chỉ ra: "ý kiến và lời chỉ dẫn là một việc, mà tổ chức *thực tiễn*,... lại là một việc khác. Những nhà trí thức tuôn ra lưu loát nhiều ý kiến và lời chỉ dẫn rất hay; nhưng họ tỏ ra "vụng về" đến lố bịch, đến *vô lý* và nhục nhã, tỏ ra bất lực không *áp dụng* được những ý kiến và lời chỉ dẫn đó, không *kiểm soát được trong thực tiễn* để biến lời nói thành hành động"[2].

1, 2. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.35, tr.243, 242-243.

Thấm nhuần quan điểm của các nhà cách mạng tiền bối, Hồ Chí Minh nhận thấy: "Đề ra những luận cương dài dằng dặc và thông qua những nghị quyết rất kêu để sau Đại hội đưa vào viện bảo tàng như từ trước vẫn làm thì chưa đủ"[1]. Theo Người, đối với các dân tộc phương Đông thì "một tấm gương sống" thì có giá trị gấp nhiều lần lời nói. Nhận thức sâu sắc, hiểu rõ giá trị của việc nêu gương trong hành động ở Người, lời nói luôn đi đôi với việc làm. Tất cả những câu nói của Người, ngoài sức thuyết phục của tính khoa học, tính cách mạng, tính lý luận, còn có sức thuyết phục vô cùng mạnh mẽ từ những hành động, việc làm gương mẫu trong thực tế công tác, thực tế lãnh đạo cách mạng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh không đề ra nguyên tắc nói đi đôi với làm với câu chữ cụ thể, nhưng trong hành động, trong cách diễn đạt thì luôn thể hiện nói đi đôi với làm là nói gắn với hành động, miệng nói tay làm và cũng yêu cầu cán bộ, đảng viên hành động theo nguyên tắc này. Chủ tịch Hồ Chí Minh phê phán các loại nghị quyết để trong tủ kính, phê phán trăm bài diễn văn tuyên truyền không bằng một tấm gương sống,... Người nhận thức rõ, lời nói chỉ có tác dụng mạnh mẽ khi nó được quán triệt trong hành động thực tế, bằng những việc làm, hành động cụ thể. Chủ thể của lời nói phải bằng những hành động cụ thể, những việc làm thật sự

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.1, tr.303.

cần mẫn và siêng năng, hiệu quả mới chứng tỏ, thuyết phục được cho người khác về lời nói của mình.

Nhận thức lý luận được biểu hiện cụ thể trong lời nói, trong hành động, ở việc làm. Nếu không thông qua hành động, không thông qua việc làm thì mọi lý tưởng, mọi lý luận trong lời nói đều trở nên trống rỗng và vô nghĩa. Tư tưởng lý luận chỉ có sức mạnh khi nó xâm nhập vào phong trào của quần chúng, được thể hiện bằng hành động cải tạo hiện thực, xây dựng cuộc sống ngày càng tốt đẹp. Hành động và việc làm vừa là con đường để thực hiện mục tiêu, vừa là cơ sở để kiểm chứng tính đúng đắn của nhận thức, của lời nói. "Quyết tâm không phải ở hội trường, ở lời nói, mà phải quyết tâm trong công tác, trong hành động. Phải có quyết tâm gây một tác phong chiến đấu anh dũng. Quyết tâm phản đối tất cả những hành động tiêu cực, lung lay, ích kỷ và báo cáo láo,... Nghĩa là trong thái độ, trong tư tưởng, trong hành động, trong chiến đấu, bất kỳ một việc lớn hay nhỏ đều phải có quyết tâm làm cho bằng được"[1].

Chủ trương, đường lối của Đảng đưa ra cần được triển khai bằng những hành động cụ thể của cán bộ, đảng viên. Việc cán bộ, đảng viên phổ biến lại chủ trương, chính sách là quan trọng, nhưng còn quan trọng hơn là cán bộ, đảng viên thực hiện bằng hành động, việc làm cụ thể để quần

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.7, tr.482.

chúng nhân dân hiểu rõ, thấy được chủ trương, đường lối đúng đắn của Đảng và làm theo. Người yêu cầu cán bộ, đảng viên: "Về xuôi phải làm gương mẫu trong mọi việc, tuỳ hoàn cảnh của mình mà gần gũi, giúp đỡ nhân dân. Gương mẫu trong lời nói, việc làm, thái độ, sao cho người ta thấy rõ mình là con người kháng chiến"[1].

Nói đi đôi với làm là một nguyên tắc ứng xử văn hóa của người cách mạng, là cơ sở để phân biệt giữa cán bộ cách mạng với những loại giả danh khác. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Bọn phong kiến ngày xưa nêu ra cần, kiệm, liêm, chính, nhưng không bao giờ làm mà lại bắt nhân dân phải tuân theo để phụng sự quyền lợi cho chúng. Ngày nay ta đề ra cần, kiệm, liêm, chính cho cán bộ thực hiện làm gương cho nhân dân theo để lợi cho nước cho dân"[2]. Người luôn yêu cầu cán bộ, đảng viên là miệng nói tay làm, và mình phải làm trước, làm nhiều, làm gương: "Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước"[3]. Những người nói nhiều làm ít, nói một đằng làm một nẻo, hoặc nói mà không làm là những cán bộ dở. Đây là điều nguy hại, vừa làm suy yếu sức mạnh tổ chức, vừa làm giảm sút niềm tin nơi quần chúng nhân dân, dẫn đến sự tha hóa của bản thân cán bộ, đảng viên. Chủ tịch Hồ Chí Minh "cống hiến cả cuộc đời

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.9, tr.47.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.7, tr.220.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.6, tr.16.

mình cho sự nghiệp độc lập dân tộc, nên mỗi lời nói của Người đều gắn chặt với nguyện vọng của nhân dân"[1].

Trong quan niệm của Hồ Chí Minh, "muốn biết một chính đảng, hay một người có phải là Đảng hay chiến sĩ tiên phong của vô sản hay không, ta không nên chỉ xem những tuyên ngôn, nghị quyết và nghe lời nói của họ; ta cần xét hành vi chính trị của họ, lập trường và thái độ của họ trong những cuộc đấu tranh chính trị thế nào?"[2]. Đó cũng chính là nói đi đôi với làm, là yêu cầu lời nói phải gắn liền với hành động.

Người yêu cầu cán bộ, đảng viên chẳng những phải là người lãnh đạo quần chúng, có khả năng tuyên truyền, vận động quần chúng rất giỏi bằng lời nói mà còn phải là người lính xung kích, người cán bộ, đảng viên rất gương mẫu, tiên phong trong hành động thực tế. Nếu chỉ nói mà không làm, không thể hiện bằng hành động cụ thể thì không thể nào động viên, tổ chức được quần chúng thực hiện thắng lợi mọi chủ trương, đường lối của Đảng. Muốn quần chúng, đảng viên cấp dưới làm theo thì cán bộ, đảng viên cấp trên phải gương mẫu làm trước, thực hiện trước, đó mới thực sự là phương pháp tuyên truyền có hiệu quả cao. Trong

---

1. Chương trình KX.02 "Tư tưởng Hồ Chí Minh", Đề tài KX.02.09: *Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay (Qua sách báo nước ngoài)*, *Tlđd*, tr.52.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.292.

tuyên truyền giáo dục không thể chỉ bằng lời nói khô khan, bằng lý thuyết chung chung, những khẩu hiệu trừu tượng mà phải bằng hành động thực tế, bằng sự gương mẫu, mực thước của bản thân người cán bộ, đảng viên. Chỉ có như vậy mới có thể làm cho lời nói của mình có độ tin cậy và sức thuyết phục mạnh mẽ.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: "Nói thì phải nói một cách giản đơn, thiết thực với hoàn cảnh mỗi người; nói sao cho người ta nghe rồi làm được ngay. Việc dễ, việc nhỏ làm được rồi, sẽ nói đến việc to, việc khó"[1]. Người yêu cầu: "Nói phải cho gọn gàng, có đầu có đuôi, có nội dung. Nói lung tung như nhiều người cán bộ nói ở các mít tinh, nói rồi không biết đường nào mà đi ra nữa, thôi đi thì cũng dở, nói nữa thì không biết nói gì! Nói ít, nhưng nói cho thấm thía, nói cho chắc chắn thì quần chúng thích hơn. Muốn nói gì phải chuẩn bị trước"[2]. "Nói nôm na để cho người ta dễ hiểu, hiểu để người ta làm được. Không nên lúc nào cũng trích Các Mác, cũng trích Lênin, làm cho đồng bào khó hiểu. Nói thế nào cho đồng bào hiểu được, đồng bào làm được, đó là nói được chủ nghĩa Mác - Lênin. Nói thiết thực, nói đúng lúc, đúng chỗ, mới là hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin. Nếu nói không đúng chỗ không phải là chủ nghĩa Mác - Lênin"[3].

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.5, tr.126.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.8, tr.209.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.14, tr.161.

Với yêu cầu như vậy, *nói* không chỉ có ý nghĩa là phương tiện giao tiếp, là lời tuyên bố mà còn là nguyên tắc hành động. Để nói thiết thực, nói đúng lúc, đúng chỗ, Người yêu cầu: "Nói cũng phải học, mà phải chịu khó học mới được. Vì cách nói của dân chúng rất đầy đủ, rất hoạt bát, rất thiết thực, mà lại rất giản đơn"[1].

Về việc làm, Người quan niệm, "chớ đặt những chương trình, kế hoạch mênh mông, đọc nghe sướng tai nhưng không thực hiện được. Việc gì cũng cần phải thiết thực, nói được, làm được. Việc gì cũng phải từ nhỏ dần dần đến to, từ dễ dần dần đến khó, từ thấp dần dần đến cao. Một chương trình nhỏ mà thực hành được hẳn hoi, hơn là một trăm chương trình to tát mà làm không được"[2].

Xem xét mục đích và hành động trên cơ sở thực tiễn, làm từ việc nhỏ tiến dần dần đến việc to, làm từ việc dễ tiến dần dần đến việc khó là nguyên tắc mà Chủ tịch Hồ Chí Minh được học, được rèn luyện từ rất sớm ngay trong quá trình tìm đường cứu nước. Việc học làm báo, viết báo của Người cũng bắt đầu từ dễ đến khó, từ viết dài đến viết ngắn, gọn, dễ hiểu. Việc chuẩn bị các điều kiện, tiền đề cho sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam từ lý luận dẫn đường, đến xây

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.5, tr.341, 317.

dựng tổ chức, hợp nhất các tổ chức được làm từng bước một, rất tỉ mỉ, rất chu đáo, kỹ lưỡng với kế hoạch rõ ràng để ngay khi ra đời, Đảng đã nắm lấy vai trò lãnh đạo đưa đến thắng lợi của các phong trào, cách mạng giành độc lập, tự do cho dân tộc, giải phóng cho Nhân dân. Sau khi giành độc lập, trong kế hoạch xây dựng, phát triển đất nước, Người chỉ ra: "Việc gì cũng phải từ việc dễ đến việc khó, từ việc gấp đến việc hoãn, từ việc ít tốn tiền đến việc tốn nhiều tiền. Nói tóm lại: kế hoạch phải *thiết thực*, phải làm được. Chớ làm kế hoạch đẹp mặt, to tát, kể hàng triệu nhưng không thực hiện được"[1].

Trong hành động, Hồ Chí Minh luôn chú trọng đến cách làm, đến biện pháp thực hiện để làm sao cho dân chúng hiểu đúng và làm ngay. Người chú trọng làm mẫu và yêu cầu cán bộ, đảng viên phải làm việc thực tế, cụ thể để học hỏi và làm mẫu cho Nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh chú trọng sự thiết thực, hiệu quả, nhiều chỉ dẫn của Người mang tính chất cầm tay chỉ việc sát thực, cụ thể. Chẳng hạn, Người chỉ rõ muốn làm dân vận tốt phải như thế nào? Muốn thực hành đoàn kết, tự phê bình và phê bình phải như thế nào? Muốn đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm thì phải bắt đầu như thế nào? Muốn xây dựng hợp tác xã thì phải bắt đầu từ đâu? Muốn xây dựng tổ đổi

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.5, tr.81.

công thì phải làm như thế nào? Làm mương dẫn nước chống hạn thì phải như thế nào? v.v..

Khẩu hiệu, triết lý hành động Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu phải thực hành là: "làm việc gì học việc ấy"[1]. Đây là nguyên tắc, là cách thức hành động nhanh nhất để làm tốt công việc được giao và thiết thực với sự nghiệp cách mạng. Tùy từng đối tượng cụ thể theo giới tính, độ tuổi, ngành nghề, lĩnh vực công tác mà Người chỉ ra mục tiêu, cũng như nguyên tắc hành động cụ thể, phù hợp với đối tượng.

Vấn đề đảm bảo sự thống nhất giữa nhận thức và hành động, giữa lời nói và việc làm là vấn đề bức thiết, vừa phản ánh trình độ và năng lực lãnh đạo cách mạng của Đảng, vừa thể hiện nhân cách, phẩm chất đạo đức của mỗi cán bộ, đảng viên. Người khẳng định: "Do lời nói và việc làm, đảng viên, đoàn viên và cán bộ làm cho dân tin, dân phục, dân yêu, đoàn kết quần chúng chặt chẽ chung quanh Đảng, tổ chức, tuyên truyền và động viên quần chúng hăng hái thực hiện chính sách và nghị quyết của Đảng"[2]. Nhận thức lý luận biểu hiện cụ thể trong lời nói, trong hành động, ở việc làm. Nếu không thông qua hành động, việc làm cụ thể thì mọi lý tưởng, mọi lý luận trong lời nói đều trở nên trống rỗng, vô

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.5, tr.309.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.11, tr.609.

nghĩa. Tư tưởng lý luận chỉ có sức mạnh khi nó ăn sâu vào phong trào của quần chúng, được thể hiện bằng hành động cải tạo hiện thực, xây dựng cuộc sống ngày càng tốt đẹp.

Đối với cán bộ nói chung, Người chỉ rõ nguyên tắc hành động trong công việc cụ thể là: "Làm theo cách quần chúng. Việc gì cũng hỏi ý kiến dân chúng, cùng dân chúng bàn bạc"[1]. Cán bộ, "Phải lấy thực tế hành động tranh đấu hàng ngày để giáo dục, làm cho quần chúng thấy lực lượng của họ, phát huy sáng kiến, tự họ giải quyết vấn đề, tự họ nâng cao địa vị kinh tế, chính trị, văn hóa của họ. Muốn thực hiện như thế, không phải mệnh lệnh bắt quần chúng phải theo, mà phải làm cho họ tự giác tự động. Cán bộ phải nắm vững chính sách của Đảng, của Chính phủ, đi đúng đường lối quần chúng. Quần chúng rất nhiều sáng kiến, họ hiểu biết rất mau, nhất là những cái thuộc về quyền lợi của họ. Cán bộ phải tìm hiểu quần chúng, phải học hỏi quần chúng để lãnh đạo quần chúng"[2]. Người cho rằng: "Bất kỳ công việc gì, cũng phải dùng hai cách lãnh đạo sau đây: một là liên hợp chính sách chung với sự chỉ đạo riêng. Hai là liên hợp người lãnh đạo với quần chúng. *Thế nào là liên hợp chính sách chung với chỉ đạo riêng?* Bất kỳ việc gì, nếu không có

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.5, tr.334.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.8, tr.48.

chính sách chung, kêu gọi chung, không thể động viên khắp quần chúng. Song, nếu người lãnh đạo chỉ làm chung, làm khắp cả một lúc, mà không trực tiếp nhằm một nơi nào đó, thực hành cho kỳ được, rồi lấy kinh nghiệm nơi đó mà chỉ đạo những nơi khác, thì không thể biết chính sách của mình đúng hay sai. Cũng không thể làm cho nội dung của chính sách đó đầy đủ, thiết thực"[1].

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, đối với mỗi vật, mỗi việc cần phải có một nguyên tắc nhất định, cụ thể để tác động làm biến đổi nó theo hướng đã định. Từ nhiều việc nhỏ, hành động nhỏ với các nguyên tắc và cách thức thực tiễn thì mới có thể đi đến một kết quả to lớn, mới có thể làm cho đất nước, con người đều đổi mới, phát triển.

Bàn về nguyên tắc một thì Người thực hiện nguyên tắc, thực hành nguyên tắc mười. Người yêu cầu và đã thực hiện: "kế hoạch 10 phần thì biện pháp phải 20 phần và quyết tâm 30 phần"[2] trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng đầy biến động của mình. Người hướng dẫn nguyên tắc hành động cho người khác thông qua hành động của chính mình, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.5, tr.328.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.14, tr.485.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, đối với những người "Chỉ biết nói là nói, nói giờ này qua giờ khác, ngày này qua ngày khác. Nhưng một việc gì thiết thực cũng không làm được. Những người như thế cũng không thể dùng vào công việc thực tế"[1] và "Bất kỳ người lãnh đạo nào, nếu không học tập nổi những việc thiết thực, những người thiết thực và những bộ phận thiết thực của cấp dưới, để rút kinh nghiệm, thì nhất định không biết chỉ đạo chung cho tất cả các bộ phận. Mỗi cán bộ phụ trách cần phải làm theo cách này cho kỳ được"[2]. Khi đã làm thì phải "So đi sánh lại, phân tích rõ ràng là cách làm việc có *khoa học*. Mỗi công việc, chúng ta đều phải làm như thế. Làm như thế mới tránh khỏi cái độc đoán, mới tránh khỏi sai lầm"[3].

Trong lãnh đạo thực hiện cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng Nhân dân, từ những hành động nhỏ nhất, cho đến những vấn đề hệ trọng Hồ Chí Minh đều thể hiện sự trù tính cho tương lai. Hành động của Người từ việc nhỏ đến việc lớn luôn thể hiện sự giản dị nhưng chứa đựng những triết lý nhân sinh sâu sắc. Hành động đặt tay che nòng đại bác khi đi thăm chiến trường ở Pháp có ẩn ý sâu sắc là thể hiện lập trường hòa bình, mong muốn hòa bình, tinh thần yêu chuộng hòa bình của Nhân dân Việt Nam.

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.327, 329, 337.

Di chúc của Người là sự kết tinh, tổng kết và thể hiện những yêu cầu, căn dặn của Người về những hành động cần thiết, những trù tính cho tương lai phát triển của dân tộc. *Di chúc* chỉ ra cho dân tộc, cho đất nước những nội dung quan trọng của sự nghiệp cách mạng, nhưng trong mỗi nội dung, mỗi khía cạnh đều thể hiện một yêu cầu cụ thể, rõ ràng. Xét đến cùng nội dung đó, công việc đầu tiên là công việc đối với con người - một triết lý về mục tiêu, định hướng nguyên tắc hành động của Đảng và Nhân dân. Những căn dặn cụ thể, thiết thực, quan trọng đối với sự nghiệp cách mạng được thể hiện trong *Di chúc* là cơ sở để xây dựng một chương trình hành động lâu dài vì sự đổi mới, phát triển bền vững của đất nước.

Triết lý về nguyên tắc hành động nói đi đôi với làm được thể hiện phong phú và sâu sắc qua thực tiễn hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tiếp cận triết lý về nguyên tắc hành động ở góc độ cách nói và cách làm cụ thể, thiết thực, bám sát thực tiễn của Chủ tịch Hồ Chí Minh có ý nghĩa quyết định để thấy rõ giá trị của triết lý. Nghiên cứu, đánh giá nguyên tắc hành động nói và làm cụ thể, thiết thực thể hiện trong triết lý hành động Hồ Chí Minh là nhiệm vụ khó khăn, song nó là cách thức cơ bản để làm sáng tỏ giá trị triết lý hành động Hồ Chí Minh, một triết lý thể hiện chủ yếu qua những hành động cụ thể, thiết thực.

Tóm lại, dù cho lời nói có dễ hiểu đến đâu cũng vẫn có thể còn có người không hiểu. Vì thế, để người khác thực sự hiểu, ai cũng hiểu không gì bằng vừa nói vừa làm, làm gương, làm mẫu cho người khác làm theo. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đề cao phương pháp nêu gương để khẳng định nguyên tắc lời nói đi đôi với việc làm, từ đó thúc đẩy hành động cách mạng, góp phần đưa sự nghiệp cách mạng đến thắng lợi, đất nước độc lập và phát triển, Nhân dân tự do, hạnh phúc.

5. Chí công vô tư

Chí công vô tư, cũng giống như nói đi đôi với làm, vừa là một phẩm chất đạo đức cách mạng nhưng cũng là một nguyên tắc hành động của người cách mạng. Chí công vô tư là phẩm chất đạo đức gắn liền với hoạt động thường ngày của mỗi con người. Trong thực tiễn hoạt động, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: "Đem lòng chí công vô tư mà đối với người, với việc"[1], "khi làm bất cứ việc gì cũng đừng nghĩ đến mình trước"[2], "khi hưởng thụ thì mình nên đi sau"[3], "làm việc gì mình cũng nghĩ đến lợi ích chung trước và lợi ích riêng sau"[4],... Như vậy, người cán bộ, đảng viên trong hành động luôn phải đặt công việc chung lên trước, không màng tới lợi tư, luôn đặt lợi ích của tập thể, của Đảng và của cách mạng, của

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.5, tr.217.
2, 3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.11, tr.400.

dân tộc lên trên các lợi ích riêng. Khi thực thi nhiệm vụ thì khách quan, công bằng, chính trực, không thiên tư, thiên vị, giành lấy phần lợi cho mình, cho gia đình, người thân thiết với mình.

Trong bài viết *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân*, Người cho rằng: chủ nghĩa cá nhân là kẻ thù nguy hiểm của đạo đức cách mạng, trở lực cho xây dựng chủ nghĩa xã hội, trói buộc hành động của người cán bộ, đảng viên. Chủ nghĩa cá nhân là căn bệnh mẹ đẻ ra hàng trăm căn bệnh con, là nguyên nhân sinh ra căn bệnh tham ô, hủ hoá, lãng phí, xa hoa, tham danh, trục lợi, thích địa vị, quyền hành, tự kiêu, tự đại... Chủ nghĩa cá nhân kéo người ta đi xuống dốc, gây mất đoàn kết, thiếu tính tổ chức, thiếu tính kỷ luật, kém tinh thần trách nhiệm, làm hại đến Đảng, đến Nhà nước, phương hại đến sự nghiệp cách mạng. Trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*, Người viết về cách rèn luyện, thực hành để đạt được phẩm chất, giữ vững nguyên tắc chí công vô tư: "Người đảng viên, người cán bộ tốt muốn trở nên người cách mạng chân chính, không có gì là khó cả. Điều đó hoàn toàn do lòng mình mà ra. Lòng mình chỉ biết vì Đảng, vì Tổ quốc, vì đồng bào thì mình sẽ tiến đến chỗ chí công vô tư"[1]. Điều này hoàn toàn phù hợp với mục tiêu hành động mà triết lý hành động Hồ Chí Minh

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.291.

đã nêu ra. Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là người tiếp thu phẩm chất, nguyên tắc chí công vô tư để cả đời rèn luyện cho bản thân mà còn hiểu được sự sâu sắc, để xem chí công vô tư là một trong những phẩm chất quan trọng của đạo đức cách mạng, một trong những nguyên tắc hành động để thể hiện cho rõ những phẩm chất đạo đức của người cách mạng.

Tóm lại, chí công vô tư trước hết là một phẩm chất đạo đức cách mạng, nhưng đạo đức Hồ Chí Minh là đạo đức hành động, vì thế nó còn có ý nghĩa là một nguyên tắc hành động. Người cán bộ, đảng viên giữ vững phẩm chất, nguyên tắc chí công vô tư trong hành động cách mạng là cơ sở đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống suy thoái, tha hóa, quan liêu, tham nhũng trong cán bộ, đảng viên hiện nay.

IV- VỀ PHƯƠNG PHÁP TRONG TRIẾT LÝ HÀNH ĐỘNG HỒ CHÍ MINH

1. Phương pháp hình thành triết lý về mục tiêu hành động

Luận điểm có tính triết lý về phương pháp xác định mục tiêu hành động của Chủ tịch Hồ Chí Minh là: Thực hành sinh ra hiểu biết, hiểu biết tiến lên lý luận, lý luận lãnh đạo thực hành[1]. Có thể hiểu rằng, để xác định được

---

1. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.120.

mục tiêu hành động, phương pháp đầu tiên cần áp dụng đó là thực hành. Tất nhiên, thực hành phải dựa trên cơ sở của những hiểu biết nhất định, không thực hành một cách mù quáng, thiếu hiểu biết, chưa có sự quan sát, phân tích, đánh giá về những vấn đề liên quan đến hành động của mình. Hồ Chí Minh, nếu không có sự quan sát, so sánh và đánh giá các phong trào cách mạng ở trong nước với các chủ trương, khuynh hướng cứu nước khác nhau và nhận thấy những yếu tố bất hợp lý trong các phong trào đó thì Người cũng không thể xác định được cho mình là cần phải tìm một hướng đi khác, lựa chọn cho mình một con đường khác, có thể mở ra những cơ hội mới. Đồng thời, nếu không phân tích, đánh giá về những tư tưởng mới, những tư tưởng về "Tự do, Bình đẳng, Bác ái", cũng như những đánh giá tích cực về trình độ khoa học, kỹ thuật, trình độ quản lý xã hội,... được truyền đến từ thế giới phương Tây thông qua những người lính, những quan chức thuộc địa, những nho sĩ duy tân,... thì Người cũng không có được sự lựa chọn khác với những người đương thời.

Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thực hành, điểm đầu tiên là thực hành để tìm kiếm sự hiểu biết, cụ thể đối với Người, sau khi quan sát, đánh giá các phong trào cách mạng trong nước theo các khuynh hướng khác nhau, nhưng đều thất bại, Người xác định phải đi ra nước ngoài, tìm hiểu thực tế, Người muốn đi ra nước ngoài, xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem

xét họ làm như thế nào, sẽ trở về giúp đồng bào. Đó là phương pháp của Hồ Chí Minh, thông qua quan sát, so sánh, đánh giá để từ đó lựa chọn cho mình, cho dân tộc mình một hướng đi, một con đường đúng đắn nhằm đánh đuổi thực dân, đế quốc, giành lại độc lập, tự do.

Trong suốt cuộc hành trình bôn ba tìm đường cứu nước, cứu dân, Người đã quan sát, phân tích thực tế, đánh giá và so sánh đời sống của những người lao động, đời sống của tầng lớp thượng lưu, đời sống của bọn thực dân cướp nước, đàn áp các thuộc địa. Người nhận thấy, dưới ách thống trị hà khắc, tàn bạo của chủ nghĩa thực dân, không chỉ nhân dân lao động ở các thuộc địa bị bóc lột với nhiều thủ đoạn dã man, tàn bạo làm kiệt quệ sức người sức của mà ngay cả nhân dân lao động ở chính quốc cũng bị bóc lột, cũng phải sống cuộc đời khó nhọc, bị khinh miệt. Qua quan sát và trải nghiệm thực tế, Người nhận thấy, dù màu da có khác nhau thì trên đời này cũng chỉ có hai giống người là giống người đi bóc lột và giống người bị bóc lột.

Cùng với những quan sát, so sánh về đời sống thợ thuyền, đời sống của nhân dân lao động ở chính quốc cũng như ở thuộc địa, đồng thời tham gia vào phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, từ đó Người sử dụng, lựa chọn các phương pháp đấu tranh thích hợp để tố cáo, lên án tội ác chủ nghĩa thực dân, thức tỉnh nhân dân các nước thuộc địa, thức tỉnh nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới.

Bên cạnh việc tham gia vào phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Người còn quan sát, so sánh, đánh giá xu hướng để tìm hiểu bản chất, vấn đề cốt lõi của các khuynh hướng đấu tranh đó, từ đó đặt ra câu hỏi là ai, tổ chức nào ủng hộ phong trào đấu tranh giải phóng của nhân dân thuộc địa; mối quan hệ của cách mạng ở các nước thuộc địa với cuộc cách mạng vô sản ở chính quốc sẽ như thế nào? Cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa có thể làm gì, giúp gì cho cách mạng vô sản ở các nước chính quốc và ngược lại. Các luận điểm về "con đỉa hai vòi", "con chim hai cánh" chính là những kết luận quan trọng về mối quan hệ này từ quan sát, phân tích của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đó là cơ sở để xác định mục tiêu cho cách mạng giải phóng dân tộc của Việt Nam sau này, cơ sở giải quyết các mối quan hệ với các quốc gia trên thế giới trong phong trào đấu tranh vì hòa bình và tiến bộ của nhân loại.

Hồ Chí Minh so sánh, đánh giá các sự kiện không chỉ ở hiện tại, mà còn phân tích cả những sự kiện đã xảy ra trong quá khứ, kết quả của nó còn thể hiện ở hiện tại. Người đánh giá các cuộc cách mạng tư sản, so sánh các cuộc cách mạng đó với cách mạng xã hội chủ nghĩa, Cách mạng Tháng Mười Nga để đi đến kết luận quan trọng: Nhân dân Việt Nam đã hi sinh làm cách mạng thì làm cách mạng cho đến nơi, tránh như cách mạng Pháp, cách mạng Mỹ, tiếng là cách mạng nhưng chưa triệt để, công nông vẫn cứ mưu làm cách mệnh lần thứ hai.

Với Hồ Chí Minh, giải phóng dân tộc, phải làm một cuộc cách mạng triệt để, có như vậy giải phóng dân tộc còn là để phát triển dân tộc; đó là cho tương lai, triển vọng phát triển của dân tộc ta, đó là xu hướng, quy luật phát triển của thời đại mới, thời đại mở ra sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga. Con đường đó, mục tiêu đó là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Chủ tịch Hồ Chí Minh lấy hành động làm lẽ sống, lấy việc đi ra thế giới, mở rộng tầm mắt, tìm kiếm con đường cứu nước là điểm khởi đầu của hành động cách mạng. Người đã tìm đường trong thực tiễn đấu tranh, qua đó giác ngộ và nhận đường, tin theo Lênin, tin theo Quốc tế III, đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, đến với học thuyết chân chính nhất, cách mạng nhất, triệt để nhất. Dù có được lý luận tiên tiến nhất của thời đại, nhưng Hồ Chí Minh không vận dụng máy móc, cứng nhắc, giáo điều mà Người nắm lấy điểm cốt lõi là tinh thần biện chứng Mác - Lênin để vận dụng vào hoàn cảnh, điều kiện của Việt Nam, để xác định rõ các mục tiêu mà cách mạng cần đạt được trong điều kiện cụ thể của Việt Nam. Nếu không có sự vận dụng sáng tạo của Hồ Chí Minh trên cơ sở thực tiễn Việt Nam, cách mạng Việt Nam không thể tập hợp được lực lượng đông đảo trong cuộc đấu tranh chống thực dân đế quốc.

Chỉ có sự sâu sắc về lý luận, cùng với am hiểu thực tiễn làm cho lý luận với thực tiễn gắn liền với nhau, thống nhất với nhau thì lý luận mới có thể thăng hoa, mới có thể

lãnh đạo thực hành. Chỉ có con đường vừa thực hành lý luận, vừa tổng kết thực tiễn, đánh giá lý luận, nâng cao lý luận thì mới có được lý luận khoa học, lý luận chân chính, lý luận đó giúp cho việc xác định mục tiêu cách mạng, mục tiêu hành động được chính xác. Đó là thực hành sự lãnh đạo của lý luận ở Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Với tinh thần gắn lý luận với thực tiễn, dùng lý luận để giải quyết vấn đề thực tiễn, vì vậy, ngay trong việc xác định mục tiêu hành động cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng được lý luận soi đường. Nếu không chú trọng tính thực tế, mục tiêu hành động nào cũng được đặt ra từ thực tế, giải quyết đòi hỏi từ thực tế thì đó là lý luận suông. Đối với Người bất kể việc to, hay việc nhỏ đều phải xuất phát từ yêu cầu thực tế, đều phải thiết thực, không khoa trương, hình thức. Và để làm được điều đó thì phải có hiểu biết, có lý luận dẫn đường, không được hành động một cách mù quáng, hành động hời hợt, nông cạn.

Tóm lại, mục tiêu triết lý hành động Hồ Chí Minh là độc lập dân tộc, tự do, hạnh phúc của Nhân dân; nguyên tắc hành động là phải kiên định mục tiêu; còn phương pháp xác định mục tiêu là phải so sánh, đánh giá, phân tích trong điều kiện thực tiễn để lựa chọn mục tiêu, đồng thời phải có lý luận, thực hành lý luận, dùng sự lãnh đạo của lý luận để xác định mục tiêu hành động cách mạng. Có được phương pháp hành động đúng sẽ lựa chọn được mục tiêu hành động đúng, có được mục tiêu hành động thì cần quán triệt tốt các

nguyên tắc hành động, trong đó nguyên tắc kiên định mục tiêu là tâm điểm của các nguyên tắc khác trong hành động. Hồ Chí Minh đã quan sát, so sánh, phân tích quy luật phát triển tất yếu của xã hội loài người để lựa chọn con đường cách mạng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Người vận dụng lý luận Mác - Lênin vào điều kiện thực tiễn Việt Nam để làm nên những thắng lợi to lớn trên con đường đi đến mục tiêu xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa. Đó cũng là mục tiêu cơ bản mà Đảng và Nhân dân ta đang xây dựng.

2. Phương pháp phát huy triết lý về động lực hành động

a) Phương pháp phát huy động lực yêu nước, tinh thần dân tộc

Chủ tịch Hồ Chí Minh sớm phát hiện và đúc kết lại: "Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta"[1], và "Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước. Từ các cụ già tóc bạc đến các cháu nhi đồng trẻ thơ, từ những kiều bào ở nước ngoài đến những đồng bào ở vùng tạm bị chiếm, từ nhân dân miền ngược đến miền xuôi, ai cũng một lòng nồng nàn yêu nước, ghét giặc"[2]. "Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính,

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.7, tr.38.

trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy. Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm. Bổn phận của chúng ta là làm cho những của quý kín đáo ấy đều được đưa ra trưng bày"[1], dùng thứ của quý đó vào trong công cuộc giải phóng và xây dựng, phát triển đất nước. Cụ thể, "ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến"[2].

Khi bàn về "*Mười điều ghi nhớ của hội viên Liên - Việt*", Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Mười điều ấy xây dựng trên một nền tảng: *tư tưởng yêu nước*, và được thực hiện trong hai công việc: *kháng chiến và kiến quốc*. Cho đến ngày nay, về hai công việc đó, chúng ta đã đạt được kết quả khá. Nhưng chúng ta làm có bề *rộng* mà thiếu bề *sâu*, hình thức nhiều mà nội dung ít. Vì vậy, Mặt trận nhắc nhủ để chúng ta làm *thiết thực* hơn nữa.

Làm thế nào? Trước hết, phải nâng cao lòng nồng nàn *yêu nước, ghét địch* của mọi người dân. Lòng yêu nước, ghét địch đó, dân ta sẵn có, nhưng cần lấy những việc thời sự chính trị hằng ngày để bồi đắp và phát triển thêm, để nâng cao giác ngộ *chính trị* của nhân dân. Làm thế nào cho mỗi người dân luôn luôn tự hỏi: *Tôi phải làm gì để thực hiện lòng yêu nước, ghét địch*? Lúc đó mới là lúc tư tưởng yêu nước thấm nhuần cả mọi người, và mọi người muốn hành động một cách thực tế.

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.38, 38-39.

Yêu nước thì phải thi đua. Tư tưởng yêu nước phải tỏ ra trong công việc thực tế, trong *Thi đua ái quốc*. Từ nay, chúng ta phải sửa đổi ít nhiều trong công việc thi đua, làm cho phong trào thi đua sâu hơn và *thiết thực* hơn nữa"[1].

Đây là chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về cách thức, về phương pháp phát huy động lực tinh thần yêu nước một cách thiết thực nhất.

Mệnh đề "Yêu nước thì phải thi đua" chính là triết lý về phương pháp hành động nhằm phát huy động lực yêu nước, tinh thần dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Hồ Chí Minh nhận rõ, con người là động lực thực sự của cách mạng, của hành động cách mạng. Chính con người làm cho động lực cách mạng ngày càng trở nên mạnh mẽ, giải phóng con người bằng sức mạnh của con người, đặc biệt là sức mạnh tinh thần, trình độ người của con người thì không thể có một trở lực nào, một thế lực nào có thể ngăn cản nổi. Người khẳng định: "*những người thi đua là những người yêu nước nhất*"[2] và "thi đua thì cải tạo con người"[3]. Phương pháp thúc đẩy tinh thần thi đua, yêu nước của Người là "Lấy gương người tốt, việc tốt để hàng ngày giáo dục lẫn nhau là một trong những cách tốt nhất để xây dựng Đảng, xây dựng các tổ chức cách mạng, xây dựng con người mới, cuộc sống mới"[4].

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.188, 407, 408.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.672.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh khởi xướng và tổ chức thành công nhiều phong trào thi đua yêu nước. Các phong trào thi đua được phát động rộng khắp trên tất cả các mặt trận, từ chính trị, quân sự đến kinh tế, văn hóa, giáo dục, từ Trung ương đến địa phương, trong tất cả các ngành, các đoàn thể quần chúng, lực lượng cách mạng. Thông qua thi đua con người tự nhận thức, tự hoàn thiện và phát triển mình, đáp ứng những yêu cầu của cách mạng, đáp ứng những yêu cầu phát triển mà chính mình là một bộ phận trong đó. Thi đua trở thành một phương pháp, một cách thức để biến lòng yêu nước trở thành một động lực hành động, một phong trào cách mạng rộng lớn trong nhân dân.

Bản chất của công tác thi đua và khen thưởng là khuyến khích trực tiếp mọi hành động cụ thể, thiết thực nhất của tất cả các giai cấp, tầng lớp, tổ chức trong xã hội đạt tới mục tiêu cách mạng đã xác định. Để tham gia thi đua, từ cá nhân đến tổ chức, từ quần chúng nhân dân đến đảng viên và cán bộ không có con đường nào khác là phải qua những hoạt động cụ thể trong thực tế công tác. Những hành động đó có mục tiêu cách mạng rõ ràng. Thi đua không chỉ để đẩy mạnh sản xuất mà còn thi đua để hoàn thiện mình, thi đua xây dựng con người mới, xây dựng nền đạo đức mới.

Đồng thời với thi đua phải khen thưởng. Khen thưởng là hình thức, phương pháp động viên, khuyến

khích bằng tinh thần và vật chất cho những cá nhân, những tập thể tiến bộ nhất, đạt được thành tích tốt nhất. Khen thưởng tạo ra động lực về lợi ích, vì lợi ích vật chất cũng như lợi ích tinh thần, từ đó thúc đẩy nhân dân, cán bộ, đảng viên tích cực thi đua, tích cực hoàn thiện bản thân, xây dựng tập thể vững mạnh, đoàn kết, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ ra: "thưởng để khuyến khích những người làm tốt, và thúc đẩy những người khác cố gắng làm theo"[1]. Rõ ràng, khi xem xét động lực hành động, chúng ta thấy Người đề cao quyền và lợi ích của nhân dân lao động. Bên cạnh những quyền, lợi ích gián tiếp còn có những quyền, lợi ích trực tiếp. Chủ tịch Hồ Chí Minh biết rõ dân dĩ thực vi thiên, bụng no thì lo học để trong hành động của mình cũng như trong yêu cầu đối với Đảng và Chính phủ trong chủ trương, chính sách đặc biệt chú trọng động lực lợi ích, thi đua phải đạt đến các lợi ích cụ thể, vật chất và tinh thần. Đảng, Chính phủ xây dựng kế hoạch, chương trình hành động cụ thể để tôn vinh đối với cá nhân, tập thể người lao động, tác động đến mọi người, làm cho phong trào thi đua ngày càng sôi nổi.

Khen thưởng không chỉ là một động lực để người được khen thưởng tiếp tục hành động, phấn đấu, hi sinh mà còn tạo ra động lực hành động cho những người

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.469.

khác, trông gương mà phấn đấu, làm theo. Nếu người cán bộ, người tổ chức phong trào thi đua khéo vận dụng, khích lệ sẽ biến những suy nghĩ tiêu cực trở nên tích cực. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng nhận định: "Đặc điểm rõ nhất trong tư tưởng của dân chúng là họ hay *so sánh*. Họ so sánh bây giờ và họ so sánh thời kỳ đã qua. Họ so sánh từng việc và họ so sánh toàn bộ phận... Rồi lại do đó, họ kết luận, họ đề ra cách giải quyết"[1]. Bằng cách so sánh Nhân dân thấy rõ điểm mạnh, cũng như điểm yếu để đề ra cách giải quyết khắc phục những khó khăn, để phấn đấu trong từng hành động, từng mục tiêu mà cách mạng đặt ra. Vận dụng khéo các đặc điểm của quần chúng nhân dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn chỉ ra phương thức thách nhau trong thi đua giữa các cán bộ, các địa phương với yêu cầu lời thách phải thiết thực, cụ thể, chớ bông lông.

Khen thưởng, động viên, tôn vinh là cách thức, phương pháp trực tiếp nhất thúc đẩy phong trào thi đua, biến thi đua thành động lực hành động. Tuy nhiên, thi đua, khen thưởng chỉ thực sự phát huy vai trò khi đi cùng với nó là kỷ luật. Khen thưởng phải đúng người, đúng việc mới có tác động thực sự đến thi đua. Kỷ luật, đúng người, đúng việc không chỉ là sự cảnh báo, thức tỉnh cho người khác mà nó còn góp phần tạo ra niềm tin cho những người đang tích cực thi đua. Công bằng trong

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.335-336.

xã hội là giá trị nhân loại tiến bộ đang hướng tới và cố gắng hoàn thiện. Nhưng công bằng về quyền, lợi ích trong thi đua góp phần từng bước giải quyết hài hòa các quan hệ về lợi ích trong xã hội. Người thi đua, tập thể thi đua đạt được thành tích tốt, năng suất, chất lượng công việc nâng cao tất yếu phải có được sự khuyến khích hơn những cá nhân, tập thể còn yếu kém. Điều đó góp phần làm hài hòa các mối quan hệ về lợi ích vật chất, tinh thần trên cơ sở đánh giá thực chất hiệu quả của hoạt động, chất lượng của công việc.

Với Chủ tịch Hồ Chí Minh, thi đua luôn phải đi cùng với khen thưởng và kỷ luật. Công tác kiểm tra, giám sát phải được thực hiện nghiêm túc và chặt chẽ. Thực hiện đồng bộ những nội dung này thì thi đua mới trở thành một phong trào thực sự, đúng nghĩa, mới phát huy vai trò động lực thúc đẩy hành động của mỗi người. Và cũng chỉ có như thế phong trào thi đua mới là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chính trị với kinh tế, đạo đức xã hội với đạo đức cá nhân, góp phần hình thành nền văn hóa mới, tạo nền tảng để không ngừng hoàn thiện những phẩm chất tốt đẹp của mỗi cá nhân, thúc đẩy con người hành động vì sự nghiệp cách mạng.

Có thể thấy, trong tư tưởng Chủ tịch Hồ Chí Minh, để bồi đắp, nuôi dưỡng lòng yêu nước, tinh thần dân tộc có nhiều biện pháp. Giáo dục nâng cao hiểu biết về truyền thống lịch sử, lòng tự hào dân tộc; hay động viên, ca ngợi tinh thần yêu nước của mọi tầng lớp nhân

dân trong lao động, sản xuất và chiến đấu;... đều là những biện pháp hiệu quả để bồi dưỡng lòng yêu nước, tinh thần dân tộc. Thi đua yêu nước là phương pháp để phát huy những giá trị được nuôi dưỡng đó, là phương pháp để "làm cho những của quý kín đáo ấy đều được đưa ra trưng bày", góp phần vào bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước. Đồng thời, thi đua yêu nước cũng là một phương pháp hiệu quả trong phát huy động lực lợi ích, là cơ sở để đem đến lợi ích lớn hơn cho dân tộc và cho mỗi người.

b) Phương pháp xây dựng khối đại đoàn kết

Xây dựng lực lượng, đoàn kết các lực lượng thành một khối thống nhất để thực hiện nhiệm vụ cách mạng trong tư tưởng Hồ Chí Minh không phải là vấn đề sách lược mà là vấn đề chiến lược lâu dài. Triết lý đoàn kết Hồ Chí Minh chỉ ra là: "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công", trở thành khẩu hiệu cách mạng. Cùng với các phương pháp đoàn kết, đại đoàn kết cụ thể trong hành động, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khơi dậy được sức mạnh dân tộc để "nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước".

Để phát huy được động lực đại đoàn kết, thực hiện triết lý đại đoàn kết, Chủ tịch Hồ Chí Minh trước hết dùng phương pháp cảm hóa, thu phục nhân tâm ở mọi đối tượng, mọi lứa tuổi, tầng lớp,... bằng tấm gương vì nước, vì dân của mình.

Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngay từ những hành động từ thời niên thiếu đã luôn thể hiện suy nghĩ và hành động hướng đến Nhân dân, xuất phát từ tình cảnh, nhu cầu, nguyện vọng của Nhân dân. Cả cuộc đời Người hướng đến dân, hòa trong dân, lấy mong muốn của Nhân dân làm mong muốn của mình, tạo nên sức mạnh của lực lượng cách mạng từ đoàn kết muôn dân. Người là hình ảnh đầy sức thuyết phục của sự thống nhất từ trong tư tưởng, tình cảm, đến hành động đều mưu vì sự vững bền, đồng tâm, nhất trí, đoàn kết, đồng thuận muôn dân.

Cơ sở sâu xa để Chủ tịch Hồ Chí Minh có thể đoàn kết, đồng thuận lòng dân là Người luôn tin tưởng vào quần chúng nhân dân, lắng nghe tiếng nói của Nhân dân, luôn xác định dân là gốc của sự nghiệp cách mạng, phát huy sức mạnh Nhân dân cũng là vì Nhân dân, vì dân tộc. Và sâu hơn nữa là tấm lòng nhân ái, bao dung, độ lượng vĩ đại đối với quần chúng nhân dân, nhờ đó Người đã cảm hóa, thu phục được nhân tâm, tạo ra được sự lay động trong thẳm sâu tâm trí, trái tim của mỗi con người, để từ đó mỗi người nỗ lực hơn, cố gắng hơn, có mong muốn được đứng trong hàng ngũ cách mạng để chiến đấu, cống hiến, hy sinh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Hồ Chí Minh đã dùng hình ảnh, tấm lòng của vì nước vì dân của mình để cảm hóa, thuyết phục, thu phục những người có chí hướng, có tấm lòng vì dân, vì nước tự nguyện đứng vào, mong muốn được tham gia vào lực

lượng cách mạng. Nêu gương, làm gương với một tấm lòng cả đời vì nước, vì dân, trên cơ sở có sự soi sáng của lý luận cách mạng Mác - Lênin đã tạo nên sức hấp dẫn, sự thu phục, thuyết phục gần như tuyệt đối với quần chúng cũng như tạo nên sự cảm phục của những người ở phía bên kia chiến tuyến. Đó là sự cảm hóa, thu phục người khác bằng nhân cách, đạo đức và tinh thần cách mạng mácxít.

Trong hành động để xây dựng, phát huy sức mạnh khối đoàn kết, lực lượng cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn dùng phương pháp tuyên truyền, vận động, giáo dục và thuyết phục.

Ngay từ những ngày đầu hoạt động cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dùng nhiều hình thức đấu tranh nhằm tố cáo tội ác của chủ nghĩa thực dân, đế quốc để thức tỉnh quần chúng nhân dân lao động, thức tỉnh những thân phận nô lệ ở các thuộc địa đứng lên đấu tranh, tập hợp lực lượng đấu tranh chống lại những kẻ áp bức, bóc lột, giành lại độc lập, tự do cho mình, cho dân tộc mình.

Tuyên truyền và giáo dục là phương pháp để quần chúng bị áp bức, bóc lột ý thức được phương hướng, mục tiêu, cách thức đấu tranh chống kẻ đi xâm lược thuộc địa, bóc lột nhân dân lao động. Tuyên truyền, giáo dục là phương pháp để giác ngộ cho giai cấp công nhân về xứ mệnh lịch sử của giai cấp mình. Tuyên truyền, giáo dục để quần chúng nhân dân hiểu được muốn có lực lượng

cách mạng, đoàn kết Nhân dân phải xây dựng được khối liên minh các giai cấp, tầng lớp, trong đó công nhân và nông dân là hạt nhân của liên minh, của khối đoàn kết.

Như vậy, nội dung tuyên truyền về cơ bản là phải đáp ứng được những nguyện vọng, quyền lợi của quần chúng, nhằm từng bước giải quyết yêu cầu thực tiễn của cách mạng. Tùy theo hoàn cảnh và mục tiêu của từng giai đoạn cách mạng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ ra những nội dung tuyên truyền, giáo dục sát hợp với từng đối tượng, từng giai cấp, tầng lớp nhằm đoàn kết, tập hợp lực lượng thực hiện thành công mục tiêu cách mạng đặt ra. Nhờ đó, chiến lược đại đoàn kết Hồ Chí Minh tạo nên sức mạnh vô địch, có giá trị trường tồn.

Để tuyên truyền, thuyết phục có hiệu quả, Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu mỗi cán bộ phải là tấm gương mẫu mực từ lời nói đến việc làm. Đồng thời, người cán bộ muốn quần chúng tin theo, tự nguyện đứng vào hàng ngũ thì phải nắm chắc mục tiêu, chủ trương, đường lối cách mạng. Người cũng chỉ rõ để vận động, thuyết phục được quần chúng thì phải chú ý đến các hình thức tuyên truyền, vận động phù hợp với đối tượng. Người yêu cầu: Viết phải ngắn gọn, dễ hiểu phù hợp với đối tượng; phải nhớ rõ viết cho ai, viết nhằm mục đích gì; nói phải để ai cũng hiểu được, nhớ được, làm được, cần tránh các từ khó hiểu, nghe thì đao to, búa lớn nhưng sáo rỗng, quần chúng không hiểu.

Nhờ có phương pháp tuyên truyền, vận động, giáo dục và thuyết phục tốt mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm cho lý luận cách mạng thấm dần vào quần chúng nhân dân, đặc biệt là vào giai cấp công nhân, đem đến những chuyển biến trong phong trào, tạo ra những điều kiện thuận lợi, chín muồi cho sự ra đời của Đảng. Đảng ra đời trở thành hạt nhân lãnh đạo của khối đại đoàn kết. Đảng tuyên truyền, vận động, giáo dục và thuyết phục các tầng lớp nhân dân tham gia vào khối đoàn kết, xây dựng lực lượng cách mạng hùng hậu để chiến đấu và chiến thắng kẻ thù xâm lược.

Để xây dựng, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng hết sức quan tâm đến phương pháp tổ chức, xây dựng lực lượng lãnh đạo khối đại đoàn kết, cụ thể là xây dựng, củng cố hệ thống chính trị bao gồm: Đảng, Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng.

Trước hết, hạt nhân lãnh đạo của khối đại đoàn kết theo quan điểm Chủ tịch Hồ Chí Minh là Đảng Cộng sản. Đoàn kết trong Đảng là hạt nhân để mở rộng khối đoàn kết ra toàn dân. Đảng phải đề ra được chương trình, cương lĩnh hành động đúng đắn để có hành động đoàn kết, thống nhất. Trên cơ sở của "Đảng cương" để đoàn kết, thống nhất cả trong tư tưởng và hành động, thống nhất từ trên xuống dưới để khi hành động thì muôn người như một. Đảng phải được tổ chức chặt chẽ,

có kỷ luật nghiêm minh, tự giác với các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt của đảng kiểu mới. Đảng viên là những người "đày tớ thật trung thành của nhân dân" và Đảng "phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình"[1].

Đối với Nhà nước, tổ chức, quản lý, điều hành mọi hoạt động, cụ thể chủ trương, đường lối của Đảng thành chính sách đối với Nhân dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ nếu để dân đói, dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi. Hành động mà Người yêu cầu đối với Đảng và Chính phủ sau khi chiến tranh kết thúc là phải có kế hoạch hành động cụ thể và chi tiết để chăm lo cho từng đối tượng, tầng lớp nhân dân. Những chính sách của Chính phủ phải thể hiện được là Nhà nước là của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, bộ máy hành chính nhà nước không ngừng được xây dựng và hoàn thiện với đội ngũ công chức tận tụy, trung thành phục vụ Nhân dân, là công bộc tận tụy với Nhân dân.

Về Mặt trận và các đoàn thể quần chúng, xây dựng và củng cố hoạt động của các tổ chức này là tăng cường làm cho sợi dây gắn kết giữa Đảng với Nhân dân được bền chặt. Phương pháp hành động là để cho quần chúng tự nguyện tự giác tham gia vào Mặt trận và các đoàn thể. Công tác cụ thể, phương hướng hành động của Mặt trận và các đoàn thể do Đảng lãnh đạo, định hướng,

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.622.

nhằm giúp cho Đảng lắng nghe được tiếng nói của quần chúng, tạo cơ hội cho quần chúng phản biện, góp ý đối với các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, làm cho chủ trương, đường lối, chính sách sát hợp với nguyện vọng của Nhân dân, phát huy được năng lực, tiềm năng trong Nhân dân, phát huy quyền dân chủ của Nhân dân.

Để xây dựng khối đại đoàn kết, xây dựng lực lượng cách mạng thì cần có phương pháp xử lý các mối quan hệ. Đối với lực lượng cách mạng, mọi hành động đều nhằm khai thác, phát huy những điểm thống nhất, tương đồng; hạn chế, tiến tới xóa bỏ những khác biệt về mục tiêu, lợi ích. Đối với lực lượng trung gian thì mọi hành động đều nhằm xóa bỏ thành kiến, mặc cảm, khơi gợi, cổ vũ ý thức dân tộc, lòng yêu nước, chân thành hợp tác và trọng dụng những người có tài, có đức tham gia giúp dân cứu nước. Đối với lực lượng phản cách mạng, cần có hành động kiên quyết trấn áp, tiêu diệt trên cơ sở phân hóa, cô lập; đề cao khai thác sự mâu thuẫn trong nội bộ địch, lôi kéo những người có thể tranh thủ, hòa hoãn có nguyên tắc với những lực lượng và bộ phận có thể hòa hoãn được. Phương châm là "cầu đồng tôn dị" để xây dựng khối đại đoàn kết, dần dần đi đến xóa bỏ những mâu thuẫn, sự khác biệt, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát huy được sức mạnh của khối đại đoàn kết trong cuộc chiến đấu chống lại thực dân, đế quốc, giành độc lập dân tộc.

Tóm lại, để xây dựng khối đoàn kết, mọi hành động phải được thể hiện ở tấm gương của người lãnh đạo, qua đó thu phục nhân tâm của quần chúng, cùng với tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục, động viên để quần chúng thấy được đường lối, chủ trương cách mạng là hợp quy luật phát triển, thuận với mong muốn của quần chúng. Để đoàn kết lâu dài, để phát huy được động lực đoàn kết thì còn cần có các phương pháp, biện pháp cụ thể. Phương pháp phát huy động lực đại đoàn kết dân tộc trong hành động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh là mẫu mực, mang giá trị to lớn trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc và quốc tế trong sự nghiệp cách mạng của Việt Nam.

c) Phương pháp dân chủ

Xác định dân chủ là của quý báu nhất của Nhân dân, khi trở thành nước dân chủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: Bao nhiêu lợi ích đều *vì dân*. Bao nhiêu quyền hạn đều *của dân*. Công việc đổi mới, xây dựng là *trách nhiệm của dân*. Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là *công việc của dân*... Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng *đều ở nơi dân*[1] để cán bộ, đảng viên, Nhân dân biết và hành động. Từ quan điểm trên, việc thực hành dân chủ, phát huy dân chủ được Người xem là chìa khóa vạn năng để tháo gỡ những khó khăn. Rõ ràng có dân chủ mới làm cho cán bộ và quần chúng nhân dân hăng hái đề ra

---

1. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.232.

sáng kiến, có dân chủ, được làm chủ thực sự thì Nhân dân mới tin, mới dám nói, dám làm. Dân chủ tạo nên động lực mạnh mẽ cho những hành động cách mạng. Để phát huy dân chủ, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, cần làm tốt công tác dân vận với những yêu cầu cụ thể, có thể khái quát lại là *dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra.*

Theo Người, để cho *dân biết*, "Trước nhất phải tìm mọi cách *giải thích* cho *mỗi một người dân hiểu rõ ràng*: Việc đó là lợi ích cho họ và nhiệm vụ của họ, họ phải hăng hái làm cho kỳ được"[1]. *Nhân dân phải ý thức được vị trí là chủ của mình* để thực hiện đúng vai trò, trách nhiệm của mình. Người chỉ ra: "ngày nay tất cả những người lao động - lao động chân tay và lao động trí óc - đều phải nhận thật rõ: *Mình là người chủ nước nhà*"[2] và với Người đã là người làm chủ "thì phải *làm trọn nghĩa vụ của người chủ*. Nghĩa vụ đó là: *Cần kiệm xây dựng nước nhà*, xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhằm mục đích không ngừng nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, trước hết là nhân dân lao động"[3]. Khi nhân dân đã "hiểu rõ mình *là người chủ nước nhà* và quyết tâm làm trọn nghĩa vụ người chủ, thì khó khăn gì chúng ta cũng vượt qua được, và chúng ta nhất định sẽ giành được thắng lợi nhiều hơn nữa và to lớn hơn nữa"[4]. Đó chính là mục đích của việc giải thích rõ ràng cho mọi người dân đều hiểu lợi

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.233.
2, 3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr.52, 119.

ích, quyền và trách nhiệm của mình trong công cuộc bảo vệ, xây dựng và phát triển nước nhà.

Khi dân đã được biết và hiểu được mình là "người chủ tập thể, làm chủ hợp tác xã, làm chủ Nhà nước" thì phải lưu ý "bất cứ việc gì đều phải bàn bạc với dân, hỏi ý kiến và kinh nghiệm của dân, cùng với dân đặt kế hoạch cho thiết thực với hoàn cảnh địa phương, rồi động viên và tổ chức toàn dân ra thi hành"[1]. Để *dân bàn*, thì Đảng và Chính phủ phải nhớ mình là công bộc, đày tớ của Nhân dân, cán bộ không được quan liêu, mệnh lệnh và "Mỗi khi ra một chỉ thị, nghị quyết đều phải vì lợi ích chung của quần chúng, tìm hiểu trình độ tiếp thu của quần chúng để biết kết quả thực tế mà uốn nắn sửa chữa. Bất cứ làm gì cũng đều phải chuẩn bị cho tốt, có kế hoạch làm cho thiết thực"[2]. "Những người phụ trách dân vận cần phải óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm. Chứ không phải chỉ *nói suông*, chỉ ngồi *viết mệnh lệnh*. Họ phải thật thà nhúng tay vào việc"[3].

Và để *dân làm* thì "Trong lúc thi hành phải theo dõi, giúp đỡ, đôn đốc, khuyến khích dân"[4]; "Trong mọi công việc, ngay từ khi lập kế hoạch và suốt cả thời gian thực hiện, phải mạnh dạn phát động quần chúng, làm cho mọi người thấm nhuần *tinh thần làm chủ tập thể*. Quần chúng thật sự có quyền dân chủ"[5]. Vì thế, để đảm bảo

---

1, 3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.6, tr.233, 233-234.

2, 5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.15, tr.684, 325.

dân chủ chân chính, dân chủ thực sự, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: "Đưa cách giải quyết một vấn đề nào đó có quan hệ đến vận mệnh của nước nhà, của dân tộc, để hỏi ý kiến chung của *toàn dân*. Nhân dân *hoàn toàn tự do* phát biểu ý kiến. Đó là một phương pháp dân chủ"[1]. Ý nghĩa sâu xa yêu cầu của Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là ở chỗ: "*Dân chủ* là dựa vào lực lượng quần chúng, đi đúng đường lối quần chúng"[2]. Mệnh đề triết lý này hướng hành động của cán bộ, đảng viên đi đúng đường lối quần chúng, biến yêu cầu, ý kiến, kinh nghiệm, nguyện vọng thiết thực của quần chúng thành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Chính phủ và Nhân dân. Nó trở thành động lực mạnh mẽ thúc đẩy quần chúng nhân dân hăng hái tham gia, góp sức vào sự nghiệp cách mạng. Bởi, có "làm cho quần chúng hăng hái tham gia thì mới chắc chắn thành công. Quần chúng tham gia càng đông, thành công càng đầy đủ, mau chóng"[3]. Quần chúng dám nói và được nói, để cho quần chúng nói và nói ý kiến của quần chúng là cách thức để phát huy sức mạnh từ quần chúng cho thực hiện các nhiệm vụ cách mạng. Thực hành dân chủ trong quần chúng nhân dân, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, biến dân chủ thành động lực hành động cách mạng ở Chủ tịch Hồ Chí Minh là như vậy.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.10, tr.173.
2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.7, tr.362.

Và lưu ý cuối cùng trong việc huy động nhân dân, phát huy dân chủ là: "Khi thi hành xong phải cùng với dân kiểm thảo lại công việc, rút kinh nghiệm, phê bình, khen thưởng"[1], lấy đó làm cơ sở tăng thêm kiến thức, sự hiểu biết, kỹ năng thi hành, bài học kinh nghiệm để tiếp tục thực hiện tốt những nhiệm vụ cách mạng khác.

Dân chủ chỉ trở thành động lực thực sự khi nó được thực hiện, thực hành trong thực tế. Trong thực tiễn, xuất phát điểm của mọi chủ trương, chính sách đều bắt nguồn từ sự vận động của cuộc sống, từ đòi hỏi của cuộc sống. Mỗi chủ trương, chính sách có thể được đề xuất do một cá nhân, một vài cá nhân nhưng cần được tập thể thảo luận, bàn bạc, thông qua. Chủ trương, chính sách nhằm cụ thể hóa mục tiêu trong từng giai đoạn cụ thể. Chủ trương xuất phát từ thực tiễn, phải phản ánh đúng tình hình của thực tiễn đất nước, địa phương, phải được sự đồng tình của đại đa số quần chúng. Một chủ trương đúng, một chính sách phù hợp không thể là chủ trương, chính sách xuất phát từ lợi ích một cá nhân hay cho một nhóm các cá nhân.

Tuy nhiên, là người cán bộ lãnh đạo, là người hoạch định đường lối, chính sách của Đảng, Chính phủ thì cùng với dân chủ trong lắng nghe và tiếp thu ý kiến

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.6, tr.233.

đóng góp của Nhân dân còn phải lắng nghe ý kiến đóng góp, bàn bạc trong tập thể, trong tổ chức (những người tiên tiến nhất). Bởi: "dân chúng không nhất luật như nhau. Trong dân chúng, có nhiều tầng lớp khác nhau, trình độ khác nhau, ý kiến khác nhau. Có lớp tiền tiến, có lớp chừng chừng, có lớp lạc hậu"[1]. Nên "*tuyệt đối không nên theo đuôi quần chúng*"[2], "không phải dân chúng nói gì, ta cũng cứ nhắm mắt theo. Người cán bộ cũng phải dùng cách so sánh của dân chúng mà tự mình so sánh"[3]. Vì thế còn cần phải dân chủ trong tập thể, dân chủ trong phong cách làm việc của cán bộ để phát huy trí tuệ, sức mạnh của tập thể, tập thể lãnh đạo và lãnh đạo tập thể. Người cán bộ phải "khéo tập trung ý kiến của quần chúng, hóa nó thành cái đường lối để lãnh đạo quần chúng. Phải đem cách nhân dân so sánh, xem xét, giải quyết các vấn đề, mà hoá nó thành cách chỉ đạo nhân dân"[4].

Ở khía cạnh này, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho thấy thực hành dân chủ trong tập thể, dân chủ trong xây dựng chủ trương, đường lối tạo ra sự thống nhất trong tư tưởng và hành động. Đây là một nguyên tắc hoạt động, nguyên tắc sống còn của mỗi tổ chức, đoàn thể, của Đảng. Có thực hành dân chủ, có thực hiện dân chủ trong tập thể mới tránh được tình trạng "người ý kiến

---

1, 2, 3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.5, tr.336, 338, 337.

này, kẻ ý kiến khác, trống đánh xuôi, kèn thổi ngược, chẳng những hại đến nội bộ mà còn hại đến nhân dân nữa"[1]. Có dân chủ trong tập thể mới đưa đến tư tưởng nhất trí, hành động nhất trí.

Như vậy, thực hành dân chủ *là cái chìa khóa vạn năng* để tháo gỡ những khó khăn bởi nó không chỉ khẳng định quyền dân chủ của Nhân dân mà còn là động lực, là phương pháp hành động nhằm thực thi các quyền dân chủ trong thực tiễn, đi đến hoàn thành các mục tiêu hành động. Thực hành dân chủ, quán triệt phương pháp dân chủ theo triết lý hành động Hồ Chí Minh không chỉ là để tháo gỡ khó khăn mà cơ bản là để không còn nảy sinh những khó khăn do thiếu dân chủ gây nên trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3. Phương pháp quán triệt nguyên tắc hành động

a) Quán triệt nguyên tắc kiên định mục tiêu

"Dĩ bất biến ứng vạn biến" được xem là nguyên tắc chỉ đạo hành động số một của Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, đánh giá ở góc độ là phương pháp hành động thì nó thể hiện sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa tính kiên định về quan điểm, lập trường, mục tiêu hành động với tính linh hoạt, uyển chuyển, mềm dẻo về phương pháp hành động. "Dĩ bất biến ứng vạn biến"

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.14, tr.167.

cho thấy phương pháp hành động luôn nắm chắc cái bất biến, luôn nhìn thấu sự vạn biến trong từng thời khắc để xác định, lựa chọn phương pháp đấu tranh, phương pháp hành động cách mạng cụ thể phù hợp. Chữ "dĩ" và chữ "ứng" tức là lấy cái này để ứng phó, ứng biến với cái kia, dù sự vật hiện tượng có thiên biến vạn hóa, có thay đổi như thế nào đi nữa thì cũng phải xoay quanh cái bản chất bất biến của nó. Lấy cái bản chất để ứng phó với sự biến đổi của hiện tượng trên cơ sở nắm chắc cái bản chất. Bản thân chữ "dĩ" đã nói lên rằng triết lý không phải để triết lý, mà triết lý phải dẫn đến hành động. Phương pháp hành động trở nên mềm dẻo và linh hoạt, mọi hành động, cách thức hành động có thể thay đổi, ứng biến cho phù hợp nhưng vẫn xoay quanh hạt nhân cốt lõi là cái bất biến đã được Nhân dân, quy luật phát triển xã hội lựa chọn và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định.

Trong quan niệm của Hồ Chí Minh và thông qua những hành động thực tiễn của Người, cái vạn biến có thể được hiểu là những tình huống cách mạng đã, đang và sắp xảy ra mà chúng ta phải đối phó, phải xử lý để đạt được mục tiêu đã định. Trong đấu tranh cách mạng, âm mưu của kẻ địch là bất biến, nhưng thủ đoạn của kẻ địch thì vạn biến khôn lường. Chính vì vậy, người làm cách mạng trong hành động của mình cũng phải linh hoạt, mềm dẻo để đối phó, ứng phó với thủ đoạn của địch.

Xét từ bản chất, yếu tố hình thành thì triết lý hành động Hồ Chí Minh là triết lý hành động chủ động, triết lý hành động cách mạng. Vì thế, trong phương pháp hành động, người làm cách mạng cần phải tiến tới nắm quyền vạn biến, chủ động đưa kẻ thù vào hoàn cảnh bị động đối phó. Đó chính là phương pháp hành động để đạt mục tiêu cách mạng. Cái vạn biến là cái có thể thay đổi hay là cái cần phải thay đổi để cho phù hợp với sự vạn biến của đối tượng. Cái vạn biến nên hiểu là mục tiêu trước mắt thay đổi, hoàn cảnh thay đổi thì đi cùng với nó phương pháp hành động cụ thể cũng phải thay đổi. Cốt lõi của phương pháp hành động *ứng, biến* là nhằm thực hiện giải phóng dân tộc, giành độc lập dân tộc, tự do, hạnh phúc của Nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "*Mục đích* bất di bất dịch của ta vẫn là hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ. *Nguyên tắc* của ta thì phải vững chắc, nhưng *sách lược* của ta thì linh hoạt. Các công tác phải phối hợp và liên hệ với nhau, bộ phận phối hợp với toàn cục, v.v.."[1].

Trong quá trình phát triển đi lên của cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: "trong bầu trời, trong xã hội, mọi vật luôn luôn thay đổi và phát triển cho nên xã hội cũ cũng thay đổi thành xã hội mới"[2].

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.8, tr.555.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.6, tr.528.

Người luôn căn dặn: Mỗi khi gặp tình hình mới, công tác mới phải kiên định về lập trường, sáng suốt về tư tưởng, thống nhất về nhận thức. "Thắng lợi mới làm cho *tình hình nước ta đổi mới*... Tình hình mới đặt cho nhân dân, quân đội, cán bộ và Chính phủ ta những *nhiệm vụ mới*"[1]. Vì vậy, trong thực tiễn hành động cách mạng, Người yêu cầu cán bộ, đảng viên "áp dụng chủ trương và chính sách phải thật sát với tình hình thực tế của mỗi nơi. Tuyệt đối chớ rập khuôn, chớ máy móc, chớ nóng vội"[2]. Người chỉ rõ: "Bất kỳ địa phương nào, cơ quan nào, thường trong một lúc có nhiều công việc trọng yếu. Trong một thời gian đó, lại có một việc trọng yếu nhất và vài ba việc trọng yếu vừa. Người lãnh đạo trong địa phương hoặc cơ quan đó phải xét kỹ hoàn cảnh mà sắp đặt công việc cho đúng. Việc chính, việc gấp thì làm trước. Không nên luộm thuộm, không có kế hoạch, gặp việc nào, làm việc ấy, thành thử việc nào cũng là *việc chính*, lộn xộn, không có ngăn nắp. Đối với mỗi địa phương, mỗi cơ quan, người lãnh đạo cấp trên cần phải xét cho rõ tình hình, hoàn cảnh, và điều kiện cả địa phương hoặc cơ quan đó, mà quyết định việc gì là *việc chính* của thời kỳ nào. Khi đã quyết định, thì phải thực hành triệt để, cho đạt kết quả đã định"[3].

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.9, tr.37.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr.461.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.332.

Mục tiêu bất biến của sự nghiệp cách mạng là độc lập của Tổ quốc, tự do và hạnh phúc của Nhân dân, là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Trong tình hình mới, đặc biệt trong những tình huống phát sinh phức tạp của bối cảnh ở trong nước cũng như quốc tế, Hồ Chí Minh luôn hành động mềm dẻo, linh hoạt, hài hòa và khôn khéo để giành lấy những thắng lợi, những cơ hội tốt nhất cho cách mạng Việt Nam. Trong chuyến thăm chính thức nước Pháp từ đầu tháng 6 đến cuối tháng 10/1946 theo lời mời của Chính phủ Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện tinh thần giương cao ngọn cờ độc lập và thiện chí hòa bình của Nhân dân Việt Nam. Nhưng trong bối cảnh Hội nghị Phôngtennơblô thất bại, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ động ký với Pháp bản Tạm ước ngày 14/9/1946 nhằm cứu vãn nền hòa bình đang bị đe dọa bởi cuộc chiến tranh mà các thế lực thực dân phản động Pháp đang ráo riết chuẩn bị. Mặc dù ở thời điểm đó, hành động của Chủ tịch Hồ Chí Minh bị nghi ngờ, bị xuyên tạc cho là bán nước cho thực dân Pháp nhưng thực tế lịch sử đã chứng minh phương pháp của Chủ tịch Hồ Chí Minh là đúng đắn, linh hoạt, luôn kiên trì nguyên tắc, kiên định mục tiêu đặt ra.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thực hiện triết lý về phương pháp hành động dĩ bất biến ứng vạn biến cho phù hợp với việc, với người, với hoàn cảnh để đạt tới mục tiêu đã xác định. Phương pháp biện chứng này không chỉ

được quán triệt trong lời nói mà chủ yếu là quán triệt trong việc làm, trong hành động. Bằng hành động cụ thể, Người thực hành thiết thực phương pháp dĩ bất biến ứng vạn biến để đưa một đất nước nghèo nàn, lạc hậu, bị nô dịch tiến tới độc lập, tự do, hạnh phúc và dân chủ.

b) Phương pháp nêu gương, nói đi đôi với làm

Triết lý định hướng hành động Hồ Chí Minh là *một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền*. Thực hiện triết lý đó trong sự nghiệp cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh trở thành hiện thân của tấm gương sáng ngời về đạo đức, về nói đi đôi với làm, lý luận gắn liền với thực tiễn, về thực hành đoàn kết, dân chủ,... Toát lên từ tấm gương hành động Chủ tịch Hồ Chí Minh là tấm lòng yêu nước, yêu đồng bào, yêu nhân dân lao động, yêu con người; tấm gương của một người kiên trì, bền bỉ, cách mạng triệt để nhưng cũng vô cùng nhân từ, nhân đạo; tấm gương về tự học, không ngừng học, uyên bác song cũng rất khiêm tốn, giản dị; tấm gương kiên định hành động quán triệt nguyên tắc chiến lược, kiên định mục tiêu tối cao của cách mạng nhưng cũng rất linh hoạt, mềm dẻo, hài hòa về sách lược; tấm gương của một người vượt lên thời đại, nhìn xa trông rộng từ chính những phân tích thực tiễn sắc sảo, vận dụng lý luận sáng tạo; tấm gương của một con người hết sức vĩ đại nhưng cũng rất mực bình dị, rất đời; một chiến sĩ cách mạng đi đầu trong

đấu tranh chống áp bức, bóc lột nhưng có đời sống tâm hồn của một thi nhân,... "Cả cuộc đời vĩ đại của HỒ CHỦ TỊCH là tấm gương mãi mãi sáng ngời chí khí cách mạng kiên cường, tinh thần độc lập tự chủ, lòng yêu nhân dân thắm thiết, đạo đức chí công vô tư, tác phong khiêm tốn, giản dị"[1]. Tấm gương hành động Chủ tịch Hồ Chí Minh trên các mặt trở thành mẫu hình cao đẹp nhất của người cách mạng, của con người Việt Nam. Tấm gương đó, hình mẫu đó thiết lập một hệ tiêu chí mới để đánh giá, để hướng tới hoàn thiện con người cả về đạo đức và văn hóa.

Tấm gương hành động Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ đến từ nhận thức một tấm gương sống có giá trị hơn hàng trăm bài diễn văn tuyên tuyền, từ những giá trị về ở đời và làm người mà Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận thức, thể hiện trong hành động, nó còn là kết quả của quá trình Người gương mẫu, thực hiện nêu gương và làm mẫu để cán bộ, đảng viên học theo, làm theo, cống hiến cho sự nghiệp cách mạng.

Người chỉ rõ và yêu cầu đối với cán bộ, đảng viên của Đảng: "Làm gương mẫu thế nào?

Nói chung, thì người đảng viên ở bất kỳ đâu, bất kỳ làm việc gì, bất kỳ địa vị nào và hoàn cảnh nào, cũng phải luôn luôn:

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.629.

- Đặt lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân lên trên hết, trước hết.

- Phải ra sức tham gia công việc kháng chiến.

- Phải gần gũi dân chúng, thương yêu, giúp đỡ dân chúng, tổ chức và lãnh đạo dân chúng.

- Phải giữ vững đạo đức cách mệnh, là chí công vô tư"[1].

"Trong mọi công việc, bất kỳ to nhỏ, chi bộ Đảng, chi đoàn, công đoàn, nông hội phải gương mẫu, phải đi trước, làm trước, phải biến quyết tâm của Đảng và Chính phủ thành quyết tâm của toàn dân để lôi cuốn mọi người cùng tiến lên"[2]. Người chỉ rõ: "Nói miệng, ai cũng nói được. Ta cần phải thực hành. Kháng chiến, kiến quốc, ta phải cần kiệm. Nhưng tự mình phải cần và kiệm trước đã. Trước hết, mình phải làm gương, gắng làm gương trong anh em, và khi đi công tác, gắng làm gương cho dân. Làm gương về cả ba mặt: Tinh thần, vật chất và văn hoá. Không có gì là khó. Khó như cách mạng mà ta đã làm được và đã thành công. Muốn làm được, ta phải: Quyết tâm, tín tâm và đồng tâm. Ta nhớ ba chữ ấy, thực hành làm gương nêu ba chữ ấy lên, tất là các đồng chí phải thành công"[3].

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.7, tr.54.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.11, tr.485-486.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.4, tr.171.

Xem nêu gương và làm gương là một phương pháp hành động, mục tiêu hành động, cả cuộc đời Chủ tịch Hồ Chí Minh từ việc nhỏ đến việc lớn, từ việc cá nhân cho đến việc tập thể, việc quốc gia, từ việc quốc gia cho đến việc quốc tế luôn thể hiện tấm gương thực hành lý luận trong thực tiễn; thực hành dân chủ; dân vận; đoàn kết và đại đoàn kết; đạo đức và đạo đức cách mạng. Người luôn nêu gương, làm gương cho mọi người noi theo. Không một chút ích kỷ, vụ lợi cá nhân, không sống chỉ để cho riêng mình mà là sống quên mình, vì người, vì Nhân dân. Tất cả thể hiện quyết tâm, sự tín tâm và cầu đồng tâm trong hành động.

Người hiểu rất rõ và yêu cầu: Muốn tổ chức thực tiễn giỏi thì cán bộ, đảng viên chẳng những phải là người lãnh đạo quần chúng, có khả năng tuyên truyền, vận động quần chúng rất giỏi bằng lời nói mà còn phải là người lính xung kích gương mẫu, tiên phong trong hành động thực tế. Nếu chỉ nói mà không làm, không nêu gương bằng hành động cụ thể thì không thể nào động viên, tổ chức được quần chúng thực hiện thắng lợi mọi chủ trương, đường lối của Đảng. Muốn quần chúng, đảng viên cấp dưới làm theo thì cán bộ, đảng viên cấp trên phải gương mẫu làm trước, thực hiện trước, đó mới thực sự là phương pháp tuyên truyền có hiệu quả cao. Trong tuyên truyền giáo dục không thể chỉ bằng lời nói khô khan, bằng lý thuyết chung chung, những khẩu hiệu trừu tượng mà phải bằng hành động thực tế, bằng

sự gương mẫu đến mực thước của bản thân người cán bộ, đảng viên mới tạo ra sự tin cậy và sức thuyết phục mạnh mẽ.

Theo Người "Trong mọi công việc, đảng viên đều xung phong gương mẫu, thực hiện khẩu hiệu "Đảng viên đi trước, làng nước đi sau""[1], "*trước hết cán bộ, đảng viên, đoàn viên, phải làm đầu tàu, gương mẫu. Muốn làm gương mẫu thì điều quan trọng nhất là các chú từ tỉnh đến huyện, đến xã phải đoàn kết, đoàn kết thật sự, làm sao tự mình nêu gương và giáo dục cho đảng viên, đoàn viên, cán bộ giữ gìn, phát triển đạo đức cách mạng, làm sao cho nhân dân biết hưởng quyền dân chủ, biết dùng quyền dân chủ của mình, dám nói, dám làm*"[2]. Đây là triết lý hành động mà nếu thực hiện sẽ thành phương pháp hành động hiệu quả trước những khó khăn, do dự mà quần chúng nhân dân chưa hiểu, chưa quyết đoán hành động. Thực hiện phương pháp đó đưa đến quan niệm: đảng viên đi trước, làng nước theo sau; đảng viên là đầu tàu gương mẫu, và xem đó là một lời khen chân thành đối với hành động gương mẫu của đảng viên và cán bộ. Phương pháp hành động, cách thức hành động này vẫn còn nguyên giá trị trong quá trình đổi mới và phát triển đất nước hiện nay.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.14, tr.205.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.15, tr.293.

Chủ trương, đường lối của Đảng cần được triển khai bằng những hành động cụ thể, tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên. Việc cán bộ, đảng viên phổ biến lại chủ trương, chính sách là quan trọng, nhưng quan trọng hơn là cán bộ, đảng viên bằng hành động, việc làm cụ thể để quần chúng nhân dân hiểu rõ, thấy được chủ trương, đường lối của Đảng và làm theo, không còn do dự, băn khoăn. Người yêu cầu cán bộ, đảng viên "về xuôi phải làm gương mẫu trong mọi việc, tuỳ hoàn cảnh của mình mà gần gũi, giúp đỡ nhân dân. Gương mẫu trong lời nói, việc làm, thái độ, sao cho người ta thấy rõ mình là con người kháng chiến"[1].

Chủ tịch Hồ Chí Minh đề nghị xuất bản loại sách *Người tốt, việc tốt* để ghi lại những tấm gương trong Nhân dân, những việc làm, hành động cụ thể trong Nhân dân để ca ngợi, tôn vinh, cũng là để mọi người học theo, làm theo cho dễ. Làm cho ""Người tốt việc tốt" như hoa nở mùa Xuân, nêu gương sáng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng"[2]. Người chỉ rõ: "Lấy gương tốt trong quần chúng nhân dân và cán bộ đảng viên để giáo dục lẫn nhau còn là một phương pháp lấy quần chúng giáo dục quần chúng rất sinh động và có sức thuyết phục rất

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.9, tr.47.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.542.

lớn. Đó cũng là cách thực hành đường lối quần chúng trong công tác giáo dục"[1].

Phương pháp nêu gương người tốt, việc tốt của Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng hết sức phong phú, đa dạng. Để nêu gương, biểu dương người tốt, việc tốt, Người thường xuyên viết thư biểu dương, khen ngợi. Có những khi Người còn dùng lời thơ để động viên như Thơ tặng cháu Nông Thị Trưng, khen ngợi các em người Mán, người Mèo hay viết về Nữ anh hùng Nguyễn Thị Bươi (Mạc Thị Bưởi). Những bức thư, vần thơ được lưu truyền có tác dụng thúc đẩy hành động của chính mỗi người được khen, được động viên, đồng thời tạo sức lan tỏa, thôi thúc, là động lực cho mọi người cùng phấn đấu.

*

* *

Nội dung triết lý hành động Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện mục tiêu, động lực, nguyên tắc và phương pháp hành động Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thực tiễn hoạt động cách mạng. Mỗi nội dung cụ thể chứa đựng giá trị cơ bản, cốt lõi của tư tưởng được đúc kết thành các luận điểm, mệnh đề. Nội dung triết lý hành động thống nhất với tư tưởng Chủ tịch Hồ Chí Minh về sự nghiệp giải phóng, đổi mới và phát triển đất nước, hay nói khác

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.665.

triết lý hành động Hồ Chí Minh là sự biểu đạt cô đọng và sâu sắc nhất cho tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn cách mạng.

Ở góc độ tiếp cận từ lý thuyết hành vi, hành động nội dung triết lý hành động Hồ Chí Minh không chỉ có ý nghĩa quyết định đối với cách mạng Việt Nam trong sự nghiệp giải phóng dân tộc mà nó còn có ý nghĩa quan trọng định hướng hành động trong sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước. Mỗi lĩnh vực hành động hay sự biểu đạt cụ thể của một lát cắt tư tưởng cần phải lấy những nội dung triết lý làm căn cứ định hướng hành động nhằm đạt được sự thống nhất với mục tiêu, động lực, phương pháp hành động đã chỉ ra.

Trong nội dung triết lý hành động Hồ Chí Minh, điểm nổi bật xuyên suốt và thống nhất đó là giải phóng và phát triển đất nước vì nhân dân. Nội dung mục tiêu không chỉ là những vấn đề căn cốt của sự nghiệp cách mạng, mà nó còn là động lực hành động. Động lực đó có được từ mục tiêu xác định đúng vị trí, vai trò của Nhân dân trong sự nghiệp giải phóng và phát triển đất nước. Mục tiêu đó chỉ ra con đường giải phóng và phát triển là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Mục tiêu về con đường cũng trở thành động lực khi nó phản ánh đúng khát vọng của Nhân dân, của dân tộc là độc lập, tự do và phát triển.

Nội dung của phương pháp hành động cũng quán triệt mục tiêu vì Nhân dân, luôn lấy Nhân dân làm trung tâm. Phát huy vai trò của Nhân dân, tự do, hạnh phúc của Nhân dân là trọng tâm để xác định các phương pháp hành động. Nội dung triết lý hành động Hồ Chí Minh thể hiện bản chất khoa học, cách mạng và nhân văn, thể hiện quan điểm đạo đức mới, đạo đức cách mạng, đạo đức hành động Hồ Chí Minh.

Phát huy các giá trị triết lý hành động Hồ Chí Minh không chỉ có ý nghĩa đối với việc hoạch định kế hoạch hành động cho phù hợp với đường lối, chiến lược phát triển đất nước trong giai đoạn hiện nay, mà còn là để tiếp tục xây dựng, hoàn chỉnh đạo đức cách mạng, đạo đức trong hành động của cán bộ, đảng viên, đáp ứng mục tiêu phát triển xã hội, mục tiêu hành động mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định và thực hiện có kết quả.

Chương 3

GIÁ TRỊ DÂN TỘC VÀ THỜI ĐẠI CỦA TRIẾT LÝ HÀNH ĐỘNG HỒ CHÍ MINH

I- GIÁ TRỊ ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA DÂN TỘC

1. Kế thừa và phát triển triết lý hành động của dân tộc

Triết lý hành động của Nhân dân Việt Nam, dân tộc Việt Nam được thể hiện tập trung ở chủ nghĩa yêu nước. Với người Việt Nam, yêu nước là yêu quê hương, nơi mình được sinh ra; yêu non sông, đất nước nơi mình lớn lên; yêu Nhân dân, đồng bào, yêu những người ở quanh mình, những người bao bọc, chở che cho mình. Tình yêu đó không chỉ thể hiện trong thơ, ca, hò, vè ca ngợi quê hương, đất nước, mà còn thể hiện bằng những hành động anh dũng, quyết liệt, bằng máu và cả sự hy sinh tính mạng của những người con đất Việt để bảo vệ Tổ quốc.

Triết lý hành động trong truyền thống văn hóa Việt Nam thể hiện trên nhiều lĩnh vực đời sống xã hội. Tuy nhiên, triết lý này thể hiện rõ nét hơn trong đấu

tranh chống ngoại xâm qua quan điểm của người đứng đầu triều đại, các tướng lĩnh trong phương sách đánh đuổi giặc; quyết tâm bảo vệ đất nước,... trong quan niệm về huy động sức dân, khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước. Triết lý hành động thể hiện trong các lĩnh vực khác của đời sống xã hội cũng khá rõ nét nhưng không mạnh mẽ bằng triết lý hành động thể hiện trong hoàn cảnh phải chống lại kẻ thù xâm lược. Bối cảnh hình thành và phát triển của đất nước nếu không có giặc xâm lược là yên bình, con người được thiên nhiên ưu đãi, thuận lợi cho cuộc sống, họ sống hòa thuận, đoàn kết, hài hòa với tự nhiên.

Chủ nghĩa yêu nước được thể hiện bằng hành động, nói đi đôi với làm là một đặc điểm nổi bật, dễ nhận thấy. Truyền thuyết *Thánh Gióng* kể về một chú bé ba tuổi chưa biết nói đến khi có giặc tràn vào thì tiếng nói đầu tiên cất lên là tiếng nói đòi đi giết giặc, thể hiện đặc điểm lớn nhất chủ nghĩa yêu nước Việt Nam là sẵn sàng hành động, sẵn sàng hy sinh, xả thân vì đất nước, vì dân tộc. Đạo đức, đạo lý truyền thống Việt Nam lấy biểu hiện cụ thể, hành động thể hiện chủ nghĩa yêu nước làm căn cứ, làm điều cốt yếu để đánh giá, nhận định về con người.

Đối với người Việt Nam, người có đạo đức là người yêu nước, và yêu nước thì phải hành động, phải chiến đấu để bảo vệ quê hương đất nước. Chiến đấu dù cho có

thất bại bởi thiếu các yếu tố cần thiết, nhưng chỉ riêng động cơ của việc chiến đấu thôi đã đủ để đánh giá hành vi, hành động, là căn cứ để đánh giá con người. Triết lý hành động "giặc đến nhà đàn bà cũng đánh" hay "không thành công cũng thành nhân" đã góp phần hình thành nên tinh thần chiến đấu chống quân xâm lược ở mỗi con người Việt Nam một phần là do quan niệm sống từ trong truyền thống văn hóa.

Tuy nhiên, khi không được lý luận cách mạng soi sáng, dẫn đường, quan niệm "không thành công cũng thành nhân" trong hành động cho thấy sự bế tắc và hạn chế. Khởi nghĩa Yên Bái năm 1930 thất bại đồng thời là sự cáo chung cho vai trò lãnh đạo các phong trào đấu tranh, các phương pháp đấu tranh, phương pháp hành động cách mạng theo khuynh hướng cũ. Vai trò lãnh đạo xã hội của các giai cấp cũ khép lại. Lịch sử Việt Nam mở ra một trang mới với vai trò, sứ mệnh của giai cấp mới, được dẫn dắt bởi một lý luận cách mạng khoa học và tiến bộ.

Chủ tịch Hồ Chí Minh trên cơ sở kế thừa những giá trị tích cực của triết lý hành động có trong truyền thống dân tộc, đã đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, được tiếp cận với một phương pháp biện chứng duy vật, phương pháp đúng đắn cho hành động, hoạt động cách mạng. Phương pháp này là một hệ thống các nguyên tắc điều chỉnh hoạt động nhận thức, hoạt động tư duy và các bước trong hành động nhằm cải tạo hiện thực. Theo chỉ

dẫn của chủ nghĩa Mác - Lênin, trong hoạt động cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hình thành nên cho mình một triết lý hành động cách mạng, khoa học, nhân văn, phù hợp với truyền thống dân tộc, quy luật phát triển của xã hội.

Triết lý hành động Hồ Chí Minh không chỉ được thấy rõ trong hành động của Chủ tịch Hồ Chí Minh mà còn có thể thấy trong hành động, trong chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng do Người sáng lập và rèn luyện.

Ngay trong triết lý về mục tiêu hành động Hồ Chí Minh, khi so sánh, đánh giá với mục tiêu triết lý hành động truyền thống của dân tộc, đều có một điểm chung độc lập dân tộc là bất biến. Trong quan niệm về độc lập dân tộc, quan niệm cũ cũng coi độc lập là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm, nếu nước bị mất độc lập thì bằng mọi giá đòi lại. Nhưng khi đã đòi lại được tự chủ, quyền dân tộc, giành được độc lập, với hạn chế của thời đại, của nhận thức, giai cấp phong kiến lại tiếp tục xây dựng, phát triển xã hội trên chính cái nền, gốc của nguyên nhân mất độc lập, và rồi việc nước mất độc lập, Nhân dân mất tự do lại tiếp tục xảy ra.

Thời cực thịnh của chế độ phong kiến Việt Nam dưới triều Lý, Trần với những thắng lợi lớn trước quân xâm lược, giành lại độc lập cho đất nước nhưng sau đó các vua triều Trần lui về ở ẩn, tìm lối thoát cho sự bế tắc của số kiếp con người, tìm sự giải thoát, an lạc cho

con người bằng con đường tu hành. Hạn chế của hoàn cảnh lịch sử không cho phép các vua triều Lý, Trần có thể nhìn ra xa hơn, nhìn rộng hơn, khoa học hơn về con đường phát triển đất nước.

Trong mục tiêu hành động của Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc cũng là mục tiêu lớn nhất. Nhưng quan trọng hơn, Người khẳng định: độc lập dân tộc cũng chẳng có nghĩa lý gì nếu tranh được độc lập rồi mà dân vẫn cứ chết đói, chết rét. Mục tiêu triết lý hành động truyền thống không đi tìm căn nguyên, gốc tích của vấn đề làm sao nước mất độc lập, Nhân dân mất tự do còn mục tiêu của triết lý hành động Hồ Chí Minh là hướng tới xóa bỏ căn nguyên, gốc rễ dẫn đến mất độc lập, tự do. Đó là vấn đề phát triển con người, trình độ làm người, trình độ làm chủ xã hội của con người là xây dựng nền hòa bình của dân tộc, đất nước trên cơ sở đấu tranh cho nền hòa bình, dân chủ chung của nhân loại của các dân tộc trên thế giới. Độc lập, tự do, hạnh phúc do con người làm nên và vì chính con người, đó là mục tiêu sâu xa của triết lý hành động Hồ Chí Minh.

Triết lý hành động Hồ Chí Minh thể hiện độc lập dân tộc chỉ là điều kiện, tiền đề cho việc thực hiện các mục tiêu khác như tự do, hạnh phúc, dân chủ của Nhân dân; là điều kiện để giải phóng giai cấp và là điều kiện thực hiện cuộc giải phóng triệt để nhất - giải phóng con người. Triết lý hành động Hồ Chí Minh phát triển trên nền tảng triết lý dân tộc và nâng tầm triết lý dân tộc

chính nhờ có lý luận khoa học cách mạng chủ nghĩa Mác - Lênin dẫn đường. Mục tiêu hành động của Chủ tịch Hồ Chí Minh là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Xây dựng một xã hội mà sống trong xã hội ấy, con người được tự do phát triển và hoàn thiện, có cơm no, áo ấm, có hạnh phúc và dân chủ, là cái đích mà triết lý hành động Hồ Chí Minh hướng đến.

Một mục tiêu xa hơn, cao hơn yêu cầu phải có một phương pháp thực hiện khoa học. Đây là những điều mà triết lý hành động truyền thống không có được. Triết lý hành động truyền thống coi trọng việc nêu gương, coi trọng lời nói đi đôi với việc làm,... nhưng trong thực hiện không có sự nhất quán và không thường xuyên. Còn triết lý hành động Hồ Chí Minh có mục tiêu rõ ràng, mục tiêu trước mắt cũng như mục tiêu lâu dài, mục tiêu phát triển đất nước phù hợp yêu cầu hiện tại, nhưng không đi ngược quy luật phát triển của xã hội tương lai. Mục tiêu đó được thực hiện xuyên suốt, nhất quán trong mọi hành động, lời nói, việc làm của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Có thể thông qua bất kỳ một hành động, việc làm, lời nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta cũng thấy được điều đó.

Triết lý hành động Hồ Chí Minh có phương pháp hành động khoa học và hiệu quả, phương pháp đó không chỉ được Chủ tịch Hồ Chí Minh - người đứng đầu thực hiện mà còn cả các tổ chức, mọi chủ thể hành động quán triệt. Có một hệ động lực được phát hiện, phát huy

và phát triển, khuyến khích động viên hành động ngày càng nhiều, ngày càng tích cực. Đây là những điều mà trong triết lý hành động truyền thống của cha ông chưa có được.

Đó là cách Chủ tịch Hồ Chí Minh phát triển các giá trị trong triết lý hành động truyền thống của dân tộc, hình thành nên triết lý hành động Hồ Chí Minh, có tất cả nhưng đậm nét riêng Hồ Chí Minh.

2. Nền tảng, cơ sở lý luận xây dựng triết lý hành động của Đảng

Mỗi chủ thể lãnh đạo, quản lý luôn phải ý thức rất rõ mục tiêu, nguyên tắc chi phối hành động cũng như động lực và phương pháp được sử dụng để đạt tới kết quả mà mục tiêu đã định. Đồng thời cũng phải xác định nội dung nào phải kiên định, nội dung nào có thể thay đổi cho phù hợp với yêu cầu của những tình huống, bối cảnh mới phát sinh. Thay đổi cái gì và như thế nào phải có cơ sở khoa học, có lý luận dẫn đường, soi sáng, thể hiện sự nhất quán, xuyên suốt vì mục tiêu phát triển tốt đẹp.

Mỗi dân tộc, quốc gia trong hành động luôn thể hiện có triết lý phát triển và có triết lý hành động của riêng mình. Mỗi hành động nhằm mục tiêu nhất định, có thể trước mắt hay lâu dài với những phương pháp hành động được lựa chọn phù hợp. Tùy từng điều kiện, hoàn

cảnh, trình độ phát triển mà mỗi nước, mỗi dân tộc hoặc có thể là nhóm các nước, các dân tộc có một triết lý hành động cho phù hợp.

Ở Việt Nam, với những thắng lợi, thành tựu đạt được trong việc tuân theo triết lý hành động Hồ Chí Minh khẳng định tính khoa học, sự đúng đắn của triết lý. Có nghĩa mục tiêu, con đường và phương pháp biến đổi xã hội mà Chủ tịch Hồ Chí Minh lựa chọn đang tiếp tục được vận dụng, kế thừa và phát triển. Triết lý hành động Hồ Chí Minh tiếp tục định hướng hành động của Đảng và Nhân dân Việt Nam trong thời đại mới. Thực hành triết lý hành động Hồ Chí Minh một cách tích cực, hiệu quả là con đường để hiện thực hóa những nội dung phát triển xã hội mà Chủ tịch Hồ Chí Minh lựa chọn.

Xét đến cùng mọi hành động, quan điểm tư tưởng, phương pháp, mọi triết lý của Chủ tịch Hồ Chí Minh đều hướng tới độc lập, tự do, hạnh phúc, dân chủ và giàu mạnh cho dân tộc, cho nhân dân, trước hết là cho dân tộc Việt Nam, và rộng hơn là của các dân tộc trên thế giới. Không chỉ dưới thời đại Hồ Chí Minh, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Chủ tịch Hồ Chí Minh mới thực hiện những mục tiêu ấy. Chủ tịch Hồ Chí Minh đúc kết từ lịch sử dân tộc ngàn năm trước, rút ra từ trong phong trào cách mạng thế giới hàng trăm năm để làm cơ sở xác định rõ mục tiêu hành động cho mình. Mục tiêu đó đúng với quy luật phát triển, hợp với thời đại,

đáp ứng nguyện vọng của Nhân dân, đưa đến độc lập và khả năng phát triển cho đất nước. Dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh, triết lý hành động Hồ Chí Minh, bất kể lực lượng nào lãnh đạo cách mạng, muốn cho sự nghiệp của mình còn tồn tại lâu dài thì cũng phải hành động vì mục tiêu như Hồ Chí Minh chỉ ra và cả đời thực hiện.

Mục tiêu triết lý hành động Hồ Chí Minh vì thế không chỉ còn là việc vận dụng, lựa chọn hay không lựa chọn cho sự phát triển của dân tộc mà là một tất yếu, một giá trị lý luận cần được quán triệt thực hiện, cụ thể hóa trong hành động.

Trong thời đại hội nhập toàn cầu đã đặt ra những yêu cầu và thách thức mới cho quá trình phát triển của mỗi quốc gia, mỗi dân tộc, đòi hỏi mục tiêu nhưng cũng cần có một phương pháp hành động phù hợp mới mong đạt được kết quả mong muốn. Hội nhập với thế giới là cơ hội để xóa bỏ khoảng cách, xóa bỏ sự chênh lệch về trình độ, về thu nhập nhưng cũng là thách thức sống còn cho sự phát triển của dân tộc. Nếu không phát huy được nội lực, động lực hành động, động lực phát triển của mình, dân tộc đó tất yếu bị cuốn theo một triết lý phát triển không mong muốn, đánh mất những mục tiêu, giá trị truyền thống tốt đẹp.

Trước yêu cầu phát triển của xã hội, triết lý về phương pháp hành động Hồ Chí Minh không chỉ thể hiện

giá trị trong cách mạng giải phóng mà thể hiện nhiều hơn trong đổi mới, phát triển. Việc nói đi đôi với làm không chỉ còn thể hiện là một cách thức, một phương pháp hành động có hiệu quả, trách nhiệm của cán bộ cấp trên với cấp dưới, của cán bộ, đảng viên với Nhân dân, của những người yêu nước và cách mạng, mà còn là việc tôn trọng và thực hiện các cam kết trong xây dựng mối quan hệ hợp tác, phát triển lâu dài với các quốc gia, dân tộc khác. Trong xu thế hợp tác và cạnh tranh, việc bảo đảm thực hiện các tuyên bố, các cam kết, với hành động cụ thể là căn cứ quan trọng nhất để hợp tác giữa các nước, các khu vực. Các tuyên bố, các chính sách có thống nhất với hành động trong quá trình hợp tác mới là cơ sở để sự hợp tác tồn tại và phát triển lâu dài.

Triết lý về sự thống nhất, đồng thuận trong hành động, là cơ sở lý luận để xem xét đánh giá kết quả của việc áp dụng các chủ trương, chính sách của từng địa phương, cũng như đánh giá khả năng, thái độ của các đối tác trong hợp tác và phát triển. Chủ trương, chính sách của một doanh nghiệp, một địa phương,... chỉ đúng khi được thực hiện, được biến thành hành động, thống nhất với lợi ích quốc gia, dân tộc. Đồng thời thể hiện giá trị khi đem lại những lợi ích thực tế cho sự phát triển kinh tế, xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, góp phần ổn định xã hội và phát triển của quốc gia, dân tộc.

Tương tự như vậy, không thể dựa vào cái bắt tay của tình hữu hảo, của những ngôn từ hoa mỹ được lựa chọn kỹ lưỡng khi xúc tiến thiết lập quan hệ hợp tác, mà phải căn cứ vào hành động thực tế, lợi ích thiết thực trong quá trình triển khai các chương trình hợp tác. Đánh giá hiệu quả của chương trình hợp tác trên cơ sở thực tế thúc đẩy kinh tế, phát triển xã hội là căn cứ để thiết lập, xây dựng chiến lược hợp tác lâu dài, bền vững. Chỉ có sự thống nhất trong tư tưởng, trong hành động mới là minh chứng, là căn cứ để hợp tác và phát triển.

Phải trên cơ sở, nền tảng lý luận vững chắc, đúng đắn, khoa học mới giúp cho hành động trở nên phù hợp, có hiệu quả. Để phát triển đất nước, phát triển địa phương, mỗi cán bộ, đảng viên cần được trang bị nền tảng lý luận vững chắc. Phải nắm chắc và thực hiện theo đúng chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Phải đi sâu nghiên cứu, tìm hiểu vận dụng phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, quán triệt triết lý hành động Hồ Chí Minh vào điều kiện, hoàn cảnh mới của đất nước. Nắm chắc phương pháp dĩ bất biến ứng vạn biến để đề ra những chủ trương, chính sách mới thúc đẩy sự phát triển đất nước, ấm no, hạnh phúc của nhân dân.

Mọi hành động, hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam đạt được kết quả, mục tiêu như mong muốn bởi chính Người nắm vững

quan điểm, phương pháp luận chủ nghĩa Mác - Lênin. Hơn thế, để có hành động đúng, bên cạnh việc được trang bị và tự trang bị cho mình một cơ sở lý luận vững chắc còn cần phải có lòng thương yêu, kính trọng và niềm tin ở Nhân dân. Mọi hoạt động, hành động phải đặt quyền lợi của Nhân dân, của dân tộc lên trên hết, trước hết. Có cơ sở lý luận đúng đắn dẫn đường, có lòng tin yêu Nhân dân, có tấm lòng vì dân, vì nước chắc chắn mỗi hành động của từng cán bộ, đảng viên sẽ đem đến những hiệu quả thiết thực, tích cực tạo ra lòng tin ở Nhân dân và sự phát triển cho đất nước.

Triết lý hành động Hồ Chí Minh chỉ ra, mục tiêu hành động trước mắt có thể thay đổi cho phù hợp với yêu cầu của hoàn cảnh thực tế, nhưng mục tiêu cốt lõi, mục tiêu lâu dài là bất biến. Phương pháp hành động trong triết lý hành động Hồ Chí Minh là chuẩn mực để đánh giá hành vi, việc làm của mỗi chủ thể hành động. Phương pháp hành động Hồ Chí Minh là vạn biến, linh hoạt, trong hành động, có khi Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ sử dụng một phương pháp để đạt mục đích, nhưng đa phần là sự phối hợp nhuần nhuyễn các phương pháp. Thậm chí sử dụng cả các phương pháp tưởng như là trái ngược nhau, mâu thuẫn với nhau nhưng bản chất là kiên định mục tiêu, khéo chèo lái con thuyền cách mạng cập bến bờ thắng lợi.

Trong bối cảnh mới của xã hội, triết lý hành động Hồ Chí Minh thể hiện rõ tinh thần vận dụng chủ nghĩa

Mác - Lênin vào Việt Nam; thể hiện rõ sự đồng tâm nhất trí, trong thực hiện nhiệm vụ, triển khai các chủ trương, chính sách. Đồng thời, cũng cần có sự sáng tạo, linh hoạt về những phương pháp hành động cụ thể để hướng dẫn, tập huấn cho người thực hiện, làm việc trực tiếp ở từng địa phương, ngành, nghề,... cho phù hợp, nhằm đạt được mục tiêu chung.

Triết lý hành động Hồ Chí Minh là lý luận khoa học về hành động cách mạng, chỉ ra cho người cách mạng mục tiêu, phương hướng để phấn đấu, cung cấp các nguyên tắc, phương pháp để hành động có hiệu quả. Ở bình diện lớn nhất mà triết lý hành động Hồ Chí Minh đã thực hiện được là độc lập của Tổ quốc, tự do, hạnh phúc của Nhân dân. Đó là tiếp cận triết lý ở phương diện chính trị. Nhưng nếu chỉ đánh giá, vận dụng triết lý hành động Hồ Chí Minh ở phương diện này, thì dường như đang làm nghèo đi những giá trị vốn có, những giá trị co thể gia tăng của triết lý hành động Hồ Chí Minh.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan niệm làm phải từ việc nhỏ tiến dần đến việc lớn, làm từ việc dễ tiến dần đến việc khó, một việc lớn bắt đầu từ nhiều việc nhỏ. Vận dụng triết lý hành động Hồ Chí Minh, bất kể chủ thể hành động ở cấp độ nào, quy mô nào khi hành động đều cần phải xác định mục tiêu rõ ràng, kiên trì thực hiện với quyết tâm cao, đồng thời có nguyên tắc cũng như phương pháp thực hiện. Triết lý hành động của từng cá nhân,

cho đến từng địa phương, ngành nghề, mỗi quốc gia cần được hiểu, được quán triệt và truyền đạt từ thế hệ này sang thế hệ khác. Tuân thủ một triết lý hành động đúng đắn, kiên trì, bền bỉ, với quyết tâm cao độ, vừa thể hiện được bản thân, vừa là cách để truyền đạt các thông điệp tốt đẹp đến thế hệ sau, đó là cách thức để xây dựng thương hiệu, phát triển bền vững.

Triết lý hành động Hồ Chí Minh vì thế trở thành cơ sở lý luận chủ đạo định hướng hành động của Đảng và Nhân dân ta trong tiến trình cách mạng. Nội dung của triết lý là hết sức sâu sắc và giá trị của nó đã được khẳng định trong thực tiễn phong trào cách mạng, nhưng giá trị của triết lý hành động Hồ Chí Minh còn sâu sắc hơn chính ở chỗ nó luôn luôn được bổ sung, hoàn chỉnh bằng thực tiễn phong trào cách mạng. Triết lý hành động Hồ Chí Minh không ngừng mở rộng phạm vi ảnh hưởng và được quán triệt mạnh mẽ hơn trong chính quá trình thực hiện.

3. Xây dựng phẩm chất, chuẩn mực sống, chiến đấu, lao động, học tập cho cán bộ, đảng viên

Không chỉ dừng lại là chuẩn mực cho mình, vì mình, thông qua quá trình tự nhận thức, tự lĩnh hội để hành động cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn chú trọng xây dựng, đào tạo, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng. Phải thông qua quá trình đấu tranh cách mạng, thực hành triết lý hành động Hồ Chí Minh,

bắt đầu từ Chủ tịch Hồ Chí Minh cho đến cán bộ, đảng viên do Người đào tạo, rèn luyện mà các nội dung của triết lý ngày càng được quán triệt rộng rãi. Việc quán triệt thực hiện các mục tiêu, động lực, nguyên tắc cũng như phương pháp triết lý hành động Hồ Chí Minh chỉ ra trở thành một trong những tiêu chí bước đầu để đánh giá thái độ, đạo đức và sau đó là năng lực, hiệu quả hành động của cán bộ, đảng viên.

Thực tế cách mạng cho thấy, bất cứ nơi nào, khi nào cán bộ, đảng viên xa rời các mục tiêu, nguyên tắc, phương pháp hành động mà triết lý chỉ ra thì phong trào cách mạng ở nơi đó yếu kém, thậm chí gặp thất bại. Nơi nào mục tiêu, nguyên tắc, phương pháp hành động được quán triệt tốt, động lực hành động được phát huy thì nơi đó kết quả phong trào cách mạng tiến bộ, đạt được nhiều thắng lợi. Mục tiêu, động lực, nguyên tắc, phương pháp trong triết lý hành động Hồ Chí Minh trở thành cơ sở lý luận chỉ đạo hành động cho cán bộ, đảng viên và tiếp tục được bổ sung, phát triển trong chính hành động cách mạng của cán bộ, đảng viên.

Triết lý về mục tiêu hành động Hồ Chí Minh thông qua thực tiễn trở thành mục tiêu hành động của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Triết lý về mục tiêu độc lập của Tổ quốc, tự do, hạnh phúc của Nhân dân trở thành động lực phấn đấu và hành động cho mỗi người trong đấu tranh cách mạng. Hành động vì những mục tiêu đó trở

thành tiêu chí đánh giá về phẩm chất, đạo đức của cán bộ, đảng viên trong đấu tranh bảo vệ và xây dựng Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Chuẩn mực hành động theo triết lý hành động Hồ Chí Minh là một chuẩn mực về đạo đức cách mạng, đạo đức Hồ Chí Minh. Hành động tận tâm và tận lực, cả cuộc đời chỉ vì dân, vì nước một cách khoa học và cách mạng là chuẩn mực cao nhất của hành động.

Bằng hành động cụ thể quyền tự do, dân chủ của Nhân dân được bảo đảm và phát huy. Bằng hành động cụ thể, bằng tấm gương thực hiện đời sống mới của cán bộ, đảng viên, bằng sự hướng dẫn tận tâm và tận lực của cán bộ, đảng viên, phong trào xây dựng đời sống mới được mở rộng và phát triển, nhân dân được hưởng những giá trị của độc lập và tự do đem lại.

4. Truyền cảm hứng cho dân tộc giành những thắng lợi vĩ đại

Từ truyền thống triết lý dân tộc, truyền thống triết lý phương Đông, kết hợp với triết lý phương Tây, đặc biệt là triết lý hành động được rút ra từ chủ nghĩa Mác - Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh hình thành nên triết lý hành động khoa học và sâu sắc.

Thực hành triết lý hành động trong quá trình truyền bá lý luận cách mạng cũng như lãnh đạo cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với Nhân dân Việt Nam

từng bước làm thay đổi diện mạo, địa vị chính trị, kinh tế của đất nước.

Trong lĩnh vực chính trị, Chủ tịch Hồ Chí Minh có nhiều hành động nhằm truyền bá lý luận cách mạng, con đường giải phóng dân tộc theo chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam. Những hành động của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc mở các lớp huấn luyện chính trị ở Quảng Châu - Trung Quốc cho những thanh niên yêu nước Việt Nam mang tính quyết định cho việc chuyển từ lập trường của các giai cấp, tầng lớp khác sang lập trường giai cấp công nhân, đồng thời truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin sâu rộng vào giai cấp công nhân Việt Nam, thúc đẩy giai cấp công nhân Việt Nam ý thức về sứ mệnh lịch sử của mình trong đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng nhân dân lao động, giải phóng chính giai cấp mình.

Những hành động truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin của Chủ tich Hồ Chí Minh thúc đẩy sự ra đời của các tổ chức cộng sản ở Việt Nam, sau đó Người đã trực tiếp thống nhất các tổ chức cộng sản này để thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam là dấu mốc thắng lợi của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong hành động cách mạng. Ngay sau ngày 03/02/1930, dưới sự lãnh đạo của Đảng, cùng sự dẫn dắt của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cách mạng Việt Nam có được những thắng lợi quan trọng, quyết định cho sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, tự do.

Triết lý hành động Hồ Chí Minh, với mục tiêu được xác định rõ ràng, cụ thể, được ứng biến với các phương pháp linh hoạt góp phần quan trọng trong việc đưa ra những quyết định hành động của Đảng, của Nhân dân ta. Cao trào cách mạng 1930 - 1931, nếu không có sự lãnh đạo, hành động nhanh chóng, khẩn trương của Đảng những thắng lợi bước đầu rất khó được bảo toàn. Phong trào dân tộc, dân chủ những năm 1936 - 1939, nếu không xác định rõ thời điểm thực hiện các mục tiêu, đưa ra mục tiêu để hành động thì không thể có được sự tập dượt các hình thức đấu tranh cách mạng cho Nhân dân, tập dượt khả năng lãnh đạo trực tiếp của Đảng. Đặc biệt giai đoạn những năm 1939 - 1945, với sự ra đời của Mặt trận Việt Minh, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, Cứu quốc quân, Ủy ban Khu giải phóng, thực hành 10 chính sách của Việt Minh trong Khu giải phóng,... thể hiện rõ giá trị, ý nghĩa đối với dân tộc của triết lý hành động Hồ Chí Minh.

Sau thành công của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, triết lý hành động Hồ Chí Minh được thể hiện mạnh mẽ và sâu sắc trong thực tiễn. Thông qua những hành động nhằm cứu vãn tình thế hiểm nghèo của dân tộc, triết lý Hồ Chí Minh không chỉ còn là một khoa học lý luận về hành động cách mạng mà còn đạt tới đỉnh cao của nghệ thuật hành động cách mạng. Bằng những hành động, sự chỉ đạo hành động mạnh mẽ, quyết liệt

mà những khó khăn của nhà nước cộng hòa non trẻ trong buổi đầu giành được chính quyền nhanh chóng được khắc phục. Từ việc thực hiện quyết liệt, sáng tạo và triệt để các biện pháp cứu đói, cùng hành động của bản thân Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng như yêu cầu hành động của cả dân tộc, Nhân dân ta đã vượt qua được nạn đói, đồng thời chuẩn bị cho một cuộc chiến đấu mới trường kỳ và gian khổ.

Chỉ với phương pháp hành động khoa học, dựa trên cơ sở đánh giá đúng bản chất từng kẻ thù và không xa rời mục tiêu, Chủ tịch Hồ Chí Minh mới có thể chèo lái con thuyền cách mạng vượt qua những khó khăn, thách thức. Những hành động kịp thời, những tính toán hợp lý, với sự linh hoạt của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nhân dân cùng một lúc chống đỡ với 20 vạn quân Tưởng, sự quay trở lại của thực dân Pháp, sự ngóc đầu hoạt động của phát xít Nhật và sự nổi dậy của các tổ chức phản cách mạng trong nước. Chỉ có nắm vững mục tiêu, Chủ tịch Hồ Chí Minh mới có thể áp dụng phương pháp hành động như hòa với quân Tưởng để ổn định tình hình, đối phó với quân Pháp; hòa với quân Pháp để đuổi quân Tưởng. Hành động đó thể hiện: "Là một nhà chính trị có tầm cỡ, Người có khả năng phân biệt được cái gì có tính chất sống còn bắt buộc phải chiến đấu và cái gì có thể đàm phán, dù là đau đớn; điều đó đã tạo thành năng lực đứng vững

trên đường lối chiến lược, đồng thời chuyển động giữa những cản trở cực kỳ to lớn"[1]. Có thể thấy, bên cạnh sự lớn mạnh của lực lượng, sự chuẩn bị cho cuộc kháng chiến trường kỳ là sự thắng lợi của triết lý hành động Hồ Chí Minh trên thực tế.

Những thành tựu mà đất nước ta, Nhân dân ta giành được dưới sự lãnh đạo của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định giá trị triết lý hành động Hồ Chí Minh. Trong thời đại mới, trong điều kiện cách mạng mới, cần tiếp tục quán triệt, vận dụng tốt hơn triết lý hành động Hồ Chí Minh nhằm tiếp tục truyền cảm hứng hành động cho lớp lớp cán bộ, đảng viên, cho cả dân tộc. Trên cơ sở triết lý hành động Hồ Chí Minh, mỗi chủ thể hành động xác lập cho mình một triết lý hành động phù hợp. Đó là điều kiện tiên quyết để tiếp tục gặt hái những thành tựu trong phát triển, giải phóng con người theo mong muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Tóm lại, đối với dân tộc, giá trị triết lý hành động Hồ Chí Minh không chỉ là lý luận hành động khoa học để giải phóng dân tộc, đem lại tự do, hạnh phúc cho Nhân dân mà còn định hướng hành động cho mọi chủ thể trong quá trình đổi mới và phát triển đất nước.

---

1. Chương trình KX.02 "Tư tưởng Hồ Chí Minh", Đề tài KX.02.09 (1993): *Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay (Qua sách báo nước ngoài)*, *Tlđd*, tr.56.

Triết lý hành động Hồ Chí Minh còn là cơ sở lý luận, khoa học cách mạng để đội ngũ cán bộ, đảng viên thực hành trong quá trình lao động, chiến đấu, học tập và rèn luyện. Thực hành triết lý hành động Hồ Chí Minh trong thực tiễn chính là góp phần lan tỏa, mở rộng và phát triển giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh trong quá trình bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, giữ vững độc lập dân tộc, đổi mới và phát triển đất nước.

II- GIÁ TRỊ THỜI ĐẠI CỦA TRIẾT LÝ HÀNH ĐỘNG HỒ CHÍ MINH

1. Phát triển sáng tạo triết lý hành động của chủ nghĩa Mác - Lênin

Triết lý hành động Hồ Chí Minh là một sản phẩm đặc biệt của quá trình lịch sử, là lý luận khoa học về hành động cách mạng. Triết lý hành động Hồ Chí Minh được hình thành sớm và được thực hiện thống nhất, xuyên suốt trong sự nghiệp cách mạng. Tuy nhiên triết lý hành động Hồ Chí Minh chỉ được hoàn thiện đầy đủ với các lớp ý nghĩa sâu sắc của nó qua quá trình Chủ tịch Hồ Chí Minh bôn ba học tập, đấu tranh, đặc biệt trong quá trình Người lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh được tiếp nhận phương pháp duy vật biện chứng, được

tiếp nhận nguyên tắc lý luận gắn liền với thực tiễn, lĩnh hội cái tinh túy nhất là tinh thần duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin. Trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin cùng với những hiểu biết về lịch sử và phong trào cách mạng, vốn tri thức của nhân loại tích lũy được, Hồ Chí Minh lựa chọn những giá trị tinh túy nhất để hoàn thiện triết lý hành động của mình. Quá trình lãnh đạo phong trào cách mạng là quá trình Chủ tịch Hồ Chí Minh thực hành các chỉ dẫn lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin ở Việt Nam; kiểm nghiệm, minh chứng và hoàn thiện cho triết lý hành động Hồ Chí Minh. Những nội dung cơ bản trong triết lý hành động Hồ Chí Minh trên nền tảng tinh thần, phương pháp biện chứng mácxít, Chủ tịch Hồ Chí Minh chọn lọc các giá trị từ triết lý truyền thống Việt Nam, triết lý phương Đông, phương Tây để hình thành nên triết lý hành động của mình, phù hợp với thực tiễn, với quy luật phát triển của xã hội.

Không chỉ dừng lại ở việc nâng tầm triết lý hành động dân tộc lên tầm cao mới với những mục tiêu, phương pháp hành động khoa học mà trên cơ sở kế thừa nền tảng triết lý truyền thống dân tộc, triết lý truyền thống phương Đông, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn làm cho triết lý hành động Mác - Lênin được bổ sung và tiếp tục hoàn thiện cũng là giải quyết vấn đề dân tộc và giai cấp, nhưng phương pháp của Chủ tịch Hồ Chí Minh mềm dẻo, phù hợp với thực tiễn phong trào cách mạng.

Bằng phương pháp đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh loại trừ bớt các mâu thuẫn trong vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp, đồng thời củng cố, giữ vững sự đoàn kết để xây dựng và phát triển đất nước. Cũng là vấn đề thế, thời, lực trong đấu tranh cách mạng nhưng phương pháp thực hiện của Chủ tịch Hồ Chí Minh dường như không chỉ chú trọng tạo lực mà còn sử dụng thế và thời như một yếu tố quyết định cho thắng lợi cuối cùng. Người không chỉ dự báo về thế và thời mà còn bằng mọi cách để lập thế, chờ thời rồi huy động toàn lực, cùng với toàn dân giành lấy chính quyền. Vì thế, "Chúng ta có thể khẳng định rằng, cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh và lý luận của Người về chiến tranh nhân dân đã góp phần làm phong phú học thuyết Mác - Lênin về phương pháp mà các dân tộc phải làm theo khi tiến hành một cuộc cách mạng dân chủ... Đó là cống hiến to lớn của Người vào cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc bị áp bức trên thế giới"[1].

Tóm lại, chủ nghĩa Mác - Lênin là nguồn gốc lý luận quan trọng, quyết định hình thành triết lý hành động Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, ở Chủ tịch Hồ Chí Minh không phải là sự vận dụng giáo điều, theo những quan điểm cứng nhắc mà là sự vận dụng sáng tạo, đặc biệt

---

1. Chương trình KX.02 "Tư tưởng Hồ Chí Minh", Đề tài KX.02.09: *Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay (Qua sách báo nước ngoài)*, *Tlđd*, tr.76-77.

sáng tạo khi nắm tinh thần và phương pháp. Nắm lấy giá trị cốt lõi Mác - Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh có được phương pháp đánh giá và lựa chọn các giá trị, cũng như bổ sung quan điểm để hình thành nên triết lý hành động. Thực hành triết lý hành động Hồ Chí Minh không chỉ là quá trình khảo nghiệm mà còn là quá trình khẳng định những giá trị khoa học và cách mạng của lý luận Mác - Lênin trong điều kiện thực tiễn Việt Nam, đồng thời phát triển, bổ sung những điểm khuyết thiếu về cách mạng ở các nước thuộc địa phương Đông mà ở thời Mác, Lênin chưa có điều kiện để làm rõ.

2. Khởi xướng và giương cao ngọn cờ giải phóng các dân tộc thuộc địa

Bối cảnh thế giới những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, vấn đề hòa bình, độc lập dân tộc là nhu cầu, khát vọng của nhiều quốc gia, dân tộc trước sự bành trướng của thế lực thực dân, đế quốc. Cuộc đấu tranh của Nhân dân Việt Nam không nằm ngoài cuộc đấu tranh của nhân dân tiến bộ thế giới. Cách mạng Việt Nam tham gia vào phong trào cách mạng thế giới, góp phần làm cho dòng thác cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa dâng cao.

Những thắng lợi của Nhân dân Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng do Chủ tịch

Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh của nhân dân bị áp bức, bóc lột, các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc trên khắp thế giới. Bằng những hành động cụ thể và thiết thực thông qua quá trình lãnh đạo, chỉ đạo cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, thắng lợi của cách mạng Việt Nam đã chặt đứt mắt xích quan trọng trong hệ thống áp bức, xâm lược của thực dân, đế quốc. Những thắng lợi của cách mạng Việt Nam không chỉ cổ vũ phong trào đấu tranh của nhân dân Đông Dương giành thắng lợi, mà nó còn tạo ra hiệu ứng mạnh mẽ cho phong trào đấu tranh giải phóng các dân tộc thuộc địa ở Á, Phi, Mỹ La Tinh. Nhiều học giả, nhà nghiên cứu nước ngoài đã nhận xét: Hồ Chí Minh "tượng trưng cho tinh thần của cuộc kháng chiến do những người cộng sản đã tiến hành để chống lại chủ nghĩa thực dân cũng như chủ nghĩa phát xít và quốc xã"[1] và "Chính Người, Bác Hồ, đã đóng hàng triệu mũi đinh lên chiếc quan tài của chủ nghĩa đế quốc Mỹ ở trên đất nước Việt Nam"[2]. Chủ tịch Hồ Chí Minh "đã làm thay đổi thế giới và đặc biệt đã làm thay đổi chính đất nước và dân tộc của Người"[3].

1, 2, 3. Chương trình KX.02 "Tư tưởng Hồ Chí Minh", Đề tài KX.02.09: *Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay (Qua sách báo nước ngoài), Tlđd,* tr.34, 30-31, 19.

Phương thức hành động, phương pháp đấu tranh cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh góp phần soi sáng phong trào đấu tranh vì hòa bình, độc lập của nhân dân bị áp bức trên khắp thế giới. Mục tiêu triết lý hành động Hồ Chí Minh thể hiện những quan điểm, tư tưởng cốt lõi về độc lập dân tộc, quyền của mỗi dân tộc, cũng như cách thức để có được nền độc lập thực sự, vững bền, để đất nước phát triển. Thực hiện mục tiêu đó bằng hành động cụ thể, hiệu quả góp phần đấu tranh và xây dựng một thế giới hòa bình, dân chủ, thịnh vượng.

Lòng thương yêu con người khiến Chủ tịch Hồ Chí Minh "không chỉ đấu tranh cho một lá cờ, cho một sự giải phóng ở bề mặt bên ngoài, Người muốn tiến hành một cuộc chiến đấu cho phẩm giá con người, cho sự giải phóng và phúc lợi toàn dân và nhờ thế mà cuộc cách mạng Người phát động đã mang tầm cỡ thế giới"[1]. Không đấu tranh cho "một sự giải phóng bề mặt bên ngoài", Chủ tịch Hồ Chí Minh muốn hướng đến làm cho con người tự đứng lên giải phóng bằng chính sự phát triển và hoàn thiện của mình. Cả cuộc đời và những hành động của Chủ tịch Hồ Chí Minh là cách mạng. Cách mạng không chỉ với nghĩa là cuộc đấu tranh giải phóng, cuộc đấu tranh chống lại ách áp bức, bóc lột mà còn với ý nghĩa là cuộc cải biến toàn

diện về mọi mặt, là cách mạng về đạo đức, cách mạng về tư tưởng, kinh tế, văn hóa, chính trị,... cuộc cách mạng "mang lại sự thay đổi căn bản trong mọi ngóc ngách đời sống nhân dân"[1], cách mạng về con người, thân phận con người. Tư tưởng Hồ Chí Minh vì thế không chỉ là hệ thống quan điểm toàn diện về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam mà thực chất là tư tưởng về đổi mới, hội nhập và phát triển đất nước. Cách mạng giải phóng dân tộc là bước khởi đầu, cơ sở cho quá trình phát triển của đất nước trong thời đại mới.

Với kết quả đạt được từ thực hiện triết lý hành động Hồ Chí Minh, những thắng lợi to lớn của cách mạng Việt Nam, mở đầu cho quá trình đập tan ách áp bức, bóc lột của thực dân, đế quốc thúc đẩy nhân dân ở các nước thuộc địa và phụ thuộc đứng lên đấu tranh giải phóng cho mình. Đối với nhân dân thế giới, đặc biệt nhân dân ở các nước thuộc địa, phụ thuộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh là con người vĩ đại. Những vấn đề cách mạng được Chủ tịch Hồ Chí Minh viết khi "ở trong tù, ở nước

---

1. Chương trình KX.02 "Tư tưởng Hồ Chí Minh", Đề tài KX.02.09: *Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay (Qua sách báo nước ngoài)*, *Tlđd*, tr.65.

ngoài, ở trên chiến trường là tập thánh kinh chính trị của nửa thế giới"[1].

Trong những năm cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI, những hình thức mới, nguy cơ của việc phụ thuộc, lệ thuộc vào các nước lớn, tham vọng bành trướng của các nước lớn vẫn còn. Do vậy, triết lý về mục tiêu hành động của Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn còn nguyên giá trị, là kim chỉ nam cho hành động của dân tộc Việt Nam, của Nhân dân Việt Nam, đồng thời là bài học trong giữ vững độc lập chủ quyền, trong đảm bảo quyền độc lập và phát triển của bất cứ dân tộc nào trên thế giới.

3. Lôi cuốn, thúc đẩy hành động cách mạng của những chiến sĩ vô sản trên khắp thế giới

Triết lý hành động Hồ Chí Minh có sức lan tỏa mạnh mẽ bởi nó không chỉ hình thành từ lòng thương dân, yêu Tổ quốc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, mà trong quá trình bôn ba qua nhiều châu lục, Người chứng kiến sự cùng khổ của nhân dân, người lao động trên khắp thế giới. Hồ Chí Minh học tập, rèn luyện không chỉ với những đồng chí, đồng tâm, những chiến sĩ cộng sản quốc tế, những người yêu

---

1. Chương trình KX.02 "Tư tưởng Hồ Chí Minh", Đề tài KX.02.09: *Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay (Qua sách báo nước ngoài)*, *Tlđd*, tr.64.

nước và cách mạng mà còn chính trong cuộc sống, cuộc chiến đấu cùng với những người lao động nghèo khổ, những người bị áp bức bóc lột. Người học tập và rèn luyện trong cuộc đấu tranh chống lại ách áp bức, nạn bóc lột đến cùng cực ở khắp nơi trên thế giới. Triết lý hành động Hồ Chí Minh được hình thành chính trong lòng nhân dân lao động nhằm giải phóng nhân dân lao động, đem đến tự do, hạnh phúc, sự phát triển cho người lao động.

Chủ tịch Hồ Chí Minh có khả năng đặc biệt trong việc lôi cuốn người khác vào cùng hành động vì mục đích chung là giải phóng con người.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là hiện thân của một hình ảnh hoàn toàn trái ngược trong sự tưởng tượng của các nhà ngoại giao, các nhà báo phương Tây. Người không ngừng hành động, thúc đẩy mối quan hệ cũng như sự hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc, giữa những người tiến bộ và cách mạng khắp nơi trên thế giới. Người là hiện thân của sự kết hợp nhuần nhuyễn các giá trị triết lý tiến bộ Đông - Tây, "dù vóc dáng mảnh khảnh, Người tạo ra một sức mạnh to lớn vượt qua mọi trở ngại. Người là hiện thân của những phẩm chất tốt đẹp nhất của một nhà cách mạng, một người nhìn xa trông rộng và một nhà nhân văn vĩ đại", đó là sự hiện thân của những giá trị tốt đẹp mà con người, loài người tiến bộ hướng tới.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là tiêu biểu của sự kết hợp hài hòa chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế trong sáng. Các nhà tư tưởng, các lãnh tụ trên thế giới đã dành nhiều lời ca ngợi Chủ tịch Chủ tịch Hồ Chí Minh. Jules Archer người Mỹ cho rằng: "Cụ Hồ Chí Minh chắc chắn sẽ đi vào lịch sử với tư cách là một nhà yêu nước vĩ đại nhất, một trong những con người kỳ diệu của thế kỷ"[1]. David Halberstam khẳng định: "Ông là một người yêu nước nhất của dân tộc trong thế kỷ này. Nhưng ảnh hưởng của Ông còn to lớn hơn nhiều. Ở châu Âu thắng lợi của Ông dạy cho người Pháp biết rằng thời đại thực dân đã kết thúc... và ở Hoa Kỳ, thậm chí ảnh hưởng của Ông còn lớn hơn nữa"[2].

Những khẳng định như: "Cụ vừa là người quốc gia nhất, đồng thời là người quốc tế nhất trong số các lãnh tụ cộng sản"[3] hay nhận xét "Đối với Hồ Chí Minh thì cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân Việt Nam được thống nhất trên hai nhiệm vụ dân tộc và quốc tế nhằm bảo vệ hòa bình và làm suy yếu hệ thống của chủ nghĩa tư bản"[4]; đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, "nếu chiến lược thực dân là việc phân chia thuộc địa giữa các nước tư bản, thì chiến lược chống chủ nghĩa thực dân và giải

---

1, 2, 3, 4. Chương trình KX.02 "Tư tưởng Hồ Chí Minh", Đề tài KX.02.09 (1993): *Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay (Qua sách báo nước ngoài)*, *Tlđd*, tr.11, 12, 13, 17.

phóng dân tộc sẽ là sự đoàn kết tất cả các dân tộc thuộc địa theo con đường chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa quốc tế"[1]. Và "Chủ nghĩa thực dân đã bị quét sạch khỏi mặt đất. Người là một tấm gương của lòng nhân hậu, tính giản dị và khiêm tốn. Đồng thời Người còn là tấm gương của tính kiên quyết và táo bạo cách mạng"[2],... là một phần trong số rất nhiều những nhận xét của các lãnh tụ, nhà nghiên cứu trên thế giới dành để ca ngợi Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Bản chất triết lý hành động Hồ Chí Minh thể hiện mục tiêu không chỉ dừng lại ở độc lập, ở tự do, hạnh phúc mà chiều sâu hơn của nó là thực hiện dân chủ, thực hiện hợp tác và phát triển giữa các quốc gia trên thế giới, vì sự tiến bộ và phát triển chung của loài người. Chủ tịch Hồ Chí Minh trong hành động luôn hướng tới thiết lập, xây dựng các mối quan hệ hữu hảo, cùng nhau phát triển giữa các quốc gia. Trong đối ngoại của Người luôn thể hiện thái độ trân trọng và am hiểu về văn hóa, phong tục tập quán của đối tác, luôn để lại những tình cảm vô cùng tốt đẹp trong lòng nhân dân, bạn bè quốc tế.

Như vậy, triết lý hành động Hồ Chí Minh không chỉ là hiện thân của tính cách, tư tưởng con người Việt

---

1, 2. Chương trình KX.02 "Tư tưởng Hồ Chí Minh", Đề tài KX.02.09: *Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay (Qua sách báo nước ngoài)*, *Tlđd*, tr.46.

Nam mà còn là sự kết tinh và phát triển các giá trị chủ nghĩa Mác - Lênin và các giá trị văn hóa nhân loại tiến bộ. Thực hiện, thực hành triết lý hành động Hồ Chí Minh, là hành động vì mục tiệu độc lập, tự do, hạnh phúc, đổi mới và phát triển.

*

* *

Đánh giá, định vị giá trị của một quan điểm đã khó, đối với một triết lý hành động được hình thành bởi cả hệ thống các quan điểm, luận điểm cốt lõi được cô đúc dưới dạng các mệnh đề thì lại càng khó khăn, phức tạp hơn rất nhiều lần. Trong thực tiễn vận dụng, thực hành triết lý hành động Hồ Chí Minh, còn có những khía cạnh giá trị mà từ những góc quan sát khác mới có thể đánh giá được. Đặc biệt, triết lý hành động Hồ Chí Minh thể hiện giá trị cận biên ngày càng gia tăng chính trong quá trình thực hiện, thực hành triết lý ấy.

Có một điều chắc chắn rằng, triết lý hành động Hồ Chí Minh dù quan sát ở góc độ nào thì nó cũng mang giá trị đối với dân tộc trên cả hai mặt thực tiễn và lý luận. Đồng thời, nó còn có giá trị thời đại, mang tầm vóc quốc tế khi không chỉ phát triển làm phong phú triết lý hành động Mác - Lênin, mà còn thúc đẩy phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc rộng lớn trên thế giới,

thúc đẩy sự hiểu biết, hợp tác và phát triển giữa các quốc gia trên thế giới.

Đối với dân tộc, triết lý hành động Hồ Chí Minh không chỉ đưa ra một hệ thống các luận điểm cốt lõi cho hành động hiện thực hóa các mục tiêu cách mạng, hay nói khác là để thực hiện triết lý phát triển xã hội Việt Nam, mà nó còn thúc đẩy, tạo ra động lực hành động mạnh mẽ đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên. Những nội dung của triết lý còn trở thành những tiêu chuẩn để xác định, để đánh giá cán bộ, đảng viên trong quá trình phấn đấu, rèn luyện, trong thực hiện công việc, trách nhiệm trước Đảng, trước Nhân dân. Trên cơ sở mục tiêu, định hướng hành động của Đảng mà mỗi cán bộ, đảng viên thực hiện, hành động nhằm đảm bảo nền độc lập dân tộc, vì sự đổi mới, phát triển không ngừng của đất nước.

Triết lý hành động Hồ Chí Minh không chỉ có ý nghĩa to lớn đối với sự nghiệp giải phóng, đổi mới, phát triển của đất nước, mà còn thể hiện những giá trị của đạo đức và văn hóa mang tầm thời đại. Giá trị của một tấm gương đạo đức thể hiện trong hành động, một tấm gương nhân văn chủ nghĩa. Chủ tịch Hồ Chí Minh là tấm gương lớn về tinh thần đoàn kết, về mong muốn hòa bình, đấu tranh vì hòa bình, sáng tạo và nhạy bén về văn hóa,... Những giá trị, nội dung kết tinh trong triết lý hành động Hồ Chí Minh thể hiện là giá trị văn

hóa khi nó thúc đẩy ham muốn hành động để thực hiện những giá trị của tự do, của phát triển con người một cách khoa học và cách mạng.

Giá trị dân tộc và thời đại của triết lý hành động Hồ Chí Minh cần được tiếp tục vận dụng, phát huy trong công cuộc đổi mới, hội nhập và phát triển đất nước hiện nay. Những giá trị này cần được tiếp tục nghiên cứu, mở rộng và đánh giá chính xác hơn để khẳng định di sản của Hồ Chí Minh, khẳng định sự đúng đắn của con đường phát triển mà Chủ tịch Hồ Chí Minh định hướng cho Đảng và dân tộc trên cả hai phương diện lý luận và thực tiễn.

KẾT LUẬN

Xuất phát điểm hình thành triết lý hành động Hồ Chí Minh là từ tấm lòng yêu nước thương dân. Vì yêu nước, thương dân Chủ tịch Hồ Chí Minh đi ra thế giới tìm đường cứu nước, cứu dân. Chính trong quá trình tìm đường cứu nước Người học tập, nghiên cứu, lĩnh hội các giá trị văn hóa, tư tưởng tiến bộ của nhân loại. Trong đó, nhân tố đặc biệt quyết định hình thành triết lý hành động Hồ Chí Minh là chủ nghĩa Mác - Lênin. Chủ nghĩa Mác - Lênin không chỉ giúp Chủ tịch Hồ Chí Minh lựa chọn con đường đúng đắn để cứu nước và giải phóng dân tộc, mà còn chỉ ra phương pháp để thực hiện mục tiêu đó.

Kết hợp triết lý hành động có trong chủ nghĩa Mác - Lênin với triết lý hành động truyền thống của dân tộc, phương Đông và phương Tây, Chủ tịch Hồ Chí Minh hình thành cho mình một triết lý hành động khoa học và sâu sắc. Triết lý này thể hiện rõ bản chất khoa học, nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, thể hiện được cả tính mềm dẻo, linh hoạt của triết lý hành động phương Đông. Triết lý hành động Hồ Chí Minh thể hiện

bản chất khoa học, cách mạng và nhân văn, gắn với thực tiễn một cách sâu sắc. Bản chất đó có được không chỉ do kế thừa một cách khoa học các giá trị triết lý dân tộc, nhân loại từ góc nhìn chủ nghĩa Mác - Lênin mà còn phát triển sáng tạo, nâng tầm các triết lý ấy phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh mới mang đặc điểm, dấu ấn cá nhân Hồ Chí Minh.

Nội dung triết lý hành động Hồ Chí Minh thể hiện rõ mục tiêu của mọi hành động, động lực cho hành động, phương pháp để hành động. Mục tiêu hành động Hồ Chí Minh là độc lập dân tộc, tự do, hạnh phúc cho Nhân dân, là giải phóng và phát triển, củng cố, giữ vững nền độc lập, phát triển và giải phóng triệt để con người. Mục tiêu của mọi hành động đều vì dân, xem độc lập của dân tộc, tự do, hạnh phúc của Nhân dân là cao nhất, duy nhất. Một mục tiêu đi tìm độc lập, tự do, hạnh phúc và phát triển của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Hướng tới dân, vì Nhân dân thể hiện rõ trong các quan điểm về phát huy các động lực để phát triển, hình thành triết lý về động lực hành động Hồ Chí Minh. Thực hành triết lý về động lực hành động Hồ Chí Minh trước hết tạo nên sức mạnh vật chất và tinh thần quyết định cho những thắng lợi trong cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam. Tiếp tục phát huy, bồi dưỡng các động lực cách mạng theo triết lý hành động Hồ Chí Minh còn là cơ sở để phát triển đất nước bền vững, thực hiện triệt để giải phóng con người.

Mục tiêu, động lực, nguyên tắc, phương pháp hành động là một thể thống nhất, làm nên triết lý hành động Hồ Chí Minh. Thực hành, thực hiện triết lý hành động Hồ Chí Minh góp phần đem lại những thắng lợi có ý nghĩa quyết định đối với vận mệnh và sự phát triển của dân tộc Việt Nam. Triết lý hành động Hồ Chí Minh góp phần nâng tầm triết lý hành động của dân tộc lên tầm cao mới. Sự vận dụng các triết lý chủ nghĩa Mác - Lênin của Chủ tịch Hồ Chí Minh góp phần hoàn chỉnh và làm phong phú triết lý hành động của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Thực hành triết lý hành động Hồ Chí Minh trong cuộc sống, trong công việc, trong xử lý các mối quan hệ là một yêu cầu đặt ra đối với Đảng và Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và cũng là cách thức để rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên. Thông qua việc quán triệt mục tiêu, phương pháp, cách thức phát huy các động lực mà có căn cứ để đánh giá tư cách, phẩm chất, đạo đức của mỗi cán bộ, đảng viên. Nội dung cơ bản của triết lý hành động Hồ Chí Minh trở thành một hệ tiêu chí góp phần để rèn luyện và đánh giá cán bộ, đảng viên.

Thực tiễn cách mạng Việt Nam là minh chứng cho tính đúng đắn, khoa học lý luận hành động Hồ Chí Minh, triết lý hành động Hồ Chí Minh. Vận dụng, quán triệt tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, triết lý hành động Hồ Chí Minh là biện pháp, là con đường rút ngắn

và hiệu quả để hiện thực hóa những mục tiêu hành động, mục tiêu phát triển xã hội mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra.

Nội dung và giá trị triết lý hành động Hồ Chí Minh không chỉ có ý nghĩa đối với Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức kinh tế,... mà nó có ý nghĩa đối với từng cá nhân với tư cách là chủ thể hành động. Triết lý hành động Hồ Chí Minh ngày càng trở nên sâu sắc và được hiểu sâu sắc trong chính quá trình thực hành, thực hiện triết lý. Triết lý hành động Hồ Chí Minh thông qua quá trình vận dụng, thực hành không còn là một triết lý về lý luận cách mạng, về phát triển xã hội mà nó còn có ý nghĩa văn hóa, trở thành một giá trị văn hóa, đạo đức mới.

Triết lý hành động Hồ Chí Minh không chỉ là kết quả từ việc giải quyết một vấn đề cụ thể, mà còn là kết quả của quá trình hoạt động lâu dài, giải quyết nhiều vấn đề trong thực tiễn cách mạng được đúc rút lại. Triết lý hành động Hồ Chí Minh đem lại những thắng lợi cho cách mạng, cho dân tộc Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, tập 4, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
2. V.I. Lênin: *Toàn tập*, các tập 25, 26, 35, 36, 44, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1980.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, trọn bộ 15 tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
4. Phạm Văn Đồng: *Chủ tịch Hồ Chí Minh, tinh hoa khí phách của dân tộc, lương tâm của thời đại*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1970.
5. Phạm Văn Đồng: *Hồ Chí Minh - Một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1990.
6. Võ Nguyên Giáp: *Từ nhân dân mà ra*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1969.
7. Võ Nguyên Giáp (Chủ biên): *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008.
8. Phạm Ngọc Anh - Bùi Đình Phong: *Hồ Chí Minh, văn hoá và phát triển*, Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2009.

9. Phạm Ngọc Anh (Chủ biên): *Triết lý phát triển Hồ Chí Minh - Giá trị lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009.
10. Hoàng Chí Bảo: *Tìm hiểu phương pháp Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009.
11. Phạm Văn Bính: *Phương pháp dân chủ Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007.
12. Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình Triết học Mác - Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.
13. Doãn Chính: *Lịch sử tư tưởng triết học Ấn Độ cổ đại*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.
14. Doãn Chính: *Lịch sử triết học phương Đông*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015.
15. Thành Duy: *Tư tưởng Hồ Chí Minh với sự nghiệp xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
16. Thành Duy: *Về chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2008.
17. Nguyễn Đức Đạt: *Biện chứng tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007.
18. Lê Quý Đôn: *Vân đài loại ngữ*, tập 3, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2007.
19. Trần Văn Giàu: *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng Tháng Tám*, tập I: Hệ ý thức phong kiến và sự thất bại của nó trước các nhiệm vụ lịch sử, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.

20. Trần Văn Giàu: *Sự hình thành về cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997.
21. Trần Văn Giàu: *Vĩ đại một con người*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.
22. Phạm Minh Hạc: *Triết lý giáo dục thế giới và Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2013.
23. Nguyễn Hùng Hậu: *Triết lý trong văn hóa phương Đông*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2004.
24. Nguyễn Hùng Hậu: "Suy nghĩ về triết học Việt Nam và triết học Chủ tịch Hồ Chí Minh", tạp chí *Lý luận chính trị*, số 5-2007.
25. Nguyễn Hùng Hậu: *Triết lý "Dĩ bất biến, ứng vạn biến" trong tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
26. Nguyễn Hùng Hậu: *Suy ngẫm về triết Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015.
27. Hoàng Ngọc Hiến: *Luận bàn minh triết và minh triết Việt*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2011.
28. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh: *Di sản Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay*, Kỷ yếu *Hội thảo khoa học quốc tế kỷ niệm 120 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-5-1980 - 19-5-2010)*, Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2010.
29. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Tư tưởng Hồ Chí Minh giá trị nhân văn và phát triển*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2015.

30. Hội đồng quốc gia chỉ đạo biên soạn từ điển bách khoa Việt Nam: *Từ điển bách khoa Việt Nam*, tập 4, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2005.
31. Tô Duy Hợp: *Khinh - Trọng - Một quan điểm lý thuyết trong nghiên cứu triết học và xã hội học*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2007.
32. Đỗ Minh Hợp: *Lịch sử triết học phương Tây*, tập 1: Triết học cổ đại, triết học trung cổ, triết học phục hưng, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014.
33. Đỗ Minh Hợp: *Lịch sử triết học phương Tây*, tập 2: Triết học phương Tây cận hiện đại, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014.
34. Đỗ Minh Hợp: *Lịch sử triết học phương Tây*, tập 3: Triết học phương Tây hiện đại, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014.
35. Quang Hùng, Minh Nguyệt: *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2007.
36. Vũ Ngọc Khánh: *Minh triết Hồ Chí Minh*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, 1999.
37. Vũ Khiêu: *Hồ Chí Minh, ngôi sao sáng mãi trên bầu trời Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2013.
38. Vũ Khiêu, Thành Duy: *Đạo đức và pháp luật trong triết lý phát triển ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000.

39. Đặng Xuân Kỳ: *Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2004.
40. Đặng Xuân Kỳ: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển văn hóa và con người*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.
41. Vũ Kỳ: *Thư ký Bác Hồ kể chuyện*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.
42. Phùng Hữu Lan: *Lịch sử triết học Trung Quốc*, tập 1: Thời đại Tử học, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2013.
43. Phùng Hữu Lan: *Lịch sử triết học Trung Quốc*, tập 2: Thời đại Kinh học, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2013.
44. Nguyễn Lân: *Từ điển từ và ngữ Việt Nam*, Nxb. Thành phố Chủ tịch Hồ Chí Minh, 2000.
45. GS. Đinh Xuân Lâm, PGS.TS. Bùi Đình Phong: *Văn hóa và triết lý phát triển trong tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008.
46. Phan Ngọc Liên: *Hồ Chí Minh từ nhận thức lịch sử đến hành động cách mạng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999.
47. Phan Ngọc Liên: *Chiến sĩ quốc tế Hồ Chí Minh hoạt động thực tiễn và lý luận cách mạng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.
48. Phạm Xuân Nam (Chủ biên): *Triết lý phát triển ở Việt Nam - mấy vấn đề cốt yếu*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002.

49. Lê Hữu Nghĩa: *Tư tưởng triết học Hồ Chí Minh*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2000.
50. Trần Nhâm: *Hồ Chí Minh, nhà tư tưởng thiên tài*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
51. Hoàng Phê (Chủ biên): *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998.
52. Bùi Đình Phong: *Hồ Chí Minh học và minh triết Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
53. Bùi Đình Phong: *Hồ Chí Minh học và minh triết Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
54. Bùi Đình Phong: *Ý nghĩa lịch sử và giá trị thời đại của sự kiện Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
55. Bùi Đình Phong: *Hồ Chí Minh sáng tạo, đổi mới*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2015.
56. Phùng Hữu Phú, Thích Minh Trí: *Hồ Chí Minh với Phật giáo Việt Nam (1945 - 1969)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997.
57. Nguyễn Trọng Phúc: *Hồ Chí Minh, từ hoạt động thực tiễn đến tư duy lý luận*, Nxb. Chính trị - Hành Chính, Hà Nội, 2011.
58. Hồ Sỹ Quý: "Mấy suy nghĩ về triết học và triết lý", tạp chí *Triết học*, số 3-1998.

59. Song Thành: *Hồ Chí Minh - Nhà tư tưởng lỗi lạc*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2005.
60. Đoàn Duy Thành: *Một số cảm nhận về tư tưởng - hành động của Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
61. Mạch Quang Thắng: *Hồ Chí Minh, nhà cách mạng sáng tạo*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009.
62. Mạch Quang Thắng (Chủ biên): *Nhân cách Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.
63. Mạch Quang Thắng: *Hồ Chí Minh con người của sự sống*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2014.
64. Lê Văn Tích (Chủ biên): *Đưa tư tưởng Hồ Chí Minh vào cuộc sống mấy vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
65. Nguyễn Đài Trang: *Hồ Chí Minh, tâm và tài của một người yêu nước*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.
66. Nguyễn Đài Trang: *Hồ Chí Minh, nhân văn và phát triển*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2013.
67. Nguyễn Đài Trang: *Hồ Chí Minh, nhân văn và phát triển*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2013.
68. Hoàng Trinh: *Bản sắc dân tộc và hiện đại hóa trong văn hóa*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.
69. Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia, viện nghiên cứu tôn giáo: *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996.

70. Hồ Kiếm Việt: *Góp phần tìm hiểu đặc sắc tư duy triết học Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
71. Nguyễn Như Ý (Chủ biên): *Đại từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1999.

MỤC LỤC

Trang

Lời Nhà xuất bản 5

Lời nói đầu 7

Chương 1

KHÁI NIỆM, CƠ SỞ HÌNH THÀNH, BẢN CHẤT TRIẾT LÝ HÀNH ĐỘNG HỒ CHÍ MINH 13

I- Một số khái niệm 13

II- Cơ sở hình thành triết lý hành động Hồ Chí Minh 28

III- Bản chất của triết lý hành động Hồ Chí Minh 80

Chương 2

NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TRIẾT LÝ HÀNH ĐỘNG HỒ CHÍ MINH 105

I- Triết lý về mục tiêu hành động 106

II- Triết lý về động lực hành động 123

III- Triết lý về nguyên tắc hành động 158

IV- Về phương pháp trong triết lý hành động Hồ Chí Minh 191

Chương 3

GIÁ TRỊ DÂN TỘC VÀ THỜI ĐẠI CỦA TRIẾT LÝ HÀNH ĐỘNG HỒ CHÍ MINH 231

277

I- Giá trị đối với sự phát triển của dân tộc 231
II- Giá trị thời đại của triết lý hành động Hồ Chí Minh 251
Kết luận 265
Tài liệu tham khảo 269

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PHẠM CHÍ THÀNH
Chịu trách nhiệm nội dung
ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP - XUẤT BẢN
ThS. PHẠM THỊ THINH

Biên tập nội dung: ThS. BÙI THỊ ÁNH HỒNG
Trình bày bìa: NGUYỄN MẠNH HÙNG
Chế bản vi tính: PHẠM THU HÀ
Sửa bản in: NGUYỄN MAI THẢO NHUNG
Đọc sách mẫu: CAO THỊ LAN ANH